

**CÔNG TY ĐẦU GIÁ HỢP DANH
VIỆT NAM**

Số: 114/2024/TB-VPA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO

**THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIÊN SỐ XE Ô TÔ CÁC NGÀY
29/8/2024 VÀ 30/8/2024**

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá
biên số xe ô tô các ngày 29/8/2024 và 30/8/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đầu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 29/8/2024: Trước 16h30' ngày 26/8/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 26/8/2024).

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 30/8/2024: Trước 16h30' ngày 27/8/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 27/8/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biên số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập “mã số thanh toán” trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục “**Thanh toán biển số xe**” trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Công thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.

GIAM H

S.Đ.K.H.ĐI 41 - Q. T. H. Đ. 41

CÔNG TY
ĐẦU GIÁ
HỢP DANH
VIỆT NAM

Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Lâm Thị Mai Anh

DANH SÁCH
CÔNG TY
ĐẦU GIÁ
HỢP DANH
VIỆT NAM

Thời hạn
(theo l...

Thời gian đầu giá: 8h30' - 8h55'

Liên số ... Tỉnh/Thành phố ...

(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'

Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'

7/10/1941

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
49	30K-830.03	Hà Nội	1049	30K-943.89	Hà Nội	2049	30K-947.99	Hà Nội
50	30K-846.99	Hà Nội	1050	30K-945.86	Hà Nội	2050	30K-973.66	Hà Nội
51	30K-864.39	Hà Nội	1051	30K-948.84	Hà Nội	2051	30K-976.99	Hà Nội
52	30K-871.69	Hà Nội	1052	30K-950.89	Hà Nội	2052	30K-987.96	Hà Nội
53	30K-875.57	Hà Nội	1053	30K-975.69	Hà Nội	2053	30L-007.68	Hà Nội
54	30K-875.89	Hà Nội	1054	30K-975.88	Hà Nội	2054	30L-008.79	Hà Nội
55	30K-875.99	Hà Nội	1055	30K-981.11	Hà Nội	2055	30L-010.68	Hà Nội
56	30K-912.39	Hà Nội	1056	30L-020.86	Hà Nội	2056	30L-020.69	Hà Nội
57	30K-917.39	Hà Nội	1057	30L-031.89	Hà Nội	2057	30L-022.69	Hà Nội
58	30K-917.79	Hà Nội	1058	30L-037.86	Hà Nội	2058	30L-033.86	Hà Nội
59	30K-931.89	Hà Nội	1059	30L-040.39	Hà Nội	2059	30L-039.66	Hà Nội
60	30K-942.86	Hà Nội	1060	30L-071.99	Hà Nội	2060	30L-041.69	Hà Nội
61	30K-944.39	Hà Nội	1061	30L-080.89	Hà Nội	2061	30L-044.68	Hà Nội
62	30K-950.86	Hà Nội	1062	30L-088.77	Hà Nội	2062	30L-079.66	Hà Nội
63	30K-951.99	Hà Nội	1063	30L-097.68	Hà Nội	2063	30L-104.44	Hà Nội
64	30K-960.79	Hà Nội	1064	30L-114.41	Hà Nội	2064	30L-130.88	Hà Nội
65	30K-973.86	Hà Nội	1065	30L-146.89	Hà Nội	2065	30L-145.68	Hà Nội
66	30K-977.86	Hà Nội	1066	30L-153.39	Hà Nội	2066	30L-147.99	Hà Nội
67	30K-985.79	Hà Nội	1067	30L-163.39	Hà Nội	2067	30L-152.99	Hà Nội
68	30L-009.69	Hà Nội	1068	30L-164.69	Hà Nội	2068	30L-159.38	Hà Nội
69	30L-016.39	Hà Nội	1069	30L-174.69	Hà Nội	2069	30L-166.65	Hà Nội
70	30L-028.69	Hà Nội	1070	30L-177.66	Hà Nội	2070	30L-174.68	Hà Nội
71	30L-035.89	Hà Nội	1071	30L-184.69	Hà Nội	2071	30L-194.89	Hà Nội
72	30L-038.69	Hà Nội	1072	30L-199.44	Hà Nội	2072	30L-200.79	Hà Nội
73	30L-040.86	Hà Nội	1073	30L-201.39	Hà Nội	2073	30L-207.66	Hà Nội
74	30L-073.68	Hà Nội	1074	30L-203.03	Hà Nội	2074	30L-208.80	Hà Nội
75	30L-082.22	Hà Nội	1075	30L-220.00	Hà Nội	2075	30L-210.99	Hà Nội
76	30L-095.66	Hà Nội	1076	30L-230.39	Hà Nội	2076	30L-254.99	Hà Nội
77	30L-100.86	Hà Nội	1077	30L-244.79	Hà Nội	2077	30L-255.33	Hà Nội
78	30L-131.11	Hà Nội	1078	30L-247.74	Hà Nội	2078	30L-257.57	Hà Nội
79	30L-134.96	Hà Nội	1079	30L-250.69	Hà Nội	2079	30L-270.86	Hà Nội
80	30L-138.33	Hà Nội	1080	30L-274.39	Hà Nội	2080	30L-270.88	Hà Nội
81	30L-152.88	Hà Nội	1081	30L-290.66	Hà Nội	2081	30L-293.66	Hà Nội
82	30L-153.69	Hà Nội	1082	30L-306.99	Hà Nội	2082	30L-310.99	Hà Nội
83	30L-156.85	Hà Nội	1083	30L-324.24	Hà Nội	2083	30L-311.22	Hà Nội
84	30L-172.66	Hà Nội	1084	30L-342.99	Hà Nội	2084	30L-317.71	Hà Nội
85	30L-194.49	Hà Nội	1085	30L-344.86	Hà Nội	2085	30L-320.86	Hà Nội
86	30L-203.99	Hà Nội	1086	30L-350.05	Hà Nội	2086	30L-325.52	Hà Nội
87	30L-213.66	Hà Nội	1087	30L-355.11	Hà Nội	2087	30L-334.69	Hà Nội
88	30L-240.99	Hà Nội	1088	30L-373.66	Hà Nội	2088	30L-341.41	Hà Nội
89	30L-245.54	Hà Nội	1089	30L-374.88	Hà Nội	2089	30L-344.77	Hà Nội
90	30L-249.39	Hà Nội	1090	30L-375.39	Hà Nội	2090	30L-349.39	Hà Nội
91	30L-260.79	Hà Nội	1091	30L-390.89	Hà Nội	2091	30L-360.00	Hà Nội
92	30L-274.74	Hà Nội	1092	30L-394.39	Hà Nội	2092	30L-360.06	Hà Nội
93	30L-275.68	Hà Nội	1093	30L-400.22	Hà Nội	2093	30L-364.39	Hà Nội
94	30L-280.66	Hà Nội	1094	30L-400.77	Hà Nội	2094	30L-372.88	Hà Nội
95	30L-287.39	Hà Nội	1095	30L-402.66	Hà Nội	2095	30L-375.69	Hà Nội
96	30L-299.44	Hà Nội	1096	30L-408.08	Hà Nội	2096	30L-380.68	Hà Nội
97	30L-302.66	Hà Nội	1097	30L-411.55	Hà Nội	2097	30L-401.88	Hà Nội
98	30L-306.60	Hà Nội	1098	30L-415.86	Hà Nội	2098	30L-405.68	Hà Nội
99	30L-312.39	Hà Nội	1099	30L-420.99	Hà Nội	2099	30L-422.79	Hà Nội

4
ÔNG
AU
JP D
ỆT
XUÂN

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
100	30L-316.39	Hà Nội	1100	30L-427.99	Hà Nội	2100	30L-440.89	Hà Nội
101	30L-334.68	Hà Nội	1101	30L-429.89	Hà Nội	2101	30L-449.69	Hà Nội
102	30L-334.88	Hà Nội	1102	30L-432.89	Hà Nội	2102	30L-452.99	Hà Nội
103	30L-344.89	Hà Nội	1103	30L-434.86	Hà Nội	2103	30L-454.44	Hà Nội
104	30L-350.39	Hà Nội	1104	30L-437.69	Hà Nội	2104	30L-460.79	Hà Nội
105	30L-360.86	Hà Nội	1105	30L-441.66	Hà Nội	2105	30L-462.99	Hà Nội
106	30L-371.39	Hà Nội	1106	30L-441.88	Hà Nội	2106	30L-464.86	Hà Nội
107	30L-380.83	Hà Nội	1107	30L-444.41	Hà Nội	2107	30L-472.72	Hà Nội
108	30L-397.86	Hà Nội	1108	30L-446.46	Hà Nội	2108	30L-490.79	Hà Nội
109	30L-399.22	Hà Nội	1109	30L-450.68	Hà Nội	2109	30L-492.69	Hà Nội
110	30L-406.69	Hà Nội	1110	30L-465.88	Hà Nội	2110	30L-492.99	Hà Nội
111	30L-408.69	Hà Nội	1111	30L-467.66	Hà Nội	2111	30L-495.69	Hà Nội
112	30L-410.39	Hà Nội	1112	30L-473.79	Hà Nội	2112	30L-504.66	Hà Nội
113	30L-411.77	Hà Nội	1113	30L-474.89	Hà Nội	2113	30L-504.69	Hà Nội
114	30L-422.24	Hà Nội	1114	30L-476.89	Hà Nội	2114	30L-523.25	Hà Nội
115	30L-426.89	Hà Nội	1115	30L-481.69	Hà Nội	2115	30L-526.52	Hà Nội
116	30L-432.88	Hà Nội	1116	30L-491.69	Hà Nội	2116	30L-533.77	Hà Nội
117	30L-440.68	Hà Nội	1117	30L-500.44	Hà Nội	2117	30L-536.35	Hà Nội
118	30L-442.68	Hà Nội	1118	30L-501.69	Hà Nội	2118	30L-539.35	Hà Nội
119	30L-444.01	Hà Nội	1119	30L-502.02	Hà Nội	2119	30L-540.88	Hà Nội
120	30L-446.99	Hà Nội	1120	30L-504.68	Hà Nội	2120	30L-545.89	Hà Nội
121	30L-448.86	Hà Nội	1121	30L-508.89	Hà Nội	2121	30L-546.68	Hà Nội
122	30L-454.79	Hà Nội	1122	30L-527.39	Hà Nội	2122	30L-549.39	Hà Nội
123	30L-454.86	Hà Nội	1123	30L-527.88	Hà Nội	2123	30L-552.86	Hà Nội
124	30L-460.69	Hà Nội	1124	30L-529.96	Hà Nội	2124	30L-555.47	Hà Nội
125	30L-465.89	Hà Nội	1125	30L-538.35	Hà Nội	2125	30L-557.09	Hà Nội
126	30L-475.89	Hà Nội	1126	30L-550.89	Hà Nội	2126	30L-557.29	Hà Nội
127	30L-480.08	Hà Nội	1127	30L-554.85	Hà Nội	2127	30L-557.69	Hà Nội
128	30L-497.88	Hà Nội	1128	30L-562.88	Hà Nội	2128	30L-564.88	Hà Nội
129	30L-500.22	Hà Nội	1129	30L-563.99	Hà Nội	2129	30L-573.74	Hà Nội
130	30L-500.50	Hà Nội	1130	30L-576.89	Hà Nội	2130	30L-573.79	Hà Nội
131	30L-502.99	Hà Nội	1131	30L-583.85	Hà Nội	2131	30L-575.96	Hà Nội
132	30L-514.44	Hà Nội	1132	30L-596.61	Hà Nội	2132	30L-576.57	Hà Nội
133	30L-523.39	Hà Nội	1133	30L-605.05	Hà Nội	2133	30L-577.69	Hà Nội
134	30L-524.89	Hà Nội	1134	30L-607.44	Hà Nội	2134	30L-585.39	Hà Nội
135	30L-527.79	Hà Nội	1135	30L-612.12	Hà Nội	2135	30L-587.39	Hà Nội
136	30L-531.89	Hà Nội	1136	30L-615.28	Hà Nội	2136	30L-593.39	Hà Nội
137	30L-543.99	Hà Nội	1137	30L-620.06	Hà Nội	2137	30L-595.06	Hà Nội
138	30L-545.39	Hà Nội	1138	30L-634.89	Hà Nội	2138	30L-604.89	Hà Nội
139	30L-549.49	Hà Nội	1139	30L-640.40	Hà Nội	2139	30L-613.18	Hà Nội
140	30L-550.95	Hà Nội	1140	30L-640.83	Hà Nội	2140	30L-615.99	Hà Nội
141	30L-551.28	Hà Nội	1141	30L-642.39	Hà Nội	2141	30L-625.62	Hà Nội
142	30L-554.38	Hà Nội	1142	30L-647.74	Hà Nội	2142	30L-644.66	Hà Nội
143	30L-554.96	Hà Nội	1143	30L-650.69	Hà Nội	2143	30L-644.69	Hà Nội
144	30L-555.10	Hà Nội	1144	30L-652.38	Hà Nội	2144	30L-648.79	Hà Nội
145	30L-555.43	Hà Nội	1145	30L-659.86	Hà Nội	2145	30L-652.39	Hà Nội
146	30L-558.38	Hà Nội	1146	30L-672.89	Hà Nội	2146	30L-653.35	Hà Nội
147	30L-568.63	Hà Nội	1147	30L-684.99	Hà Nội	2147	30L-655.57	Hà Nội
148	30L-575.25	Hà Nội	1148	30L-688.51	Hà Nội	2148	30L-659.65	Hà Nội
149	30L-579.65	Hà Nội	1149	30L-689.65	Hà Nội	2149	30L-674.79	Hà Nội
150	30L-579.83	Hà Nội	1150	30L-691.88	Hà Nội	2150	30L-681.58	Hà Nội



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
151	30L-582.26	Hà Nội	1151	30L-692.86	Hà Nội	2151	30L-691.92	Hà Nội
152	30L-584.68	Hà Nội	1152	30L-693.79	Hà Nội	2152	30L-698.79	Hà Nội
153	30L-585.65	Hà Nội	1153	30L-695.88	Hà Nội	2153	30L-699.54	Hà Nội
154	30L-586.06	Hà Nội	1154	30L-702.22	Hà Nội	2154	30L-700.01	Hà Nội
155	30L-587.25	Hà Nội	1155	30L-703.88	Hà Nội	2155	30L-705.65	Hà Nội
156	30L-593.89	Hà Nội	1156	30L-707.39	Hà Nội	2156	30L-714.99	Hà Nội
157	30L-593.92	Hà Nội	1157	30L-709.97	Hà Nội	2157	30L-715.15	Hà Nội
158	30L-595.35	Hà Nội	1158	30L-711.44	Hà Nội	2158	30L-716.61	Hà Nội
159	30L-601.69	Hà Nội	1159	30L-711.88	Hà Nội	2159	30L-717.86	Hà Nội
160	30L-602.69	Hà Nội	1160	30L-712.35	Hà Nội	2160	30L-723.86	Hà Nội
161	30L-608.66	Hà Nội	1161	30L-716.68	Hà Nội	2161	30L-726.68	Hà Nội
162	30L-609.85	Hà Nội	1162	30L-716.88	Hà Nội	2162	30L-737.38	Hà Nội
163	30L-613.83	Hà Nội	1163	30L-717.29	Hà Nội	2163	30L-741.66	Hà Nội
164	30L-620.21	Hà Nội	1164	30L-722.69	Hà Nội	2164	30L-744.19	Hà Nội
165	30L-620.86	Hà Nội	1165	30L-728.29	Hà Nội	2165	30L-745.16	Hà Nội
166	30L-623.89	Hà Nội	1166	30L-728.86	Hà Nội	2166	30L-753.54	Hà Nội
167	30L-624.89	Hà Nội	1167	30L-730.79	Hà Nội	2167	30L-754.66	Hà Nội
168	30L-633.00	Hà Nội	1168	30L-731.99	Hà Nội	2168	30L-760.88	Hà Nội
169	30L-634.59	Hà Nội	1169	30L-732.25	Hà Nội	2169	30L-764.67	Hà Nội
170	30L-637.39	Hà Nội	1170	30L-733.89	Hà Nội	2170	30L-764.86	Hà Nội
171	30L-646.25	Hà Nội	1171	30L-734.19	Hà Nội	2171	30L-766.59	Hà Nội
172	30L-651.56	Hà Nội	1172	30L-746.74	Hà Nội	2172	30L-772.72	Hà Nội
173	30L-651.86	Hà Nội	1173	30L-752.79	Hà Nội	2173	30L-772.88	Hà Nội
174	30L-662.39	Hà Nội	1174	30L-753.33	Hà Nội	2174	30L-774.89	Hà Nội
175	30L-670.86	Hà Nội	1175	30L-753.58	Hà Nội	2175	30L-776.86	Hà Nội
176	30L-678.55	Hà Nội	1176	30L-754.89	Hà Nội	2176	30L-780.86	Hà Nội
177	30L-682.95	Hà Nội	1177	30L-757.66	Hà Nội	2177	30L-783.15	Hà Nội
178	30L-688.44	Hà Nội	1178	30L-757.83	Hà Nội	2178	30L-783.66	Hà Nội
179	30L-689.56	Hà Nội	1179	30L-760.16	Hà Nội	2179	30L-789.22	Hà Nội
180	30L-692.16	Hà Nội	1180	30L-762.63	Hà Nội	2180	30L-800.01	Hà Nội
181	30L-693.32	Hà Nội	1181	30L-765.76	Hà Nội	2181	30L-801.79	Hà Nội
182	30L-700.39	Hà Nội	1182	30L-770.71	Hà Nội	2182	30L-806.16	Hà Nội
183	30L-701.66	Hà Nội	1183	30L-772.69	Hà Nội	2183	30L-809.09	Hà Nội
184	30L-706.58	Hà Nội	1184	30L-773.39	Hà Nội	2184	30L-811.33	Hà Nội
185	30L-709.56	Hà Nội	1185	30L-777.19	Hà Nội	2185	30L-812.98	Hà Nội
186	30L-712.21	Hà Nội	1186	30L-781.78	Hà Nội	2186	30L-815.39	Hà Nội
187	30L-717.71	Hà Nội	1187	30L-781.86	Hà Nội	2187	30L-817.18	Hà Nội
188	30L-720.59	Hà Nội	1188	30L-783.78	Hà Nội	2188	30L-819.18	Hà Nội
189	30L-722.55	Hà Nội	1189	30L-784.48	Hà Nội	2189	30L-820.68	Hà Nội
190	30L-724.72	Hà Nội	1190	30L-799.08	Hà Nội	2190	30L-827.98	Hà Nội
191	30L-731.39	Hà Nội	1191	30L-801.11	Hà Nội	2191	30L-828.15	Hà Nội
192	30L-737.29	Hà Nội	1192	30L-803.18	Hà Nội	2192	30L-832.16	Hà Nội
193	30L-743.68	Hà Nội	1193	30L-806.69	Hà Nội	2193	30L-834.38	Hà Nội
194	30L-744.36	Hà Nội	1194	30L-809.15	Hà Nội	2194	30L-835.29	Hà Nội
195	30L-761.62	Hà Nội	1195	30L-811.85	Hà Nội	2195	30L-836.65	Hà Nội
196	30L-762.85	Hà Nội	1196	30L-812.86	Hà Nội	2196	30L-837.96	Hà Nội
197	30L-765.39	Hà Nội	1197	30L-814.79	Hà Nội	2197	30L-838.19	Hà Nội
198	30L-766.44	Hà Nội	1198	30L-821.79	Hà Nội	2198	30L-840.48	Hà Nội
199	30L-770.70	Hà Nội	1199	30L-828.26	Hà Nội	2199	30L-842.89	Hà Nội
200	30L-783.88	Hà Nội	1200	30L-834.83	Hà Nội	2200	30L-843.43	Hà Nội
201	30L-784.84	Hà Nội	1201	30L-847.74	Hà Nội	2201	30L-847.79	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
202	30L-784.85	Hà Nội	1202	30L-851.89	Hà Nội	2202	30L-857.08	Hà Nội
203	30L-798.06	Hà Nội	1203	30L-853.28	Hà Nội	2203	30L-860.59	Hà Nội
204	30L-799.71	Hà Nội	1204	30L-855.08	Hà Nội	2204	30L-866.62	Hà Nội
205	30L-803.89	Hà Nội	1205	30L-859.26	Hà Nội	2205	30L-866.64	Hà Nội
206	30L-820.15	Hà Nội	1206	30L-865.69	Hà Nội	2206	30L-867.76	Hà Nội
207	30L-821.39	Hà Nội	1207	30L-866.63	Hà Nội	2207	30L-869.83	Hà Nội
208	30L-821.85	Hà Nội	1208	30L-868.29	Hà Nội	2208	30L-872.69	Hà Nội
209	30L-822.11	Hà Nội	1209	30L-869.35	Hà Nội	2209	30L-875.98	Hà Nội
210	30L-830.68	Hà Nội	1210	30L-872.86	Hà Nội	2210	30L-876.58	Hà Nội
211	30L-831.11	Hà Nội	1211	30L-873.26	Hà Nội	2211	30L-880.86	Hà Nội
212	30L-837.88	Hà Nội	1212	30L-876.79	Hà Nội	2212	30L-885.29	Hà Nội
213	30L-841.99	Hà Nội	1213	30L-892.88	Hà Nội	2213	30L-890.58	Hà Nội
214	30L-844.22	Hà Nội	1214	30L-899.85	Hà Nội	2214	30L-895.08	Hà Nội
215	30L-849.22	Hà Nội	1215	30L-901.23	Hà Nội	2215	30L-902.20	Hà Nội
216	30L-852.39	Hà Nội	1216	30L-902.69	Hà Nội	2216	30L-906.39	Hà Nội
217	30L-853.19	Hà Nội	1217	30L-903.11	Hà Nội	2217	30L-909.28	Hà Nội
218	30L-859.86	Hà Nội	1218	30L-903.99	Hà Nội	2218	30L-914.14	Hà Nội
219	30L-868.25	Hà Nội	1219	30L-906.78	Hà Nội	2219	30L-917.69	Hà Nội
220	30L-868.80	Hà Nội	1220	30L-907.68	Hà Nội	2220	30L-924.24	Hà Nội
221	30L-869.15	Hà Nội	1221	30L-911.39	Hà Nội	2221	30L-925.92	Hà Nội
222	30L-870.15	Hà Nội	1222	30L-914.68	Hà Nội	2222	30L-928.79	Hà Nội
223	30L-874.79	Hà Nội	1223	30L-920.98	Hà Nội	2223	30L-932.06	Hà Nội
224	30L-875.76	Hà Nội	1224	30L-921.33	Hà Nội	2224	30L-932.65	Hà Nội
225	30L-876.89	Hà Nội	1225	30L-922.25	Hà Nội	2225	30L-935.59	Hà Nội
226	30L-878.97	Hà Nội	1226	30L-934.69	Hà Nội	2226	30L-942.06	Hà Nội
227	30L-885.38	Hà Nội	1227	30L-936.79	Hà Nội	2227	30L-943.18	Hà Nội
228	30L-888.02	Hà Nội	1228	30L-939.11	Hà Nội	2228	30L-943.66	Hà Nội
229	30L-889.36	Hà Nội	1229	30L-941.95	Hà Nội	2229	30L-944.33	Hà Nội
230	30L-899.09	Hà Nội	1230	30L-942.24	Hà Nội	2230	30L-947.59	Hà Nội
231	30L-904.26	Hà Nội	1231	30L-942.49	Hà Nội	2231	30L-952.89	Hà Nội
232	30L-915.88	Hà Nội	1232	30L-946.39	Hà Nội	2232	30L-953.53	Hà Nội
233	30L-916.17	Hà Nội	1233	30L-956.98	Hà Nội	2233	30L-960.18	Hà Nội
234	30L-921.35	Hà Nội	1234	30L-959.26	Hà Nội	2234	30L-965.83	Hà Nội
235	30L-923.86	Hà Nội	1235	30L-962.99	Hà Nội	2235	30L-974.29	Hà Nội
236	30L-923.88	Hà Nội	1236	30L-963.09	Hà Nội	2236	30L-979.16	Hà Nội
237	30L-923.96	Hà Nội	1237	30L-965.06	Hà Nội	2237	30L-988.67	Hà Nội
238	30L-928.58	Hà Nội	1238	30L-970.86	Hà Nội	2238	30L-988.82	Hà Nội
239	30L-929.66	Hà Nội	1239	30L-972.06	Hà Nội	2239	30L-993.85	Hà Nội
240	30L-937.68	Hà Nội	1240	30L-985.63	Hà Nội	2240	30L-997.18	Hà Nội
241	30L-951.98	Hà Nội	1241	30L-986.56	Hà Nội	2241	30M-009.38	Hà Nội
242	30L-954.39	Hà Nội	1242	30L-987.68	Hà Nội	2242	30M-010.35	Hà Nội
243	30L-959.65	Hà Nội	1243	30L-988.44	Hà Nội	2243	30M-010.69	Hà Nội
244	30L-971.15	Hà Nội	1244	30L-996.09	Hà Nội	2244	30M-010.96	Hà Nội
245	30L-973.33	Hà Nội	1245	30M-006.56	Hà Nội	2245	30M-012.69	Hà Nội
246	30L-973.74	Hà Nội	1246	30M-006.79	Hà Nội	2246	30M-015.79	Hà Nội
247	30L-991.08	Hà Nội	1247	30M-013.59	Hà Nội	2247	30M-020.36	Hà Nội
248	30L-991.22	Hà Nội	1248	30M-015.51	Hà Nội	2248	30M-022.39	Hà Nội
249	30L-999.72	Hà Nội	1249	30M-021.95	Hà Nội	2249	30M-022.44	Hà Nội
250	30M-007.68	Hà Nội	1250	30M-022.11	Hà Nội	2250	30M-022.55	Hà Nội
251	30M-017.88	Hà Nội	1251	30M-024.66	Hà Nội	2251	30M-027.00	Hà Nội
252	30M-018.69	Hà Nội	1252	30M-024.86	Hà Nội	2252	30M-028.02	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
253	30M-020.99	Hà Nội	1253	30M-027.72	Hà Nội	2253	51L-021.39	Hồ Chí Minh
254	30M-023.20	Hà Nội	1254	51K-981.66	Hồ Chí Minh	2254	51L-037.79	Hồ Chí Minh
255	51L-005.39	Hồ Chí Minh	1255	51L-068.89	Hồ Chí Minh	2255	51L-038.69	Hồ Chí Minh
256	51L-005.66	Hồ Chí Minh	1256	51L-071.86	Hồ Chí Minh	2256	51L-052.39	Hồ Chí Minh
257	51L-005.86	Hồ Chí Minh	1257	51L-077.68	Hồ Chí Minh	2257	51L-094.99	Hồ Chí Minh
258	51L-010.86	Hồ Chí Minh	1258	51L-084.66	Hồ Chí Minh	2258	51L-104.86	Hồ Chí Minh
259	51L-020.86	Hồ Chí Minh	1259	51L-094.86	Hồ Chí Minh	2259	51L-126.79	Hồ Chí Minh
260	51L-024.66	Hồ Chí Minh	1260	51L-094.88	Hồ Chí Minh	2260	51L-127.79	Hồ Chí Minh
261	51L-026.86	Hồ Chí Minh	1261	51L-102.22	Hồ Chí Minh	2261	51L-130.99	Hồ Chí Minh
262	51L-027.68	Hồ Chí Minh	1262	51L-140.96	Hồ Chí Minh	2262	51L-134.69	Hồ Chí Minh
263	51L-027.86	Hồ Chí Minh	1263	51L-151.88	Hồ Chí Minh	2263	51L-141.11	Hồ Chí Minh
264	51L-058.79	Hồ Chí Minh	1264	51L-159.69	Hồ Chí Minh	2264	51L-152.89	Hồ Chí Minh
265	51L-084.79	Hồ Chí Minh	1265	51L-161.39	Hồ Chí Minh	2265	51L-154.69	Hồ Chí Minh
266	51L-090.69	Hồ Chí Minh	1266	51L-175.55	Hồ Chí Minh	2266	51L-159.96	Hồ Chí Minh
267	51L-098.68	Hồ Chí Minh	1267	51L-188.11	Hồ Chí Minh	2267	51L-161.98	Hồ Chí Minh
268	51L-101.66	Hồ Chí Minh	1268	51L-201.66	Hồ Chí Minh	2268	51L-167.86	Hồ Chí Minh
269	51L-130.79	Hồ Chí Minh	1269	51L-204.39	Hồ Chí Minh	2269	51L-171.86	Hồ Chí Minh
270	51L-130.88	Hồ Chí Minh	1270	51L-204.66	Hồ Chí Minh	2270	51L-189.66	Hồ Chí Minh
271	51L-138.86	Hồ Chí Minh	1271	51L-217.69	Hồ Chí Minh	2271	51L-198.68	Hồ Chí Minh
272	51L-142.39	Hồ Chí Minh	1272	51L-224.99	Hồ Chí Minh	2272	51L-211.66	Hồ Chí Minh
273	51L-159.39	Hồ Chí Minh	1273	51L-231.11	Hồ Chí Minh	2273	51L-241.79	Hồ Chí Minh
274	51L-172.89	Hồ Chí Minh	1274	51L-232.86	Hồ Chí Minh	2274	51L-247.88	Hồ Chí Minh
275	51L-181.66	Hồ Chí Minh	1275	51L-238.69	Hồ Chí Minh	2275	51L-251.39	Hồ Chí Minh
276	51L-204.99	Hồ Chí Minh	1276	51L-248.39	Hồ Chí Minh	2276	51L-251.99	Hồ Chí Minh
277	51L-208.68	Hồ Chí Minh	1277	51L-257.66	Hồ Chí Minh	2277	51L-254.88	Hồ Chí Minh
278	51L-217.39	Hồ Chí Minh	1278	51L-261.39	Hồ Chí Minh	2278	51L-280.86	Hồ Chí Minh
279	51L-223.89	Hồ Chí Minh	1279	51L-270.66	Hồ Chí Minh	2279	51L-289.68	Hồ Chí Minh
280	51L-228.86	Hồ Chí Minh	1280	51L-270.89	Hồ Chí Minh	2280	51L-294.66	Hồ Chí Minh
281	51L-230.89	Hồ Chí Minh	1281	51L-271.79	Hồ Chí Minh	2281	51L-295.39	Hồ Chí Minh
282	51L-231.68	Hồ Chí Minh	1282	51L-276.79	Hồ Chí Minh	2282	51L-297.77	Hồ Chí Minh
283	51L-234.88	Hồ Chí Minh	1283	51L-277.69	Hồ Chí Minh	2283	51L-302.22	Hồ Chí Minh
284	51L-234.98	Hồ Chí Minh	1284	51L-284.88	Hồ Chí Minh	2284	51L-303.99	Hồ Chí Minh
285	51L-237.99	Hồ Chí Minh	1285	51L-293.66	Hồ Chí Minh	2285	51L-305.88	Hồ Chí Minh
286	51L-240.88	Hồ Chí Minh	1286	51L-319.68	Hồ Chí Minh	2286	51L-306.06	Hồ Chí Minh
287	51L-245.66	Hồ Chí Minh	1287	51L-320.00	Hồ Chí Minh	2287	51L-330.79	Hồ Chí Minh
288	51L-253.66	Hồ Chí Minh	1288	51L-326.99	Hồ Chí Minh	2288	51L-335.39	Hồ Chí Minh
289	51L-266.55	Hồ Chí Minh	1289	51L-329.39	Hồ Chí Minh	2289	51L-344.88	Hồ Chí Minh
290	51L-267.86	Hồ Chí Minh	1290	51L-348.89	Hồ Chí Minh	2290	51L-346.66	Hồ Chí Minh
291	51L-280.99	Hồ Chí Minh	1291	51L-350.66	Hồ Chí Minh	2291	51L-347.77	Hồ Chí Minh
292	51L-294.99	Hồ Chí Minh	1292	51L-354.86	Hồ Chí Minh	2292	51L-347.89	Hồ Chí Minh
293	51L-295.88	Hồ Chí Minh	1293	51L-360.86	Hồ Chí Minh	2293	51L-350.86	Hồ Chí Minh
294	51L-297.98	Hồ Chí Minh	1294	51L-364.44	Hồ Chí Minh	2294	51L-352.99	Hồ Chí Minh
295	51L-319.89	Hồ Chí Minh	1295	51L-384.66	Hồ Chí Minh	2295	51L-378.86	Hồ Chí Minh
296	51L-325.86	Hồ Chí Minh	1296	51L-399.22	Hồ Chí Minh	2296	51L-399.44	Hồ Chí Minh
297	51L-359.86	Hồ Chí Minh	1297	51L-410.00	Hồ Chí Minh	2297	51L-400.33	Hồ Chí Minh
298	51L-361.11	Hồ Chí Minh	1298	51L-411.22	Hồ Chí Minh	2298	51L-405.39	Hồ Chí Minh
299	51L-364.88	Hồ Chí Minh	1299	51L-419.66	Hồ Chí Minh	2299	51L-426.69	Hồ Chí Minh
300	51L-372.99	Hồ Chí Minh	1300	51L-438.88	Hồ Chí Minh	2300	51L-426.99	Hồ Chí Minh
301	51L-402.39	Hồ Chí Minh	1301	51L-440.66	Hồ Chí Minh	2301	51L-431.39	Hồ Chí Minh
302	51L-404.39	Hồ Chí Minh	1302	51L-444.48	Hồ Chí Minh	2302	51L-432.69	Hồ Chí Minh
303	51L-410.66	Hồ Chí Minh	1303	51L-452.99	Hồ Chí Minh	2303	51L-435.55	Hồ Chí Minh

47
ING
AU G
P DA
T N
QUAN

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
304	51L-412.39	Hồ Chí Minh	1304	51L-458.99	Hồ Chí Minh	2304	51L-436.86	Hồ Chí Minh
305	51L-415.55	Hồ Chí Minh	1305	51L-460.69	Hồ Chí Minh	2305	51L-442.68	Hồ Chí Minh
306	51L-417.99	Hồ Chí Minh	1306	51L-463.33	Hồ Chí Minh	2306	51L-442.86	Hồ Chí Minh
307	51L-422.33	Hồ Chí Minh	1307	51L-467.66	Hồ Chí Minh	2307	51L-449.88	Hồ Chí Minh
308	51L-436.88	Hồ Chí Minh	1308	51L-469.88	Hồ Chí Minh	2308	51L-459.79	Hồ Chí Minh
309	51L-439.69	Hồ Chí Minh	1309	51L-476.67	Hồ Chí Minh	2309	51L-463.89	Hồ Chí Minh
310	51L-442.24	Hồ Chí Minh	1310	51L-492.89	Hồ Chí Minh	2310	51L-469.66	Hồ Chí Minh
311	51L-444.00	Hồ Chí Minh	1311	51L-503.88	Hồ Chí Minh	2311	51L-475.39	Hồ Chí Minh
312	51L-444.66	Hồ Chí Minh	1312	51L-517.88	Hồ Chí Minh	2312	51L-476.76	Hồ Chí Minh
313	51L-447.47	Hồ Chí Minh	1313	51L-534.39	Hồ Chí Minh	2313	51L-481.18	Hồ Chí Minh
314	51L-448.48	Hồ Chí Minh	1314	51L-538.35	Hồ Chí Minh	2314	51L-483.86	Hồ Chí Minh
315	51L-453.39	Hồ Chí Minh	1315	51L-543.89	Hồ Chí Minh	2315	51L-487.89	Hồ Chí Minh
316	51L-453.89	Hồ Chí Minh	1316	51L-548.66	Hồ Chí Minh	2316	51L-491.79	Hồ Chí Minh
317	51L-455.33	Hồ Chí Minh	1317	51L-563.39	Hồ Chí Minh	2317	51L-496.88	Hồ Chí Minh
318	51L-465.56	Hồ Chí Minh	1318	51L-570.88	Hồ Chí Minh	2318	51L-504.66	Hồ Chí Minh
319	51L-465.68	Hồ Chí Minh	1319	51L-577.69	Hồ Chí Minh	2319	51L-504.88	Hồ Chí Minh
320	51L-473.68	Hồ Chí Minh	1320	51L-580.66	Hồ Chí Minh	2320	51L-514.79	Hồ Chí Minh
321	51L-478.87	Hồ Chí Minh	1321	51L-587.68	Hồ Chí Minh	2321	51L-521.39	Hồ Chí Minh
322	51L-481.88	Hồ Chí Minh	1322	51L-597.77	Hồ Chí Minh	2322	51L-524.88	Hồ Chí Minh
323	51L-483.66	Hồ Chí Minh	1323	51L-603.30	Hồ Chí Minh	2323	51L-526.86	Hồ Chí Minh
324	51L-494.44	Hồ Chí Minh	1324	51L-608.80	Hồ Chí Minh	2324	51L-526.99	Hồ Chí Minh
325	51L-494.89	Hồ Chí Minh	1325	51L-610.86	Hồ Chí Minh	2325	51L-528.25	Hồ Chí Minh
326	51L-512.21	Hồ Chí Minh	1326	51L-619.61	Hồ Chí Minh	2326	51L-537.79	Hồ Chí Minh
327	51L-518.99	Hồ Chí Minh	1327	51L-619.71	Hồ Chí Minh	2327	51L-541.99	Hồ Chí Minh
328	51L-530.79	Hồ Chí Minh	1328	51L-619.85	Hồ Chí Minh	2328	51L-565.79	Hồ Chí Minh
329	51L-532.39	Hồ Chí Minh	1329	51L-622.39	Hồ Chí Minh	2329	51L-568.65	Hồ Chí Minh
330	51L-542.86	Hồ Chí Minh	1330	51L-625.88	Hồ Chí Minh	2330	51L-569.56	Hồ Chí Minh
331	51L-545.39	Hồ Chí Minh	1331	51L-630.39	Hồ Chí Minh	2331	51L-593.69	Hồ Chí Minh
332	51L-548.89	Hồ Chí Minh	1332	51L-631.06	Hồ Chí Minh	2332	51L-593.88	Hồ Chí Minh
333	51L-560.86	Hồ Chí Minh	1333	51L-640.86	Hồ Chí Minh	2333	51L-596.86	Hồ Chí Minh
334	51L-573.68	Hồ Chí Minh	1334	51L-642.89	Hồ Chí Minh	2334	51L-609.39	Hồ Chí Minh
335	51L-581.58	Hồ Chí Minh	1335	51L-643.43	Hồ Chí Minh	2335	51L-614.88	Hồ Chí Minh
336	51L-590.39	Hồ Chí Minh	1336	51L-644.66	Hồ Chí Minh	2336	51L-618.65	Hồ Chí Minh
337	51L-594.66	Hồ Chí Minh	1337	51L-648.64	Hồ Chí Minh	2337	51L-623.32	Hồ Chí Minh
338	51L-603.66	Hồ Chí Minh	1338	51L-651.89	Hồ Chí Minh	2338	51L-623.62	Hồ Chí Minh
339	51L-613.66	Hồ Chí Minh	1339	51L-654.99	Hồ Chí Minh	2339	51L-624.66	Hồ Chí Minh
340	51L-614.69	Hồ Chí Minh	1340	51L-657.65	Hồ Chí Minh	2340	51L-629.58	Hồ Chí Minh
341	51L-621.89	Hồ Chí Minh	1341	51L-660.69	Hồ Chí Minh	2341	51L-630.03	Hồ Chí Minh
342	51L-641.86	Hồ Chí Minh	1342	51L-663.06	Hồ Chí Minh	2342	51L-642.35	Hồ Chí Minh
343	51L-646.39	Hồ Chí Minh	1343	51L-678.76	Hồ Chí Minh	2343	51L-642.69	Hồ Chí Minh
344	51L-665.22	Hồ Chí Minh	1344	51L-680.99	Hồ Chí Minh	2344	51L-645.99	Hồ Chí Minh
345	51L-666.21	Hồ Chí Minh	1345	51L-683.28	Hồ Chí Minh	2345	51L-648.99	Hồ Chí Minh
346	51L-666.92	Hồ Chí Minh	1346	51L-684.68	Hồ Chí Minh	2346	51L-651.65	Hồ Chí Minh
347	51L-672.89	Hồ Chí Minh	1347	51L-690.89	Hồ Chí Minh	2347	51L-655.16	Hồ Chí Minh
348	51L-674.39	Hồ Chí Minh	1348	51L-693.68	Hồ Chí Minh	2348	51L-660.06	Hồ Chí Minh
349	51L-676.86	Hồ Chí Minh	1349	51L-702.39	Hồ Chí Minh	2349	51L-661.83	Hồ Chí Minh
350	51L-682.26	Hồ Chí Minh	1350	51L-705.89	Hồ Chí Minh	2350	51L-663.86	Hồ Chí Minh
351	51L-685.39	Hồ Chí Minh	1351	51L-711.89	Hồ Chí Minh	2351	51L-666.47	Hồ Chí Minh
352	51L-688.04	Hồ Chí Minh	1352	51L-716.19	Hồ Chí Minh	2352	51L-670.68	Hồ Chí Minh
353	51L-693.94	Hồ Chí Minh	1353	51L-717.69	Hồ Chí Minh	2353	51L-671.06	Hồ Chí Minh
354	51L-699.11	Hồ Chí Minh	1354	51L-718.68	Hồ Chí Minh	2354	51L-674.66	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
355	51L-699.63	Hồ Chí Minh	1355	51L-719.68	Hồ Chí Minh	2355	51L-674.75	Hồ Chí Minh
356	51L-705.00	Hồ Chí Minh	1356	51L-721.88	Hồ Chí Minh	2356	51L-675.59	Hồ Chí Minh
357	51L-713.86	Hồ Chí Minh	1357	51L-722.09	Hồ Chí Minh	2357	51L-678.84	Hồ Chí Minh
358	51L-717.25	Hồ Chí Minh	1358	51L-730.56	Hồ Chí Minh	2358	51L-688.80	Hồ Chí Minh
359	51L-720.21	Hồ Chí Minh	1359	51L-732.99	Hồ Chí Minh	2359	51L-699.74	Hồ Chí Minh
360	51L-730.37	Hồ Chí Minh	1360	51L-733.39	Hồ Chí Minh	2360	51L-704.28	Hồ Chí Minh
361	51L-734.38	Hồ Chí Minh	1361	51L-739.96	Hồ Chí Minh	2361	51L-704.83	Hồ Chí Minh
362	51L-736.89	Hồ Chí Minh	1362	51L-740.36	Hồ Chí Minh	2362	51L-708.88	Hồ Chí Minh
363	51L-744.38	Hồ Chí Minh	1363	51L-740.85	Hồ Chí Minh	2363	51L-709.28	Hồ Chí Minh
364	51L-750.69	Hồ Chí Minh	1364	51L-740.86	Hồ Chí Minh	2364	51L-709.90	Hồ Chí Minh
365	51L-754.54	Hồ Chí Minh	1365	51L-750.99	Hồ Chí Minh	2365	51L-710.39	Hồ Chí Minh
366	51L-758.86	Hồ Chí Minh	1366	51L-753.54	Hồ Chí Minh	2366	51L-711.88	Hồ Chí Minh
367	51L-762.86	Hồ Chí Minh	1367	51L-754.79	Hồ Chí Minh	2367	51L-712.21	Hồ Chí Minh
368	51L-775.89	Hồ Chí Minh	1368	51L-757.55	Hồ Chí Minh	2368	51L-715.69	Hồ Chí Minh
369	51L-785.77	Hồ Chí Minh	1369	51L-759.89	Hồ Chí Minh	2369	51L-720.88	Hồ Chí Minh
370	51L-786.39	Hồ Chí Minh	1370	51L-761.61	Hồ Chí Minh	2370	51L-721.79	Hồ Chí Minh
371	51L-786.87	Hồ Chí Minh	1371	51L-768.06	Hồ Chí Minh	2371	51L-729.29	Hồ Chí Minh
372	51L-789.04	Hồ Chí Minh	1372	51L-768.16	Hồ Chí Minh	2372	51L-729.72	Hồ Chí Minh
373	51L-791.85	Hồ Chí Minh	1373	51L-770.66	Hồ Chí Minh	2373	51L-729.95	Hồ Chí Minh
374	51L-792.89	Hồ Chí Minh	1374	51L-770.99	Hồ Chí Minh	2374	51L-730.39	Hồ Chí Minh
375	51L-793.06	Hồ Chí Minh	1375	51L-782.83	Hồ Chí Minh	2375	51L-731.32	Hồ Chí Minh
376	51L-793.58	Hồ Chí Minh	1376	51L-783.69	Hồ Chí Minh	2376	51L-733.44	Hồ Chí Minh
377	51L-797.88	Hồ Chí Minh	1377	51L-786.88	Hồ Chí Minh	2377	51L-736.79	Hồ Chí Minh
378	51L-801.98	Hồ Chí Minh	1378	51L-791.11	Hồ Chí Minh	2378	51L-740.68	Hồ Chí Minh
379	51L-805.80	Hồ Chí Minh	1379	51L-791.88	Hồ Chí Minh	2379	51L-748.39	Hồ Chí Minh
380	51L-808.77	Hồ Chí Minh	1380	51L-792.93	Hồ Chí Minh	2380	51L-750.86	Hồ Chí Minh
381	51L-809.25	Hồ Chí Minh	1381	51L-793.97	Hồ Chí Minh	2381	51L-753.35	Hồ Chí Minh
382	51L-816.86	Hồ Chí Minh	1382	51L-800.22	Hồ Chí Minh	2382	51L-753.83	Hồ Chí Minh
383	51L-818.39	Hồ Chí Minh	1383	51L-805.06	Hồ Chí Minh	2383	51L-755.89	Hồ Chí Minh
384	51L-822.95	Hồ Chí Minh	1384	51L-805.50	Hồ Chí Minh	2384	51L-762.67	Hồ Chí Minh
385	51L-827.09	Hồ Chí Minh	1385	51L-816.99	Hồ Chí Minh	2385	51L-765.67	Hồ Chí Minh
386	51L-830.36	Hồ Chí Minh	1386	51L-820.36	Hồ Chí Minh	2386	51L-774.36	Hồ Chí Minh
387	51L-834.18	Hồ Chí Minh	1387	51L-821.08	Hồ Chí Minh	2387	51L-777.19	Hồ Chí Minh
388	51L-835.58	Hồ Chí Minh	1388	51L-821.29	Hồ Chí Minh	2388	51L-777.56	Hồ Chí Minh
389	51L-837.38	Hồ Chí Minh	1389	51L-822.89	Hồ Chí Minh	2389	51L-777.58	Hồ Chí Minh
390	51L-840.48	Hồ Chí Minh	1390	51L-831.32	Hồ Chí Minh	2390	51L-791.26	Hồ Chí Minh
391	51L-840.65	Hồ Chí Minh	1391	51L-832.36	Hồ Chí Minh	2391	51L-797.86	Hồ Chí Minh
392	51L-848.79	Hồ Chí Minh	1392	51L-833.77	Hồ Chí Minh	2392	51L-801.39	Hồ Chí Minh
393	51L-849.98	Hồ Chí Minh	1393	51L-834.99	Hồ Chí Minh	2393	51L-802.16	Hồ Chí Minh
394	51L-850.50	Hồ Chí Minh	1394	51L-838.36	Hồ Chí Minh	2394	51L-807.07	Hồ Chí Minh
395	51L-856.65	Hồ Chí Minh	1395	51L-840.79	Hồ Chí Minh	2395	51L-815.79	Hồ Chí Minh
396	51L-856.89	Hồ Chí Minh	1396	51L-842.22	Hồ Chí Minh	2396	51L-816.19	Hồ Chí Minh
397	51L-868.58	Hồ Chí Minh	1397	51L-844.99	Hồ Chí Minh	2397	51L-820.58	Hồ Chí Minh
398	51L-870.39	Hồ Chí Minh	1398	51L-846.95	Hồ Chí Minh	2398	51L-825.98	Hồ Chí Minh
399	51L-877.86	Hồ Chí Minh	1399	51L-848.89	Hồ Chí Minh	2399	51L-833.00	Hồ Chí Minh
400	51L-884.79	Hồ Chí Minh	1400	51L-850.19	Hồ Chí Minh	2400	51L-835.16	Hồ Chí Minh
401	51L-895.59	Hồ Chí Minh	1401	51L-850.68	Hồ Chí Minh	2401	51L-835.29	Hồ Chí Minh
402	11A-120.39	Cao Bằng	1402	51L-852.36	Hồ Chí Minh	2402	51L-837.86	Hồ Chí Minh
403	11A-122.44	Cao Bằng	1403	51L-853.69	Hồ Chí Minh	2403	51L-839.85	Hồ Chí Minh
404	11A-127.69	Cao Bằng	1404	51L-856.33	Hồ Chí Minh	2404	51L-840.26	Hồ Chí Minh
405	11B-011.69	Cao Bằng	1405	51L-864.99	Hồ Chí Minh	2405	51L-842.43	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
406	11C-082.89	Cao Bằng	1406	51L-866.72	Hồ Chí Minh	2406	51L-846.86	Hồ Chí Minh
407	12A-250.66	Lạng Sơn	1407	51L-867.76	Hồ Chí Minh	2407	51L-849.84	Hồ Chí Minh
408	12A-250.69	Lạng Sơn	1408	51L-872.79	Hồ Chí Minh	2408	51L-856.15	Hồ Chí Minh
409	12A-251.79	Lạng Sơn	1409	51L-894.11	Hồ Chí Minh	2409	51L-856.79	Hồ Chí Minh
410	12A-257.57	Lạng Sơn	1410	11A-108.69	Cao Bằng	2410	51L-858.25	Hồ Chí Minh
411	14A-879.69	Quảng Ninh	1411	11A-109.88	Cao Bằng	2411	51L-878.33	Hồ Chí Minh
412	14A-901.88	Quảng Ninh	1412	11A-128.66	Cao Bằng	2412	51L-881.35	Hồ Chí Minh
413	14A-903.88	Quảng Ninh	1413	11A-133.88	Cao Bằng	2413	51L-885.89	Hồ Chí Minh
414	14A-910.69	Quảng Ninh	1414	12A-222.48	Lạng Sơn	2414	51L-886.57	Hồ Chí Minh
415	14A-932.86	Quảng Ninh	1415	12A-224.39	Lạng Sơn	2415	51L-888.57	Hồ Chí Minh
416	14A-933.77	Quảng Ninh	1416	12A-237.77	Lạng Sơn	2416	51L-890.33	Hồ Chí Minh
417	14A-941.39	Quảng Ninh	1417	12A-239.66	Lạng Sơn	2417	51L-893.68	Hồ Chí Minh
418	14A-949.39	Quảng Ninh	1418	12A-240.96	Lạng Sơn	2418	51L-895.98	Hồ Chí Minh
419	14A-957.66	Quảng Ninh	1419	12A-250.05	Lạng Sơn	2419	11A-122.33	Cao Bằng
420	14A-962.89	Quảng Ninh	1420	12A-254.52	Lạng Sơn	2420	11A-132.31	Cao Bằng
421	14A-967.66	Quảng Ninh	1421	12A-255.56	Lạng Sơn	2421	11B-012.33	Cao Bằng
422	14A-974.66	Quảng Ninh	1422	12A-256.52	Lạng Sơn	2422	11C-082.79	Cao Bằng
423	14A-975.75	Quảng Ninh	1423	12A-257.52	Lạng Sơn	2423	11D-008.88	Cao Bằng
424	14A-975.97	Quảng Ninh	1424	12A-258.79	Lạng Sơn	2424	12A-221.11	Lạng Sơn
425	14A-976.76	Quảng Ninh	1425	12B-015.39	Lạng Sơn	2425	12A-248.89	Lạng Sơn
426	14A-988.91	Quảng Ninh	1426	14A-843.33	Quảng Ninh	2426	14A-852.25	Quảng Ninh
427	15B-051.99	Hải Phòng	1427	14A-859.86	Quảng Ninh	2427	14A-887.69	Quảng Ninh
428	15K-200.33	Hải Phòng	1428	14A-862.69	Quảng Ninh	2428	14A-900.86	Quảng Ninh
429	15K-213.39	Hải Phòng	1429	14A-865.39	Quảng Ninh	2429	14A-904.69	Quảng Ninh
430	15K-248.39	Hải Phòng	1430	14A-870.79	Quảng Ninh	2430	14A-905.99	Quảng Ninh
431	15K-249.39	Hải Phòng	1431	14A-887.66	Quảng Ninh	2431	14A-951.66	Quảng Ninh
432	15K-254.98	Hải Phòng	1432	14A-900.66	Quảng Ninh	2432	14A-967.67	Quảng Ninh
433	15K-261.99	Hải Phòng	1433	14A-907.69	Quảng Ninh	2433	14A-973.79	Quảng Ninh
434	15K-264.39	Hải Phòng	1434	14A-941.68	Quảng Ninh	2434	14A-977.39	Quảng Ninh
435	15K-273.33	Hải Phòng	1435	14A-961.11	Quảng Ninh	2435	15K-204.68	Hải Phòng
436	15K-275.55	Hải Phòng	1436	14A-984.48	Quảng Ninh	2436	15K-223.36	Hải Phòng
437	15K-275.68	Hải Phòng	1437	15K-208.79	Hải Phòng	2437	15K-240.04	Hải Phòng
438	15K-278.89	Hải Phòng	1438	15K-210.79	Hải Phòng	2438	15K-292.69	Hải Phòng
439	15K-288.00	Hải Phòng	1439	15K-213.13	Hải Phòng	2439	15K-294.66	Hải Phòng
440	15K-298.39	Hải Phòng	1440	15K-266.65	Hải Phòng	2440	15K-308.80	Hải Phòng
441	15K-312.12	Hải Phòng	1441	15K-290.09	Hải Phòng	2441	15K-322.79	Hải Phòng
442	15K-340.39	Hải Phòng	1442	15K-291.66	Hải Phòng	2442	15K-347.74	Hải Phòng
443	15K-341.86	Hải Phòng	1443	15K-306.99	Hải Phòng	2443	15K-351.51	Hải Phòng
444	15K-341.99	Hải Phòng	1444	15K-313.66	Hải Phòng	2444	15K-355.77	Hải Phòng
445	15K-343.44	Hải Phòng	1445	15K-320.79	Hải Phòng	2445	15K-375.66	Hải Phòng
446	15K-357.88	Hải Phòng	1446	15K-330.00	Hải Phòng	2446	15K-376.86	Hải Phòng
447	15K-361.62	Hải Phòng	1447	15K-344.39	Hải Phòng	2447	15K-378.39	Hải Phòng
448	15K-380.08	Hải Phòng	1448	15K-349.69	Hải Phòng	2448	15K-378.89	Hải Phòng
449	15K-396.78	Hải Phòng	1449	15K-359.69	Hải Phòng	2449	17A-401.89	Thái Bình
450	15K-399.22	Hải Phòng	1450	15K-365.63	Hải Phòng	2450	17A-412.99	Thái Bình
451	15K-401.88	Hải Phòng	1451	15K-367.63	Hải Phòng	2451	17A-416.86	Thái Bình
452	15K-403.68	Hải Phòng	1452	15K-370.73	Hải Phòng	2452	17A-422.44	Thái Bình
453	15K-409.09	Hải Phòng	1453	15K-411.00	Hải Phòng	2453	17A-446.88	Thái Bình
454	15K-416.41	Hải Phòng	1454	15K-412.89	Hải Phòng	2454	17A-482.86	Thái Bình
455	15K-419.75	Hải Phòng	1455	15K-414.14	Hải Phòng	2455	18A-407.69	Nam Định
456	15K-423.88	Hải Phòng	1456	15K-414.41	Hải Phòng	2456	18A-410.00	Nam Định

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
457	17A-413.69	Thái Bình	1457	15K-419.14	Hải Phòng	2457	18A-410.96	Nam Định
458	17A-425.66	Thái Bình	1458	15K-419.92	Hải Phòng	2458	18A-411.55	Nam Định
459	17A-432.39	Thái Bình	1459	17A-403.79	Thái Bình	2459	18A-435.68	Nam Định
460	17A-435.68	Thái Bình	1460	17A-415.98	Thái Bình	2460	18A-440.39	Nam Định
461	17A-440.98	Thái Bình	1461	17A-422.98	Thái Bình	2461	18A-451.11	Nam Định
462	17A-444.78	Thái Bình	1462	17A-443.79	Thái Bình	2462	18A-459.86	Nam Định
463	17A-445.88	Thái Bình	1463	17A-469.66	Thái Bình	2463	18A-467.69	Nam Định
464	17A-446.69	Thái Bình	1464	17B-027.69	Thái Bình	2464	18A-472.88	Nam Định
465	17A-452.66	Thái Bình	1465	18A-415.89	Nam Định	2465	18A-477.39	Nam Định
466	17A-461.11	Thái Bình	1466	18A-424.39	Nam Định	2466	18A-478.39	Nam Định
467	17A-474.44	Thái Bình	1467	18A-457.69	Nam Định	2467	18B-028.69	Nam Định
468	17A-489.79	Thái Bình	1468	18A-470.89	Nam Định	2468	19A-563.88	Phú Thọ
469	18A-403.88	Nam Định	1469	18A-488.89	Nam Định	2469	19A-574.39	Phú Thọ
470	18A-419.88	Nam Định	1470	19A-587.69	Phú Thọ	2470	19A-580.80	Phú Thọ
471	18A-444.22	Nam Định	1471	19A-607.66	Phú Thọ	2471	19A-628.79	Phú Thọ
472	18A-447.79	Nam Định	1472	19A-609.88	Phú Thọ	2472	19A-630.69	Phú Thọ
473	18A-471.72	Nam Định	1473	19A-624.44	Phú Thọ	2473	19A-640.69	Phú Thọ
474	18A-474.39	Nam Định	1474	19A-628.39	Phú Thọ	2474	19A-650.79	Phú Thọ
475	19A-566.39	Phú Thọ	1475	19A-634.69	Phú Thọ	2475	19A-692.39	Phú Thọ
476	19A-593.69	Phú Thọ	1476	19A-637.79	Phú Thọ	2476	19A-693.96	Phú Thọ
477	19A-600.68	Phú Thọ	1477	19A-644.88	Phú Thọ	2477	19A-695.39	Phú Thọ
478	19A-634.86	Phú Thọ	1478	19A-647.69	Phú Thọ	2478	19A-700.01	Phú Thọ
479	19A-635.99	Phú Thọ	1479	19A-661.61	Phú Thọ	2479	19A-702.66	Phú Thọ
480	19A-642.42	Phú Thọ	1480	19A-671.76	Phú Thọ	2480	19A-707.68	Phú Thọ
481	19A-652.25	Phú Thọ	1481	19A-672.68	Phú Thọ	2481	19A-711.79	Phú Thọ
482	19A-664.39	Phú Thọ	1482	19A-687.68	Phú Thọ	2482	20A-745.98	Thái Nguyên
483	19A-673.76	Phú Thọ	1483	19A-688.44	Phú Thọ	2483	20A-766.33	Thái Nguyên
484	19A-674.86	Phú Thọ	1484	19A-694.86	Phú Thọ	2484	20A-770.39	Thái Nguyên
485	19A-676.69	Phú Thọ	1485	19A-702.79	Phú Thọ	2485	20A-792.22	Thái Nguyên
486	19A-677.39	Phú Thọ	1486	19A-709.66	Phú Thọ	2486	20A-807.99	Thái Nguyên
487	19A-684.79	Phú Thọ	1487	19B-025.69	Phú Thọ	2487	20A-812.34	Thái Nguyên
488	19A-686.26	Phú Thọ	1488	20A-707.89	Thái Nguyên	2488	20A-817.81	Thái Nguyên
489	19A-690.69	Phú Thọ	1489	20A-752.88	Thái Nguyên	2489	20A-830.00	Thái Nguyên
490	19A-692.92	Phú Thọ	1490	20A-761.39	Thái Nguyên	2490	20A-831.83	Thái Nguyên
491	19A-695.95	Phú Thọ	1491	20A-762.39	Thái Nguyên	2491	20C-301.39	Thái Nguyên
492	19A-704.89	Phú Thọ	1492	20A-772.88	Thái Nguyên	2492	20C-301.88	Thái Nguyên
493	19A-711.12	Phú Thọ	1493	20A-780.00	Thái Nguyên	2493	21A-206.60	Yên Bái
494	19A-712.79	Phú Thọ	1494	20A-793.39	Thái Nguyên	2494	21A-209.86	Yên Bái
495	19C-258.39	Phú Thọ	1495	20A-802.88	Thái Nguyên	2495	21A-212.89	Yên Bái
496	20A-706.89	Thái Nguyên	1496	20A-812.12	Thái Nguyên	2496	21A-215.66	Yên Bái
497	20A-756.65	Thái Nguyên	1497	20A-836.39	Thái Nguyên	2497	22A-232.33	Tuyên Quang
498	20A-768.39	Thái Nguyên	1498	21A-205.89	Yên Bái	2498	22A-240.66	Tuyên Quang
499	20A-770.70	Thái Nguyên	1499	21A-207.68	Yên Bái	2499	22A-250.69	Tuyên Quang
500	20A-774.47	Thái Nguyên	1500	21A-212.99	Yên Bái	2500	22A-260.62	Tuyên Quang
501	20A-776.68	Thái Nguyên	1501	22A-227.66	Tuyên Quang	2501	22A-261.16	Tuyên Quang
502	20A-786.99	Thái Nguyên	1502	22A-241.69	Tuyên Quang	2502	22C-109.99	Tuyên Quang
503	20A-790.66	Thái Nguyên	1503	22A-242.66	Tuyên Quang	2503	22C-111.38	Tuyên Quang
504	20A-798.86	Thái Nguyên	1504	22A-264.64	Tuyên Quang	2504	23A-137.98	Hà Giang
505	20A-801.01	Thái Nguyên	1505	22A-267.26	Tuyên Quang	2505	23A-152.39	Hà Giang
506	20A-810.88	Thái Nguyên	1506	22A-269.66	Tuyên Quang	2506	23A-154.68	Hà Giang
507	20A-813.14	Thái Nguyên	1507	23A-147.68	Hà Giang	2507	24A-261.69	Lào Cai

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
508	20A-814.99	Thái Nguyên	1508	23A-158.66	Hà Giang	2508	24A-265.39	Lào Cai
509	20C-308.39	Thái Nguyên	1509	23A-163.64	Hà Giang	2509	24A-270.39	Lào Cai
510	21A-187.78	Yên Bái	1510	24A-260.96	Lào Cai	2510	24A-278.78	Lào Cai
511	21A-194.89	Yên Bái	1511	24A-267.67	Lào Cai	2511	24A-297.68	Lào Cai
512	21A-206.89	Yên Bái	1512	24A-273.99	Lào Cai	2512	24A-303.88	Lào Cai
513	21A-207.79	Yên Bái	1513	24A-277.33	Lào Cai	2513	24A-304.30	Lào Cai
514	21A-208.89	Yên Bái	1514	24A-285.99	Lào Cai	2514	24A-306.39	Lào Cai
515	21A-213.79	Yên Bái	1515	24A-287.87	Lào Cai	2515	24A-310.68	Lào Cai
516	21A-214.69	Yên Bái	1516	24A-295.69	Lào Cai	2516	24B-017.39	Lào Cai
517	22A-248.84	Tuyên Quang	1517	24A-301.86	Lào Cai	2517	24C-158.66	Lào Cai
518	22A-249.99	Tuyên Quang	1518	24A-306.03	Lào Cai	2518	25A-078.68	Lai Châu
519	22A-265.62	Tuyên Quang	1519	24A-311.12	Lào Cai	2519	25A-081.66	Lai Châu
520	22A-266.67	Tuyên Quang	1520	26A-204.79	Sơn La	2520	26A-195.79	Sơn La
521	22B-013.69	Tuyên Quang	1521	26A-225.39	Sơn La	2521	26A-204.89	Sơn La
522	23A-154.89	Hà Giang	1522	26A-233.22	Sơn La	2522	26A-219.91	Sơn La
523	23A-161.62	Hà Giang	1523	26C-158.66	Sơn La	2523	26A-231.23	Sơn La
524	23C-087.86	Hà Giang	1524	27A-107.79	Điện Biên	2524	27A-111.69	Điện Biên
525	24A-312.68	Lào Cai	1525	27A-110.86	Điện Biên	2525	27A-123.99	Điện Biên
526	24A-313.99	Lào Cai	1526	27A-116.99	Điện Biên	2526	27A-124.88	Điện Biên
527	24B-016.99	Lào Cai	1527	27C-072.27	Điện Biên	2527	28A-215.66	Hòa Bình
528	26A-186.99	Sơn La	1528	28A-227.79	Hòa Bình	2528	28A-238.38	Hòa Bình
529	26A-193.69	Sơn La	1529	28A-231.66	Hòa Bình	2529	28A-258.52	Hòa Bình
530	26A-201.69	Sơn La	1530	28A-243.39	Hòa Bình	2530	28C-118.66	Hòa Bình
531	26A-205.88	Sơn La	1531	28A-244.22	Hòa Bình	2531	29D-608.39	Hà Nội
532	26A-219.68	Sơn La	1532	28A-257.39	Hòa Bình	2532	29K-222.09	Hà Nội
533	26A-228.39	Sơn La	1533	28C-117.39	Hòa Bình	2533	29K-229.00	Hà Nội
534	26A-231.13	Sơn La	1534	29B-655.89	Hà Nội	2534	29K-229.65	Hà Nội
535	27A-106.39	Điện Biên	1535	29D-615.55	Hà Nội	2535	29K-230.33	Hà Nội
536	27A-114.44	Điện Biên	1536	29K-221.06	Hà Nội	2536	29K-231.36	Hà Nội
537	28A-220.99	Hòa Bình	1537	29K-227.39	Hà Nội	2537	29K-231.77	Hà Nội
538	28A-223.99	Hòa Bình	1538	29K-233.96	Hà Nội	2538	29K-241.22	Hà Nội
539	28A-225.56	Hòa Bình	1539	29K-236.95	Hà Nội	2539	29K-247.74	Hà Nội
540	28A-247.77	Hòa Bình	1540	29K-243.15	Hà Nội	2540	29K-248.22	Hà Nội
541	28A-253.53	Hòa Bình	1541	29K-244.22	Hà Nội	2541	29K-249.29	Hà Nội
542	29B-655.22	Hà Nội	1542	29K-247.11	Hà Nội	2542	29K-249.77	Hà Nội
543	29D-609.88	Hà Nội	1543	29K-247.68	Hà Nội	2543	29K-250.33	Hà Nội
544	29K-229.28	Hà Nội	1544	29K-248.69	Hà Nội	2544	29K-257.22	Hà Nội
545	29K-230.23	Hà Nội	1545	29K-252.44	Hà Nội	2545	29K-265.44	Hà Nội
546	29K-230.83	Hà Nội	1546	29K-260.69	Hà Nội	2546	29K-280.39	Hà Nội
547	29K-235.77	Hà Nội	1547	29K-262.18	Hà Nội	2547	29K-285.11	Hà Nội
548	29K-238.22	Hà Nội	1548	29K-263.68	Hà Nội	2548	29K-285.26	Hà Nội
549	29K-241.88	Hà Nội	1549	29K-265.29	Hà Nội	2549	29K-286.15	Hà Nội
550	29K-242.85	Hà Nội	1550	29K-266.26	Hà Nội	2550	29K-291.65	Hà Nội
551	29K-248.66	Hà Nội	1551	29K-291.55	Hà Nội	2551	29K-291.77	Hà Nội
552	29K-262.25	Hà Nội	1552	29K-296.39	Hà Nội	2552	29K-295.89	Hà Nội
553	29K-263.96	Hà Nội	1553	29K-301.55	Hà Nội	2553	29K-295.99	Hà Nội
554	29K-264.86	Hà Nội	1554	29K-305.98	Hà Nội	2554	29K-297.22	Hà Nội
555	29K-265.66	Hà Nội	1555	29K-306.59	Hà Nội	2555	29K-306.68	Hà Nội
556	29K-272.79	Hà Nội	1556	29K-308.85	Hà Nội	2556	29K-313.29	Hà Nội
557	29K-274.18	Hà Nội	1557	29K-312.66	Hà Nội	2557	29K-316.69	Hà Nội
558	29K-276.76	Hà Nội	1558	29K-313.14	Hà Nội	2558	29K-318.69	Hà Nội



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
559	29K-278.44	Hà Nội	1559	29K-313.22	Hà Nội	2559	29K-319.93	Hà Nội
560	29K-278.59	Hà Nội	1560	29K-315.25	Hà Nội	2560	29K-325.35	Hà Nội
561	29K-279.89	Hà Nội	1561	29K-321.09	Hà Nội	2561	34A-738.38	Hải Dương
562	29K-304.66	Hà Nội	1562	29K-321.88	Hà Nội	2562	34A-739.66	Hải Dương
563	29K-310.44	Hà Nội	1563	34A-757.68	Hải Dương	2563	34A-745.69	Hải Dương
564	29K-314.26	Hà Nội	1564	34A-774.79	Hải Dương	2564	34A-759.86	Hải Dương
565	29K-319.33	Hà Nội	1565	34A-787.69	Hải Dương	2565	34A-762.89	Hải Dương
566	34A-743.89	Hải Dương	1566	34A-793.39	Hải Dương	2566	34A-770.96	Hải Dương
567	34A-761.39	Hải Dương	1567	34A-833.00	Hải Dương	2567	34A-776.67	Hải Dương
568	34A-766.55	Hải Dương	1568	34A-833.22	Hải Dương	2568	34A-788.39	Hải Dương
569	34A-767.99	Hải Dương	1569	34A-841.88	Hải Dương	2569	34A-807.68	Hải Dương
570	34A-772.27	Hải Dương	1570	34A-856.88	Hải Dương	2570	34A-822.11	Hải Dương
571	34A-775.39	Hải Dương	1571	34A-871.86	Hải Dương	2571	34A-824.79	Hải Dương
572	34A-779.98	Hải Dương	1572	34A-876.69	Hải Dương	2572	34A-840.79	Hải Dương
573	34A-787.99	Hải Dương	1573	34A-877.87	Hải Dương	2573	34A-844.99	Hải Dương
574	34A-804.88	Hải Dương	1574	34A-877.89	Hải Dương	2574	34A-855.11	Hải Dương
575	34A-805.50	Hải Dương	1575	34A-878.99	Hải Dương	2575	34A-865.79	Hải Dương
576	34A-824.89	Hải Dương	1576	34A-891.99	Hải Dương	2576	34A-867.76	Hải Dương
577	34A-827.99	Hải Dương	1577	34A-918.19	Hải Dương	2577	34A-903.03	Hải Dương
578	34A-839.69	Hải Dương	1578	34C-418.86	Hải Dương	2578	34A-915.88	Hải Dương
579	34A-866.89	Hải Dương	1579	35A-394.88	Ninh Bình	2579	35A-405.98	Ninh Bình
580	34A-888.15	Hải Dương	1580	35A-416.16	Ninh Bình	2580	35A-407.79	Ninh Bình
581	34A-893.99	Hải Dương	1581	35A-418.66	Ninh Bình	2581	35A-419.89	Ninh Bình
582	35A-381.99	Ninh Bình	1582	35A-434.66	Ninh Bình	2582	35A-431.39	Ninh Bình
583	35A-401.10	Ninh Bình	1583	35A-455.99	Ninh Bình	2583	35A-431.79	Ninh Bình
584	35A-412.86	Ninh Bình	1584	35A-462.89	Ninh Bình	2584	35A-434.39	Ninh Bình
585	35A-414.99	Ninh Bình	1585	36K-028.89	Thanh Hóa	2585	35A-435.53	Ninh Bình
586	35A-415.79	Ninh Bình	1586	36K-030.96	Thanh Hóa	2586	35A-444.23	Ninh Bình
587	35A-418.81	Ninh Bình	1587	36K-058.89	Thanh Hóa	2587	35A-444.88	Ninh Bình
588	35A-441.79	Ninh Bình	1588	36K-066.69	Thanh Hóa	2588	35A-446.66	Ninh Bình
589	35A-445.99	Ninh Bình	1589	36K-070.88	Thanh Hóa	2589	35A-457.77	Ninh Bình
590	35A-446.68	Ninh Bình	1590	36K-078.68	Thanh Hóa	2590	35A-458.79	Ninh Bình
591	35A-448.84	Ninh Bình	1591	36K-083.38	Thanh Hóa	2591	35D-013.33	Ninh Bình
592	35A-458.58	Ninh Bình	1592	36K-083.99	Thanh Hóa	2592	36C-517.86	Thanh Hóa
593	36C-508.69	Thanh Hóa	1593	36K-133.69	Thanh Hóa	2593	36C-521.79	Thanh Hóa
594	36C-511.79	Thanh Hóa	1594	36K-137.89	Thanh Hóa	2594	36C-523.88	Thanh Hóa
595	36K-014.86	Thanh Hóa	1595	36K-154.66	Thanh Hóa	2595	36D-025.68	Thanh Hóa
596	36K-033.96	Thanh Hóa	1596	36K-162.16	Thanh Hóa	2596	36D-025.99	Thanh Hóa
597	36K-035.39	Thanh Hóa	1597	36K-170.99	Thanh Hóa	2597	36K-019.39	Thanh Hóa
598	36K-072.72	Thanh Hóa	1598	36K-176.89	Thanh Hóa	2598	36K-036.79	Thanh Hóa
599	36K-081.99	Thanh Hóa	1599	36K-192.39	Thanh Hóa	2599	36K-063.63	Thanh Hóa
600	36K-095.66	Thanh Hóa	1600	36K-194.66	Thanh Hóa	2600	36K-071.89	Thanh Hóa
601	36K-100.66	Thanh Hóa	1601	36K-201.02	Thanh Hóa	2601	36K-083.68	Thanh Hóa
602	36K-118.39	Thanh Hóa	1602	37C-559.95	Nghệ An	2602	36K-087.66	Thanh Hóa
603	36K-127.88	Thanh Hóa	1603	37K-263.86	Nghệ An	2603	36K-093.86	Thanh Hóa
604	36K-130.66	Thanh Hóa	1604	37K-272.99	Nghệ An	2604	36K-117.68	Thanh Hóa
605	36K-142.69	Thanh Hóa	1605	37K-273.69	Nghệ An	2605	36K-139.89	Thanh Hóa
606	36K-146.86	Thanh Hóa	1606	37K-284.89	Nghệ An	2606	36K-142.66	Thanh Hóa
607	36K-156.99	Thanh Hóa	1607	37K-288.96	Nghệ An	2607	36K-145.41	Thanh Hóa
608	36K-160.89	Thanh Hóa	1608	37K-361.86	Nghệ An	2608	36K-149.88	Thanh Hóa
609	36K-167.86	Thanh Hóa	1609	37K-375.69	Nghệ An	2609	36K-155.89	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
610	36K-180.79	Thanh Hóa	1610	37K-392.79	Nghệ An	2610	36K-165.89	Thanh Hóa
611	36K-182.99	Thanh Hóa	1611	37K-394.66	Nghệ An	2611	36K-172.68	Thanh Hóa
612	36K-184.39	Thanh Hóa	1612	37K-402.69	Nghệ An	2612	36K-176.68	Thanh Hóa
613	36K-193.88	Thanh Hóa	1613	37K-410.89	Nghệ An	2613	36K-176.79	Thanh Hóa
614	36K-198.66	Thanh Hóa	1614	37K-416.17	Nghệ An	2614	36K-186.69	Thanh Hóa
615	36K-214.44	Thanh Hóa	1615	37K-427.27	Nghệ An	2615	36K-188.22	Thanh Hóa
616	36K-216.18	Thanh Hóa	1616	37K-427.42	Nghệ An	2616	36K-188.55	Thanh Hóa
617	36K-225.52	Thanh Hóa	1617	37K-432.39	Nghệ An	2617	36K-193.91	Thanh Hóa
618	37C-551.88	Nghệ An	1618	37K-434.66	Nghệ An	2618	36K-216.69	Thanh Hóa
619	37K-325.69	Nghệ An	1619	37K-445.69	Nghệ An	2619	36K-222.20	Thanh Hóa
620	37K-332.68	Nghệ An	1620	37K-446.89	Nghệ An	2620	37C-557.66	Nghệ An
621	37K-334.88	Nghệ An	1621	37K-447.47	Nghệ An	2621	37C-565.68	Nghệ An
622	37K-343.39	Nghệ An	1622	37K-466.69	Nghệ An	2622	37K-292.39	Nghệ An
623	37K-354.44	Nghệ An	1623	37K-474.69	Nghệ An	2623	37K-292.66	Nghệ An
624	37K-376.99	Nghệ An	1624	38A-563.66	Hà Tĩnh	2624	37K-311.96	Nghệ An
625	37K-405.99	Nghệ An	1625	38A-564.88	Hà Tĩnh	2625	37K-314.86	Nghệ An
626	37K-407.77	Nghệ An	1626	38A-587.66	Hà Tĩnh	2626	37K-316.96	Nghệ An
627	37K-412.68	Nghệ An	1627	38A-600.86	Hà Tĩnh	2627	37K-324.68	Nghệ An
628	37K-414.68	Nghệ An	1628	38A-609.68	Hà Tĩnh	2628	37K-325.66	Nghệ An
629	37K-435.79	Nghệ An	1629	38A-648.89	Hà Tĩnh	2629	37K-327.39	Nghệ An
630	37K-440.99	Nghệ An	1630	38A-651.52	Hà Tĩnh	2630	37K-330.00	Nghệ An
631	37K-454.88	Nghệ An	1631	38A-656.65	Hà Tĩnh	2631	37K-344.39	Nghệ An
632	37K-467.86	Nghệ An	1632	38A-674.86	Hà Tĩnh	2632	37K-345.45	Nghệ An
633	37K-470.39	Nghệ An	1633	38A-674.89	Hà Tĩnh	2633	37K-347.68	Nghệ An
634	37K-470.69	Nghệ An	1634	38A-675.57	Hà Tĩnh	2634	37K-365.36	Nghệ An
635	38A-604.69	Hà Tĩnh	1635	38A-677.77	Hà Tĩnh	2635	37K-399.55	Nghệ An
636	38A-614.68	Hà Tĩnh	1636	38C-231.88	Hà Tĩnh	2636	37K-407.69	Nghệ An
637	38A-621.88	Hà Tĩnh	1637	43A-811.79	Đà Nẵng	2637	37K-413.69	Nghệ An
638	38A-629.96	Hà Tĩnh	1638	43A-814.79	Đà Nẵng	2638	37K-418.14	Nghệ An
639	38A-639.79	Hà Tĩnh	1639	43A-827.79	Đà Nẵng	2639	37K-419.93	Nghệ An
640	38A-648.86	Hà Tĩnh	1640	43A-828.79	Đà Nẵng	2640	37K-430.89	Nghệ An
641	38A-654.55	Hà Tĩnh	1641	43A-829.39	Đà Nẵng	2641	37K-431.99	Nghệ An
642	38D-017.66	Hà Tĩnh	1642	43A-832.88	Đà Nẵng	2642	37K-444.69	Nghệ An
643	43A-809.88	Đà Nẵng	1643	43A-835.88	Đà Nẵng	2643	37K-460.88	Nghệ An
644	43A-861.89	Đà Nẵng	1644	43A-838.69	Đà Nẵng	2644	38A-565.39	Hà Tĩnh
645	43A-872.27	Đà Nẵng	1645	43A-853.39	Đà Nẵng	2645	38A-578.66	Hà Tĩnh
646	43A-893.69	Đà Nẵng	1646	43A-862.99	Đà Nẵng	2646	38A-587.69	Hà Tĩnh
647	43A-897.69	Đà Nẵng	1647	43A-870.79	Đà Nẵng	2647	38A-618.66	Hà Tĩnh
648	43A-904.44	Đà Nẵng	1648	43A-898.86	Đà Nẵng	2648	38A-634.79	Hà Tĩnh
649	43A-917.66	Đà Nẵng	1649	43A-912.66	Đà Nẵng	2649	38A-645.69	Hà Tĩnh
650	43A-922.11	Đà Nẵng	1650	43A-915.59	Đà Nẵng	2650	38A-654.99	Hà Tĩnh
651	43A-927.86	Đà Nẵng	1651	43A-917.68	Đà Nẵng	2651	38A-666.82	Hà Tĩnh
652	43A-934.68	Đà Nẵng	1652	43A-931.88	Đà Nẵng	2652	38C-231.99	Hà Tĩnh
653	43A-938.86	Đà Nẵng	1653	43A-933.88	Đà Nẵng	2653	43A-804.44	Đà Nẵng
654	43A-941.49	Đà Nẵng	1654	43A-938.89	Đà Nẵng	2654	43A-849.94	Đà Nẵng
655	43C-307.07	Đà Nẵng	1655	47A-631.99	Đắk Lắk	2655	43A-872.88	Đà Nẵng
656	47A-650.89	Đắk Lắk	1656	47A-652.79	Đắk Lắk	2656	43A-888.01	Đà Nẵng
657	47A-653.35	Đắk Lắk	1657	47A-661.98	Đắk Lắk	2657	43A-895.59	Đà Nẵng
658	47A-653.66	Đắk Lắk	1658	47A-662.25	Đắk Lắk	2658	43A-902.39	Đà Nẵng
659	47A-689.66	Đắk Lắk	1659	47A-702.99	Đắk Lắk	2659	43A-918.18	Đà Nẵng
660	47A-691.69	Đắk Lắk	1660	47A-704.89	Đắk Lắk	2660	43A-919.74	Đà Nẵng

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
661	47A-730.66	Đắk Lắk	1661	47A-707.86	Đắk Lắk	2661	43A-919.93	Đà Nẵng
662	47A-730.68	Đắk Lắk	1662	47A-707.96	Đắk Lắk	2662	43A-941.69	Đà Nẵng
663	47A-740.00	Đắk Lắk	1663	47A-723.89	Đắk Lắk	2663	47A-634.68	Đắk Lắk
664	47A-756.89	Đắk Lắk	1664	47A-726.62	Đắk Lắk	2664	47A-660.89	Đắk Lắk
665	47A-762.76	Đắk Lắk	1665	47A-729.69	Đắk Lắk	2665	47A-662.98	Đắk Lắk
666	47A-766.22	Đắk Lắk	1666	47A-736.89	Đắk Lắk	2666	47A-682.82	Đắk Lắk
667	47A-771.68	Đắk Lắk	1667	47A-753.53	Đắk Lắk	2667	47A-686.63	Đắk Lắk
668	47A-772.39	Đắk Lắk	1668	47A-774.66	Đắk Lắk	2668	47A-688.44	Đắk Lắk
669	47A-772.68	Đắk Lắk	1669	47A-792.66	Đắk Lắk	2669	47A-703.86	Đắk Lắk
670	47A-777.56	Đắk Lắk	1670	47A-795.59	Đắk Lắk	2670	47A-740.68	Đắk Lắk
671	47A-784.48	Đắk Lắk	1671	47A-813.18	Đắk Lắk	2671	47A-742.42	Đắk Lắk
672	47A-789.69	Đắk Lắk	1672	47C-376.76	Đắk Lắk	2672	47A-755.11	Đắk Lắk
673	47A-802.02	Đắk Lắk	1673	47C-381.79	Đắk Lắk	2673	47A-758.85	Đắk Lắk
674	47A-808.68	Đắk Lắk	1674	47C-385.55	Đắk Lắk	2674	47A-764.76	Đắk Lắk
675	47C-387.77	Đắk Lắk	1675	47C-388.22	Đắk Lắk	2675	47A-766.44	Đắk Lắk
676	47C-393.69	Đắk Lắk	1676	48A-206.69	Đắk Nông	2676	47A-776.99	Đắk Lắk
677	48A-229.68	Đắk Nông	1677	48A-209.98	Đắk Nông	2677	47A-799.89	Đắk Lắk
678	48A-245.24	Đắk Nông	1678	48A-222.56	Đắk Nông	2678	47A-806.99	Đắk Lắk
679	49A-641.99	Lâm Đồng	1679	48A-232.66	Đắk Nông	2679	47A-807.79	Đắk Lắk
680	49A-643.39	Lâm Đồng	1680	48A-234.66	Đắk Nông	2680	47A-808.89	Đắk Lắk
681	49A-650.05	Lâm Đồng	1681	48A-243.88	Đắk Nông	2681	47C-379.88	Đắk Lắk
682	49A-651.99	Lâm Đồng	1682	48A-245.89	Đắk Nông	2682	47C-388.68	Đắk Lắk
683	49A-671.88	Lâm Đồng	1683	49A-634.89	Lâm Đồng	2683	47D-016.86	Đắk Lắk
684	49A-680.88	Lâm Đồng	1684	49A-672.69	Lâm Đồng	2684	48A-211.79	Đắk Nông
685	49A-690.88	Lâm Đồng	1685	49A-685.69	Lâm Đồng	2685	48A-218.69	Đắk Nông
686	49A-711.33	Lâm Đồng	1686	49A-712.12	Lâm Đồng	2686	48A-222.45	Đắk Nông
687	49A-711.88	Lâm Đồng	1687	49A-720.39	Lâm Đồng	2687	48A-222.48	Đắk Nông
688	49A-719.94	Lâm Đồng	1688	49A-741.14	Lâm Đồng	2688	48A-223.32	Đắk Nông
689	49A-722.88	Lâm Đồng	1689	51D-839.99	Hồ Chí Minh	2689	48A-228.39	Đắk Nông
690	49A-724.42	Lâm Đồng	1690	51D-852.22	Hồ Chí Minh	2690	48A-244.42	Đắk Nông
691	49A-726.79	Lâm Đồng	1691	51D-891.39	Hồ Chí Minh	2691	48C-106.79	Đắk Nông
692	49A-729.79	Lâm Đồng	1692	51M-013.13	Hồ Chí Minh	2692	48C-106.86	Đắk Nông
693	49A-732.66	Lâm Đồng	1693	51M-015.58	Hồ Chí Minh	2693	48C-111.25	Đắk Nông
694	49A-741.88	Lâm Đồng	1694	51M-026.89	Hồ Chí Minh	2694	48C-111.26	Đắk Nông
695	51B-516.68	Hồ Chí Minh	1695	51M-035.88	Hồ Chí Minh	2695	49A-632.79	Lâm Đồng
696	51D-825.55	Hồ Chí Minh	1696	51M-039.03	Hồ Chí Minh	2696	49A-662.69	Lâm Đồng
697	51D-831.89	Hồ Chí Minh	1697	51M-040.89	Hồ Chí Minh	2697	49A-705.55	Lâm Đồng
698	51D-852.99	Hồ Chí Minh	1698	51M-043.25	Hồ Chí Minh	2698	49A-708.08	Lâm Đồng
699	51D-857.57	Hồ Chí Minh	1699	51M-043.65	Hồ Chí Minh	2699	49A-717.66	Lâm Đồng
700	51M-016.88	Hồ Chí Minh	1700	51M-045.11	Hồ Chí Minh	2700	49A-722.11	Lâm Đồng
701	51M-019.72	Hồ Chí Minh	1701	60B-067.99	Đồng Nai	2701	49A-731.68	Lâm Đồng
702	51M-019.79	Hồ Chí Minh	1702	60C-729.86	Đồng Nai	2702	49A-736.37	Lâm Đồng
703	51M-026.69	Hồ Chí Minh	1703	60C-729.88	Đồng Nai	2703	49A-745.68	Lâm Đồng
704	51M-034.39	Hồ Chí Minh	1704	60C-732.23	Đồng Nai	2704	49C-369.68	Lâm Đồng
705	51M-038.03	Hồ Chí Minh	1705	60C-735.68	Đồng Nai	2705	49C-371.66	Lâm Đồng
706	51M-043.04	Hồ Chí Minh	1706	60K-422.86	Đồng Nai	2706	49C-373.88	Lâm Đồng
707	51M-048.68	Hồ Chí Minh	1707	60K-433.68	Đồng Nai	2707	51D-825.79	Hồ Chí Minh
708	51M-048.89	Hồ Chí Minh	1708	60K-434.66	Đồng Nai	2708	51D-826.68	Hồ Chí Minh
709	60K-429.66	Đồng Nai	1709	60K-436.68	Đồng Nai	2709	51D-828.28	Hồ Chí Minh
710	60K-438.83	Đồng Nai	1710	60K-452.66	Đồng Nai	2710	51D-833.77	Hồ Chí Minh
711	60K-457.96	Đồng Nai	1711	60K-464.99	Đồng Nai	2711	51D-861.66	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
712	60K-471.17	Đồng Nai	1712	60K-471.66	Đồng Nai	2712	51D-891.66	Hồ Chí Minh
713	60K-483.33	Đồng Nai	1713	60K-472.79	Đồng Nai	2713	51E-322.68	Hồ Chí Minh
714	60K-488.98	Đồng Nai	1714	60K-475.79	Đồng Nai	2714	51E-326.66	Hồ Chí Minh
715	60K-500.68	Đồng Nai	1715	60K-478.39	Đồng Nai	2715	51E-333.59	Hồ Chí Minh
716	60K-500.77	Đồng Nai	1716	60K-478.98	Đồng Nai	2716	51M-016.55	Hồ Chí Minh
717	60K-501.39	Đồng Nai	1717	60K-482.99	Đồng Nai	2717	51M-018.39	Hồ Chí Minh
718	60K-503.30	Đồng Nai	1718	60K-493.86	Đồng Nai	2718	51M-019.87	Hồ Chí Minh
719	60K-535.36	Đồng Nai	1719	60K-493.89	Đồng Nai	2719	51M-024.86	Hồ Chí Minh
720	60K-539.88	Đồng Nai	1720	60K-506.86	Đồng Nai	2720	51M-029.00	Hồ Chí Minh
721	60K-547.99	Đồng Nai	1721	60K-524.39	Đồng Nai	2721	51M-036.78	Hồ Chí Minh
722	60K-558.59	Đồng Nai	1722	60K-525.88	Đồng Nai	2722	51M-047.68	Hồ Chí Minh
723	60K-568.67	Đồng Nai	1723	60K-538.99	Đồng Nai	2723	60C-752.86	Đồng Nai
724	60K-569.66	Đồng Nai	1724	60K-554.44	Đồng Nai	2724	60D-019.39	Đồng Nai
725	60K-585.86	Đồng Nai	1725	60K-555.02	Đồng Nai	2725	60K-437.37	Đồng Nai
726	60K-586.85	Đồng Nai	1726	60K-560.79	Đồng Nai	2726	60K-437.77	Đồng Nai
727	60K-597.77	Đồng Nai	1727	60K-572.69	Đồng Nai	2727	60K-440.88	Đồng Nai
728	60K-599.96	Đồng Nai	1728	60K-573.75	Đồng Nai	2728	60K-442.69	Đồng Nai
729	60K-614.61	Đồng Nai	1729	60K-592.29	Đồng Nai	2729	60K-460.66	Đồng Nai
730	61C-606.68	Bình Dương	1730	60K-598.69	Đồng Nai	2730	60K-461.16	Đồng Nai
731	61D-022.33	Bình Dương	1731	60K-600.01	Đồng Nai	2731	60K-469.89	Đồng Nai
732	61K-311.39	Bình Dương	1732	60K-600.44	Đồng Nai	2732	60K-470.86	Đồng Nai
733	61K-314.68	Bình Dương	1733	60K-605.55	Đồng Nai	2733	60K-475.98	Đồng Nai
734	61K-316.69	Bình Dương	1734	60K-609.89	Đồng Nai	2734	60K-483.68	Đồng Nai
735	61K-317.77	Bình Dương	1735	60K-613.33	Đồng Nai	2735	60K-490.00	Đồng Nai
736	61K-360.39	Bình Dương	1736	60K-613.61	Đồng Nai	2736	60K-506.66	Đồng Nai
737	61K-368.38	Bình Dương	1737	60K-613.79	Đồng Nai	2737	60K-516.86	Đồng Nai
738	61K-374.79	Bình Dương	1738	60K-616.17	Đồng Nai	2738	60K-544.00	Đồng Nai
739	61K-399.44	Bình Dương	1739	61C-598.68	Bình Dương	2739	60K-546.89	Đồng Nai
740	61K-402.66	Bình Dương	1740	61C-605.89	Bình Dương	2740	60K-552.89	Đồng Nai
741	61K-412.79	Bình Dương	1741	61K-320.79	Bình Dương	2741	60K-556.69	Đồng Nai
742	61K-413.86	Bình Dương	1742	61K-323.99	Bình Dương	2742	60K-571.71	Đồng Nai
743	61K-431.39	Bình Dương	1743	61K-325.99	Bình Dương	2743	60K-578.66	Đồng Nai
744	61K-434.66	Bình Dương	1744	61K-332.66	Bình Dương	2744	61D-019.99	Bình Dương
745	61K-434.68	Bình Dương	1745	61K-365.99	Bình Dương	2745	61K-344.88	Bình Dương
746	61K-440.69	Bình Dương	1746	61K-369.39	Bình Dương	2746	61K-347.74	Bình Dương
747	61K-444.05	Bình Dương	1747	61K-373.96	Bình Dương	2747	61K-348.68	Bình Dương
748	61K-444.67	Bình Dương	1748	61K-388.26	Bình Dương	2748	61K-410.69	Bình Dương
749	61K-447.44	Bình Dương	1749	61K-388.44	Bình Dương	2749	61K-418.66	Bình Dương
750	61K-448.44	Bình Dương	1750	61K-388.77	Bình Dương	2750	61K-421.88	Bình Dương
751	61K-461.61	Bình Dương	1751	61K-404.69	Bình Dương	2751	61K-445.88	Bình Dương
752	61K-470.39	Bình Dương	1752	61K-410.10	Bình Dương	2752	61K-459.79	Bình Dương
753	61K-470.68	Bình Dương	1753	61K-424.68	Bình Dương	2753	61K-462.79	Bình Dương
754	61K-472.86	Bình Dương	1754	61K-427.69	Bình Dương	2754	61K-463.99	Bình Dương
755	61K-486.84	Bình Dương	1755	61K-432.66	Bình Dương	2755	61K-474.79	Bình Dương
756	61K-497.39	Bình Dương	1756	61K-435.68	Bình Dương	2756	61K-476.89	Bình Dương
757	61K-516.88	Bình Dương	1757	61K-445.45	Bình Dương	2757	61K-483.48	Bình Dương
758	62A-387.89	Long An	1758	61K-448.86	Bình Dương	2758	61K-492.94	Bình Dương
759	62A-405.39	Long An	1759	61K-454.69	Bình Dương	2759	61K-503.30	Bình Dương
760	62A-406.96	Long An	1760	61K-461.79	Bình Dương	2760	61K-508.68	Bình Dương
761	62A-419.19	Long An	1761	61K-471.72	Bình Dương	2761	61K-516.51	Bình Dương
762	62A-429.88	Long An	1762	61K-496.66	Bình Dương	2762	62A-395.86	Long An

1-
TY
GIÁ
ANH
JAM
-T.P

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
763	62A-441.88	Long An	1763	61K-496.88	Bình Dương	2763	62A-409.89	Long An
764	62A-444.55	Long An	1764	62A-389.69	Long An	2764	62A-411.33	Long An
765	62A-445.45	Long An	1765	62A-389.88	Long An	2765	62A-426.86	Long An
766	62A-445.79	Long An	1766	62A-402.86	Long An	2766	62A-430.03	Long An
767	62A-455.22	Long An	1767	62A-411.66	Long An	2767	62A-438.99	Long An
768	62A-469.39	Long An	1768	62A-447.39	Long An	2768	62A-441.99	Long An
769	63A-277.22	Tiền Giang	1769	62A-457.54	Long An	2769	62A-457.57	Long An
770	63A-278.69	Tiền Giang	1770	62A-460.86	Long An	2770	62A-463.64	Long An
771	63A-287.78	Tiền Giang	1771	63A-292.69	Tiền Giang	2771	62C-213.66	Long An
772	63A-294.88	Tiền Giang	1772	63A-303.39	Tiền Giang	2772	63A-282.38	Tiền Giang
773	63A-301.88	Tiền Giang	1773	63A-320.86	Tiền Giang	2773	63A-282.89	Tiền Giang
774	63A-308.30	Tiền Giang	1774	63A-321.88	Tiền Giang	2774	63A-285.38	Tiền Giang
775	63A-308.69	Tiền Giang	1775	64A-191.39	Vĩnh Long	2775	63A-292.88	Tiền Giang
776	63A-308.99	Tiền Giang	1776	64A-195.19	Vĩnh Long	2776	63A-295.68	Tiền Giang
777	63A-314.99	Tiền Giang	1777	64A-196.19	Vĩnh Long	2777	63A-299.22	Tiền Giang
778	63A-316.31	Tiền Giang	1778	64A-197.39	Vĩnh Long	2778	63A-303.03	Tiền Giang
779	63C-222.35	Tiền Giang	1779	65A-421.99	Cần Thơ	2779	63A-307.86	Tiền Giang
780	63C-226.88	Tiền Giang	1780	65A-433.69	Cần Thơ	2780	64A-184.48	Vĩnh Long
781	63D-011.55	Tiền Giang	1781	65A-436.88	Cần Thơ	2781	64A-202.88	Vĩnh Long
782	65A-412.68	Cần Thơ	1782	65A-451.11	Cần Thơ	2782	64B-015.15	Vĩnh Long
783	65A-414.79	Cần Thơ	1783	65A-451.79	Cần Thơ	2783	65A-422.66	Cần Thơ
784	65A-416.68	Cần Thơ	1784	65A-458.86	Cần Thơ	2784	65A-428.39	Cần Thơ
785	65A-446.46	Cần Thơ	1785	65A-472.72	Cần Thơ	2785	65A-450.50	Cần Thơ
786	65A-479.69	Cần Thơ	1786	65A-474.88	Cần Thơ	2786	65A-452.99	Cần Thơ
787	65A-495.86	Cần Thơ	1787	65A-513.51	Cần Thơ	2787	65A-483.99	Cần Thơ
788	65A-495.89	Cần Thơ	1788	65C-228.88	Cần Thơ	2788	65A-486.88	Cần Thơ
789	65A-502.03	Cần Thơ	1789	65C-231.69	Cần Thơ	2789	65A-497.89	Cần Thơ
790	65A-511.89	Cần Thơ	1790	66A-259.39	Đồng Tháp	2790	65A-501.23	Cần Thơ
791	66A-253.66	Đồng Tháp	1791	66A-259.89	Đồng Tháp	2791	65A-501.50	Cần Thơ
792	66A-254.54	Đồng Tháp	1792	66A-260.69	Đồng Tháp	2792	65A-502.69	Cần Thơ
793	66A-280.69	Đồng Tháp	1793	66A-270.69	Đồng Tháp	2793	65A-503.69	Cần Thơ
794	66A-280.88	Đồng Tháp	1794	66A-277.22	Đồng Tháp	2794	65A-510.66	Cần Thơ
795	66A-289.79	Đồng Tháp	1795	66A-293.29	Đồng Tháp	2795	65C-227.86	Cần Thơ
796	66A-292.66	Đồng Tháp	1796	66A-294.44	Đồng Tháp	2796	65C-232.88	Cần Thơ
797	67A-306.60	An Giang	1797	66A-294.88	Đồng Tháp	2797	66A-243.33	Đồng Tháp
798	67A-307.77	An Giang	1798	66A-301.39	Đồng Tháp	2798	66A-247.39	Đồng Tháp
799	67A-308.68	An Giang	1799	66B-022.55	Đồng Tháp	2799	66A-260.79	Đồng Tháp
800	67A-308.99	An Giang	1800	67A-282.68	An Giang	2800	66A-271.11	Đồng Tháp
801	67A-319.70	An Giang	1801	67A-283.38	An Giang	2801	66A-278.88	Đồng Tháp
802	67A-323.23	An Giang	1802	67A-286.96	An Giang	2802	66A-287.88	Đồng Tháp
803	67A-325.86	An Giang	1803	67A-313.33	An Giang	2803	66A-299.11	Đồng Tháp
804	68A-346.88	Kiên Giang	1804	67A-320.66	An Giang	2804	66A-300.89	Đồng Tháp
805	68A-361.79	Kiên Giang	1805	67B-028.82	An Giang	2805	66C-182.68	Đồng Tháp
806	69A-158.69	Cà Mau	1806	67B-029.39	An Giang	2806	67A-283.86	An Giang
807	69A-161.89	Cà Mau	1807	68A-325.69	Kiên Giang	2807	67A-296.88	An Giang
808	69B-012.39	Cà Mau	1808	68A-332.66	Kiên Giang	2808	67A-322.77	An Giang
809	70A-498.98	Tây Ninh	1809	68A-355.00	Kiên Giang	2809	67A-328.29	An Giang
810	70A-506.79	Tây Ninh	1810	68B-032.69	Kiên Giang	2810	68A-307.69	Kiên Giang
811	70A-507.99	Tây Ninh	1811	69A-142.88	Cà Mau	2811	68A-358.69	Kiên Giang
812	70A-508.86	Tây Ninh	1812	69A-153.86	Cà Mau	2812	69A-160.68	Cà Mau
813	70A-522.23	Tây Ninh	1813	69B-012.79	Cà Mau	2813	69A-164.79	Cà Mau

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
814	70A-522.69	Tây Ninh	1814	70A-515.89	Tây Ninh	2814	70A-491.66	Tây Ninh
815	70A-523.86	Tây Ninh	1815	70A-515.96	Tây Ninh	2815	70A-492.99	Tây Ninh
816	70A-530.00	Tây Ninh	1816	70A-519.90	Tây Ninh	2816	70A-514.69	Tây Ninh
817	70A-532.99	Tây Ninh	1817	70A-521.69	Tây Ninh	2817	70A-522.44	Tây Ninh
818	70A-543.89	Tây Ninh	1818	70A-523.33	Tây Ninh	2818	70A-522.55	Tây Ninh
819	70A-547.99	Tây Ninh	1819	70A-544.66	Tây Ninh	2819	70A-537.38	Tây Ninh
820	70A-553.68	Tây Ninh	1820	70A-546.69	Tây Ninh	2820	70A-540.69	Tây Ninh
821	70A-553.89	Tây Ninh	1821	70A-555.26	Tây Ninh	2821	70A-541.66	Tây Ninh
822	70A-578.99	Tây Ninh	1822	70A-570.68	Tây Ninh	2822	70A-541.68	Tây Ninh
823	70B-033.22	Tây Ninh	1823	71A-181.66	Bến Tre	2823	70A-544.68	Tây Ninh
824	70C-211.22	Tây Ninh	1824	71A-188.96	Bến Tre	2824	70A-545.66	Tây Ninh
825	71A-195.66	Bến Tre	1825	71A-197.88	Bến Tre	2825	70A-556.68	Tây Ninh
826	71A-203.79	Bến Tre	1826	71A-205.68	Bến Tre	2826	70A-567.66	Tây Ninh
827	72A-763.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	1827	71A-205.99	Bến Tre	2827	70A-575.89	Tây Ninh
828	72A-767.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	1828	71A-210.68	Bến Tre	2828	71A-197.39	Bến Tre
829	72A-776.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	1829	72A-763.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	2829	71A-199.68	Bến Tre
830	72A-778.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	1830	72A-771.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2830	71A-205.02	Bến Tre
831	72A-795.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	1831	72A-780.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2831	71A-205.06	Bến Tre
832	72A-803.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	1832	72A-787.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2832	72A-756.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
833	72A-812.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	1833	72A-800.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2833	72A-766.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
834	72A-814.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	1834	72A-824.24	Bà Rịa - Vũng Tàu	2834	72A-799.77	Bà Rịa - Vũng Tàu
835	72A-818.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	1835	72A-824.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2835	72A-804.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
836	72C-233.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	1836	72A-832.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2836	72A-805.05	Bà Rịa - Vũng Tàu
837	73A-326.98	Quảng Bình	1837	73A-327.86	Quảng Bình	2837	72A-812.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
838	73A-334.66	Quảng Bình	1838	73A-350.39	Quảng Bình	2838	72A-824.82	Bà Rịa - Vũng Tàu
839	73B-015.89	Quảng Bình	1839	73A-351.11	Quảng Bình	2839	72A-825.55	Bà Rịa - Vũng Tàu
840	73C-188.39	Quảng Bình	1840	73A-365.63	Quảng Bình	2840	72A-826.28	Bà Rịa - Vũng Tàu
841	74A-242.24	Quảng Trị	1841	74A-246.64	Quảng Trị	2841	73A-340.89	Quảng Bình
842	74A-262.99	Quảng Trị	1842	74A-248.99	Quảng Trị	2842	73A-342.79	Quảng Bình
843	75A-355.69	Thừa Thiên Huế	1843	74A-251.98	Quảng Trị	2843	74A-249.66	Quảng Trị
844	75A-363.66	Thừa Thiên Huế	1844	74A-275.57	Quảng Trị	2844	74A-249.94	Quảng Trị
845	75A-364.89	Thừa Thiên Huế	1845	74C-135.99	Quảng Trị	2845	74A-258.79	Quảng Trị
846	75A-367.77	Thừa Thiên Huế	1846	75A-342.22	Thừa Thiên Huế	2846	74A-261.88	Quảng Trị
847	75A-371.72	Thừa Thiên Huế	1847	75A-349.89	Thừa Thiên Huế	2847	74A-265.88	Quảng Trị
848	75A-381.88	Thừa Thiên Huế	1848	75A-351.11	Thừa Thiên Huế	2848	74A-271.39	Quảng Trị
849	76A-286.99	Quảng Ngãi	1849	75A-360.79	Thừa Thiên Huế	2849	74A-271.68	Quảng Trị
850	76A-290.99	Quảng Ngãi	1850	75A-367.79	Thừa Thiên Huế	2850	75A-348.88	Thừa Thiên Huế
851	76A-313.33	Quảng Ngãi	1851	75A-372.39	Thừa Thiên Huế	2851	75A-351.98	Thừa Thiên Huế
852	76A-321.99	Quảng Ngãi	1852	75A-379.68	Thừa Thiên Huế	2852	75A-367.86	Thừa Thiên Huế
853	77A-296.88	Bình Định	1853	75B-026.62	Thừa Thiên Huế	2853	75A-374.86	Thừa Thiên Huế
854	77A-306.86	Bình Định	1854	76A-292.89	Quảng Ngãi	2854	75A-379.66	Thừa Thiên Huế
855	77A-313.39	Bình Định	1855	76A-294.86	Quảng Ngãi	2855	75A-382.89	Thừa Thiên Huế
856	77A-331.99	Bình Định	1856	76A-296.86	Quảng Ngãi	2856	75B-026.88	Thừa Thiên Huế
857	77A-333.48	Bình Định	1857	76A-310.01	Quảng Ngãi	2857	76A-293.69	Quảng Ngãi
858	77A-343.34	Bình Định	1858	76A-312.21	Quảng Ngãi	2858	76A-301.86	Quảng Ngãi
859	77A-343.39	Bình Định	1859	76D-011.79	Quảng Ngãi	2859	76A-302.89	Quảng Ngãi
860	77A-345.43	Bình Định	1860	77A-314.44	Bình Định	2860	76A-305.79	Quảng Ngãi
861	77A-347.47	Bình Định	1861	77A-316.39	Bình Định	2861	76A-309.39	Quảng Ngãi
862	79A-498.69	Khánh Hòa	1862	77A-320.66	Bình Định	2862	76A-319.76	Quảng Ngãi
863	79A-541.68	Khánh Hòa	1863	77A-323.32	Bình Định	2863	77A-312.98	Bình Định
864	79A-545.69	Khánh Hòa	1864	77A-330.99	Bình Định	2864	77A-317.39	Bình Định

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
865	79A-548.45	Khánh Hòa	1865	77A-333.28	Bình Định	2865	77A-337.33	Bình Định
866	79A-548.69	Khánh Hòa	1866	77A-337.39	Bình Định	2866	77A-338.83	Bình Định
867	79A-555.37	Khánh Hòa	1867	77A-344.66	Bình Định	2867	77A-343.66	Bình Định
868	79A-557.69	Khánh Hòa	1868	77A-354.39	Bình Định	2868	77B-036.86	Bình Định
869	81A-393.98	Gia Lai	1869	78A-185.58	Phú Yên	2869	78A-187.98	Phú Yên
870	81A-421.21	Gia Lai	1870	78A-187.69	Phú Yên	2870	78A-189.66	Phú Yên
871	81C-277.69	Gia Lai	1871	78A-207.79	Phú Yên	2871	78A-189.86	Phú Yên
872	81D-012.99	Gia Lai	1872	79A-509.86	Khánh Hòa	2872	78A-203.33	Phú Yên
873	82A-127.39	Kon Tum	1873	79A-522.96	Khánh Hòa	2873	79A-503.79	Khánh Hòa
874	82A-130.68	Kon Tum	1874	79A-523.88	Khánh Hòa	2874	79A-531.66	Khánh Hòa
875	82A-131.39	Kon Tum	1875	79A-528.69	Khánh Hòa	2875	79A-533.39	Khánh Hòa
876	82A-146.66	Kon Tum	1876	79A-549.45	Khánh Hòa	2876	79A-543.89	Khánh Hòa
877	82A-149.86	Kon Tum	1877	79A-558.85	Khánh Hòa	2877	79A-544.66	Khánh Hòa
878	83A-167.88	Sóc Trăng	1878	79A-563.68	Khánh Hòa	2878	79A-548.54	Khánh Hòa
879	83A-173.33	Sóc Trăng	1879	81A-394.39	Gia Lai	2879	79A-551.99	Khánh Hòa
880	83A-175.88	Sóc Trăng	1880	81A-408.99	Gia Lai	2880	79A-555.06	Khánh Hòa
881	83C-129.92	Sóc Trăng	1881	81A-422.66	Gia Lai	2881	79A-560.00	Khánh Hòa
882	84A-133.11	Trà Vinh	1882	81A-423.68	Gia Lai	2882	81A-381.66	Gia Lai
883	84A-136.99	Trà Vinh	1883	81A-423.86	Gia Lai	2883	81A-382.99	Gia Lai
884	84B-018.39	Trà Vinh	1884	81A-426.79	Gia Lai	2884	81A-389.96	Gia Lai
885	86A-290.00	Bình Thuận	1885	81A-436.89	Gia Lai	2885	81A-404.04	Gia Lai
886	86A-304.69	Bình Thuận	1886	81A-437.34	Gia Lai	2886	81A-406.69	Gia Lai
887	88A-675.79	Vĩnh Phúc	1887	81A-440.66	Gia Lai	2887	81A-411.86	Gia Lai
888	88A-694.68	Vĩnh Phúc	1888	81A-443.44	Gia Lai	2888	81A-413.79	Gia Lai
889	88A-707.68	Vĩnh Phúc	1889	81A-449.68	Gia Lai	2889	81A-416.68	Gia Lai
890	88A-714.66	Vĩnh Phúc	1890	81A-450.50	Gia Lai	2890	81A-437.86	Gia Lai
891	88A-720.86	Vĩnh Phúc	1891	81C-277.88	Gia Lai	2891	81A-442.89	Gia Lai
892	88A-726.62	Vĩnh Phúc	1892	82A-133.88	Kon Tum	2892	81A-446.64	Gia Lai
893	88A-730.31	Vĩnh Phúc	1893	82A-141.98	Kon Tum	2893	81A-446.79	Gia Lai
894	88A-734.68	Vĩnh Phúc	1894	82A-143.86	Kon Tum	2894	81A-450.66	Gia Lai
895	88A-735.69	Vĩnh Phúc	1895	84A-138.86	Trà Vinh	2895	81A-452.88	Gia Lai
896	88A-740.88	Vĩnh Phúc	1896	85A-127.79	Ninh Thuận	2896	81C-269.96	Gia Lai
897	88A-742.68	Vĩnh Phúc	1897	85A-133.77	Ninh Thuận	2897	82A-135.88	Kon Tum
898	88A-743.79	Vĩnh Phúc	1898	85C-082.69	Ninh Thuận	2898	82A-149.79	Kon Tum
899	88A-752.86	Vĩnh Phúc	1899	86A-292.69	Bình Thuận	2899	82A-155.44	Kon Tum
900	88A-760.76	Vĩnh Phúc	1900	86A-305.79	Bình Thuận	2900	83A-172.68	Sóc Trăng
901	88A-767.99	Vĩnh Phúc	1901	86A-319.95	Bình Thuận	2901	83A-183.69	Sóc Trăng
902	88A-772.27	Vĩnh Phúc	1902	88A-647.79	Vĩnh Phúc	2902	83A-191.92	Sóc Trăng
903	88A-773.69	Vĩnh Phúc	1903	88A-671.11	Vĩnh Phúc	2903	83C-129.39	Sóc Trăng
904	88D-019.79	Vĩnh Phúc	1904	88A-704.04	Vĩnh Phúc	2904	84A-126.86	Trà Vinh
905	89A-449.86	Hưng Yên	1905	88A-708.68	Vĩnh Phúc	2905	84A-129.86	Trà Vinh
906	89A-452.39	Hưng Yên	1906	88A-709.79	Vĩnh Phúc	2906	84A-137.68	Trà Vinh
907	89A-461.66	Hưng Yên	1907	88A-711.86	Vĩnh Phúc	2907	84A-144.99	Trà Vinh
908	89A-471.99	Hưng Yên	1908	88A-746.74	Vĩnh Phúc	2908	84A-146.14	Trà Vinh
909	89A-478.78	Hưng Yên	1909	88A-751.52	Vĩnh Phúc	2909	84C-123.44	Trà Vinh
910	89A-480.80	Hưng Yên	1910	88A-753.39	Vĩnh Phúc	2910	85A-120.66	Ninh Thuận
911	89A-487.86	Hưng Yên	1911	88A-758.66	Vĩnh Phúc	2911	85A-140.88	Ninh Thuận
912	89A-488.39	Hưng Yên	1912	88A-759.57	Vĩnh Phúc	2912	85A-145.99	Ninh Thuận
913	89A-507.08	Hưng Yên	1913	88A-770.71	Vĩnh Phúc	2913	86A-289.96	Bình Thuận
914	89A-508.79	Hưng Yên	1914	88A-775.39	Vĩnh Phúc	2914	86A-303.86	Bình Thuận
915	89A-523.32	Hưng Yên	1915	88A-776.79	Vĩnh Phúc	2915	86A-312.34	Bình Thuận

5:4
ÔNG
ĐẦU
ĐP C
IẾT
XUẤT

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
916	89A-527.69	Hung Yên	1916	88A-777.25	Vĩnh Phúc	2916	86B-021.69	Bình Thuận
917	90A-242.66	Hà Nam	1917	88C-297.97	Vĩnh Phúc	2917	88A-674.98	Vĩnh Phúc
918	90A-245.56	Hà Nam	1918	88C-301.68	Vĩnh Phúc	2918	88A-677.11	Vĩnh Phúc
919	90A-259.36	Hà Nam	1919	88C-303.99	Vĩnh Phúc	2919	88A-683.26	Vĩnh Phúc
920	90A-271.68	Hà Nam	1920	89A-429.66	Hung Yên	2920	88A-693.69	Vĩnh Phúc
921	90A-277.86	Hà Nam	1921	89A-464.66	Hung Yên	2921	88A-701.66	Vĩnh Phúc
922	92A-382.38	Quảng Nam	1922	89A-480.88	Hung Yên	2922	88A-711.79	Vĩnh Phúc
923	92A-386.58	Quảng Nam	1923	89A-519.73	Hung Yên	2923	88A-736.86	Vĩnh Phúc
924	92A-387.96	Quảng Nam	1924	89A-520.89	Hung Yên	2924	88A-747.48	Vĩnh Phúc
925	92A-389.38	Quảng Nam	1925	89A-521.22	Hung Yên	2925	88A-777.12	Vĩnh Phúc
926	92A-396.66	Quảng Nam	1926	89A-521.25	Hung Yên	2926	88A-785.69	Vĩnh Phúc
927	92A-400.68	Quảng Nam	1927	89A-524.25	Hung Yên	2927	88A-787.39	Vĩnh Phúc
928	92A-409.89	Quảng Nam	1928	90A-250.66	Hà Nam	2928	89A-438.79	Hung Yên
929	92A-409.90	Quảng Nam	1929	90A-255.22	Hà Nam	2929	89A-451.15	Hung Yên
930	92A-413.69	Quảng Nam	1930	90A-256.98	Hà Nam	2930	89A-455.44	Hung Yên
931	92A-418.99	Quảng Nam	1931	90A-266.77	Hà Nam	2931	89A-456.38	Hung Yên
932	92A-419.66	Quảng Nam	1932	90A-280.66	Hà Nam	2932	89A-465.89	Hung Yên
933	92A-430.89	Quảng Nam	1933	92A-393.98	Quảng Nam	2933	89A-476.39	Hung Yên
934	93A-441.88	Bình Phước	1934	92A-403.33	Quảng Nam	2934	89A-479.69	Hung Yên
935	93A-442.99	Bình Phước	1935	92A-408.69	Quảng Nam	2935	89A-484.48	Hung Yên
936	93A-450.88	Bình Phước	1936	92A-410.66	Quảng Nam	2936	89A-485.58	Hung Yên
937	93A-452.86	Bình Phước	1937	92A-416.66	Quảng Nam	2937	89A-490.79	Hung Yên
938	93A-472.86	Bình Phước	1938	92A-423.24	Quảng Nam	2938	89A-490.89	Hung Yên
939	93A-477.22	Bình Phước	1939	92A-424.25	Quảng Nam	2939	89A-492.92	Hung Yên
940	93A-495.95	Bình Phước	1940	92A-428.86	Quảng Nam	2940	89A-503.89	Hung Yên
941	93A-501.01	Bình Phước	1941	93A-448.79	Bình Phước	2941	89A-519.68	Hung Yên
942	93A-504.89	Bình Phước	1942	93A-462.88	Bình Phước	2942	89A-521.21	Hung Yên
943	93B-019.86	Bình Phước	1943	93A-476.67	Bình Phước	2943	89A-526.27	Hung Yên
944	94A-101.88	Bạc Liêu	1944	93A-484.39	Bình Phước	2944	90A-253.56	Hà Nam
945	94A-107.77	Bạc Liêu	1945	93A-490.88	Bình Phước	2945	90A-270.66	Hà Nam
946	95A-118.86	Hậu Giang	1946	93A-493.89	Bình Phước	2946	90A-283.84	Hà Nam
947	95A-121.89	Hậu Giang	1947	93A-498.49	Bình Phước	2947	92A-385.99	Quảng Nam
948	95A-133.00	Hậu Giang	1948	93A-501.69	Bình Phước	2948	92A-398.39	Quảng Nam
949	97A-080.28	Bắc Kạn	1949	94A-103.66	Bạc Liêu	2949	92A-409.66	Quảng Nam
950	97A-086.69	Bắc Kạn	1950	94C-082.79	Bạc Liêu	2950	92A-411.14	Quảng Nam
951	97A-094.79	Bắc Kạn	1951	95A-112.89	Hậu Giang	2951	92A-416.69	Quảng Nam
952	98A-686.59	Bắc Giang	1952	95A-113.89	Hậu Giang	2952	92A-417.89	Quảng Nam
953	98A-700.00	Bắc Giang	1953	95A-120.86	Hậu Giang	2953	92A-430.69	Quảng Nam
954	98A-730.58	Bắc Giang	1954	95A-133.31	Hậu Giang	2954	92A-431.31	Quảng Nam
955	98A-741.86	Bắc Giang	1955	95A-133.34	Hậu Giang	2955	92B-033.66	Quảng Nam
956	98A-742.79	Bắc Giang	1956	95B-013.89	Hậu Giang	2956	92D-011.33	Quảng Nam
957	98A-743.34	Bắc Giang	1957	95C-086.88	Hậu Giang	2957	93A-444.41	Bình Phước
958	98A-751.88	Bắc Giang	1958	97A-078.38	Bắc Kạn	2958	93A-451.89	Bình Phước
959	98A-758.99	Bắc Giang	1959	97A-084.89	Bắc Kạn	2959	93A-460.06	Bình Phước
960	98A-760.79	Bắc Giang	1960	97C-046.99	Bắc Kạn	2960	93A-476.39	Bình Phước
961	98A-761.66	Bắc Giang	1961	98A-681.11	Bắc Giang	2961	93A-480.39	Bình Phước
962	98A-766.00	Bắc Giang	1962	98A-701.89	Bắc Giang	2962	93A-481.68	Bình Phước
963	98A-766.11	Bắc Giang	1963	98A-718.98	Bắc Giang	2963	93A-482.66	Bình Phước
964	98A-783.66	Bắc Giang	1964	98A-732.88	Bắc Giang	2964	93A-483.33	Bình Phước
965	98A-794.89	Bắc Giang	1965	98A-741.39	Bắc Giang	2965	93A-492.22	Bình Phước
966	98A-806.69	Bắc Giang	1966	98A-742.88	Bắc Giang	2966	93A-492.39	Bình Phước

1-
TY
GIÁ
ANH
JAM
1-T.P

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
967	98A-810.00	Bắc Giang	1967	98A-746.66	Bắc Giang	2967	93C-196.39	Bình Phước
968	98A-812.18	Bắc Giang	1968	98A-761.39	Bắc Giang	2968	95A-117.99	Hậu Giang
969	98A-817.66	Bắc Giang	1969	98A-762.89	Bắc Giang	2969	95A-118.39	Hậu Giang
970	98A-819.66	Bắc Giang	1970	98A-765.68	Bắc Giang	2970	95A-130.89	Hậu Giang
971	98A-828.29	Bắc Giang	1971	98A-767.86	Bắc Giang	2971	95A-131.11	Hậu Giang
972	98A-855.33	Bắc Giang	1972	98A-771.71	Bắc Giang	2972	97A-081.86	Bắc Kạn
973	99A-697.66	Bắc Ninh	1973	98A-800.77	Bắc Giang	2973	97B-012.68	Bắc Kạn
974	99A-701.11	Bắc Ninh	1974	98A-804.05	Bắc Giang	2974	98A-686.18	Bắc Giang
975	99A-702.66	Bắc Ninh	1975	98A-809.68	Bắc Giang	2975	98A-689.22	Bắc Giang
976	99A-704.04	Bắc Ninh	1976	98A-813.68	Bắc Giang	2976	98A-696.33	Bắc Giang
977	99A-710.79	Bắc Ninh	1977	98A-834.35	Bắc Giang	2977	98A-711.11	Bắc Giang
978	99A-723.86	Bắc Ninh	1978	98A-851.52	Bắc Giang	2978	98A-715.39	Bắc Giang
979	99A-732.99	Bắc Ninh	1979	98A-854.45	Bắc Giang	2979	98A-728.66	Bắc Giang
980	99A-735.66	Bắc Ninh	1980	98C-366.67	Bắc Giang	2980	98A-730.00	Bắc Giang
981	99A-738.56	Bắc Ninh	1981	99A-702.39	Bắc Ninh	2981	98A-752.86	Bắc Giang
982	99A-742.79	Bắc Ninh	1982	99A-706.06	Bắc Ninh	2982	98A-754.79	Bắc Giang
983	99A-743.99	Bắc Ninh	1983	99A-726.69	Bắc Ninh	2983	98A-770.86	Bắc Giang
984	99A-754.54	Bắc Ninh	1984	99A-729.79	Bắc Ninh	2984	98A-810.99	Bắc Giang
985	99A-766.16	Bắc Ninh	1985	99A-730.66	Bắc Ninh	2985	98A-819.94	Bắc Giang
986	99A-782.39	Bắc Ninh	1986	99A-741.96	Bắc Ninh	2986	98A-820.20	Bắc Giang
987	99A-788.11	Bắc Ninh	1987	99A-742.68	Bắc Ninh	2987	98A-832.39	Bắc Giang
988	99A-800.89	Bắc Ninh	1988	99A-744.79	Bắc Ninh	2988	98A-841.39	Bắc Giang
989	99A-806.60	Bắc Ninh	1989	99A-744.86	Bắc Ninh	2989	98A-842.42	Bắc Giang
990	99A-806.86	Bắc Ninh	1990	99A-755.11	Bắc Ninh	2990	98A-857.77	Bắc Giang
991	99A-817.71	Bắc Ninh	1991	99A-766.98	Bắc Ninh	2991	99A-728.82	Bắc Ninh
992	99A-819.71	Bắc Ninh	1992	99A-773.68	Bắc Ninh	2992	99A-753.79	Bắc Ninh
993	99A-820.28	Bắc Ninh	1993	99A-776.68	Bắc Ninh	2993	99A-765.39	Bắc Ninh
994	99A-824.28	Bắc Ninh	1994	99A-777.74	Bắc Ninh	2994	99A-770.69	Bắc Ninh
995	99A-840.86	Bắc Ninh	1995	99A-800.11	Bắc Ninh	2995	99A-778.78	Bắc Ninh
996	99A-847.79	Bắc Ninh	1996	99A-826.79	Bắc Ninh	2996	99A-784.84	Bắc Ninh
997	99B-029.88	Bắc Ninh	1997	99A-830.39	Bắc Ninh	2997	99A-808.80	Bắc Ninh
998	99C-318.89	Bắc Ninh	1998	99A-836.37	Bắc Ninh	2998	99A-819.94	Bắc Ninh
999	99C-323.68	Bắc Ninh	1999	99A-840.79	Bắc Ninh	2999	99A-819.96	Bắc Ninh
1000	99D-023.88	Bắc Ninh	2000	99A-844.86	Bắc Ninh	3000	99A-843.39	Bắc Ninh



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
3001	14A-977.77	Quảng Ninh	4001	11C-086.68	Cao Bằng			
3002	14A-977.96	Quảng Ninh	4002	14A-977.97	Quảng Ninh			
3003	14A-977.98	Quảng Ninh	4003	19A-689.98	Phú Thọ			
3004	15K-393.93	Hải Phòng	4004	30L-869.69	Hà Nội			
3005	19A-698.89	Phú Thọ	4005	30L-966.66	Hà Nội			
3006	30L-669.96	Hà Nội	4006	30L-999.93	Hà Nội			
3007	30L-686.68	Hà Nội	4007	36C-522.22	Thanh Hóa			
3008	30L-888.83	Hà Nội	4008	37K-393.97	Nghệ An			
3009	30L-899.89	Hà Nội	4009	37K-469.69	Nghệ An			
3010	30L-988.96	Hà Nội	4010	38A-666.99	Hà Tĩnh			
3011	30L-988.98	Hà Nội	4011	38A-668.86	Hà Tĩnh			
3012	43A-899.89	Đà Nẵng	4012	47B-039.39	Đắk Lắk			
3013	47C-388.66	Đắk Lắk	4013	51D-868.86	Hồ Chí Minh			
3014	47C-389.89	Đắk Lắk	4014	51D-886.79	Hồ Chí Minh			
3015	51L-777.78	Hồ Chí Minh	4015	51L-699.66	Hồ Chí Minh			
3016	51L-886.62	Hồ Chí Minh	4016	51L-868.65	Hồ Chí Minh			
3017	51L-888.87	Hồ Chí Minh	4017	51L-869.96	Hồ Chí Minh			
3018	51M-011.11	Hồ Chí Minh	4018	60C-733.33	Đồng Nai			
3019	60K-611.11	Đồng Nai	4019	63A-322.22	Tiền Giang			
3020	61C-589.89	Bình Dương	4020	65C-244.44	Cần Thơ			
3021	63C-222.26	Tiền Giang	4021	77A-344.44	Bình Định			
3022	77A-355.55	Bình Định	4022	88A-744.44	Vĩnh Phúc			
3023	88A-755.55	Vĩnh Phúc	4023	89A-479.86	Hung Yên			
3024	88A-777.78	Vĩnh Phúc	4024	95C-088.66	Hầu Giang			
3025	30K-634.79	Hà Nội	4025	30K-640.79	Hà Nội			
3026	30K-647.66	Hà Nội	4026	30K-641.39	Hà Nội			
3027	30K-651.79	Hà Nội	4027	30K-641.68	Hà Nội			
3028	30K-710.39	Hà Nội	4028	30K-706.69	Hà Nội			
3029	30K-723.99	Hà Nội	4029	30K-708.69	Hà Nội			
3030	30K-739.69	Hà Nội	4030	30K-713.88	Hà Nội			
3031	30K-760.69	Hà Nội	4031	30K-717.69	Hà Nội			
3032	30K-801.11	Hà Nội	4032	30K-720.99	Hà Nội			
3033	30K-805.79	Hà Nội	4033	30K-724.88	Hà Nội			
3034	30K-815.99	Hà Nội	4034	30K-726.99	Hà Nội			
3035	30K-834.39	Hà Nội	4035	30K-736.68	Hà Nội			
3036	30K-837.79	Hà Nội	4036	30K-747.68	Hà Nội			
3037	30K-843.39	Hà Nội	4037	30K-753.88	Hà Nội			
3038	30K-859.92	Hà Nội	4038	30K-757.39	Hà Nội			
3039	30K-861.39	Hà Nội	4039	30K-759.69	Hà Nội			
3040	30K-905.86	Hà Nội	4040	30K-759.86	Hà Nội			
3041	30K-906.33	Hà Nội	4041	30K-760.39	Hà Nội			
3042	30K-906.60	Hà Nội	4042	30K-761.79	Hà Nội			
3043	30K-906.89	Hà Nội	4043	30K-770.39	Hà Nội			
3044	30K-918.55	Hà Nội	4044	30K-773.89	Hà Nội			
3045	30K-931.69	Hà Nội	4045	30K-782.66	Hà Nội			
3046	30K-934.44	Hà Nội	4046	30K-785.39	Hà Nội			
3047	30K-940.39	Hà Nội	4047	30K-795.39	Hà Nội			
3048	30K-950.88	Hà Nội	4048	30K-805.89	Hà Nội			
3049	30K-951.79	Hà Nội	4049	30K-814.69	Hà Nội			
3050	30K-970.07	Hà Nội	4050	30K-817.39	Hà Nội			
3051	30K-970.69	Hà Nội	4051	30K-841.79	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3052	30K-972.88	Hà Nội	4052	30K-847.89	Hà Nội			
3053	30L-009.39	Hà Nội	4053	30K-854.99	Hà Nội			
3054	30L-009.88	Hà Nội	4054	30K-874.69	Hà Nội			
3055	30L-014.66	Hà Nội	4055	30K-878.96	Hà Nội			
3056	30L-014.79	Hà Nội	4056	30K-901.88	Hà Nội			
3057	30L-021.69	Hà Nội	4057	30K-913.66	Hà Nội			
3058	30L-025.79	Hà Nội	4058	30K-914.39	Hà Nội			
3059	30L-043.33	Hà Nội	4059	30K-920.68	Hà Nội			
3060	30L-043.66	Hà Nội	4060	30K-923.39	Hà Nội			
3061	30L-044.69	Hà Nội	4061	30K-923.89	Hà Nội			
3062	30L-079.96	Hà Nội	4062	30K-930.68	Hà Nội			
3063	30L-087.39	Hà Nội	4063	30K-942.69	Hà Nội			
3064	30L-087.66	Hà Nội	4064	30K-943.88	Hà Nội			
3065	30L-089.86	Hà Nội	4065	30K-957.88	Hà Nội			
3066	30L-092.39	Hà Nội	4066	30K-970.89	Hà Nội			
3067	30L-095.68	Hà Nội	4067	30L-004.68	Hà Nội			
3068	30L-121.98	Hà Nội	4068	30L-015.39	Hà Nội			
3069	30L-154.89	Hà Nội	4069	30L-024.99	Hà Nội			
3070	30L-175.68	Hà Nội	4070	30L-040.69	Hà Nội			
3071	30L-202.66	Hà Nội	4071	30L-047.98	Hà Nội			
3072	30L-206.89	Hà Nội	4072	30L-049.89	Hà Nội			
3073	30L-211.22	Hà Nội	4073	30L-070.88	Hà Nội			
3074	30L-233.44	Hà Nội	4074	30L-081.39	Hà Nội			
3075	30L-249.79	Hà Nội	4075	30L-085.79	Hà Nội			
3076	30L-253.69	Hà Nội	4076	30L-094.86	Hà Nội			
3077	30L-257.39	Hà Nội	4077	30L-103.79	Hà Nội			
3078	30L-271.69	Hà Nội	4078	30L-104.39	Hà Nội			
3079	30L-298.69	Hà Nội	4079	30L-120.88	Hà Nội			
3080	30L-311.89	Hà Nội	4080	30L-126.39	Hà Nội			
3081	30L-324.88	Hà Nội	4081	30L-145.39	Hà Nội			
3082	30L-325.79	Hà Nội	4082	30L-145.89	Hà Nội			
3083	30L-335.53	Hà Nội	4083	30L-148.99	Hà Nội			
3084	30L-348.68	Hà Nội	4084	30L-150.68	Hà Nội			
3085	30L-374.47	Hà Nội	4085	30L-167.66	Hà Nội			
3086	30L-392.93	Hà Nội	4086	30L-180.69	Hà Nội			
3087	30L-402.22	Hà Nội	4087	30L-192.39	Hà Nội			
3088	30L-402.39	Hà Nội	4088	30L-194.79	Hà Nội			
3089	30L-410.66	Hà Nội	4089	30L-202.20	Hà Nội			
3090	30L-415.99	Hà Nội	4090	30L-204.99	Hà Nội			
3091	30L-417.79	Hà Nội	4091	30L-211.12	Hà Nội			
3092	30L-422.42	Hà Nội	4092	30L-237.73	Hà Nội			
3093	30L-429.69	Hà Nội	4093	30L-240.68	Hà Nội			
3094	30L-431.13	Hà Nội	4094	30L-243.68	Hà Nội			
3095	30L-433.69	Hà Nội	4095	30L-244.99	Hà Nội			
3096	30L-438.99	Hà Nội	4096	30L-245.68	Hà Nội			
3097	30L-443.88	Hà Nội	4097	30L-250.00	Hà Nội			
3098	30L-446.89	Hà Nội	4098	30L-253.66	Hà Nội			
3099	30L-447.47	Hà Nội	4099	30L-264.68	Hà Nội			
3100	30L-447.74	Hà Nội	4100	30L-270.00	Hà Nội			
3101	30L-455.77	Hà Nội	4101	30L-271.86	Hà Nội			
3102	30L-462.68	Hà Nội	4102	30L-274.79	Hà Nội			
3103	30L-465.99	Hà Nội	4103	30L-281.11	Hà Nội			

41
JG
JG
DA
TN
IAN

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3104	30L-477.79	Hà Nội	4104	30L-288.77	Hà Nội			
3105	30L-478.69	Hà Nội	4105	30L-310.01	Hà Nội			
3106	30L-496.68	Hà Nội	4106	30L-311.55	Hà Nội			
3107	30L-497.69	Hà Nội	4107	30L-314.99	Hà Nội			
3108	30L-507.70	Hà Nội	4108	30L-315.99	Hà Nội			
3109	30L-514.41	Hà Nội	4109	30L-317.79	Hà Nội			
3110	30L-516.39	Hà Nội	4110	30L-327.79	Hà Nội			
3111	30L-532.66	Hà Nội	4111	30L-354.89	Hà Nội			
3112	30L-534.43	Hà Nội	4112	30L-355.44	Hà Nội			
3113	30L-535.36	Hà Nội	4113	30L-362.39	Hà Nội			
3114	30L-537.69	Hà Nội	4114	30L-374.69	Hà Nội			
3115	30L-546.69	Hà Nội	4115	30L-394.89	Hà Nội			
3116	30L-546.79	Hà Nội	4116	30L-401.69	Hà Nội			
3117	30L-548.69	Hà Nội	4117	30L-408.89	Hà Nội			
3118	30L-549.68	Hà Nội	4118	30L-409.39	Hà Nội			
3119	30L-561.98	Hà Nội	4119	30L-418.79	Hà Nội			
3120	30L-563.22	Hà Nội	4120	30L-423.23	Hà Nội			
3121	30L-564.64	Hà Nội	4121	30L-425.88	Hà Nội			
3122	30L-573.86	Hà Nội	4122	30L-431.79	Hà Nội			
3123	30L-574.19	Hà Nội	4123	30L-431.99	Hà Nội			
3124	30L-574.58	Hà Nội	4124	30L-436.86	Hà Nội			
3125	30L-575.36	Hà Nội	4125	30L-443.34	Hà Nội			
3126	30L-577.57	Hà Nội	4126	30L-444.49	Hà Nội			
3127	30L-581.56	Hà Nội	4127	30L-445.68	Hà Nội			
3128	30L-587.95	Hà Nội	4128	30L-445.88	Hà Nội			
3129	30L-590.65	Hà Nội	4129	30L-447.69	Hà Nội			
3130	30L-592.88	Hà Nội	4130	30L-448.89	Hà Nội			
3131	30L-594.96	Hà Nội	4131	30L-461.68	Hà Nội			
3132	30L-605.79	Hà Nội	4132	30L-465.69	Hà Nội			
3133	30L-606.44	Hà Nội	4133	30L-478.66	Hà Nội			
3134	30L-609.06	Hà Nội	4134	30L-484.66	Hà Nội			
3135	30L-611.15	Hà Nội	4135	30L-490.39	Hà Nội			
3136	30L-615.89	Hà Nội	4136	30L-492.68	Hà Nội			
3137	30L-617.88	Hà Nội	4137	30L-492.88	Hà Nội			
3138	30L-618.65	Hà Nội	4138	30L-495.89	Hà Nội			
3139	30L-620.11	Hà Nội	4139	30L-495.99	Hà Nội			
3140	30L-621.26	Hà Nội	4140	30L-496.89	Hà Nội			
3141	30L-622.11	Hà Nội	4141	30L-497.39	Hà Nội			
3142	30L-622.96	Hà Nội	4142	30L-502.22	Hà Nội			
3143	30L-624.59	Hà Nội	4143	30L-502.86	Hà Nội			
3144	30L-626.27	Hà Nội	4144	30L-506.69	Hà Nội			
3145	30L-630.63	Hà Nội	4145	30L-507.77	Hà Nội			
3146	30L-640.79	Hà Nội	4146	30L-512.79	Hà Nội			
3147	30L-642.42	Hà Nội	4147	30L-520.86	Hà Nội			
3148	30L-666.08	Hà Nội	4148	30L-524.42	Hà Nội			
3149	30L-671.97	Hà Nội	4149	30L-528.52	Hà Nội			
3150	30L-673.29	Hà Nội	4150	30L-539.96	Hà Nội			
3151	30L-676.28	Hà Nội	4151	30L-540.39	Hà Nội			
3152	30L-688.05	Hà Nội	4152	30L-544.33	Hà Nội			
3153	30L-691.28	Hà Nội	4153	30L-547.59	Hà Nội			
3154	30L-698.58	Hà Nội	4154	30L-552.53	Hà Nội			
3155	30L-704.36	Hà Nội	4155	30L-554.59	Hà Nội			

Y
A
H
M
I.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3156	30L-711.86	Hà Nội	4156	30L-556.39	Hà Nội			
3157	30L-714.17	Hà Nội	4157	30L-558.23	Hà Nội			
3158	30L-719.63	Hà Nội	4158	30L-568.26	Hà Nội			
3159	30L-721.99	Hà Nội	4159	30L-569.28	Hà Nội			
3160	30L-725.99	Hà Nội	4160	30L-570.39	Hà Nội			
3161	30L-731.11	Hà Nội	4161	30L-574.69	Hà Nội			
3162	30L-732.00	Hà Nội	4162	30L-585.15	Hà Nội			
3163	30L-733.79	Hà Nội	4163	30L-586.69	Hà Nội			
3164	30L-737.86	Hà Nội	4164	30L-593.35	Hà Nội			
3165	30L-742.79	Hà Nội	4165	30L-593.66	Hà Nội			
3166	30L-746.86	Hà Nội	4166	30L-601.08	Hà Nội			
3167	30L-749.35	Hà Nội	4167	30L-602.79	Hà Nội			
3168	30L-751.86	Hà Nội	4168	30L-608.95	Hà Nội			
3169	30L-756.39	Hà Nội	4169	30L-611.12	Hà Nội			
3170	30L-759.36	Hà Nội	4170	30L-613.96	Hà Nội			
3171	30L-768.09	Hà Nội	4171	30L-617.69	Hà Nội			
3172	30L-771.68	Hà Nội	4172	30L-617.79	Hà Nội			
3173	30L-775.86	Hà Nội	4173	30L-619.39	Hà Nội			
3174	30L-777.91	Hà Nội	4174	30L-623.93	Hà Nội			
3175	30L-781.81	Hà Nội	4175	30L-626.23	Hà Nội			
3176	30L-783.08	Hà Nội	4176	30L-626.81	Hà Nội			
3177	30L-787.11	Hà Nội	4177	30L-627.62	Hà Nội			
3178	30L-787.79	Hà Nội	4178	30L-632.36	Hà Nội			
3179	30L-789.46	Hà Nội	4179	30L-640.89	Hà Nội			
3180	30L-797.93	Hà Nội	4180	30L-642.19	Hà Nội			
3181	30L-805.25	Hà Nội	4181	30L-648.69	Hà Nội			
3182	30L-806.39	Hà Nội	4182	30L-651.65	Hà Nội			
3183	30L-809.96	Hà Nội	4183	30L-654.54	Hà Nội			
3184	30L-825.89	Hà Nội	4184	30L-662.58	Hà Nội			
3185	30L-830.25	Hà Nội	4185	30L-664.68	Hà Nội			
3186	30L-833.00	Hà Nội	4186	30L-699.49	Hà Nội			
3187	30L-837.73	Hà Nội	4187	30L-699.77	Hà Nội			
3188	30L-842.99	Hà Nội	4188	30L-701.85	Hà Nội			
3189	30L-845.59	Hà Nội	4189	30L-710.99	Hà Nội			
3190	30L-848.56	Hà Nội	4190	30L-715.44	Hà Nội			
3191	30L-849.89	Hà Nội	4191	30L-715.83	Hà Nội			
3192	30L-852.22	Hà Nội	4192	30L-728.39	Hà Nội			
3193	30L-855.00	Hà Nội	4193	30L-728.65	Hà Nội			
3194	30L-856.06	Hà Nội	4194	30L-730.98	Hà Nội			
3195	30L-863.15	Hà Nội	4195	30L-740.79	Hà Nội			
3196	30L-866.02	Hà Nội	4196	30L-748.79	Hà Nội			
3197	30L-874.25	Hà Nội	4197	30L-749.79	Hà Nội			
3198	30L-875.28	Hà Nội	4198	30L-752.86	Hà Nội			
3199	30L-876.69	Hà Nội	4199	30L-755.08	Hà Nội			
3200	30L-876.77	Hà Nội	4200	30L-759.58	Hà Nội			
3201	30L-877.26	Hà Nội	4201	30L-764.66	Hà Nội			
3202	30L-877.33	Hà Nội	4202	30L-766.64	Hà Nội			
3203	30L-880.89	Hà Nội	4203	30L-770.38	Hà Nội			
3204	30L-884.66	Hà Nội	4204	30L-775.38	Hà Nội			
3205	30L-892.79	Hà Nội	4205	30L-783.33	Hà Nội			
3206	30L-900.01	Hà Nội	4206	30L-783.84	Hà Nội			
3207	30L-902.99	Hà Nội	4207	30L-783.87	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3208	30L-904.89	Hà Nội	4208	30L-784.00	Hà Nội			
3209	30L-908.69	Hà Nội	4209	30L-787.98	Hà Nội			
3210	30L-911.96	Hà Nội	4210	30L-788.63	Hà Nội			
3211	30L-915.79	Hà Nội	4211	30L-791.89	Hà Nội			
3212	30L-916.38	Hà Nội	4212	30L-794.66	Hà Nội			
3213	30L-918.81	Hà Nội	4213	30L-799.22	Hà Nội			
3214	30L-926.79	Hà Nội	4214	30L-802.86	Hà Nội			
3215	30L-930.36	Hà Nội	4215	30L-806.07	Hà Nội			
3216	30L-934.28	Hà Nội	4216	30L-807.16	Hà Nội			
3217	30L-939.16	Hà Nội	4217	30L-808.79	Hà Nội			
3218	30L-948.06	Hà Nội	4218	30L-818.77	Hà Nội			
3219	30L-948.68	Hà Nội	4219	30L-824.25	Hà Nội			
3220	30L-957.89	Hà Nội	4220	30L-835.69	Hà Nội			
3221	30L-960.96	Hà Nội	4221	30L-844.15	Hà Nội			
3222	30L-964.29	Hà Nội	4222	30L-849.09	Hà Nội			
3223	30L-966.61	Hà Nội	4223	30L-854.54	Hà Nội			
3224	30L-967.88	Hà Nội	4224	30L-854.99	Hà Nội			
3225	30L-968.85	Hà Nội	4225	30L-855.06	Hà Nội			
3226	30L-970.71	Hà Nội	4226	30L-863.89	Hà Nội			
3227	30L-979.58	Hà Nội	4227	30L-864.68	Hà Nội			
3228	30L-980.86	Hà Nội	4228	30L-866.65	Hà Nội			
3229	30L-982.88	Hà Nội	4229	30L-866.77	Hà Nội			
3230	30L-988.33	Hà Nội	4230	30L-872.27	Hà Nội			
3231	30L-992.28	Hà Nội	4231	30L-873.37	Hà Nội			
3232	30M-000.44	Hà Nội	4232	30L-882.16	Hà Nội			
3233	30M-003.39	Hà Nội	4233	30L-884.86	Hà Nội			
3234	30M-006.89	Hà Nội	4234	30L-899.82	Hà Nội			
3235	30M-006.98	Hà Nội	4235	30L-901.58	Hà Nội			
3236	30M-014.41	Hà Nội	4236	30L-902.16	Hà Nội			
3237	30M-016.19	Hà Nội	4237	30L-908.79	Hà Nội			
3238	30M-021.19	Hà Nội	4238	30L-912.21	Hà Nội			
3239	51K-981.11	Hồ Chí Minh	4239	30L-914.83	Hà Nội			
3240	51K-985.55	Hồ Chí Minh	4240	30L-917.98	Hà Nội			
3241	51L-010.39	Hồ Chí Minh	4241	30L-919.77	Hà Nội			
3242	51L-031.79	Hồ Chí Minh	4242	30L-920.16	Hà Nội			
3243	51L-038.86	Hồ Chí Minh	4243	30L-921.79	Hà Nội			
3244	51L-044.88	Hồ Chí Minh	4244	30L-928.69	Hà Nội			
3245	51L-045.55	Hồ Chí Minh	4245	30L-940.41	Hà Nội			
3246	51L-051.66	Hồ Chí Minh	4246	30L-942.33	Hà Nội			
3247	51L-053.86	Hồ Chí Minh	4247	30L-949.69	Hà Nội			
3248	51L-064.69	Hồ Chí Minh	4248	30L-956.18	Hà Nội			
3249	51L-081.39	Hồ Chí Minh	4249	30L-956.58	Hà Nội			
3250	51L-100.69	Hồ Chí Minh	4250	30L-957.79	Hà Nội			
3251	51L-100.89	Hồ Chí Minh	4251	30L-960.36	Hà Nội			
3252	51L-101.89	Hồ Chí Minh	4252	30L-984.84	Hà Nội			
3253	51L-106.68	Hồ Chí Minh	4253	30L-986.83	Hà Nội			
3254	51L-120.79	Hồ Chí Minh	4254	30L-992.58	Hà Nội			
3255	51L-132.22	Hồ Chí Minh	4255	30L-993.38	Hà Nội			
3256	51L-132.98	Hồ Chí Minh	4256	30L-995.32	Hà Nội			
3257	51L-149.68	Hồ Chí Minh	4257	30M-000.58	Hà Nội			
3258	51L-150.79	Hồ Chí Minh	4258	30M-001.18	Hà Nội			
3259	51L-150.88	Hồ Chí Minh	4259	30M-001.88	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3260	51L-152.22	Hồ Chí Minh	4260	30M-005.66	Hà Nội			
3261	51L-162.86	Hồ Chí Minh	4261	30M-011.01	Hà Nội			
3262	51L-163.66	Hồ Chí Minh	4262	30M-011.18	Hà Nội			
3263	51L-180.39	Hồ Chí Minh	4263	30M-015.98	Hà Nội			
3264	51L-191.39	Hồ Chí Minh	4264	30M-016.28	Hà Nội			
3265	51L-204.88	Hồ Chí Minh	4265	30M-019.70	Hà Nội			
3266	51L-220.69	Hồ Chí Minh	4266	30M-021.25	Hà Nội			
3267	51L-221.69	Hồ Chí Minh	4267	51K-980.79	Hồ Chí Minh			
3268	51L-223.63	Hồ Chí Minh	4268	51L-022.39	Hồ Chí Minh			
3269	51L-229.68	Hồ Chí Minh	4269	51L-036.79	Hồ Chí Minh			
3270	51L-233.44	Hồ Chí Minh	4270	51L-063.66	Hồ Chí Minh			
3271	51L-240.00	Hồ Chí Minh	4271	51L-063.89	Hồ Chí Minh			
3272	51L-241.88	Hồ Chí Minh	4272	51L-070.66	Hồ Chí Minh			
3273	51L-243.39	Hồ Chí Minh	4273	51L-082.68	Hồ Chí Minh			
3274	51L-243.99	Hồ Chí Minh	4274	51L-085.55	Hồ Chí Minh			
3275	51L-254.89	Hồ Chí Minh	4275	51L-090.68	Hồ Chí Minh			
3276	51L-262.39	Hồ Chí Minh	4276	51L-094.89	Hồ Chí Minh			
3277	51L-266.39	Hồ Chí Minh	4277	51L-111.48	Hồ Chí Minh			
3278	51L-273.69	Hồ Chí Minh	4278	51L-120.68	Hồ Chí Minh			
3279	51L-277.68	Hồ Chí Minh	4279	51L-134.86	Hồ Chí Minh			
3280	51L-290.99	Hồ Chí Minh	4280	51L-141.79	Hồ Chí Minh			
3281	51L-291.11	Hồ Chí Minh	4281	51L-142.89	Hồ Chí Minh			
3282	51L-299.25	Hồ Chí Minh	4282	51L-149.96	Hồ Chí Minh			
3283	51L-299.77	Hồ Chí Minh	4283	51L-151.39	Hồ Chí Minh			
3284	51L-302.86	Hồ Chí Minh	4284	51L-153.88	Hồ Chí Minh			
3285	51L-315.79	Hồ Chí Minh	4285	51L-172.86	Hồ Chí Minh			
3286	51L-316.79	Hồ Chí Minh	4286	51L-178.99	Hồ Chí Minh			
3287	51L-333.67	Hồ Chí Minh	4287	51L-195.69	Hồ Chí Minh			
3288	51L-345.39	Hồ Chí Minh	4288	51L-211.39	Hồ Chí Minh			
3289	51L-351.79	Hồ Chí Minh	4289	51L-219.68	Hồ Chí Minh			
3290	51L-359.39	Hồ Chí Minh	4290	51L-225.22	Hồ Chí Minh			
3291	51L-360.00	Hồ Chí Minh	4291	51L-231.66	Hồ Chí Minh			
3292	51L-360.68	Hồ Chí Minh	4292	51L-240.68	Hồ Chí Minh			
3293	51L-361.98	Hồ Chí Minh	4293	51L-244.86	Hồ Chí Minh			
3294	51L-380.00	Hồ Chí Minh	4294	51L-247.69	Hồ Chí Minh			
3295	51L-380.86	Hồ Chí Minh	4295	51L-252.39	Hồ Chí Minh			
3296	51L-382.55	Hồ Chí Minh	4296	51L-258.79	Hồ Chí Minh			
3297	51L-384.68	Hồ Chí Minh	4297	51L-259.66	Hồ Chí Minh			
3298	51L-394.66	Hồ Chí Minh	4298	51L-260.89	Hồ Chí Minh			
3299	51L-411.79	Hồ Chí Minh	4299	51L-263.86	Hồ Chí Minh			
3300	51L-418.66	Hồ Chí Minh	4300	51L-267.66	Hồ Chí Minh			
3301	51L-418.79	Hồ Chí Minh	4301	51L-274.68	Hồ Chí Minh			
3302	51L-422.77	Hồ Chí Minh	4302	51L-275.69	Hồ Chí Minh			
3303	51L-426.26	Hồ Chí Minh	4303	51L-278.66	Hồ Chí Minh			
3304	51L-428.86	Hồ Chí Minh	4304	51L-280.69	Hồ Chí Minh			
3305	51L-429.92	Hồ Chí Minh	4305	51L-303.68	Hồ Chí Minh			
3306	51L-430.79	Hồ Chí Minh	4306	51L-314.79	Hồ Chí Minh			
3307	51L-436.69	Hồ Chí Minh	4307	51L-332.99	Hồ Chí Minh			
3308	51L-437.88	Hồ Chí Minh	4308	51L-349.66	Hồ Chí Minh			
3309	51L-443.68	Hồ Chí Minh	4309	51L-353.86	Hồ Chí Minh			
3310	51L-447.79	Hồ Chí Minh	4310	51L-372.66	Hồ Chí Minh			
3311	51L-447.89	Hồ Chí Minh	4311	51L-377.66	Hồ Chí Minh			

ĐI
CỘNG
ĐÀU
HỢP
VIỆT
XUẤT

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3312	51L-450.50	Hồ Chí Minh	4312	51L-381.66	Hồ Chí Minh			
3313	51L-451.99	Hồ Chí Minh	4313	51L-385.66	Hồ Chí Minh			
3314	51L-460.06	Hồ Chí Minh	4314	51L-385.99	Hồ Chí Minh			
3315	51L-461.89	Hồ Chí Minh	4315	51L-425.25	Hồ Chí Minh			
3316	51L-462.68	Hồ Chí Minh	4316	51L-437.89	Hồ Chí Minh			
3317	51L-464.89	Hồ Chí Minh	4317	51L-441.88	Hồ Chí Minh			
3318	51L-472.66	Hồ Chí Minh	4318	51L-443.86	Hồ Chí Minh			
3319	51L-490.00	Hồ Chí Minh	4319	51L-445.88	Hồ Chí Minh			
3320	51L-494.88	Hồ Chí Minh	4320	51L-469.79	Hồ Chí Minh			
3321	51L-498.69	Hồ Chí Minh	4321	51L-470.89	Hồ Chí Minh			
3322	51L-503.33	Hồ Chí Minh	4322	51L-472.88	Hồ Chí Minh			
3323	51L-510.01	Hồ Chí Minh	4323	51L-476.39	Hồ Chí Minh			
3324	51L-520.88	Hồ Chí Minh	4324	51L-480.88	Hồ Chí Minh			
3325	51L-522.23	Hồ Chí Minh	4325	51L-481.68	Hồ Chí Minh			
3326	51L-526.25	Hồ Chí Minh	4326	51L-481.89	Hồ Chí Minh			
3327	51L-528.86	Hồ Chí Minh	4327	51L-484.44	Hồ Chí Minh			
3328	51L-537.77	Hồ Chí Minh	4328	51L-486.39	Hồ Chí Minh			
3329	51L-552.86	Hồ Chí Minh	4329	51L-495.79	Hồ Chí Minh			
3330	51L-553.35	Hồ Chí Minh	4330	51L-497.39	Hồ Chí Minh			
3331	51L-555.36	Hồ Chí Minh	4331	51L-497.77	Hồ Chí Minh			
3332	51L-561.69	Hồ Chí Minh	4332	51L-499.77	Hồ Chí Minh			
3333	51L-569.88	Hồ Chí Minh	4333	51L-500.69	Hồ Chí Minh			
3334	51L-574.44	Hồ Chí Minh	4334	51L-505.88	Hồ Chí Minh			
3335	51L-584.86	Hồ Chí Minh	4335	51L-507.99	Hồ Chí Minh			
3336	51L-603.99	Hồ Chí Minh	4336	51L-512.89	Hồ Chí Minh			
3337	51L-607.66	Hồ Chí Minh	4337	51L-516.79	Hồ Chí Minh			
3338	51L-610.69	Hồ Chí Minh	4338	51L-518.69	Hồ Chí Minh			
3339	51L-612.69	Hồ Chí Minh	4339	51L-532.68	Hồ Chí Minh			
3340	51L-615.39	Hồ Chí Minh	4340	51L-535.99	Hồ Chí Minh			
3341	51L-615.51	Hồ Chí Minh	4341	51L-536.35	Hồ Chí Minh			
3342	51L-619.70	Hồ Chí Minh	4342	51L-536.63	Hồ Chí Minh			
3343	51L-625.19	Hồ Chí Minh	4343	51L-540.66	Hồ Chí Minh			
3344	51L-627.69	Hồ Chí Minh	4344	51L-542.88	Hồ Chí Minh			
3345	51L-630.68	Hồ Chí Minh	4345	51L-560.60	Hồ Chí Minh			
3346	51L-636.00	Hồ Chí Minh	4346	51L-563.65	Hồ Chí Minh			
3347	51L-641.68	Hồ Chí Minh	4347	51L-565.69	Hồ Chí Minh			
3348	51L-645.58	Hồ Chí Minh	4348	51L-574.99	Hồ Chí Minh			
3349	51L-651.86	Hồ Chí Minh	4349	51L-581.88	Hồ Chí Minh			
3350	51L-652.69	Hồ Chí Minh	4350	51L-591.19	Hồ Chí Minh			
3351	51L-652.99	Hồ Chí Minh	4351	51L-599.96	Hồ Chí Minh			
3352	51L-653.19	Hồ Chí Minh	4352	51L-604.40	Hồ Chí Minh			
3353	51L-654.54	Hồ Chí Minh	4353	51L-608.89	Hồ Chí Minh			
3354	51L-657.58	Hồ Chí Minh	4354	51L-611.44	Hồ Chí Minh			
3355	51L-664.69	Hồ Chí Minh	4355	51L-613.99	Hồ Chí Minh			
3356	51L-666.31	Hồ Chí Minh	4356	51L-618.61	Hồ Chí Minh			
3357	51L-666.40	Hồ Chí Minh	4357	51L-619.97	Hồ Chí Minh			
3358	51L-678.70	Hồ Chí Minh	4358	51L-629.09	Hồ Chí Minh			
3359	51L-682.89	Hồ Chí Minh	4359	51L-629.25	Hồ Chí Minh			
3360	51L-685.69	Hồ Chí Minh	4360	51L-635.08	Hồ Chí Minh			
3361	51L-687.65	Hồ Chí Minh	4361	51L-639.69	Hồ Chí Minh			
3362	51L-688.11	Hồ Chí Minh	4362	51L-640.64	Hồ Chí Minh			
3363	51L-690.86	Hồ Chí Minh	4363	51L-642.38	Hồ Chí Minh			

1 - C
 i TY
 GIÁ
 ANH
 NAM
 V - T.P

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3364	51L-692.88	Hồ Chí Minh	4364	51L-642.43	Hồ Chí Minh			
3365	51L-695.68	Hồ Chí Minh	4365	51L-647.68	Hồ Chí Minh			
3366	51L-695.86	Hồ Chí Minh	4366	51L-650.50	Hồ Chí Minh			
3367	51L-696.38	Hồ Chí Minh	4367	51L-655.95	Hồ Chí Minh			
3368	51L-697.56	Hồ Chí Minh	4368	51L-655.96	Hồ Chí Minh			
3369	51L-715.17	Hồ Chí Minh	4369	51L-661.61	Hồ Chí Minh			
3370	51L-717.79	Hồ Chí Minh	4370	51L-662.39	Hồ Chí Minh			
3371	51L-717.86	Hồ Chí Minh	4371	51L-662.79	Hồ Chí Minh			
3372	51L-717.99	Hồ Chí Minh	4372	51L-664.66	Hồ Chí Minh			
3373	51L-723.65	Hồ Chí Minh	4373	51L-678.90	Hồ Chí Minh			
3374	51L-728.29	Hồ Chí Minh	4374	51L-686.08	Hồ Chí Minh			
3375	51L-729.39	Hồ Chí Minh	4375	51L-689.65	Hồ Chí Minh			
3376	51L-729.88	Hồ Chí Minh	4376	51L-691.36	Hồ Chí Minh			
3377	51L-730.68	Hồ Chí Minh	4377	51L-691.68	Hồ Chí Minh			
3378	51L-733.15	Hồ Chí Minh	4378	51L-693.33	Hồ Chí Minh			
3379	51L-734.43	Hồ Chí Minh	4379	51L-700.77	Hồ Chí Minh			
3380	51L-737.18	Hồ Chí Minh	4380	51L-700.89	Hồ Chí Minh			
3381	51L-737.26	Hồ Chí Minh	4381	51L-702.88	Hồ Chí Minh			
3382	51L-743.89	Hồ Chí Minh	4382	51L-703.88	Hồ Chí Minh			
3383	51L-745.39	Hồ Chí Minh	4383	51L-719.74	Hồ Chí Minh			
3384	51L-754.45	Hồ Chí Minh	4384	51L-722.23	Hồ Chí Minh			
3385	51L-756.85	Hồ Chí Minh	4385	51L-731.89	Hồ Chí Minh			
3386	51L-758.28	Hồ Chí Minh	4386	51L-733.55	Hồ Chí Minh			
3387	51L-759.39	Hồ Chí Minh	4387	51L-734.39	Hồ Chí Minh			
3388	51L-761.19	Hồ Chí Minh	4388	51L-735.99	Hồ Chí Minh			
3389	51L-767.15	Hồ Chí Minh	4389	51L-739.66	Hồ Chí Minh			
3390	51L-785.36	Hồ Chí Minh	4390	51L-741.11	Hồ Chí Minh			
3391	51L-789.96	Hồ Chí Minh	4391	51L-746.39	Hồ Chí Minh			
3392	51L-800.39	Hồ Chí Minh	4392	51L-753.39	Hồ Chí Minh			
3393	51L-807.35	Hồ Chí Minh	4393	51L-759.66	Hồ Chí Minh			
3394	51L-815.08	Hồ Chí Minh	4394	51L-759.75	Hồ Chí Minh			
3395	51L-816.96	Hồ Chí Minh	4395	51L-760.66	Hồ Chí Minh			
3396	51L-820.68	Hồ Chí Minh	4396	51L-761.36	Hồ Chí Minh			
3397	51L-820.99	Hồ Chí Minh	4397	51L-761.68	Hồ Chí Minh			
3398	51L-825.52	Hồ Chí Minh	4398	51L-761.88	Hồ Chí Minh			
3399	51L-833.69	Hồ Chí Minh	4399	51L-764.66	Hồ Chí Minh			
3400	51L-841.68	Hồ Chí Minh	4400	51L-765.28	Hồ Chí Minh			
3401	51L-842.95	Hồ Chí Minh	4401	51L-769.19	Hồ Chí Minh			
3402	51L-844.22	Hồ Chí Minh	4402	51L-769.88	Hồ Chí Minh			
3403	51L-855.56	Hồ Chí Minh	4403	51L-770.89	Hồ Chí Minh			
3404	51L-858.35	Hồ Chí Minh	4404	51L-772.73	Hồ Chí Minh			
3405	51L-868.97	Hồ Chí Minh	4405	51L-775.69	Hồ Chí Minh			
3406	51L-875.35	Hồ Chí Minh	4406	51L-777.59	Hồ Chí Minh			
3407	51L-875.65	Hồ Chí Minh	4407	51L-781.79	Hồ Chí Minh			
3408	51L-877.39	Hồ Chí Minh	4408	51L-783.83	Hồ Chí Minh			
3409	51L-878.39	Hồ Chí Minh	4409	51L-784.85	Hồ Chí Minh			
3410	51L-889.66	Hồ Chí Minh	4410	51L-786.63	Hồ Chí Minh			
3411	51L-891.69	Hồ Chí Minh	4411	51L-788.18	Hồ Chí Minh			
3412	51L-895.35	Hồ Chí Minh	4412	51L-789.24	Hồ Chí Minh			
3413	11A-111.00	Cao Bằng	4413	51L-799.56	Hồ Chí Minh			
3414	11A-119.86	Cao Bằng	4414	51L-808.98	Hồ Chí Minh			
3415	11A-131.68	Cao Bằng	4415	51L-809.68	Hồ Chí Minh			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3416	12A-241.88	Lạng Sơn	4416	51L-813.81	Hồ Chí Minh			
3417	12A-244.77	Lạng Sơn	4417	51L-814.18	Hồ Chí Minh			
3418	12A-244.99	Lạng Sơn	4418	51L-814.66	Hồ Chí Minh			
3419	12A-256.56	Lạng Sơn	4419	51L-815.51	Hồ Chí Minh			
3420	12A-262.62	Lạng Sơn	4420	51L-816.39	Hồ Chí Minh			
3421	12B-012.79	Lạng Sơn	4421	51L-819.68	Hồ Chí Minh			
3422	12B-013.39	Lạng Sơn	4422	51L-825.55	Hồ Chí Minh			
3423	12C-137.86	Lạng Sơn	4423	51L-825.79	Hồ Chí Minh			
3424	12C-138.66	Lạng Sơn	4424	51L-827.39	Hồ Chí Minh			
3425	14A-851.51	Quảng Ninh	4425	51L-828.08	Hồ Chí Minh			
3426	14A-888.44	Quảng Ninh	4426	51L-828.56	Hồ Chí Minh			
3427	14A-893.86	Quảng Ninh	4427	51L-834.35	Hồ Chí Minh			
3428	14A-894.49	Quảng Ninh	4428	51L-839.83	Hồ Chí Minh			
3429	14A-901.66	Quảng Ninh	4429	51L-840.11	Hồ Chí Minh			
3430	14A-935.86	Quảng Ninh	4430	51L-844.84	Hồ Chí Minh			
3431	14A-943.39	Quảng Ninh	4431	51L-846.66	Hồ Chí Minh			
3432	14A-953.53	Quảng Ninh	4432	51L-858.79	Hồ Chí Minh			
3433	14A-954.68	Quảng Ninh	4433	51L-879.25	Hồ Chí Minh			
3434	14A-965.39	Quảng Ninh	4434	51L-880.09	Hồ Chí Minh			
3435	14D-027.89	Quảng Ninh	4435	51L-884.89	Hồ Chí Minh			
3436	14D-028.69	Quảng Ninh	4436	51L-891.39	Hồ Chí Minh			
3437	15K-201.66	Hải Phòng	4437	11A-114.88	Cao Bằng			
3438	15K-203.66	Hải Phòng	4438	11A-129.96	Cao Bằng			
3439	15K-250.69	Hải Phòng	4439	11A-131.11	Cao Bằng			
3440	15K-274.69	Hải Phòng	4440	11A-133.77	Cao Bằng			
3441	15K-303.66	Hải Phòng	4441	11C-082.68	Cao Bằng			
3442	15K-316.61	Hải Phòng	4442	12A-233.86	Lạng Sơn			
3443	15K-318.86	Hải Phòng	4443	12A-252.79	Lạng Sơn			
3444	15K-324.99	Hải Phòng	4444	12C-138.86	Lạng Sơn			
3445	15K-344.69	Hải Phòng	4445	14A-854.88	Quảng Ninh			
3446	15K-360.79	Hải Phòng	4446	14A-878.66	Quảng Ninh			
3447	15K-361.61	Hải Phòng	4447	14A-882.39	Quảng Ninh			
3448	15K-369.36	Hải Phòng	4448	14A-884.79	Quảng Ninh			
3449	15K-370.69	Hải Phòng	4449	14A-899.00	Quảng Ninh			
3450	15K-407.39	Hải Phòng	4450	14A-945.39	Quảng Ninh			
3451	15K-416.66	Hải Phòng	4451	14A-955.22	Quảng Ninh			
3452	17A-401.86	Thái Bình	4452	14A-961.39	Quảng Ninh			
3453	17A-409.68	Thái Bình	4453	14A-962.79	Quảng Ninh			
3454	17A-439.88	Thái Bình	4454	14A-970.39	Quảng Ninh			
3455	17A-448.39	Thái Bình	4455	14A-970.69	Quảng Ninh			
3456	17A-449.89	Thái Bình	4456	14B-051.69	Quảng Ninh			
3457	17A-457.79	Thái Bình	4457	15K-217.89	Hải Phòng			
3458	17A-480.08	Thái Bình	4458	15K-221.69	Hải Phòng			
3459	17A-487.88	Thái Bình	4459	15K-270.68	Hải Phòng			
3460	17C-208.79	Thái Bình	4460	15K-307.70	Hải Phòng			
3461	18A-411.89	Nam Định	4461	15K-311.13	Hải Phòng			
3462	18A-415.15	Nam Định	4462	15K-312.39	Hải Phòng			
3463	18A-426.89	Nam Định	4463	15K-320.68	Hải Phòng			
3464	18A-443.68	Nam Định	4464	15K-321.69	Hải Phòng			
3465	18A-448.68	Nam Định	4465	15K-322.39	Hải Phòng			
3466	18A-449.68	Nam Định	4466	15K-335.86	Hải Phòng			
3467	18A-451.88	Nam Định	4467	15K-350.79	Hải Phòng			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3468	18A-454.66	Nam Định	4468	15K-356.39	Hải Phòng			
3469	18A-456.65	Nam Định	4469	15K-357.86	Hải Phòng			
3470	18A-467.86	Nam Định	4470	15K-359.95	Hải Phòng			
3471	18A-480.80	Nam Định	4471	15K-360.63	Hải Phòng			
3472	18D-011.89	Nam Định	4472	15K-370.07	Hải Phòng			
3473	18D-013.86	Nam Định	4473	15K-377.37	Hải Phòng			
3474	19A-564.44	Phú Thọ	4474	15K-400.68	Hải Phòng			
3475	19A-611.00	Phú Thọ	4475	15K-407.66	Hải Phòng			
3476	19A-615.89	Phú Thọ	4476	15K-407.69	Hải Phòng			
3477	19A-635.39	Phú Thọ	4477	15K-411.89	Hải Phòng			
3478	19A-637.88	Phú Thọ	4478	15K-418.99	Hải Phòng			
3479	19A-638.79	Phú Thọ	4479	15K-423.68	Hải Phòng			
3480	19A-657.68	Phú Thọ	4480	17A-421.66	Thái Bình			
3481	19A-682.28	Phú Thọ	4481	17A-454.66	Thái Bình			
3482	19A-699.11	Phú Thọ	4482	17A-457.69	Thái Bình			
3483	20A-703.66	Thái Nguyên	4483	17A-462.26	Thái Bình			
3484	20A-735.96	Thái Nguyên	4484	17A-465.55	Thái Bình			
3485	20A-742.69	Thái Nguyên	4485	17A-469.68	Thái Bình			
3486	20A-742.86	Thái Nguyên	4486	17A-472.99	Thái Bình			
3487	20A-763.69	Thái Nguyên	4487	17B-027.68	Thái Bình			
3488	20A-777.56	Thái Nguyên	4488	18A-406.79	Nam Định			
3489	20A-778.69	Thái Nguyên	4489	18A-409.66	Nam Định			
3490	20A-782.82	Thái Nguyên	4490	18A-428.86	Nam Định			
3491	20A-787.39	Thái Nguyên	4491	18A-444.43	Nam Định			
3492	20A-801.68	Thái Nguyên	4492	18A-452.79	Nam Định			
3493	20A-824.69	Thái Nguyên	4493	18A-452.89	Nam Định			
3494	20A-831.38	Thái Nguyên	4494	18A-458.69	Nam Định			
3495	20A-834.69	Thái Nguyên	4495	18A-466.64	Nam Định			
3496	20A-840.48	Thái Nguyên	4496	18A-467.99	Nam Định			
3497	20A-844.86	Thái Nguyên	4497	18A-474.99	Nam Định			
3498	20A-849.96	Thái Nguyên	4498	18A-479.88	Nam Định			
3499	20A-859.79	Thái Nguyên	4499	18A-480.00	Nam Định			
3500	21A-184.69	Yên Bái	4500	18A-482.84	Nam Định			
3501	21A-200.66	Yên Bái	4501	18A-485.55	Nam Định			
3502	21A-212.68	Yên Bái	4502	19A-587.68	Phú Thọ			
3503	21A-218.68	Yên Bái	4503	19A-597.88	Phú Thọ			
3504	21A-220.69	Yên Bái	4504	19A-600.86	Phú Thọ			
3505	21B-012.39	Yên Bái	4505	19A-633.77	Phú Thọ			
3506	22A-237.66	Tuyên Quang	4506	19A-634.89	Phú Thọ			
3507	22A-238.83	Tuyên Quang	4507	19A-640.79	Phú Thọ			
3508	22A-250.89	Tuyên Quang	4508	19A-643.79	Phú Thọ			
3509	22A-254.86	Tuyên Quang	4509	19A-644.11	Phú Thọ			
3510	22A-256.89	Tuyên Quang	4510	19A-646.88	Phú Thọ			
3511	22C-111.28	Tuyên Quang	4511	19A-648.86	Phú Thọ			
3512	22C-111.66	Tuyên Quang	4512	19A-651.66	Phú Thọ			
3513	23A-140.00	Hà Giang	4513	19A-662.39	Phú Thọ			
3514	23A-145.96	Hà Giang	4514	19A-682.22	Phú Thọ			
3515	23A-152.52	Hà Giang	4515	19A-687.39	Phú Thọ			
3516	24A-254.69	Lào Cai	4516	19A-691.91	Phú Thọ			
3517	24A-257.88	Lào Cai	4517	19A-699.77	Phú Thọ			
3518	24A-264.64	Lào Cai	4518	19A-710.68	Phú Thọ			
3519	24A-266.36	Lào Cai	4519	19A-714.88	Phú Thọ			

41
V.G.T
U.G
'DA
T.N.
JAN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3520	24A-275.88	Lào Cai	4520	19A-715.39	Phú Thọ			
3521	24A-294.94	Lào Cai	4521	19C-256.68	Phú Thọ			
3522	24A-301.88	Lào Cai	4522	20A-724.88	Thái Nguyên			
3523	24A-305.89	Lào Cai	4523	20A-753.86	Thái Nguyên			
3524	24A-311.55	Lào Cai	4524	20A-766.77	Thái Nguyên			
3525	24A-312.13	Lào Cai	4525	20A-795.66	Thái Nguyên			
3526	24C-162.69	Lào Cai	4526	20A-795.86	Thái Nguyên			
3527	25A-072.69	Lai Châu	4527	20A-797.66	Thái Nguyên			
3528	25A-073.33	Lai Châu	4528	20A-805.55	Thái Nguyên			
3529	25A-083.84	Lai Châu	4529	20A-821.82	Thái Nguyên			
3530	26A-233.69	Sơn La	4530	20A-825.89	Thái Nguyên			
3531	27A-111.46	Điện Biên	4531	20A-833.11	Thái Nguyên			
3532	28A-227.88	Hòa Bình	4532	20A-843.48	Thái Nguyên			
3533	28A-246.46	Hòa Bình	4533	20C-306.66	Thái Nguyên			
3534	28A-248.84	Hòa Bình	4534	21A-187.99	Yên Bái			
3535	28A-255.33	Hòa Bình	4535	21A-190.88	Yên Bái			
3536	29D-612.79	Hà Nội	4536	21A-197.66	Yên Bái			
3537	29K-247.15	Hà Nội	4537	21A-207.69	Yên Bái			
3538	29K-251.28	Hà Nội	4538	21A-208.86	Yên Bái			
3539	29K-257.99	Hà Nội	4539	21A-219.72	Yên Bái			
3540	29K-258.44	Hà Nội	4540	21C-111.15	Yên Bái			
3541	29K-263.77	Hà Nội	4541	22A-213.99	Tuyên Quang			
3542	29K-274.26	Hà Nội	4542	22A-231.66	Tuyên Quang			
3543	29K-284.00	Hà Nội	4543	22A-237.89	Tuyên Quang			
3544	29K-308.30	Hà Nội	4544	22A-240.89	Tuyên Quang			
3545	29K-309.09	Hà Nội	4545	22A-251.66	Tuyên Quang			
3546	29K-317.11	Hà Nội	4546	22A-254.99	Tuyên Quang			
3547	29K-321.86	Hà Nội	4547	22A-258.69	Tuyên Quang			
3548	29K-324.24	Hà Nội	4548	22A-264.79	Tuyên Quang			
3549	34A-753.88	Hải Dương	4549	22A-265.86	Tuyên Quang			
3550	34A-755.99	Hải Dương	4550	22B-013.66	Tuyên Quang			
3551	34A-757.88	Hải Dương	4551	23A-135.86	Hà Giang			
3552	34A-758.69	Hải Dương	4552	23A-143.43	Hà Giang			
3553	34A-792.92	Hải Dương	4553	23C-087.66	Hà Giang			
3554	34A-802.22	Hải Dương	4554	24A-264.98	Lào Cai			
3555	34A-808.86	Hải Dương	4555	24A-294.68	Lào Cai			
3556	34A-820.89	Hải Dương	4556	24A-303.30	Lào Cai			
3557	34A-824.42	Hải Dương	4557	24A-307.77	Lào Cai			
3558	34A-845.39	Hải Dương	4558	24A-309.96	Lào Cai			
3559	34A-846.89	Hải Dương	4559	24C-161.16	Lào Cai			
3560	34A-852.39	Hải Dương	4560	25A-077.55	Lai Châu			
3561	34A-854.79	Hải Dương	4561	25A-078.86	Lai Châu			
3562	34A-864.68	Hải Dương	4562	25A-079.39	Lai Châu			
3563	34A-879.78	Hải Dương	4563	26A-185.39	Sơn La			
3564	34A-881.79	Hải Dương	4564	26A-222.45	Sơn La			
3565	34A-893.93	Hải Dương	4565	26B-016.79	Sơn La			
3566	34A-900.22	Hải Dương	4566	26C-157.66	Sơn La			
3567	34A-913.39	Hải Dương	4567	26C-159.68	Sơn La			
3568	35A-407.39	Ninh Bình	4568	26C-159.69	Sơn La			
3569	35A-407.98	Ninh Bình	4569	26D-012.66	Sơn La			
3570	35A-414.89	Ninh Bình	4570	27A-107.70	Điện Biên			
3571	35A-415.89	Ninh Bình	4571	27A-126.79	Điện Biên			

Y
I
H
M
I.P.H.A

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3572	35A-425.25	Ninh Bình	4572	28A-217.79	Hòa Bình			
3573	35A-428.68	Ninh Bình	4573	28A-232.98	Hòa Bình			
3574	35A-430.88	Ninh Bình	4574	28A-246.99	Hòa Bình			
3575	35A-433.68	Ninh Bình	4575	29K-222.14	Hà Nội			
3576	35A-452.68	Ninh Bình	4576	29K-223.39	Hà Nội			
3577	35A-453.35	Ninh Bình	4577	29K-226.86	Hà Nội			
3578	35A-454.45	Ninh Bình	4578	29K-230.86	Hà Nội			
3579	35A-457.99	Ninh Bình	4579	29K-232.06	Hà Nội			
3580	36C-526.62	Thanh Hóa	4580	29K-236.32	Hà Nội			
3581	36K-043.69	Thanh Hóa	4581	29K-236.79	Hà Nội			
3582	36K-052.22	Thanh Hóa	4582	29K-241.85	Hà Nội			
3583	36K-061.99	Thanh Hóa	4583	29K-246.09	Hà Nội			
3584	36K-071.11	Thanh Hóa	4584	29K-255.25	Hà Nội			
3585	36K-080.79	Thanh Hóa	4585	29K-257.39	Hà Nội			
3586	36K-080.99	Thanh Hóa	4586	29K-260.06	Hà Nội			
3587	36K-083.88	Thanh Hóa	4587	29K-261.99	Hà Nội			
3588	36K-099.44	Thanh Hóa	4588	29K-263.98	Hà Nội			
3589	36K-102.39	Thanh Hóa	4589	29K-267.28	Hà Nội			
3590	36K-102.99	Thanh Hóa	4590	29K-271.56	Hà Nội			
3591	36K-122.69	Thanh Hóa	4591	29K-276.27	Hà Nội			
3592	36K-132.99	Thanh Hóa	4592	29K-278.25	Hà Nội			
3593	36K-142.68	Thanh Hóa	4593	29K-282.69	Hà Nội			
3594	36K-155.33	Thanh Hóa	4594	29K-283.77	Hà Nội			
3595	36K-158.39	Thanh Hóa	4595	29K-288.96	Hà Nội			
3596	36K-164.44	Thanh Hóa	4596	29K-293.11	Hà Nội			
3597	36K-170.39	Thanh Hóa	4597	29K-294.19	Hà Nội			
3598	36K-185.39	Thanh Hóa	4598	29K-323.22	Hà Nội			
3599	36K-204.04	Thanh Hóa	4599	34A-744.66	Hải Dương			
3600	36K-211.77	Thanh Hóa	4600	34A-771.98	Hải Dương			
3601	36K-212.79	Thanh Hóa	4601	34A-787.98	Hải Dương			
3602	36K-217.77	Thanh Hóa	4602	34A-789.69	Hải Dương			
3603	36K-221.69	Thanh Hóa	4603	34A-791.99	Hải Dương			
3604	36K-222.04	Thanh Hóa	4604	34A-794.69	Hải Dương			
3605	37K-257.69	Nghệ An	4605	34A-807.88	Hải Dương			
3606	37K-259.79	Nghệ An	4606	34A-816.39	Hải Dương			
3607	37K-275.89	Nghệ An	4607	34A-816.99	Hải Dương			
3608	37K-287.79	Nghệ An	4608	34A-821.69	Hải Dương			
3609	37K-289.96	Nghệ An	4609	34A-840.69	Hải Dương			
3610	37K-294.89	Nghệ An	4610	34A-852.22	Hải Dương			
3611	37K-314.69	Nghệ An	4611	34A-870.78	Hải Dương			
3612	37K-347.88	Nghệ An	4612	34A-879.69	Hải Dương			
3613	37K-374.79	Nghệ An	4613	34A-881.82	Hải Dương			
3614	37K-380.89	Nghệ An	4614	34A-885.89	Hải Dương			
3615	37K-400.88	Nghệ An	4615	34A-895.39	Hải Dương			
3616	37K-407.08	Nghệ An	4616	34A-902.22	Hải Dương			
3617	37K-408.04	Nghệ An	4617	34A-903.68	Hải Dương			
3618	37K-415.55	Nghệ An	4618	34A-916.68	Hải Dương			
3619	37K-419.94	Nghệ An	4619	35A-402.69	Ninh Bình			
3620	37K-435.88	Nghệ An	4620	35A-407.99	Ninh Bình			
3621	37K-437.77	Nghệ An	4621	35A-411.55	Ninh Bình			
3622	37K-443.68	Nghệ An	4622	35A-414.88	Ninh Bình			
3623	37K-443.89	Nghệ An	4623	35A-423.32	Ninh Bình			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3624	37K-455.99	Nghệ An	4624	35A-423.99	Ninh Bình			
3625	37K-461.16	Nghệ An	4625	35A-427.79	Ninh Bình			
3626	37K-464.88	Nghệ An	4626	35A-430.68	Ninh Bình			
3627	37K-468.39	Nghệ An	4627	35A-433.34	Ninh Bình			
3628	37K-477.74	Nghệ An	4628	35A-435.79	Ninh Bình			
3629	38A-584.86	Hà Tĩnh	4629	35A-444.08	Ninh Bình			
3630	38A-590.90	Hà Tĩnh	4630	35A-448.49	Ninh Bình			
3631	38A-592.29	Hà Tĩnh	4631	35A-459.95	Ninh Bình			
3632	38A-617.39	Hà Tĩnh	4632	36C-521.68	Thanh Hóa			
3633	38A-624.86	Hà Tĩnh	4633	36D-025.39	Thanh Hóa			
3634	38A-631.68	Hà Tĩnh	4634	36K-038.83	Thanh Hóa			
3635	38A-640.00	Hà Tĩnh	4635	36K-064.86	Thanh Hóa			
3636	38A-649.88	Hà Tĩnh	4636	36K-075.55	Thanh Hóa			
3637	38A-653.86	Hà Tĩnh	4637	36K-082.28	Thanh Hóa			
3638	38A-659.88	Hà Tĩnh	4638	36K-084.69	Thanh Hóa			
3639	38A-662.79	Hà Tĩnh	4639	36K-093.69	Thanh Hóa			
3640	38C-232.68	Hà Tĩnh	4640	36K-115.51	Thanh Hóa			
3641	43A-821.66	Đà Nẵng	4641	36K-120.39	Thanh Hóa			
3642	43A-841.11	Đà Nẵng	4642	36K-125.25	Thanh Hóa			
3643	43A-845.39	Đà Nẵng	4643	36K-135.36	Thanh Hóa			
3644	43A-883.89	Đà Nẵng	4644	36K-140.14	Thanh Hóa			
3645	43A-917.69	Đà Nẵng	4645	36K-151.99	Thanh Hóa			
3646	43A-926.66	Đà Nẵng	4646	36K-165.86	Thanh Hóa			
3647	43A-932.23	Đà Nẵng	4647	36K-167.61	Thanh Hóa			
3648	43A-935.99	Đà Nẵng	4648	36K-169.61	Thanh Hóa			
3649	47A-625.39	Đắk Lắk	4649	36K-171.17	Thanh Hóa			
3650	47A-664.69	Đắk Lắk	4650	36K-174.86	Thanh Hóa			
3651	47A-688.38	Đắk Lắk	4651	36K-175.57	Thanh Hóa			
3652	47A-692.99	Đắk Lắk	4652	36K-211.88	Thanh Hóa			
3653	47A-696.86	Đắk Lắk	4653	37K-284.66	Nghệ An			
3654	47A-701.68	Đắk Lắk	4654	37K-335.86	Nghệ An			
3655	47A-717.88	Đắk Lắk	4655	37K-342.88	Nghệ An			
3656	47A-723.23	Đắk Lắk	4656	37K-360.39	Nghệ An			
3657	47A-723.88	Đắk Lắk	4657	37K-377.69	Nghệ An			
3658	47A-730.39	Đắk Lắk	4658	37K-381.86	Nghệ An			
3659	47A-736.63	Đắk Lắk	4659	37K-391.88	Nghệ An			
3660	47A-760.69	Đắk Lắk	4660	37K-400.69	Nghệ An			
3661	47A-761.88	Đắk Lắk	4661	37K-408.89	Nghệ An			
3662	47A-763.64	Đắk Lắk	4662	37K-409.68	Nghệ An			
3663	47A-763.67	Đắk Lắk	4663	37K-412.14	Nghệ An			
3664	47A-781.39	Đắk Lắk	4664	37K-430.79	Nghệ An			
3665	47A-783.68	Đắk Lắk	4665	37K-436.79	Nghệ An			
3666	47A-786.39	Đắk Lắk	4666	37K-441.41	Nghệ An			
3667	47A-802.22	Đắk Lắk	4667	37K-444.03	Nghệ An			
3668	47A-804.66	Đắk Lắk	4668	37K-450.39	Nghệ An			
3669	47C-383.79	Đắk Lắk	4669	37K-458.45	Nghệ An			
3670	47C-394.79	Đắk Lắk	4670	37K-465.64	Nghệ An			
3671	48A-213.88	Đắk Nông	4671	37K-469.39	Nghệ An			
3672	48A-217.99	Đắk Nông	4672	37K-473.74	Nghệ An			
3673	48A-229.92	Đắk Nông	4673	37K-480.86	Nghệ An			
3674	48A-236.69	Đắk Nông	4674	37K-481.88	Nghệ An			
3675	48B-011.66	Đắk Nông	4675	38A-593.98	Hà Tĩnh			

A.Đ
 CỘ
 Đ
 HỢI
 VIỆ
 ANH X

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3676	49A-647.79	Lâm Đồng	4676	38A-608.39	Hà Tĩnh			
3677	49A-648.99	Lâm Đồng	4677	38A-610.10	Hà Tĩnh			
3678	49A-674.47	Lâm Đồng	4678	38A-624.68	Hà Tĩnh			
3679	49A-680.89	Lâm Đồng	4679	38A-632.66	Hà Tĩnh			
3680	49A-687.66	Lâm Đồng	4680	38A-638.63	Hà Tĩnh			
3681	49A-690.99	Lâm Đồng	4681	38A-640.04	Hà Tĩnh			
3682	49A-697.68	Lâm Đồng	4682	38A-652.52	Hà Tĩnh			
3683	49A-706.68	Lâm Đồng	4683	38A-673.33	Hà Tĩnh			
3684	49A-719.95	Lâm Đồng	4684	38C-236.86	Hà Tĩnh			
3685	49A-731.37	Lâm Đồng	4685	43A-814.68	Đà Nẵng			
3686	49A-739.37	Lâm Đồng	4686	43A-817.88	Đà Nẵng			
3687	49D-013.79	Lâm Đồng	4687	43A-822.58	Đà Nẵng			
3688	51D-826.66	Hồ Chí Minh	4688	43A-831.99	Đà Nẵng			
3689	51D-885.89	Hồ Chí Minh	4689	43A-843.68	Đà Nẵng			
3690	51E-337.86	Hồ Chí Minh	4690	43A-848.39	Đà Nẵng			
3691	51M-016.58	Hồ Chí Minh	4691	43A-851.39	Đà Nẵng			
3692	51M-018.44	Hồ Chí Minh	4692	43A-887.78	Đà Nẵng			
3693	51M-026.66	Hồ Chí Minh	4693	43A-902.99	Đà Nẵng			
3694	51M-031.59	Hồ Chí Minh	4694	43A-903.79	Đà Nẵng			
3695	51M-041.88	Hồ Chí Minh	4695	43A-905.88	Đà Nẵng			
3696	51M-044.40	Hồ Chí Minh	4696	43A-916.86	Đà Nẵng			
3697	51M-050.29	Hồ Chí Minh	4697	43A-924.92	Đà Nẵng			
3698	60C-732.86	Đồng Nai	4698	43A-935.36	Đà Nẵng			
3699	60K-426.68	Đồng Nai	4699	43A-939.86	Đà Nẵng			
3700	60K-435.68	Đồng Nai	4700	47A-625.79	Đắk Lắk			
3701	60K-443.39	Đồng Nai	4701	47A-639.66	Đắk Lắk			
3702	60K-444.99	Đồng Nai	4702	47A-662.55	Đắk Lắk			
3703	60K-461.98	Đồng Nai	4703	47A-692.66	Đắk Lắk			
3704	60K-466.44	Đồng Nai	4704	47A-694.98	Đắk Lắk			
3705	60K-479.88	Đồng Nai	4705	47A-727.88	Đắk Lắk			
3706	60K-492.39	Đồng Nai	4706	47A-746.64	Đắk Lắk			
3707	60K-509.90	Đồng Nai	4707	47A-751.99	Đắk Lắk			
3708	60K-544.33	Đồng Nai	4708	47A-754.66	Đắk Lắk			
3709	60K-544.39	Đồng Nai	4709	47A-756.99	Đắk Lắk			
3710	60K-545.39	Đồng Nai	4710	47A-761.76	Đắk Lắk			
3711	60K-547.69	Đồng Nai	4711	47A-761.79	Đắk Lắk			
3712	60K-553.35	Đồng Nai	4712	47A-764.46	Đắk Lắk			
3713	60K-555.44	Đồng Nai	4713	47A-770.89	Đắk Lắk			
3714	60K-558.39	Đồng Nai	4714	47A-782.88	Đắk Lắk			
3715	60K-559.96	Đồng Nai	4715	47A-784.85	Đắk Lắk			
3716	60K-568.65	Đồng Nai	4716	47A-788.86	Đắk Lắk			
3717	60K-570.88	Đồng Nai	4717	47A-790.86	Đắk Lắk			
3718	60K-571.75	Đồng Nai	4718	47A-800.89	Đắk Lắk			
3719	60K-572.72	Đồng Nai	4719	47A-810.18	Đắk Lắk			
3720	60K-572.89	Đồng Nai	4720	47A-812.99	Đắk Lắk			
3721	60K-576.76	Đồng Nai	4721	47C-377.79	Đắk Lắk			
3722	60K-590.86	Đồng Nai	4722	48A-205.69	Đắk Nông			
3723	60K-598.86	Đồng Nai	4723	48A-206.79	Đắk Nông			
3724	60K-599.00	Đồng Nai	4724	48A-208.99	Đắk Nông			
3725	60K-611.44	Đồng Nai	4725	48A-231.68	Đắk Nông			
3726	61C-591.39	Bình Dương	4726	48A-243.34	Đắk Nông			
3727	61C-599.96	Bình Dương	4727	48B-012.69	Đắk Nông			

47
G T
J GI
DAN
T NA
IAN -

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3728	61K-310.68	Bình Dương	4728	49A-655.22	Lâm Đồng			
3729	61K-317.79	Bình Dương	4729	49A-670.79	Lâm Đồng			
3730	61K-331.88	Bình Dương	4730	49A-679.88	Lâm Đồng			
3731	61K-333.47	Bình Dương	4731	49A-701.11	Lâm Đồng			
3732	61K-343.33	Bình Dương	4732	49A-714.79	Lâm Đồng			
3733	61K-357.77	Bình Dương	4733	49A-723.66	Lâm Đồng			
3734	61K-358.99	Bình Dương	4734	49A-733.86	Lâm Đồng			
3735	61K-394.69	Bình Dương	4735	49A-734.44	Lâm Đồng			
3736	61K-398.69	Bình Dương	4736	49A-735.73	Lâm Đồng			
3737	61K-399.22	Bình Dương	4737	49A-743.33	Lâm Đồng			
3738	61K-405.79	Bình Dương	4738	49B-031.86	Lâm Đồng			
3739	61K-411.79	Bình Dương	4739	51D-831.39	Hồ Chí Minh			
3740	61K-415.51	Bình Dương	4740	51D-856.86	Hồ Chí Minh			
3741	61K-441.89	Bình Dương	4741	51D-865.66	Hồ Chí Minh			
3742	61K-469.39	Bình Dương	4742	51D-865.69	Hồ Chí Minh			
3743	61K-477.79	Bình Dương	4743	51D-891.99	Hồ Chí Minh			
3744	61K-485.85	Bình Dương	4744	51E-335.69	Hồ Chí Minh			
3745	61K-487.66	Bình Dương	4745	51M-016.26	Hồ Chí Minh			
3746	61K-492.86	Bình Dương	4746	51M-018.79	Hồ Chí Minh			
3747	61K-497.98	Bình Dương	4747	51M-019.09	Hồ Chí Minh			
3748	62A-382.99	Long An	4748	51M-021.65	Hồ Chí Minh			
3749	62A-400.86	Long An	4749	51M-026.99	Hồ Chí Minh			
3750	62A-405.89	Long An	4750	51M-032.00	Hồ Chí Minh			
3751	62A-411.77	Long An	4751	51M-032.99	Hồ Chí Minh			
3752	62A-414.66	Long An	4752	51M-037.88	Hồ Chí Minh			
3753	62A-441.39	Long An	4753	51M-040.41	Hồ Chí Minh			
3754	62A-444.43	Long An	4754	51M-043.68	Hồ Chí Minh			
3755	62A-450.51	Long An	4755	51M-044.55	Hồ Chí Minh			
3756	62A-450.66	Long An	4756	60K-432.23	Đồng Nai			
3757	62A-458.85	Long An	4757	60K-441.68	Đồng Nai			
3758	62B-029.79	Long An	4758	60K-455.39	Đồng Nai			
3759	63A-269.88	Tiền Giang	4759	60K-461.89	Đồng Nai			
3760	63A-271.66	Tiền Giang	4760	60K-470.66	Đồng Nai			
3761	63A-304.88	Tiền Giang	4761	60K-490.66	Đồng Nai			
3762	63A-320.68	Tiền Giang	4762	60K-496.66	Đồng Nai			
3763	64A-189.79	Vĩnh Long	4763	60K-499.39	Đồng Nai			
3764	64A-196.86	Vĩnh Long	4764	60K-501.11	Đồng Nai			
3765	64A-198.79	Vĩnh Long	4765	60K-514.99	Đồng Nai			
3766	65A-410.00	Cần Thơ	4766	60K-532.32	Đồng Nai			
3767	65A-418.69	Cần Thơ	4767	60K-535.66	Đồng Nai			
3768	65A-425.86	Cần Thơ	4768	60K-535.86	Đồng Nai			
3769	65A-465.89	Cần Thơ	4769	60K-555.14	Đồng Nai			
3770	65A-478.69	Cần Thơ	4770	60K-564.99	Đồng Nai			
3771	65A-495.55	Cần Thơ	4771	60K-573.99	Đồng Nai			
3772	65A-497.99	Cần Thơ	4772	60K-584.69	Đồng Nai			
3773	65A-502.20	Cần Thơ	4773	60K-585.89	Đồng Nai			
3774	66A-244.88	Đồng Tháp	4774	60K-602.39	Đồng Nai			
3775	66A-249.68	Đồng Tháp	4775	60K-604.69	Đồng Nai			
3776	66A-250.00	Đồng Tháp	4776	60K-607.66	Đồng Nai			
3777	66A-250.68	Đồng Tháp	4777	61C-607.68	Bình Dương			
3778	66A-265.56	Đồng Tháp	4778	61K-309.66	Bình Dương			
3779	66A-282.68	Đồng Tháp	4779	61K-310.79	Bình Dương			

H
M
PHÁP

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3780	66A-282.99	Đồng Tháp	4780	61K-325.79	Bình Dương			
3781	66A-295.95	Đồng Tháp	4781	61K-353.99	Bình Dương			
3782	67A-294.44	An Giang	4782	61K-358.79	Bình Dương			
3783	67A-309.86	An Giang	4783	61K-372.96	Bình Dương			
3784	67A-309.90	An Giang	4784	61K-387.88	Bình Dương			
3785	67A-310.66	An Giang	4785	61K-394.66	Bình Dương			
3786	67A-311.99	An Giang	4786	61K-400.77	Bình Dương			
3787	67A-313.69	An Giang	4787	61K-415.55	Bình Dương			
3788	67A-318.81	An Giang	4788	61K-418.88	Bình Dương			
3789	67B-029.99	An Giang	4789	61K-422.89	Bình Dương			
3790	67C-187.39	An Giang	4790	61K-434.39	Bình Dương			
3791	67C-187.77	An Giang	4791	61K-451.69	Bình Dương			
3792	68A-320.66	Kiên Giang	4792	61K-454.55	Bình Dương			
3793	68A-328.66	Kiên Giang	4793	61K-480.69	Bình Dương			
3794	68A-330.30	Kiên Giang	4794	61K-490.39	Bình Dương			
3795	68A-333.78	Kiên Giang	4795	62A-381.88	Long An			
3796	68A-350.79	Kiên Giang	4796	62A-418.18	Long An			
3797	68A-355.68	Kiên Giang	4797	62A-429.69	Long An			
3798	68A-362.69	Kiên Giang	4798	62A-444.09	Long An			
3799	69A-145.68	Cà Mau	4799	62A-452.45	Long An			
3800	70A-491.68	Tây Ninh	4800	62A-452.68	Long An			
3801	70A-514.86	Tây Ninh	4801	62A-457.39	Long An			
3802	70A-518.39	Tây Ninh	4802	62A-463.46	Long An			
3803	70A-536.86	Tây Ninh	4803	63A-284.86	Tiền Giang			
3804	70A-543.79	Tây Ninh	4804	63A-296.86	Tiền Giang			
3805	70A-577.75	Tây Ninh	4805	63A-304.66	Tiền Giang			
3806	70A-578.57	Tây Ninh	4806	63A-322.69	Tiền Giang			
3807	71A-183.33	Bến Tre	4807	64A-183.39	Vĩnh Long			
3808	71A-184.66	Bến Tre	4808	64A-194.68	Vĩnh Long			
3809	71A-195.99	Bến Tre	4809	64A-200.20	Vĩnh Long			
3810	71A-200.88	Bến Tre	4810	65A-419.91	Cần Thơ			
3811	71A-210.21	Bến Tre	4811	65A-421.79	Cần Thơ			
3812	71A-211.89	Bến Tre	4812	65A-425.39	Cần Thơ			
3813	72A-756.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	4813	65A-436.86	Cần Thơ			
3814	72A-765.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	4814	65A-437.66	Cần Thơ			
3815	72A-765.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	4815	65A-450.99	Cần Thơ			
3816	72A-770.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	4816	65A-453.89	Cần Thơ			
3817	72A-788.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	4817	65A-481.81	Cần Thơ			
3818	72A-819.97	Bà Rịa - Vũng Tàu	4818	65A-500.86	Cần Thơ			
3819	72A-821.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	4819	65A-503.89	Cần Thơ			
3820	72A-823.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	4820	65A-507.77	Cần Thơ			
3821	72A-833.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	4821	65A-507.89	Cần Thơ			
3822	72A-834.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	4822	65A-508.69	Cần Thơ			
3823	72C-237.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	4823	65A-510.88	Cần Thơ			
3824	73A-327.39	Quảng Bình	4824	65C-234.55	Cần Thơ			
3825	73A-344.89	Quảng Bình	4825	66A-261.79	Đồng Tháp			
3826	73A-353.35	Quảng Bình	4826	66A-266.11	Đồng Tháp			
3827	73A-357.35	Quảng Bình	4827	66A-266.86	Đồng Tháp			
3828	73A-366.39	Quảng Bình	4828	66A-275.79	Đồng Tháp			
3829	73A-367.77	Quảng Bình	4829	66A-288.11	Đồng Tháp			
3830	74A-251.79	Quảng Trị	4830	66A-294.99	Đồng Tháp			
3831	74A-254.54	Quảng Trị	4831	67A-281.99	An Giang			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3832	74A-264.44	Quảng Trị	4832	67A-291.68	An Giang			
3833	74A-277.00	Quảng Trị	4833	67A-291.69	An Giang			
3834	74C-138.99	Quảng Trị	4834	67A-292.69	An Giang			
3835	75A-343.39	Thừa Thiên Huế	4835	67A-301.69	An Giang			
3836	75A-357.88	Thừa Thiên Huế	4836	67A-312.66	An Giang			
3837	75A-381.82	Thừa Thiên Huế	4837	67A-312.79	An Giang			
3838	76A-296.88	Quảng Ngãi	4838	67A-313.86	An Giang			
3839	76A-305.05	Quảng Ngãi	4839	67A-321.39	An Giang			
3840	76A-305.39	Quảng Ngãi	4840	67A-327.79	An Giang			
3841	76A-305.88	Quảng Ngãi	4841	68A-313.86	Kiên Giang			
3842	76A-316.31	Quảng Ngãi	4842	68A-316.86	Kiên Giang			
3843	77A-297.88	Bình Định	4843	68A-361.16	Kiên Giang			
3844	77A-300.66	Bình Định	4844	69A-163.79	Cà Mau			
3845	77A-313.68	Bình Định	4845	70A-509.96	Tây Ninh			
3846	77A-317.77	Bình Định	4846	70A-516.63	Tây Ninh			
3847	77A-322.39	Bình Định	4847	70A-528.99	Tây Ninh			
3848	77A-323.89	Bình Định	4848	70A-529.88	Tây Ninh			
3849	77A-339.93	Bình Định	4849	70A-544.00	Tây Ninh			
3850	77A-345.88	Bình Định	4850	70A-560.89	Tây Ninh			
3851	77A-348.79	Bình Định	4851	70A-565.86	Tây Ninh			
3852	77A-348.84	Bình Định	4852	70A-581.79	Tây Ninh			
3853	78A-183.88	Phú Yên	4853	70A-582.85	Tây Ninh			
3854	78A-187.66	Phú Yên	4854	71A-205.89	Bến Tre			
3855	78A-188.79	Phú Yên	4855	71A-208.09	Bến Tre			
3856	78A-193.39	Phú Yên	4856	72A-762.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3857	78A-198.86	Phú Yên	4857	72A-765.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3858	78A-200.22	Phú Yên	4858	72A-770.99	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3859	78A-200.44	Phú Yên	4859	72A-780.79	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3860	79A-508.86	Khánh Hòa	4860	72A-780.96	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3861	79A-515.66	Khánh Hòa	4861	72A-782.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3862	79A-557.68	Khánh Hòa	4862	72A-813.14	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3863	79A-559.89	Khánh Hòa	4863	72A-814.68	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3864	81A-392.86	Gia Lai	4864	73A-333.11	Quảng Bình			
3865	81A-394.99	Gia Lai	4865	73A-335.33	Quảng Bình			
3866	81A-401.86	Gia Lai	4866	73A-341.11	Quảng Bình			
3867	81A-404.69	Gia Lai	4867	73A-347.66	Quảng Bình			
3868	81A-410.99	Gia Lai	4868	73A-357.53	Quảng Bình			
3869	81A-422.39	Gia Lai	4869	73A-360.63	Quảng Bình			
3870	81A-433.22	Gia Lai	4870	74A-254.98	Quảng Trị			
3871	81A-435.68	Gia Lai	4871	74B-015.79	Quảng Trị			
3872	81A-441.66	Gia Lai	4872	75A-381.86	Thừa Thiên Huế			
3873	81A-442.86	Gia Lai	4873	75B-027.27	Thừa Thiên Huế			
3874	81A-446.44	Gia Lai	4874	76A-291.86	Quảng Ngãi			
3875	81A-447.99	Gia Lai	4875	76A-307.70	Quảng Ngãi			
3876	81A-450.68	Gia Lai	4876	76A-316.88	Quảng Ngãi			
3877	81C-275.57	Gia Lai	4877	77A-307.68	Bình Định			
3878	81D-012.69	Gia Lai	4878	77A-315.69	Bình Định			
3879	82A-142.88	Kon Tum	4879	77A-317.66	Bình Định			
3880	82A-145.54	Kon Tum	4880	77A-331.88	Bình Định			
3881	82A-150.99	Kon Tum	4881	77A-333.26	Bình Định			
3882	83A-178.79	Sóc Trăng	4882	77A-349.96	Bình Định			
3883	84A-130.30	Trà Vinh	4883	77A-353.86	Bình Định			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3884	84C-122.89	Trà Vinh	4884	77A-355.22	Bình Định			
3885	85A-127.88	Ninh Thuận	4885	78A-197.86	Phú Yên			
3886	85A-129.66	Ninh Thuận	4886	78A-206.86	Phú Yên			
3887	85A-136.66	Ninh Thuận	4887	78A-213.39	Phú Yên			
3888	85A-136.88	Ninh Thuận	4888	79A-502.86	Khánh Hòa			
3889	85A-140.89	Ninh Thuận	4889	79A-504.99	Khánh Hòa			
3890	85B-013.33	Ninh Thuận	4890	79A-515.86	Khánh Hòa			
3891	85C-083.68	Ninh Thuận	4891	79A-519.69	Khánh Hòa			
3892	86A-295.79	Bình Thuận	4892	79A-543.88	Khánh Hòa			
3893	86A-304.99	Bình Thuận	4893	79A-547.48	Khánh Hòa			
3894	86A-318.86	Bình Thuận	4894	79A-561.79	Khánh Hòa			
3895	86B-022.33	Bình Thuận	4895	79A-563.39	Khánh Hòa			
3896	88A-654.69	Vĩnh Phúc	4896	81A-375.99	Gia Lai			
3897	88A-670.79	Vĩnh Phúc	4897	81A-379.66	Gia Lai			
3898	88A-671.99	Vĩnh Phúc	4898	81A-396.39	Gia Lai			
3899	88A-681.28	Vĩnh Phúc	4899	81A-419.19	Gia Lai			
3900	88A-688.56	Vĩnh Phúc	4900	81A-419.79	Gia Lai			
3901	88A-691.16	Vĩnh Phúc	4901	81A-429.29	Gia Lai			
3902	88A-694.88	Vĩnh Phúc	4902	81A-429.69	Gia Lai			
3903	88A-701.69	Vĩnh Phúc	4903	81A-430.00	Gia Lai			
3904	88A-707.66	Vĩnh Phúc	4904	81A-432.32	Gia Lai			
3905	88A-729.29	Vĩnh Phúc	4905	81A-438.66	Gia Lai			
3906	88A-758.58	Vĩnh Phúc	4906	81C-279.69	Gia Lai			
3907	88A-760.61	Vĩnh Phúc	4907	81C-280.08	Gia Lai			
3908	88A-774.99	Vĩnh Phúc	4908	82A-140.04	Kon Tum			
3909	88A-777.02	Vĩnh Phúc	4909	83A-179.97	Sóc Trăng			
3910	88A-781.39	Vĩnh Phúc	4910	83A-189.96	Sóc Trăng			
3911	88A-782.22	Vĩnh Phúc	4911	84A-122.68	Trà Vinh			
3912	88A-782.89	Vĩnh Phúc	4912	84A-138.83	Trà Vinh			
3913	88B-019.69	Vĩnh Phúc	4913	84A-139.68	Trà Vinh			
3914	88C-306.66	Vĩnh Phúc	4914	84A-140.40	Trà Vinh			
3915	89A-457.68	Hưng Yên	4915	85A-140.40	Ninh Thuận			
3916	89A-458.86	Hưng Yên	4916	86A-283.88	Bình Thuận			
3917	89A-458.99	Hưng Yên	4917	86A-288.00	Bình Thuận			
3918	89A-459.88	Hưng Yên	4918	86A-296.39	Bình Thuận			
3919	89A-464.64	Hưng Yên	4919	86A-303.79	Bình Thuận			
3920	89A-477.89	Hưng Yên	4920	86A-315.15	Bình Thuận			
3921	89A-482.86	Hưng Yên	4921	86A-318.99	Bình Thuận			
3922	89A-484.39	Hưng Yên	4922	86C-205.55	Bình Thuận			
3923	89A-491.99	Hưng Yên	4923	88A-653.86	Vĩnh Phúc			
3924	89A-504.50	Hưng Yên	4924	88A-653.88	Vĩnh Phúc			
3925	89A-505.89	Hưng Yên	4925	88A-670.96	Vĩnh Phúc			
3926	89A-507.70	Hưng Yên	4926	88A-686.95	Vĩnh Phúc			
3927	89A-517.99	Hưng Yên	4927	88A-700.98	Vĩnh Phúc			
3928	89A-521.39	Hưng Yên	4928	88A-704.68	Vĩnh Phúc			
3929	89A-527.28	Hưng Yên	4929	88A-709.86	Vĩnh Phúc			
3930	89A-527.66	Hưng Yên	4930	88A-715.79	Vĩnh Phúc			
3931	90A-252.38	Hà Nam	4931	88A-725.68	Vĩnh Phúc			
3932	90A-256.26	Hà Nam	4932	88A-735.66	Vĩnh Phúc			
3933	90A-259.56	Hà Nam	4933	88A-771.11	Vĩnh Phúc			
3934	90A-260.68	Hà Nam	4934	88A-776.67	Vĩnh Phúc			
3935	90A-265.89	Hà Nam	4935	88A-777.05	Vĩnh Phúc			

147
 ING
 Ứ G
 P DA
 T N
 UÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3936	90A-266.00	Hà Nam	4936	88A-777.59	Vĩnh Phúc			
3937	90A-272.72	Hà Nam	4937	88A-783.99	Vĩnh Phúc			
3938	90A-277.33	Hà Nam	4938	88C-296.89	Vĩnh Phúc			
3939	90A-280.00	Hà Nam	4939	88C-300.55	Vĩnh Phúc			
3940	90A-283.79	Hà Nam	4940	89A-428.86	Hung Yên			
3941	90A-285.82	Hà Nam	4941	89A-441.99	Hung Yên			
3942	90C-151.69	Hà Nam	4942	89A-448.39	Hung Yên			
3943	92A-372.68	Quảng Nam	4943	89A-454.44	Hung Yên			
3944	92A-385.68	Quảng Nam	4944	89A-459.68	Hung Yên			
3945	92A-387.87	Quảng Nam	4945	89A-467.68	Hung Yên			
3946	92A-389.88	Quảng Nam	4946	89A-472.68	Hung Yên			
3947	92A-396.79	Quảng Nam	4947	89A-497.89	Hung Yên			
3948	92A-401.39	Quảng Nam	4948	89A-507.99	Hung Yên			
3949	92A-407.88	Quảng Nam	4949	89A-521.66	Hung Yên			
3950	92A-421.86	Quảng Nam	4950	89A-526.26	Hung Yên			
3951	92A-426.27	Quảng Nam	4951	90A-250.50	Hà Nam			
3952	92C-251.15	Quảng Nam	4952	90A-282.69	Hà Nam			
3953	92C-252.88	Quảng Nam	4953	90A-285.39	Hà Nam			
3954	93A-442.86	Bình Phước	4954	92A-371.89	Quảng Nam			
3955	93A-449.98	Bình Phước	4955	92A-382.98	Quảng Nam			
3956	93A-457.77	Bình Phước	4956	92A-389.56	Quảng Nam			
3957	93A-465.89	Bình Phước	4957	92A-419.93	Quảng Nam			
3958	93A-471.68	Bình Phước	4958	92D-011.69	Quảng Nam			
3959	93A-479.69	Bình Phước	4959	93A-438.88	Bình Phước			
3960	93A-487.99	Bình Phước	4960	93A-465.68	Bình Phước			
3961	94A-099.36	Bạc Liêu	4961	93A-485.86	Bình Phước			
3962	95A-112.66	Hậu Giang	4962	93A-489.68	Bình Phước			
3963	95B-011.99	Hậu Giang	4963	93A-491.19	Bình Phước			
3964	97A-080.89	Bắc Kạn	4964	93A-492.89	Bình Phước			
3965	97A-092.79	Bắc Kạn	4965	93A-500.11	Bình Phước			
3966	98A-677.39	Bắc Giang	4966	94A-099.19	Bạc Liêu			
3967	98A-684.88	Bắc Giang	4967	94A-101.69	Bạc Liêu			
3968	98A-711.44	Bắc Giang	4968	94A-107.08	Bạc Liêu			
3969	98A-711.96	Bắc Giang	4969	95A-116.69	Hậu Giang			
3970	98A-716.26	Bắc Giang	4970	95A-129.79	Hậu Giang			
3971	98A-736.58	Bắc Giang	4971	95C-088.79	Hậu Giang			
3972	98A-740.39	Bắc Giang	4972	97A-080.66	Bắc Kạn			
3973	98A-744.22	Bắc Giang	4973	98A-680.08	Bắc Giang			
3974	98A-750.88	Bắc Giang	4974	98A-715.99	Bắc Giang			
3975	98A-763.88	Bắc Giang	4975	98A-722.33	Bắc Giang			
3976	98A-765.89	Bắc Giang	4976	98A-741.11	Bắc Giang			
3977	98A-790.39	Bắc Giang	4977	98A-752.66	Bắc Giang			
3978	98A-793.68	Bắc Giang	4978	98A-763.86	Bắc Giang			
3979	98A-800.79	Bắc Giang	4979	98A-791.88	Bắc Giang			
3980	98A-808.86	Bắc Giang	4980	98A-800.69	Bắc Giang			
3981	98A-809.96	Bắc Giang	4981	98A-804.89	Bắc Giang			
3982	98A-816.39	Bắc Giang	4982	98A-813.86	Bắc Giang			
3983	98A-821.28	Bắc Giang	4983	98A-818.19	Bắc Giang			
3984	98A-837.68	Bắc Giang	4984	98A-832.89	Bắc Giang			
3985	98A-850.69	Bắc Giang	4985	98A-837.38	Bắc Giang			
3986	98A-851.58	Bắc Giang	4986	98A-843.84	Bắc Giang			
3987	98A-855.11	Bắc Giang	4987	98A-845.39	Bắc Giang			

Y
Á
JH
.M
I.P.H.P

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
3988	98A-856.85	Bắc Giang	4988	98A-855.00	Bắc Giang			
3989	98A-857.66	Bắc Giang	4989	98C-356.89	Bắc Giang			
3990	98C-356.99	Bắc Giang	4990	98C-366.39	Bắc Giang			
3991	98C-358.58	Bắc Giang	4991	99A-710.88	Bắc Ninh			
3992	98C-368.39	Bắc Giang	4992	99A-714.39	Bắc Ninh			
3993	98D-015.55	Bắc Giang	4993	99A-735.59	Bắc Ninh			
3994	99A-744.88	Bắc Ninh	4994	99A-748.89	Bắc Ninh			
3995	99A-762.96	Bắc Ninh	4995	99A-754.79	Bắc Ninh			
3996	99A-771.86	Bắc Ninh	4996	99A-773.88	Bắc Ninh			
3997	99A-799.96	Bắc Ninh	4997	99A-787.86	Bắc Ninh			
3998	99A-800.39	Bắc Ninh	4998	99A-832.86	Bắc Ninh			
3999	99A-810.86	Bắc Ninh	4999	99A-834.38	Bắc Ninh			
4000	99A-827.39	Bắc Ninh	5000	99A-834.66	Bắc Ninh			



DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 30/8/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 27/8/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	15K-345.67	Hải Phòng	1001	12C-139.39	Lạng Sơn	2001	30K-777.77	Hà Nội
2	11A-133.33	Cao Bằng	1002	14A-977.99	Quảng Ninh	2002	17A-468.86	Thái Bình
3	30L-777.78	Hà Nội	1003	19A-696.98	Phủ Thọ	2003	29K-322.22	Hà Nội
4	30L-797.79	Hà Nội	1004	29K-297.79	Hà Nội	2004	30L-588.66	Hà Nội
5	30L-889.97	Hà Nội	1005	30L-666.88	Hà Nội	2005	30L-688.69	Hà Nội
6	34A-888.66	Hải Dương	1006	30L-888.81	Hà Nội	2006	30L-798.89	Hà Nội
7	36K-197.79	Thanh Hóa	1007	30L-911.11	Hà Nội	2007	30L-799.66	Hà Nội
8	38A-639.39	Hà Tĩnh	1008	37K-411.11	Nghệ An	2008	30L-898.94	Hà Nội
9	38C-239.39	Hà Tĩnh	1009	38A-668.89	Hà Tĩnh	2009	36C-533.33	Thanh Hóa
10	51L-797.96	Hồ Chí Minh	1010	47A-788.66	Đắk Lắk	2010	51D-866.89	Hồ Chí Minh
11	51L-888.99	Hồ Chí Minh	1011	47A-798.89	Đắk Lắk	2011	51L-686.82	Hồ Chí Minh
12	61K-497.79	Bình Dương	1012	51L-639.39	Hồ Chí Minh	2012	51L-699.67	Hồ Chí Minh
13	61K-499.66	Bình Dương	1013	51L-796.69	Hồ Chí Minh	2013	51L-739.39	Hồ Chí Minh
14	98A-797.99	Bắc Giang	1014	51L-869.69	Hồ Chí Minh	2014	51L-799.66	Hồ Chí Minh
15	98A-844.44	Bắc Giang	1015	93A-499.66	Bình Phước	2015	61K-498.99	Bình Dương
16	99A-811.11	Bắc Ninh	1016	99A-844.44	Bắc Ninh	2016	63A-311.11	Tiền Giang
17	30K-630.39	Hà Nội	1017	30K-621.66	Hà Nội	2017	30K-648.79	Hà Nội
18	30K-647.88	Hà Nội	1018	30K-647.79	Hà Nội	2018	30K-731.89	Hà Nội
19	30K-671.99	Hà Nội	1019	30K-650.68	Hà Nội	2019	30K-751.99	Hà Nội
20	30K-674.69	Hà Nội	1020	30K-667.39	Hà Nội	2020	30K-761.69	Hà Nội
21	30K-692.39	Hà Nội	1021	30K-704.69	Hà Nội	2021	30K-791.39	Hà Nội
22	30K-700.99	Hà Nội	1022	30K-705.86	Hà Nội	2022	30K-798.96	Hà Nội
23	30K-720.86	Hà Nội	1023	30K-717.86	Hà Nội	2023	30K-830.88	Hà Nội
24	30K-732.99	Hà Nội	1024	30K-720.89	Hà Nội	2024	30K-858.83	Hà Nội
25	30K-760.66	Hà Nội	1025	30K-724.99	Hà Nội	2025	30K-904.66	Hà Nội
26	30K-791.11	Hà Nội	1026	30K-735.69	Hà Nội	2026	30K-910.68	Hà Nội
27	30K-802.39	Hà Nội	1027	30K-740.79	Hà Nội	2027	30K-922.11	Hà Nội
28	30K-821.39	Hà Nội	1028	30K-742.89	Hà Nội	2028	30K-948.69	Hà Nội
29	30K-881.69	Hà Nội	1029	30K-746.99	Hà Nội	2029	30L-021.66	Hà Nội
30	30K-884.68	Hà Nội	1030	30K-801.79	Hà Nội	2030	30L-023.86	Hà Nội
31	30K-897.39	Hà Nội	1031	30K-814.89	Hà Nội	2031	30L-028.39	Hà Nội
32	30K-899.65	Hà Nội	1032	30K-815.98	Hà Nội	2032	30L-079.98	Hà Nội
33	30K-907.99	Hà Nội	1033	30K-862.69	Hà Nội	2033	30L-088.18	Hà Nội
34	30K-941.86	Hà Nội	1034	30K-870.00	Hà Nội	2034	30L-097.86	Hà Nội
35	30K-942.22	Hà Nội	1035	30K-871.79	Hà Nội	2035	30L-104.89	Hà Nội
36	30K-943.66	Hà Nội	1036	30K-901.96	Hà Nội	2036	30L-107.86	Hà Nội
37	30K-964.88	Hà Nội	1037	30K-912.26	Hà Nội	2037	30L-109.66	Hà Nội
38	30K-971.66	Hà Nội	1038	30K-940.99	Hà Nội	2038	30L-144.79	Hà Nội
39	30K-972.89	Hà Nội	1039	30K-952.86	Hà Nội	2039	30L-164.79	Hà Nội
40	30L-010.86	Hà Nội	1040	30L-005.86	Hà Nội	2040	30L-552.29	Hà Nội
41	30L-027.88	Hà Nội	1041	30L-015.86	Hà Nội	2041	30L-553.39	Hà Nội
42	30L-037.88	Hà Nội	1042	30L-043.89	Hà Nội	2042	30L-557.58	Hà Nội
43	30L-072.66	Hà Nội	1043	30L-049.68	Hà Nội	2043	30L-563.86	Hà Nội
44	30L-081.89	Hà Nội	1044	30L-069.92	Hà Nội	2044	30L-572.36	Hà Nội
45	30L-090.69	Hà Nội	1045	30L-132.39	Hà Nội	2045	30L-577.83	Hà Nội
46	30L-094.66	Hà Nội	1046	30L-143.86	Hà Nội	2046	30L-579.16	Hà Nội
47	30L-132.79	Hà Nội	1047	30L-154.99	Hà Nội	2047	30L-580.58	Hà Nội
48	30L-170.39	Hà Nội	1048	30L-547.39	Hà Nội	2048	30L-580.69	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
49	30L-547.42	Hà Nội	1049	30L-548.00	Hà Nội	2049	30L-581.69	Hà Nội
50	30L-551.29	Hà Nội	1050	30L-551.06	Hà Nội	2050	30L-584.89	Hà Nội
51	30L-551.86	Hà Nội	1051	30L-554.08	Hà Nội	2051	30L-587.68	Hà Nội
52	30L-560.19	Hà Nội	1052	30L-555.17	Hà Nội	2052	30L-594.59	Hà Nội
53	30L-561.65	Hà Nội	1053	30L-557.96	Hà Nội	2053	30L-594.86	Hà Nội
54	30L-562.15	Hà Nội	1054	30L-559.82	Hà Nội	2054	30L-596.78	Hà Nội
55	30L-562.19	Hà Nội	1055	30L-561.66	Hà Nội	2055	30L-597.18	Hà Nội
56	30L-570.57	Hà Nội	1056	30L-570.99	Hà Nội	2056	30L-597.26	Hà Nội
57	30L-573.09	Hà Nội	1057	30L-573.66	Hà Nội	2057	30L-604.29	Hà Nội
58	30L-574.66	Hà Nội	1058	30L-574.74	Hà Nội	2058	30L-605.44	Hà Nội
59	30L-575.28	Hà Nội	1059	30L-576.88	Hà Nội	2059	30L-611.39	Hà Nội
60	30L-576.56	Hà Nội	1060	30L-578.08	Hà Nội	2060	30L-613.16	Hà Nội
61	30L-577.56	Hà Nội	1061	30L-578.35	Hà Nội	2061	30L-616.95	Hà Nội
62	30L-579.19	Hà Nội	1062	30L-584.19	Hà Nội	2062	30L-618.96	Hà Nội
63	30L-580.26	Hà Nội	1063	30L-584.38	Hà Nội	2063	30L-622.44	Hà Nội
64	30L-586.32	Hà Nội	1064	30L-591.88	Hà Nội	2064	30L-625.86	Hà Nội
65	30L-586.38	Hà Nội	1065	30L-592.96	Hà Nội	2065	30L-627.85	Hà Nội
66	30L-587.58	Hà Nội	1066	30L-593.15	Hà Nội	2066	30L-634.34	Hà Nội
67	30L-595.58	Hà Nội	1067	30L-599.22	Hà Nội	2067	30L-640.66	Hà Nội
68	30L-596.97	Hà Nội	1068	30L-599.74	Hà Nội	2068	30L-642.22	Hà Nội
69	30L-599.44	Hà Nội	1069	30L-600.18	Hà Nội	2069	30L-642.59	Hà Nội
70	30L-600.25	Hà Nội	1070	30L-602.99	Hà Nội	2070	30L-642.88	Hà Nội
71	30L-600.69	Hà Nội	1071	30L-609.66	Hà Nội	2071	30L-644.64	Hà Nội
72	30L-601.10	Hà Nội	1072	30L-610.01	Hà Nội	2072	30L-644.88	Hà Nội
73	30L-608.85	Hà Nội	1073	30L-610.98	Hà Nội	2073	30L-646.79	Hà Nội
74	30L-612.89	Hà Nội	1074	30L-611.06	Hà Nội	2074	30L-648.36	Hà Nội
75	30L-616.26	Hà Nội	1075	30L-613.14	Hà Nội	2075	30L-649.36	Hà Nội
76	30L-616.85	Hà Nội	1076	30L-614.06	Hà Nội	2076	30L-649.68	Hà Nội
77	30L-616.98	Hà Nội	1077	30L-618.25	Hà Nội	2077	30L-649.94	Hà Nội
78	30L-625.58	Hà Nội	1078	30L-618.98	Hà Nội	2078	30L-650.51	Hà Nội
79	30L-626.87	Hà Nội	1079	30L-621.65	Hà Nội	2079	30L-652.58	Hà Nội
80	30L-627.27	Hà Nội	1080	30L-624.44	Hà Nội	2080	30L-653.09	Hà Nội
81	30L-630.95	Hà Nội	1081	30L-625.89	Hà Nội	2081	30L-654.65	Hà Nội
82	30L-641.14	Hà Nội	1082	30L-632.69	Hà Nội	2082	30L-657.96	Hà Nội
83	30L-646.96	Hà Nội	1083	30L-634.69	Hà Nội	2083	30L-659.35	Hà Nội
84	30L-648.29	Hà Nội	1084	30L-637.66	Hà Nội	2084	30L-659.93	Hà Nội
85	30L-650.86	Hà Nội	1085	30L-638.36	Hà Nội	2085	30L-661.09	Hà Nội
86	30L-655.98	Hà Nội	1086	30L-639.52	Hà Nội	2086	30L-661.19	Hà Nội
87	30L-657.66	Hà Nội	1087	30L-640.85	Hà Nội	2087	30L-665.44	Hà Nội
88	30L-662.08	Hà Nội	1088	30L-644.22	Hà Nội	2088	30L-665.82	Hà Nội
89	30L-670.85	Hà Nội	1089	30L-646.36	Hà Nội	2089	30L-668.63	Hà Nội
90	30L-671.09	Hà Nội	1090	30L-648.08	Hà Nội	2090	30L-675.68	Hà Nội
91	30L-674.86	Hà Nội	1091	30L-653.65	Hà Nội	2091	30L-680.39	Hà Nội
92	30L-675.79	Hà Nội	1092	30L-654.77	Hà Nội	2092	30L-680.44	Hà Nội
93	30L-685.35	Hà Nội	1093	30L-663.18	Hà Nội	2093	30L-681.98	Hà Nội
94	30L-686.19	Hà Nội	1094	30L-664.79	Hà Nội	2094	30L-687.59	Hà Nội
95	30L-691.18	Hà Nội	1095	30L-666.14	Hà Nội	2095	30L-688.47	Hà Nội
96	30L-691.79	Hà Nội	1096	30L-667.65	Hà Nội	2096	30L-689.16	Hà Nội
97	30L-692.95	Hà Nội	1097	30L-670.76	Hà Nội	2097	30L-690.96	Hà Nội
98	30L-699.58	Hà Nội	1098	30L-670.88	Hà Nội	2098	30L-692.93	Hà Nội
99	30L-700.85	Hà Nội	1099	30L-671.89	Hà Nội	2099	30L-693.09	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
100	30L-706.38	Hà Nội	1100	30L-678.39	Hà Nội	2100	30L-693.52	Hà Nội
101	30L-708.38	Hà Nội	1101	30L-679.25	Hà Nội	2101	30L-696.90	Hà Nội
102	30L-711.17	Hà Nội	1102	30L-683.36	Hà Nội	2102	30L-697.65	Hà Nội
103	30L-714.14	Hà Nội	1103	30L-688.40	Hà Nội	2103	30L-703.65	Hà Nội
104	30L-714.19	Hà Nội	1104	30L-689.18	Hà Nội	2104	30L-707.08	Hà Nội
105	30L-715.25	Hà Nội	1105	30L-692.62	Hà Nội	2105	30L-708.22	Hà Nội
106	30L-716.58	Hà Nội	1106	30L-700.19	Hà Nội	2106	30L-710.55	Hà Nội
107	30L-718.15	Hà Nội	1107	30L-700.88	Hà Nội	2107	30L-711.55	Hà Nội
108	30L-718.19	Hà Nội	1108	30L-704.40	Hà Nội	2108	30L-712.65	Hà Nội
109	30L-719.06	Hà Nội	1109	30L-705.99	Hà Nội	2109	30L-712.83	Hà Nội
110	30L-719.94	Hà Nội	1110	30L-708.06	Hà Nội	2110	30L-712.86	Hà Nội
111	30L-719.98	Hà Nội	1111	30L-710.08	Hà Nội	2111	30L-713.25	Hà Nội
112	30L-721.85	Hà Nội	1112	30L-715.35	Hà Nội	2112	30L-716.09	Hà Nội
113	30L-724.69	Hà Nội	1113	30L-716.06	Hà Nội	2113	30L-717.83	Hà Nội
114	30L-726.88	Hà Nội	1114	30L-719.93	Hà Nội	2114	30L-724.36	Hà Nội
115	30L-730.58	Hà Nội	1115	30L-723.06	Hà Nội	2115	30L-727.35	Hà Nội
116	30L-733.16	Hà Nội	1116	30L-728.26	Hà Nội	2116	30L-728.79	Hà Nội
117	30L-733.69	Hà Nội	1117	30L-729.79	Hà Nội	2117	30L-729.96	Hà Nội
118	30L-735.25	Hà Nội	1118	30L-730.85	Hà Nội	2118	30L-732.26	Hà Nội
119	30L-748.85	Hà Nội	1119	30L-731.13	Hà Nội	2119	30L-736.79	Hà Nội
120	30L-750.88	Hà Nội	1120	30L-735.96	Hà Nội	2120	30L-740.18	Hà Nội
121	30L-753.09	Hà Nội	1121	30L-739.85	Hà Nội	2121	30L-740.98	Hà Nội
122	30L-753.39	Hà Nội	1122	30L-740.04	Hà Nội	2122	30L-741.15	Hà Nội
123	30L-755.52	Hà Nội	1123	30L-740.69	Hà Nội	2123	30L-743.08	Hà Nội
124	30L-756.11	Hà Nội	1124	30L-744.11	Hà Nội	2124	30L-746.88	Hà Nội
125	30L-756.86	Hà Nội	1125	30L-750.99	Hà Nội	2125	30L-747.38	Hà Nội
126	30L-757.99	Hà Nội	1126	30L-751.65	Hà Nội	2126	30L-747.74	Hà Nội
127	30L-763.88	Hà Nội	1127	30L-754.39	Hà Nội	2127	30L-749.16	Hà Nội
128	30L-765.08	Hà Nội	1128	30L-754.86	Hà Nội	2128	30L-750.25	Hà Nội
129	30L-772.86	Hà Nội	1129	30L-755.39	Hà Nội	2129	30L-755.15	Hà Nội
130	30L-773.09	Hà Nội	1130	30L-756.58	Hà Nội	2130	30L-756.18	Hà Nội
131	30L-773.37	Hà Nội	1131	30L-756.89	Hà Nội	2131	30L-759.88	Hà Nội
132	30L-773.59	Hà Nội	1132	30L-760.29	Hà Nội	2132	30L-761.61	Hà Nội
133	30L-777.56	Hà Nội	1133	30L-760.68	Hà Nội	2133	30L-765.28	Hà Nội
134	30L-780.18	Hà Nội	1134	30L-760.99	Hà Nội	2134	30L-777.00	Hà Nội
135	30L-781.15	Hà Nội	1135	30L-763.86	Hà Nội	2135	30L-779.56	Hà Nội
136	30L-783.28	Hà Nội	1136	30L-764.85	Hà Nội	2136	30L-782.28	Hà Nội
137	30L-784.78	Hà Nội	1137	30L-766.89	Hà Nội	2137	30L-784.16	Hà Nội
138	30L-787.16	Hà Nội	1138	30L-768.15	Hà Nội	2138	30L-788.58	Hà Nội
139	30L-790.69	Hà Nội	1139	30L-769.58	Hà Nội	2139	30L-788.84	Hà Nội
140	30L-790.86	Hà Nội	1140	30L-775.88	Hà Nội	2140	30L-789.29	Hà Nội
141	30L-791.16	Hà Nội	1141	30L-779.08	Hà Nội	2141	30L-790.97	Hà Nội
142	30L-791.28	Hà Nội	1142	30L-785.99	Hà Nội	2142	30L-791.29	Hà Nội
143	30L-791.86	Hà Nội	1143	30L-787.85	Hà Nội	2143	30L-792.66	Hà Nội
144	30L-795.96	Hà Nội	1144	30L-789.56	Hà Nội	2144	30L-793.86	Hà Nội
145	30L-798.69	Hà Nội	1145	30L-792.88	Hà Nội	2145	30L-797.69	Hà Nội
146	30L-799.15	Hà Nội	1146	30L-794.08	Hà Nội	2146	30L-799.67	Hà Nội
147	30L-805.50	Hà Nội	1147	30L-794.44	Hà Nội	2147	30L-807.06	Hà Nội
148	30L-810.83	Hà Nội	1148	30L-801.15	Hà Nội	2148	30L-810.01	Hà Nội
149	30L-810.96	Hà Nội	1149	30L-801.38	Hà Nội	2149	30L-811.26	Hà Nội
150	30L-811.81	Hà Nội	1150	30L-801.88	Hà Nội	2150	30L-814.29	Hà Nội

TY
IA
NH
AM
- T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
151	30L-816.38	Hà Nội	1151	30L-802.03	Hà Nội	2151	30L-814.86	Hà Nội
152	30L-817.55	Hà Nội	1152	30L-802.85	Hà Nội	2152	30L-815.19	Hà Nội
153	30L-820.38	Hà Nội	1153	30L-803.08	Hà Nội	2153	30L-815.38	Hà Nội
154	30L-820.86	Hà Nội	1154	30L-804.40	Hà Nội	2154	30L-817.29	Hà Nội
155	30L-820.89	Hà Nội	1155	30L-805.55	Hà Nội	2155	30L-818.69	Hà Nội
156	30L-829.32	Hà Nội	1156	30L-809.58	Hà Nội	2156	30L-819.67	Hà Nội
157	30L-834.77	Hà Nội	1157	30L-810.79	Hà Nội	2157	30L-821.98	Hà Nội
158	30L-835.09	Hà Nội	1158	30L-814.39	Hà Nội	2158	30L-822.56	Hà Nội
159	30L-835.63	Hà Nội	1159	30L-819.09	Hà Nội	2159	30L-823.96	Hà Nội
160	30L-837.35	Hà Nội	1160	30L-822.36	Hà Nội	2160	30L-824.82	Hà Nội
161	30L-837.69	Hà Nội	1161	30L-823.32	Hà Nội	2161	30L-826.63	Hà Nội
162	30L-841.55	Hà Nội	1162	30L-824.00	Hà Nội	2162	30L-827.56	Hà Nội
163	30L-841.79	Hà Nội	1163	30L-825.26	Hà Nội	2163	30L-830.16	Hà Nội
164	30L-845.68	Hà Nội	1164	30L-829.09	Hà Nội	2164	30L-834.00	Hà Nội
165	30L-846.96	Hà Nội	1165	30L-829.83	Hà Nội	2165	30L-835.85	Hà Nội
166	30L-848.89	Hà Nội	1166	30L-830.31	Hà Nội	2166	30L-839.09	Hà Nội
167	30L-852.06	Hà Nội	1167	30L-833.77	Hà Nội	2167	30L-840.22	Hà Nội
168	30L-852.69	Hà Nội	1168	30L-834.88	Hà Nội	2168	30L-840.99	Hà Nội
169	30L-854.88	Hà Nội	1169	30L-836.15	Hà Nội	2169	30L-843.33	Hà Nội
170	30L-855.26	Hà Nội	1170	30L-837.68	Hà Nội	2170	30L-845.26	Hà Nội
171	30L-857.88	Hà Nội	1171	30L-837.86	Hà Nội	2171	30L-854.83	Hà Nội
172	30L-861.11	Hà Nội	1172	30L-839.15	Hà Nội	2172	30L-863.28	Hà Nội
173	30L-862.39	Hà Nội	1173	30L-839.28	Hà Nội	2173	30L-866.22	Hà Nội
174	30L-864.08	Hà Nội	1174	30L-839.59	Hà Nội	2174	30L-866.29	Hà Nội
175	30L-865.16	Hà Nội	1175	30L-840.26	Hà Nội	2175	30L-866.75	Hà Nội
176	30L-870.25	Hà Nội	1176	30L-841.97	Hà Nội	2176	30L-871.26	Hà Nội
177	30L-871.08	Hà Nội	1177	30L-844.66	Hà Nội	2177	30L-872.58	Hà Nội
178	30L-877.38	Hà Nội	1178	30L-845.86	Hà Nội	2178	30L-872.68	Hà Nội
179	30L-878.28	Hà Nội	1179	30L-849.48	Hà Nội	2179	30L-872.99	Hà Nội
180	30L-883.65	Hà Nội	1180	30L-850.38	Hà Nội	2180	30L-873.68	Hà Nội
181	30L-883.95	Hà Nội	1181	30L-856.85	Hà Nội	2181	30L-874.44	Hà Nội
182	30L-884.35	Hà Nội	1182	30L-858.95	Hà Nội	2182	30L-876.98	Hà Nội
183	30L-884.38	Hà Nội	1183	30L-859.11	Hà Nội	2183	30L-878.66	Hà Nội
184	30L-887.85	Hà Nội	1184	30L-860.33	Hà Nội	2184	30L-883.26	Hà Nội
185	30L-888.12	Hà Nội	1185	30L-863.85	Hà Nội	2185	30L-886.34	Hà Nội
186	30L-888.24	Hà Nội	1186	30L-865.35	Hà Nội	2186	30L-889.44	Hà Nội
187	30L-888.27	Hà Nội	1187	30L-867.39	Hà Nội	2187	30L-890.79	Hà Nội
188	30L-892.00	Hà Nội	1188	30L-867.82	Hà Nội	2188	30L-893.29	Hà Nội
189	30L-896.77	Hà Nội	1189	30L-869.93	Hà Nội	2189	30L-893.95	Hà Nội
190	30L-900.56	Hà Nội	1190	30L-873.33	Hà Nội	2190	30L-902.90	Hà Nội
191	30L-900.83	Hà Nội	1191	30L-874.16	Hà Nội	2191	30L-903.16	Hà Nội
192	30L-908.29	Hà Nội	1192	30L-876.99	Hà Nội	2192	30L-903.66	Hà Nội
193	30L-911.44	Hà Nội	1193	30L-878.25	Hà Nội	2193	30L-903.85	Hà Nội
194	30L-911.97	Hà Nội	1194	30L-881.95	Hà Nội	2194	30L-904.28	Hà Nội
195	30L-912.38	Hà Nội	1195	30L-882.55	Hà Nội	2195	30L-905.05	Hà Nội
196	30L-912.69	Hà Nội	1196	30L-886.21	Hà Nội	2196	30L-905.86	Hà Nội
197	30L-917.66	Hà Nội	1197	30L-886.53	Hà Nội	2197	30L-906.35	Hà Nội
198	30L-919.67	Hà Nội	1198	30L-888.54	Hà Nội	2198	30L-907.08	Hà Nội
199	30L-920.28	Hà Nội	1199	30L-889.08	Hà Nội	2199	30L-908.39	Hà Nội
200	30L-922.39	Hà Nội	1200	30L-890.19	Hà Nội	2200	30L-913.00	Hà Nội
201	30L-923.89	Hà Nội	1201	30L-890.95	Hà Nội	2201	30L-917.85	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
202	30L-925.29	Hà Nội	1202	30L-895.39	Hà Nội	2202	30L-919.73	Hà Nội
203	30L-925.95	Hà Nội	1203	30L-898.16	Hà Nội	2203	30L-919.87	Hà Nội
204	30L-927.69	Hà Nội	1204	30L-899.92	Hà Nội	2204	30L-921.29	Hà Nội
205	30L-933.36	Hà Nội	1205	30L-904.35	Hà Nội	2205	30L-922.69	Hà Nội
206	30L-936.11	Hà Nội	1206	30L-904.69	Hà Nội	2206	30L-923.66	Hà Nội
207	30L-936.82	Hà Nội	1207	30L-905.38	Hà Nội	2207	30L-925.89	Hà Nội
208	30L-937.39	Hà Nội	1208	30L-907.77	Hà Nội	2208	30L-927.16	Hà Nội
209	30L-939.65	Hà Nội	1209	30L-909.85	Hà Nội	2209	30L-927.27	Hà Nội
210	30L-940.83	Hà Nội	1210	30L-911.28	Hà Nội	2210	30L-928.19	Hà Nội
211	30L-943.68	Hà Nội	1211	30L-911.86	Hà Nội	2211	30L-928.66	Hà Nội
212	30L-945.58	Hà Nội	1212	30L-912.13	Hà Nội	2212	30L-930.29	Hà Nội
213	30L-946.56	Hà Nội	1213	30L-912.25	Hà Nội	2213	30L-931.25	Hà Nội
214	30L-948.38	Hà Nội	1214	30L-913.28	Hà Nội	2214	30L-932.63	Hà Nội
215	30L-949.79	Hà Nội	1215	30L-913.69	Hà Nội	2215	30L-933.95	Hà Nội
216	30L-949.95	Hà Nội	1216	30L-914.15	Hà Nội	2216	30L-934.16	Hà Nội
217	30L-950.08	Hà Nội	1217	30L-914.33	Hà Nội	2217	30L-936.93	Hà Nội
218	30L-954.69	Hà Nội	1218	30L-914.58	Hà Nội	2218	30L-938.44	Hà Nội
219	30L-956.96	Hà Nội	1219	30L-917.17	Hà Nội	2219	30L-940.95	Hà Nội
220	30L-957.65	Hà Nội	1220	30L-917.88	Hà Nội	2220	30L-944.25	Hà Nội
221	30L-961.15	Hà Nội	1221	30L-921.66	Hà Nội	2221	30L-947.48	Hà Nội
222	30L-964.65	Hà Nội	1222	30L-923.15	Hà Nội	2222	30L-948.33	Hà Nội
223	30L-964.96	Hà Nội	1223	30L-924.00	Hà Nội	2223	30L-955.52	Hà Nội
224	30L-966.18	Hà Nội	1224	30L-926.69	Hà Nội	2224	30L-956.08	Hà Nội
225	30L-969.63	Hà Nội	1225	30L-926.98	Hà Nội	2225	30L-956.62	Hà Nội
226	30L-971.71	Hà Nội	1226	30L-930.03	Hà Nội	2226	30L-959.23	Hà Nội
227	30L-973.28	Hà Nội	1227	30L-932.26	Hà Nội	2227	30L-964.11	Hà Nội
228	30L-973.29	Hà Nội	1228	30L-933.06	Hà Nội	2228	30L-965.25	Hà Nội
229	30L-974.15	Hà Nội	1229	30L-933.11	Hà Nội	2229	30L-967.86	Hà Nội
230	30L-977.55	Hà Nội	1230	30L-937.16	Hà Nội	2230	30L-969.97	Hà Nội
231	30L-981.82	Hà Nội	1231	30L-937.85	Hà Nội	2231	30L-972.22	Hà Nội
232	30L-982.79	Hà Nội	1232	30L-942.36	Hà Nội	2232	30L-973.55	Hà Nội
233	30L-985.59	Hà Nội	1233	30L-947.35	Hà Nội	2233	30L-974.08	Hà Nội
234	30L-994.88	Hà Nội	1234	30L-947.47	Hà Nội	2234	30L-976.69	Hà Nội
235	30L-996.87	Hà Nội	1235	30L-950.05	Hà Nội	2235	30L-981.11	Hà Nội
236	30L-997.69	Hà Nội	1236	30L-953.25	Hà Nội	2236	30L-982.26	Hà Nội
237	30L-997.82	Hà Nội	1237	30L-953.89	Hà Nội	2237	30L-985.15	Hà Nội
238	30L-999.03	Hà Nội	1238	30L-954.66	Hà Nội	2238	30L-987.83	Hà Nội
239	30M-001.86	Hà Nội	1239	30L-957.68	Hà Nội	2239	30L-994.38	Hà Nội
240	30M-012.29	Hà Nội	1240	30L-957.69	Hà Nội	2240	30L-994.79	Hà Nội
241	30M-016.25	Hà Nội	1241	30L-962.88	Hà Nội	2241	30M-003.56	Hà Nội
242	30M-017.66	Hà Nội	1242	30L-963.44	Hà Nội	2242	30M-005.06	Hà Nội
243	30M-017.79	Hà Nội	1243	30L-965.18	Hà Nội	2243	30M-006.69	Hà Nội
244	30M-022.56	Hà Nội	1244	30L-965.38	Hà Nội	2244	30M-011.55	Hà Nội
245	30M-023.77	Hà Nội	1245	30L-970.66	Hà Nội	2245	30M-011.69	Hà Nội
246	30M-023.85	Hà Nội	1246	30L-973.69	Hà Nội	2246	30M-011.77	Hà Nội
247	30M-024.99	Hà Nội	1247	30L-973.73	Hà Nội	2247	30M-012.01	Hà Nội
248	30M-027.86	Hà Nội	1248	30L-976.09	Hà Nội	2248	30M-015.28	Hà Nội
249	51L-015.39	Hồ Chí Minh	1249	30L-978.87	Hà Nội	2249	30M-017.39	Hà Nội
250	51L-020.00	Hồ Chí Minh	1250	30L-983.29	Hà Nội	2250	30M-020.85	Hà Nội
251	51L-062.79	Hồ Chí Minh	1251	30L-988.36	Hà Nội	2251	30M-021.35	Hà Nội
252	51L-075.99	Hồ Chí Minh	1252	30L-992.59	Hà Nội	2252	30M-021.86	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
253	51L-093.86	Hồ Chí Minh	1253	30L-993.83	Hà Nội	2253	30M-023.66	Hà Nội
254	51L-098.79	Hồ Chí Minh	1254	30L-995.08	Hà Nội	2254	30M-024.25	Hà Nội
255	51L-103.79	Hồ Chí Minh	1255	30L-996.15	Hà Nội	2255	30M-025.96	Hà Nội
256	51L-117.88	Hồ Chí Minh	1256	30L-997.74	Hà Nội	2256	30M-027.88	Hà Nội
257	51L-125.69	Hồ Chí Minh	1257	30L-999.41	Hà Nội	2257	51K-981.68	Hồ Chí Minh
258	51L-132.89	Hồ Chí Minh	1258	30L-999.47	Hà Nội	2258	51K-985.66	Hồ Chí Minh
259	51L-164.66	Hồ Chí Minh	1259	30M-002.09	Hà Nội	2259	51L-022.79	Hồ Chí Minh
260	51L-170.86	Hồ Chí Minh	1260	30M-002.95	Hà Nội	2260	51L-032.66	Hồ Chí Minh
261	51L-176.39	Hồ Chí Minh	1261	30M-003.38	Hà Nội	2261	51L-042.89	Hồ Chí Minh
262	51L-189.96	Hồ Chí Minh	1262	30M-005.83	Hà Nội	2262	51L-055.68	Hồ Chí Minh
263	51L-219.66	Hồ Chí Minh	1263	30M-006.39	Hà Nội	2263	51L-058.99	Hồ Chí Minh
264	51L-301.86	Hồ Chí Minh	1264	30M-013.25	Hà Nội	2264	51L-071.11	Hồ Chí Minh
265	51L-303.69	Hồ Chí Minh	1265	30M-023.18	Hà Nội	2265	51L-074.69	Hồ Chí Minh
266	51L-304.86	Hồ Chí Minh	1266	30M-024.98	Hà Nội	2266	51L-108.66	Hồ Chí Minh
267	51L-310.89	Hồ Chí Minh	1267	30M-027.36	Hà Nội	2267	51L-110.79	Hồ Chí Minh
268	51L-317.79	Hồ Chí Minh	1268	30M-028.26	Hà Nội	2268	51L-117.86	Hồ Chí Minh
269	51L-324.69	Hồ Chí Minh	1269	51K-985.39	Hồ Chí Minh	2269	51L-140.86	Hồ Chí Minh
270	51L-343.79	Hồ Chí Minh	1270	51L-028.79	Hồ Chí Minh	2270	51L-144.33	Hồ Chí Minh
271	51L-348.86	Hồ Chí Minh	1271	51L-028.86	Hồ Chí Minh	2271	51L-146.79	Hồ Chí Minh
272	51L-349.86	Hồ Chí Minh	1272	51L-039.69	Hồ Chí Minh	2272	51L-147.99	Hồ Chí Minh
273	51L-349.89	Hồ Chí Minh	1273	51L-059.68	Hồ Chí Minh	2273	51L-151.89	Hồ Chí Minh
274	51L-349.98	Hồ Chí Minh	1274	51L-080.68	Hồ Chí Minh	2274	51L-170.89	Hồ Chí Minh
275	51L-351.15	Hồ Chí Minh	1275	51L-092.79	Hồ Chí Minh	2275	51L-174.39	Hồ Chí Minh
276	51L-358.69	Hồ Chí Minh	1276	51L-106.88	Hồ Chí Minh	2276	51L-187.77	Hồ Chí Minh
277	51L-359.89	Hồ Chí Minh	1277	51L-118.69	Hồ Chí Minh	2277	51L-191.66	Hồ Chí Minh
278	51L-365.88	Hồ Chí Minh	1278	51L-119.86	Hồ Chí Minh	2278	51L-207.66	Hồ Chí Minh
279	51L-380.39	Hồ Chí Minh	1279	51L-124.69	Hồ Chí Minh	2279	51L-210.69	Hồ Chí Minh
280	51L-389.86	Hồ Chí Minh	1280	51L-136.39	Hồ Chí Minh	2280	51L-211.77	Hồ Chí Minh
281	51L-392.89	Hồ Chí Minh	1281	51L-140.00	Hồ Chí Minh	2281	51L-219.86	Hồ Chí Minh
282	51L-618.36	Hồ Chí Minh	1282	51L-152.39	Hồ Chí Minh	2282	51L-221.86	Hồ Chí Minh
283	51L-621.11	Hồ Chí Minh	1283	51L-156.86	Hồ Chí Minh	2283	51L-237.88	Hồ Chí Minh
284	51L-621.15	Hồ Chí Minh	1284	51L-163.79	Hồ Chí Minh	2284	51L-263.79	Hồ Chí Minh
285	51L-624.19	Hồ Chí Minh	1285	51L-167.99	Hồ Chí Minh	2285	51L-283.39	Hồ Chí Minh
286	51L-624.29	Hồ Chí Minh	1286	51L-210.79	Hồ Chí Minh	2286	51L-288.38	Hồ Chí Minh
287	51L-625.39	Hồ Chí Minh	1287	51L-224.86	Hồ Chí Minh	2287	51L-289.25	Hồ Chí Minh
288	51L-625.99	Hồ Chí Minh	1288	51L-231.79	Hồ Chí Minh	2288	51L-290.88	Hồ Chí Minh
289	51L-630.16	Hồ Chí Minh	1289	51L-258.69	Hồ Chí Minh	2289	51L-301.39	Hồ Chí Minh
290	51L-630.29	Hồ Chí Minh	1290	51L-292.69	Hồ Chí Minh	2290	51L-311.22	Hồ Chí Minh
291	51L-634.16	Hồ Chí Minh	1291	51L-307.86	Hồ Chí Minh	2291	51L-350.89	Hồ Chí Minh
292	51L-635.83	Hồ Chí Minh	1292	51L-342.39	Hồ Chí Minh	2292	51L-355.39	Hồ Chí Minh
293	51L-636.15	Hồ Chí Minh	1293	51L-352.68	Hồ Chí Minh	2293	51L-362.39	Hồ Chí Minh
294	51L-637.63	Hồ Chí Minh	1294	51L-386.55	Hồ Chí Minh	2294	51L-371.68	Hồ Chí Minh
295	51L-638.69	Hồ Chí Minh	1295	51L-388.63	Hồ Chí Minh	2295	51L-372.79	Hồ Chí Minh
296	51L-638.96	Hồ Chí Minh	1296	51L-391.11	Hồ Chí Minh	2296	51L-373.66	Hồ Chí Minh
297	51L-645.88	Hồ Chí Minh	1297	51L-621.79	Hồ Chí Minh	2297	51L-379.69	Hồ Chí Minh
298	51L-648.95	Hồ Chí Minh	1298	51L-622.06	Hồ Chí Minh	2298	51L-380.69	Hồ Chí Minh
299	51L-649.79	Hồ Chí Minh	1299	51L-622.18	Hồ Chí Minh	2299	51L-380.89	Hồ Chí Minh
300	51L-649.88	Hồ Chí Minh	1300	51L-622.79	Hồ Chí Minh	2300	51L-619.65	Hồ Chí Minh
301	51L-657.66	Hồ Chí Minh	1301	51L-623.25	Hồ Chí Minh	2301	51L-622.23	Hồ Chí Minh
302	51L-659.16	Hồ Chí Minh	1302	51L-623.79	Hồ Chí Minh	2302	51L-627.99	Hồ Chí Minh
303	51L-660.11	Hồ Chí Minh	1303	51L-626.16	Hồ Chí Minh	2303	51L-632.16	Hồ Chí Minh

ĐI
ÔNG
JAU
JP D
ET
XUAN

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
304	51L-661.65	Hồ Chí Minh	1304	51L-628.58	Hồ Chí Minh	2304	51L-632.36	Hồ Chí Minh
305	51L-667.38	Hồ Chí Minh	1305	51L-633.06	Hồ Chí Minh	2305	51L-633.00	Hồ Chí Minh
306	51L-667.55	Hồ Chí Minh	1306	51L-637.83	Hồ Chí Minh	2306	51L-635.36	Hồ Chí Minh
307	51L-673.96	Hồ Chí Minh	1307	51L-640.39	Hồ Chí Minh	2307	51L-639.65	Hồ Chí Minh
308	51L-675.86	Hồ Chí Minh	1308	51L-643.86	Hồ Chí Minh	2308	51L-640.15	Hồ Chí Minh
309	51L-676.89	Hồ Chí Minh	1309	51L-645.28	Hồ Chí Minh	2309	51L-641.35	Hồ Chí Minh
310	51L-678.12	Hồ Chí Minh	1310	51L-645.79	Hồ Chí Minh	2310	51L-644.95	Hồ Chí Minh
311	51L-679.66	Hồ Chí Minh	1311	51L-646.09	Hồ Chí Minh	2311	51L-647.77	Hồ Chí Minh
312	51L-681.59	Hồ Chí Minh	1312	51L-654.39	Hồ Chí Minh	2312	51L-648.88	Hồ Chí Minh
313	51L-686.59	Hồ Chí Minh	1313	51L-656.00	Hồ Chí Minh	2313	51L-655.08	Hồ Chí Minh
314	51L-688.56	Hồ Chí Minh	1314	51L-658.28	Hồ Chí Minh	2314	51L-657.19	Hồ Chí Minh
315	51L-688.57	Hồ Chí Minh	1315	51L-658.69	Hồ Chí Minh	2315	51L-658.19	Hồ Chí Minh
316	51L-688.84	Hồ Chí Minh	1316	51L-664.44	Hồ Chí Minh	2316	51L-661.77	Hồ Chí Minh
317	51L-690.66	Hồ Chí Minh	1317	51L-668.65	Hồ Chí Minh	2317	51L-665.63	Hồ Chí Minh
318	51L-691.97	Hồ Chí Minh	1318	51L-670.06	Hồ Chí Minh	2318	51L-667.85	Hồ Chí Minh
319	51L-700.28	Hồ Chí Minh	1319	51L-672.59	Hồ Chí Minh	2319	51L-668.42	Hồ Chí Minh
320	51L-700.68	Hồ Chí Minh	1320	51L-675.36	Hồ Chí Minh	2320	51L-672.25	Hồ Chí Minh
321	51L-701.38	Hồ Chí Minh	1321	51L-677.08	Hồ Chí Minh	2321	51L-674.69	Hồ Chí Minh
322	51L-704.36	Hồ Chí Minh	1322	51L-677.16	Hồ Chí Minh	2322	51L-676.35	Hồ Chí Minh
323	51L-705.26	Hồ Chí Minh	1323	51L-677.38	Hồ Chí Minh	2323	51L-677.22	Hồ Chí Minh
324	51L-709.06	Hồ Chí Minh	1324	51L-677.67	Hồ Chí Minh	2324	51L-678.11	Hồ Chí Minh
325	51L-710.15	Hồ Chí Minh	1325	51L-678.63	Hồ Chí Minh	2325	51L-678.81	Hồ Chí Minh
326	51L-710.88	Hồ Chí Minh	1326	51L-683.26	Hồ Chí Minh	2326	51L-683.25	Hồ Chí Minh
327	51L-714.56	Hồ Chí Minh	1327	51L-684.06	Hồ Chí Minh	2327	51L-683.65	Hồ Chí Minh
328	51L-714.71	Hồ Chí Minh	1328	51L-688.74	Hồ Chí Minh	2328	51L-684.84	Hồ Chí Minh
329	51L-714.88	Hồ Chí Minh	1329	51L-692.11	Hồ Chí Minh	2329	51L-687.92	Hồ Chí Minh
330	51L-716.71	Hồ Chí Minh	1330	51L-694.44	Hồ Chí Minh	2330	51L-691.88	Hồ Chí Minh
331	51L-718.69	Hồ Chí Minh	1331	51L-697.18	Hồ Chí Minh	2331	51L-696.00	Hồ Chí Minh
332	51L-719.81	Hồ Chí Minh	1332	51L-700.59	Hồ Chí Minh	2332	51L-698.06	Hồ Chí Minh
333	51L-719.96	Hồ Chí Minh	1333	51L-701.16	Hồ Chí Minh	2333	51L-698.09	Hồ Chí Minh
334	51L-721.15	Hồ Chí Minh	1334	51L-702.28	Hồ Chí Minh	2334	51L-700.44	Hồ Chí Minh
335	51L-722.98	Hồ Chí Minh	1335	51L-703.19	Hồ Chí Minh	2335	51L-701.89	Hồ Chí Minh
336	51L-723.96	Hồ Chí Minh	1336	51L-703.26	Hồ Chí Minh	2336	51L-702.03	Hồ Chí Minh
337	51L-725.06	Hồ Chí Minh	1337	51L-711.39	Hồ Chí Minh	2337	51L-704.99	Hồ Chí Minh
338	51L-728.72	Hồ Chí Minh	1338	51L-712.71	Hồ Chí Minh	2338	51L-706.95	Hồ Chí Minh
339	51L-729.25	Hồ Chí Minh	1339	51L-715.79	Hồ Chí Minh	2339	51L-709.79	Hồ Chí Minh
340	51L-729.98	Hồ Chí Minh	1340	51L-716.29	Hồ Chí Minh	2340	51L-710.25	Hồ Chí Minh
341	51L-733.06	Hồ Chí Minh	1341	51L-719.80	Hồ Chí Minh	2341	51L-717.39	Hồ Chí Minh
342	51L-733.18	Hồ Chí Minh	1342	51L-719.97	Hồ Chí Minh	2342	51L-717.95	Hồ Chí Minh
343	51L-733.25	Hồ Chí Minh	1343	51L-720.98	Hồ Chí Minh	2343	51L-719.69	Hồ Chí Minh
344	51L-737.19	Hồ Chí Minh	1344	51L-721.21	Hồ Chí Minh	2344	51L-719.89	Hồ Chí Minh
345	51L-737.69	Hồ Chí Minh	1345	51L-722.38	Hồ Chí Minh	2345	51L-720.02	Hồ Chí Minh
346	51L-738.37	Hồ Chí Minh	1346	51L-723.32	Hồ Chí Minh	2346	51L-723.39	Hồ Chí Minh
347	51L-740.29	Hồ Chí Minh	1347	51L-723.38	Hồ Chí Minh	2347	51L-726.68	Hồ Chí Minh
348	51L-742.74	Hồ Chí Minh	1348	51L-724.06	Hồ Chí Minh	2348	51L-726.69	Hồ Chí Minh
349	51L-742.85	Hồ Chí Minh	1349	51L-725.19	Hồ Chí Minh	2349	51L-727.36	Hồ Chí Minh
350	51L-743.33	Hồ Chí Minh	1350	51L-731.86	Hồ Chí Minh	2350	51L-728.06	Hồ Chí Minh
351	51L-743.39	Hồ Chí Minh	1351	51L-732.23	Hồ Chí Minh	2351	51L-730.15	Hồ Chí Minh
352	51L-744.19	Hồ Chí Minh	1352	51L-734.09	Hồ Chí Minh	2352	51L-730.30	Hồ Chí Minh
353	51L-744.88	Hồ Chí Minh	1353	51L-735.79	Hồ Chí Minh	2353	51L-732.86	Hồ Chí Minh
354	51L-751.15	Hồ Chí Minh	1354	51L-744.59	Hồ Chí Minh	2354	51L-733.19	Hồ Chí Minh



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
355	51L-752.69	Hồ Chí Minh	1355	51L-754.68	Hồ Chí Minh	2355	51L-734.35	Hồ Chí Minh
356	51L-755.36	Hồ Chí Minh	1356	51L-757.68	Hồ Chí Minh	2356	51L-735.35	Hồ Chí Minh
357	51L-755.38	Hồ Chí Minh	1357	51L-758.39	Hồ Chí Minh	2357	51L-738.99	Hồ Chí Minh
358	51L-755.65	Hồ Chí Minh	1358	51L-758.56	Hồ Chí Minh	2358	51L-739.33	Hồ Chí Minh
359	51L-755.66	Hồ Chí Minh	1359	51L-758.89	Hồ Chí Minh	2359	51L-740.40	Hồ Chí Minh
360	51L-757.89	Hồ Chí Minh	1360	51L-761.35	Hồ Chí Minh	2360	51L-740.47	Hồ Chí Minh
361	51L-759.57	Hồ Chí Minh	1361	51L-763.35	Hồ Chí Minh	2361	51L-740.58	Hồ Chí Minh
362	51L-760.25	Hồ Chí Minh	1362	51L-763.88	Hồ Chí Minh	2362	51L-745.68	Hồ Chí Minh
363	51L-762.39	Hồ Chí Minh	1363	51L-764.89	Hồ Chí Minh	2363	51L-751.11	Hồ Chí Minh
364	51L-762.88	Hồ Chí Minh	1364	51L-766.98	Hồ Chí Minh	2364	51L-751.86	Hồ Chí Minh
365	51L-762.89	Hồ Chí Minh	1365	51L-767.28	Hồ Chí Minh	2365	51L-754.83	Hồ Chí Minh
366	51L-767.39	Hồ Chí Minh	1366	51L-768.38	Hồ Chí Minh	2366	51L-755.59	Hồ Chí Minh
367	51L-768.19	Hồ Chí Minh	1367	51L-773.95	Hồ Chí Minh	2367	51L-756.89	Hồ Chí Minh
368	51L-768.67	Hồ Chí Minh	1368	51L-776.95	Hồ Chí Minh	2368	51L-763.29	Hồ Chí Minh
369	51L-768.82	Hồ Chí Minh	1369	51L-778.59	Hồ Chí Minh	2369	51L-764.95	Hồ Chí Minh
370	51L-769.39	Hồ Chí Minh	1370	51L-780.89	Hồ Chí Minh	2370	51L-767.69	Hồ Chí Minh
371	51L-770.39	Hồ Chí Minh	1371	51L-781.29	Hồ Chí Minh	2371	51L-769.65	Hồ Chí Minh
372	51L-770.58	Hồ Chí Minh	1372	51L-782.99	Hồ Chí Minh	2372	51L-769.86	Hồ Chí Minh
373	51L-777.03	Hồ Chí Minh	1373	51L-784.99	Hồ Chí Minh	2373	51L-770.59	Hồ Chí Minh
374	51L-777.08	Hồ Chí Minh	1374	51L-792.16	Hồ Chí Minh	2374	51L-770.68	Hồ Chí Minh
375	51L-778.25	Hồ Chí Minh	1375	51L-794.09	Hồ Chí Minh	2375	51L-773.28	Hồ Chí Minh
376	51L-781.06	Hồ Chí Minh	1376	51L-794.95	Hồ Chí Minh	2376	51L-774.89	Hồ Chí Minh
377	51L-784.79	Hồ Chí Minh	1377	51L-796.85	Hồ Chí Minh	2377	51L-777.16	Hồ Chí Minh
378	51L-792.06	Hồ Chí Minh	1378	51L-799.44	Hồ Chí Minh	2378	51L-778.15	Hồ Chí Minh
379	51L-793.28	Hồ Chí Minh	1379	51L-799.63	Hồ Chí Minh	2379	51L-780.56	Hồ Chí Minh
380	51L-793.69	Hồ Chí Minh	1380	51L-799.85	Hồ Chí Minh	2380	51L-781.82	Hồ Chí Minh
381	51L-794.94	Hồ Chí Minh	1381	51L-803.08	Hồ Chí Minh	2381	51L-783.38	Hồ Chí Minh
382	51L-797.69	Hồ Chí Minh	1382	51L-803.79	Hồ Chí Minh	2382	51L-783.66	Hồ Chí Minh
383	51L-799.86	Hồ Chí Minh	1383	51L-805.89	Hồ Chí Minh	2383	51L-786.35	Hồ Chí Minh
384	51L-801.69	Hồ Chí Minh	1384	51L-806.08	Hồ Chí Minh	2384	51L-788.00	Hồ Chí Minh
385	51L-807.56	Hồ Chí Minh	1385	51L-806.96	Hồ Chí Minh	2385	51L-788.39	Hồ Chí Minh
386	51L-812.19	Hồ Chí Minh	1386	51L-811.55	Hồ Chí Minh	2386	51L-789.21	Hồ Chí Minh
387	51L-812.34	Hồ Chí Minh	1387	51L-814.86	Hồ Chí Minh	2387	51L-789.95	Hồ Chí Minh
388	51L-817.99	Hồ Chí Minh	1388	51L-820.21	Hồ Chí Minh	2388	51L-791.16	Hồ Chí Minh
389	51L-823.33	Hồ Chí Minh	1389	51L-823.28	Hồ Chí Minh	2389	51L-791.68	Hồ Chí Minh
390	51L-823.89	Hồ Chí Minh	1390	51L-826.27	Hồ Chí Minh	2390	51L-794.38	Hồ Chí Minh
391	51L-826.95	Hồ Chí Minh	1391	51L-827.59	Hồ Chí Minh	2391	51L-794.86	Hồ Chí Minh
392	51L-833.28	Hồ Chí Minh	1392	51L-830.26	Hồ Chí Minh	2392	51L-797.26	Hồ Chí Minh
393	51L-835.28	Hồ Chí Minh	1393	51L-832.16	Hồ Chí Minh	2393	51L-800.15	Hồ Chí Minh
394	51L-835.65	Hồ Chí Minh	1394	51L-842.56	Hồ Chí Minh	2394	51L-802.18	Hồ Chí Minh
395	51L-848.98	Hồ Chí Minh	1395	51L-848.48	Hồ Chí Minh	2395	51L-805.05	Hồ Chí Minh
396	51L-849.06	Hồ Chí Minh	1396	51L-848.49	Hồ Chí Minh	2396	51L-812.89	Hồ Chí Minh
397	51L-850.83	Hồ Chí Minh	1397	51L-849.29	Hồ Chí Minh	2397	51L-817.18	Hồ Chí Minh
398	51L-851.88	Hồ Chí Minh	1398	51L-851.38	Hồ Chí Minh	2398	51L-818.09	Hồ Chí Minh
399	51L-853.85	Hồ Chí Minh	1399	51L-853.08	Hồ Chí Minh	2399	51L-819.79	Hồ Chí Minh
400	51L-853.86	Hồ Chí Minh	1400	51L-855.83	Hồ Chí Minh	2400	51L-820.39	Hồ Chí Minh
401	51L-853.99	Hồ Chí Minh	1401	51L-858.28	Hồ Chí Minh	2401	51L-820.79	Hồ Chí Minh
402	51L-854.56	Hồ Chí Minh	1402	51L-858.65	Hồ Chí Minh	2402	51L-821.83	Hồ Chí Minh
403	51L-855.54	Hồ Chí Minh	1403	51L-859.68	Hồ Chí Minh	2403	51L-822.16	Hồ Chí Minh
404	51L-856.99	Hồ Chí Minh	1404	51L-859.79	Hồ Chí Minh	2404	51L-823.38	Hồ Chí Minh
405	51L-857.79	Hồ Chí Minh	1405	51L-863.69	Hồ Chí Minh	2405	51L-824.16	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
406	51L-859.65	Hồ Chí Minh	1406	51L-865.79	Hồ Chí Minh	2406	51L-831.39	Hồ Chí Minh
407	51L-860.83	Hồ Chí Minh	1407	51L-866.27	Hồ Chí Minh	2407	51L-831.68	Hồ Chí Minh
408	51L-864.66	Hồ Chí Minh	1408	51L-867.56	Hồ Chí Minh	2408	51L-831.85	Hồ Chí Minh
409	51L-867.16	Hồ Chí Minh	1409	51L-872.16	Hồ Chí Minh	2409	51L-831.89	Hồ Chí Minh
410	51L-872.73	Hồ Chí Minh	1410	51L-874.88	Hồ Chí Minh	2410	51L-833.18	Hồ Chí Minh
411	51L-877.66	Hồ Chí Minh	1411	51L-875.18	Hồ Chí Minh	2411	51L-833.55	Hồ Chí Minh
412	51L-880.29	Hồ Chí Minh	1412	51L-875.29	Hồ Chí Minh	2412	51L-840.83	Hồ Chí Minh
413	51L-881.00	Hồ Chí Minh	1413	51L-876.88	Hồ Chí Minh	2413	51L-844.28	Hồ Chí Minh
414	51L-881.06	Hồ Chí Minh	1414	51L-876.96	Hồ Chí Minh	2414	51L-847.47	Hồ Chí Minh
415	51L-883.84	Hồ Chí Minh	1415	51L-877.11	Hồ Chí Minh	2415	51L-850.86	Hồ Chí Minh
416	51L-889.95	Hồ Chí Minh	1416	51L-882.08	Hồ Chí Minh	2416	51L-852.66	Hồ Chí Minh
417	51L-891.92	Hồ Chí Minh	1417	51L-888.71	Hồ Chí Minh	2417	51L-854.22	Hồ Chí Minh
418	51L-891.98	Hồ Chí Minh	1418	51L-890.86	Hồ Chí Minh	2418	51L-854.99	Hồ Chí Minh
419	51L-893.86	Hồ Chí Minh	1419	11A-129.88	Cao Bằng	2419	51L-857.68	Hồ Chí Minh
420	51L-894.38	Hồ Chí Minh	1420	12A-224.24	Lạng Sơn	2420	51L-859.06	Hồ Chí Minh
421	51L-895.22	Hồ Chí Minh	1421	12A-229.92	Lạng Sơn	2421	51L-859.44	Hồ Chí Minh
422	11A-130.31	Cao Bằng	1422	12A-255.39	Lạng Sơn	2422	51L-859.95	Hồ Chí Minh
423	11A-134.68	Cao Bằng	1423	12A-256.89	Lạng Sơn	2423	51L-861.19	Hồ Chí Minh
424	12A-229.69	Lạng Sơn	1424	12A-260.62	Lạng Sơn	2424	51L-861.58	Hồ Chí Minh
425	12A-253.39	Lạng Sơn	1425	14A-837.39	Quảng Ninh	2425	51L-863.63	Hồ Chí Minh
426	12A-254.89	Lạng Sơn	1426	14A-850.66	Quảng Ninh	2426	51L-863.64	Hồ Chí Minh
427	12A-255.33	Lạng Sơn	1427	14A-860.00	Quảng Ninh	2427	51L-865.56	Hồ Chí Minh
428	12A-257.79	Lạng Sơn	1428	14A-864.98	Quảng Ninh	2428	51L-865.89	Hồ Chí Minh
429	12A-259.69	Lạng Sơn	1429	14A-930.88	Quảng Ninh	2429	51L-867.65	Hồ Chí Minh
430	12C-137.69	Lạng Sơn	1430	14A-933.00	Quảng Ninh	2430	51L-871.17	Hồ Chí Minh
431	14A-931.99	Quảng Ninh	1431	14A-941.11	Quảng Ninh	2431	51L-871.85	Hồ Chí Minh
432	14A-942.24	Quảng Ninh	1432	14A-942.79	Quảng Ninh	2432	51L-874.58	Hồ Chí Minh
433	14A-944.66	Quảng Ninh	1433	14A-960.61	Quảng Ninh	2433	51L-874.77	Hồ Chí Minh
434	14A-947.94	Quảng Ninh	1434	14A-972.69	Quảng Ninh	2434	51L-875.78	Hồ Chí Minh
435	14A-953.33	Quảng Ninh	1435	14A-981.39	Quảng Ninh	2435	51L-876.36	Hồ Chí Minh
436	14A-953.59	Quảng Ninh	1436	14D-027.77	Quảng Ninh	2436	51L-876.58	Hồ Chí Minh
437	14A-961.16	Quảng Ninh	1437	15K-346.47	Hải Phòng	2437	51L-877.16	Hồ Chí Minh
438	14A-980.80	Quảng Ninh	1438	15K-352.39	Hải Phòng	2438	51L-880.65	Hồ Chí Minh
439	14A-988.95	Quảng Ninh	1439	15K-362.22	Hải Phòng	2439	51L-887.25	Hồ Chí Minh
440	15K-205.88	Hải Phòng	1440	15K-374.88	Hải Phòng	2440	51L-887.59	Hồ Chí Minh
441	15K-249.49	Hải Phòng	1441	15K-376.76	Hải Phòng	2441	51L-888.35	Hồ Chí Minh
442	15K-250.68	Hải Phòng	1442	15K-376.89	Hải Phòng	2442	51L-892.29	Hồ Chí Minh
443	15K-255.38	Hải Phòng	1443	15K-380.68	Hải Phòng	2443	51L-892.93	Hồ Chí Minh
444	15K-260.89	Hải Phòng	1444	15K-388.11	Hải Phòng	2444	51L-893.66	Hồ Chí Minh
445	15K-263.98	Hải Phòng	1445	15K-400.55	Hải Phòng	2445	51L-893.85	Hồ Chí Minh
446	15K-340.34	Hải Phòng	1446	15K-400.69	Hải Phòng	2446	51L-894.39	Hồ Chí Minh
447	15K-345.34	Hải Phòng	1447	15K-403.40	Hải Phòng	2447	51L-896.39	Hồ Chí Minh
448	15K-347.69	Hải Phòng	1448	15K-405.68	Hải Phòng	2448	11A-130.68	Cao Bằng
449	15K-349.94	Hải Phòng	1449	15K-408.99	Hải Phòng	2449	11A-131.88	Cao Bằng
450	15K-361.79	Hải Phòng	1450	15K-411.77	Hải Phòng	2450	12A-255.44	Lạng Sơn
451	15K-371.88	Hải Phòng	1451	15K-421.79	Hải Phòng	2451	14A-850.79	Quảng Ninh
452	15K-373.79	Hải Phòng	1452	17A-403.39	Thái Bình	2452	14A-851.69	Quảng Ninh
453	15K-375.55	Hải Phòng	1453	17A-406.79	Thái Bình	2453	14A-857.88	Quảng Ninh
454	15K-385.99	Hải Phòng	1454	17A-409.09	Thái Bình	2454	14A-890.00	Quảng Ninh
455	15K-387.66	Hải Phòng	1455	17A-423.86	Thái Bình	2455	14A-933.44	Quảng Ninh
456	15K-398.66	Hải Phòng	1456	17A-472.68	Thái Bình	2456	14A-947.39	Quảng Ninh



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
457	15K-406.06	Hải Phòng	1457	17A-476.76	Thái Bình	2457	14A-952.52	Quảng Ninh
458	15K-406.69	Hải Phòng	1458	17A-486.79	Thái Bình	2458	14A-973.74	Quảng Ninh
459	15K-411.41	Hải Phòng	1459	17A-490.90	Thái Bình	2459	14A-973.97	Quảng Ninh
460	15K-412.99	Hải Phòng	1460	17D-012.86	Thái Bình	2460	14A-976.39	Quảng Ninh
461	15K-416.69	Hải Phòng	1461	18A-411.96	Nam Định	2461	14A-984.99	Quảng Ninh
462	15K-419.97	Hải Phòng	1462	18A-428.88	Nam Định	2462	15K-207.07	Hải Phòng
463	17A-400.44	Thái Bình	1463	18A-433.79	Nam Định	2463	15K-207.86	Hải Phòng
464	17A-405.88	Thái Bình	1464	18A-434.88	Nam Định	2464	15K-246.69	Hải Phòng
465	17A-424.88	Thái Bình	1465	18A-469.86	Nam Định	2465	15K-249.94	Hải Phòng
466	17A-438.66	Thái Bình	1466	18A-477.44	Nam Định	2466	15K-264.44	Hải Phòng
467	17A-438.68	Thái Bình	1467	18A-477.99	Nam Định	2467	15K-270.70	Hải Phòng
468	17A-474.79	Thái Bình	1468	18A-479.47	Nam Định	2468	15K-270.88	Hải Phòng
469	17A-476.86	Thái Bình	1469	18A-486.89	Nam Định	2469	15K-271.69	Hải Phòng
470	17A-479.69	Thái Bình	1470	18A-489.79	Nam Định	2470	15K-352.89	Hải Phòng
471	17A-482.66	Thái Bình	1471	18C-167.76	Nam Định	2471	15K-354.89	Hải Phòng
472	17A-484.85	Thái Bình	1472	19A-577.69	Phú Thọ	2472	15K-369.86	Hải Phòng
473	17A-486.87	Thái Bình	1473	19A-589.69	Phú Thọ	2473	15K-371.86	Hải Phòng
474	17A-487.39	Thái Bình	1474	19A-592.39	Phú Thọ	2474	15K-372.66	Hải Phòng
475	17A-488.69	Thái Bình	1475	19A-600.39	Phú Thọ	2475	15K-372.69	Hải Phòng
476	17B-027.79	Thái Bình	1476	19A-601.89	Phú Thọ	2476	15K-374.86	Hải Phòng
477	17C-213.88	Thái Bình	1477	19A-680.68	Phú Thọ	2477	15K-377.39	Hải Phòng
478	17D-011.88	Thái Bình	1478	19A-684.68	Phú Thọ	2478	15K-384.68	Hải Phòng
479	18A-403.68	Nam Định	1479	19A-688.39	Phú Thọ	2479	15K-399.77	Hải Phòng
480	18A-413.79	Nam Định	1480	19A-691.79	Phú Thọ	2480	15K-401.89	Hải Phòng
481	18A-418.79	Nam Định	1481	19A-694.39	Phú Thọ	2481	15K-405.39	Hải Phòng
482	18A-420.00	Nam Định	1482	19A-703.03	Phú Thọ	2482	15K-413.31	Hải Phòng
483	18A-470.79	Nam Định	1483	19A-703.88	Phú Thọ	2483	15K-424.99	Hải Phòng
484	18A-476.69	Nam Định	1484	19A-709.68	Phú Thọ	2484	17A-406.66	Thái Bình
485	18D-013.89	Nam Định	1485	19A-711.66	Phú Thọ	2485	17A-414.88	Thái Bình
486	19A-602.66	Phú Thọ	1486	20A-704.88	Thái Nguyên	2486	17A-416.89	Thái Bình
487	19A-701.70	Phú Thọ	1487	20A-710.86	Thái Nguyên	2487	17A-483.88	Thái Bình
488	19A-702.70	Phú Thọ	1488	20A-725.86	Thái Nguyên	2488	17A-485.68	Thái Bình
489	19A-702.88	Phú Thọ	1489	20A-736.79	Thái Nguyên	2489	17B-028.69	Thái Bình
490	19A-704.04	Phú Thọ	1490	20A-746.89	Thái Nguyên	2490	17D-011.22	Thái Bình
491	19A-713.66	Phú Thọ	1491	20A-750.68	Thái Nguyên	2491	18A-410.66	Nam Định
492	20A-726.89	Thái Nguyên	1492	20A-812.18	Thái Nguyên	2492	18A-418.81	Nam Định
493	20A-727.68	Thái Nguyên	1493	20A-812.66	Thái Nguyên	2493	18A-432.88	Nam Định
494	20A-729.66	Thái Nguyên	1494	20A-813.88	Thái Nguyên	2494	18A-432.98	Nam Định
495	20A-749.66	Thái Nguyên	1495	20A-817.99	Thái Nguyên	2495	18A-469.88	Nam Định
496	20A-753.98	Thái Nguyên	1496	20A-822.39	Thái Nguyên	2496	18A-474.44	Nam Định
497	20A-816.81	Thái Nguyên	1497	20A-826.79	Thái Nguyên	2497	18A-475.47	Nam Định
498	20A-817.88	Thái Nguyên	1498	20A-829.82	Thái Nguyên	2498	18A-479.86	Nam Định
499	20A-824.39	Thái Nguyên	1499	20A-837.68	Thái Nguyên	2499	18A-487.78	Nam Định
500	20A-825.88	Thái Nguyên	1500	20A-841.41	Thái Nguyên	2500	19A-583.89	Phú Thọ
501	20A-826.69	Thái Nguyên	1501	20A-844.68	Thái Nguyên	2501	19A-584.88	Phú Thọ
502	20A-834.79	Thái Nguyên	1502	20A-846.46	Thái Nguyên	2502	19A-590.90	Phú Thọ
503	20A-837.66	Thái Nguyên	1503	20A-847.86	Thái Nguyên	2503	19A-609.39	Phú Thọ
504	20A-841.14	Thái Nguyên	1504	20A-848.68	Thái Nguyên	2504	19A-675.69	Phú Thọ
505	20A-841.79	Thái Nguyên	1505	20A-854.39	Thái Nguyên	2505	19A-676.67	Phú Thọ
506	20A-843.79	Thái Nguyên	1506	20A-854.45	Thái Nguyên	2506	19A-681.79	Phú Thọ
507	20A-844.39	Thái Nguyên	1507	20C-296.88	Thái Nguyên	2507	19A-681.88	Phú Thọ

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
508	20A-852.53	Thái Nguyên	1508	20C-307.77	Thái Nguyên	2508	19A-690.68	Phú Thọ
509	20A-854.69	Thái Nguyên	1509	21A-215.86	Yên Bái	2509	19A-699.55	Phú Thọ
510	20A-854.85	Thái Nguyên	1510	22A-213.69	Tuyên Quang	2510	19A-700.68	Phú Thọ
511	21A-211.99	Yên Bái	1511	22A-213.79	Tuyên Quang	2511	19A-706.66	Phú Thọ
512	21A-212.79	Yên Bái	1512	22A-222.56	Tuyên Quang	2512	19A-708.39	Phú Thọ
513	21A-214.89	Yên Bái	1513	22A-228.69	Tuyên Quang	2513	19A-713.71	Phú Thọ
514	21A-215.15	Yên Bái	1514	22A-258.59	Tuyên Quang	2514	20A-704.99	Thái Nguyên
515	21A-218.66	Yên Bái	1515	22A-259.68	Tuyên Quang	2515	20A-709.79	Thái Nguyên
516	22A-223.39	Tuyên Quang	1516	22A-266.77	Tuyên Quang	2516	20A-725.99	Thái Nguyên
517	22A-256.65	Tuyên Quang	1517	23A-142.79	Hà Giang	2517	20A-732.98	Thái Nguyên
518	22A-257.77	Tuyên Quang	1518	23C-087.77	Hà Giang	2518	20A-743.79	Thái Nguyên
519	22A-260.60	Tuyên Quang	1519	24A-273.88	Lào Cai	2519	20A-745.55	Thái Nguyên
520	22A-265.65	Tuyên Quang	1520	24A-305.05	Lào Cai	2520	20A-751.15	Thái Nguyên
521	23A-157.77	Hà Giang	1521	24D-006.66	Lào Cai	2521	20A-761.68	Thái Nguyên
522	23A-160.39	Hà Giang	1522	25A-073.98	Lai Châu	2522	20A-813.69	Thái Nguyên
523	24A-259.69	Lào Cai	1523	25A-082.69	Lai Châu	2523	20A-819.73	Thái Nguyên
524	24A-311.77	Lào Cai	1524	26A-203.33	Sơn La	2524	20A-820.00	Thái Nguyên
525	25A-071.99	Lai Châu	1525	26A-204.69	Sơn La	2525	20A-822.55	Thái Nguyên
526	25A-082.89	Lai Châu	1526	26A-205.05	Sơn La	2526	20A-830.03	Thái Nguyên
527	26A-230.23	Sơn La	1527	26A-230.39	Sơn La	2527	20A-832.83	Thái Nguyên
528	27A-128.39	Điện Biên	1528	26A-233.32	Sơn La	2528	20A-837.99	Thái Nguyên
529	28A-220.88	Hòa Bình	1529	26C-158.85	Sơn La	2529	20A-841.99	Thái Nguyên
530	28A-232.32	Hòa Bình	1530	26D-011.77	Sơn La	2530	20A-844.79	Thái Nguyên
531	28A-248.39	Hòa Bình	1531	27A-109.68	Điện Biên	2531	20A-845.46	Thái Nguyên
532	28A-255.69	Hòa Bình	1532	27A-111.12	Điện Biên	2532	20A-848.69	Thái Nguyên
533	28A-256.86	Hòa Bình	1533	27A-125.66	Điện Biên	2533	20A-848.79	Thái Nguyên
534	28B-015.15	Hòa Bình	1534	27A-127.66	Điện Biên	2534	20A-852.88	Thái Nguyên
535	29D-605.66	Hà Nội	1535	27B-013.68	Điện Biên	2535	20A-853.69	Thái Nguyên
536	29D-609.99	Hà Nội	1536	28A-223.89	Hòa Bình	2536	20A-854.89	Thái Nguyên
537	29K-223.69	Hà Nội	1537	28A-251.52	Hòa Bình	2537	20A-855.69	Thái Nguyên
538	29K-224.39	Hà Nội	1538	28A-254.39	Hòa Bình	2538	20A-857.66	Thái Nguyên
539	29K-229.86	Hà Nội	1539	28A-255.39	Hòa Bình	2539	20C-303.33	Thái Nguyên
540	29K-230.68	Hà Nội	1540	28A-258.66	Hòa Bình	2540	20C-305.68	Thái Nguyên
541	29K-239.44	Hà Nội	1541	29K-225.59	Hà Nội	2541	21A-211.33	Yên Bái
542	29K-249.00	Hà Nội	1542	29K-229.35	Hà Nội	2542	21A-213.99	Yên Bái
543	29K-267.58	Hà Nội	1543	29K-233.89	Hà Nội	2543	21A-217.86	Yên Bái
544	29K-269.77	Hà Nội	1544	29K-239.32	Hà Nội	2544	22A-222.69	Tuyên Quang
545	29K-275.79	Hà Nội	1545	29K-245.54	Hà Nội	2545	22A-227.88	Tuyên Quang
546	29K-280.36	Hà Nội	1546	29K-253.44	Hà Nội	2546	22A-260.39	Tuyên Quang
547	29K-286.33	Hà Nội	1547	29K-256.69	Hà Nội	2547	22A-264.39	Tuyên Quang
548	29K-286.58	Hà Nội	1548	29K-258.69	Hà Nội	2548	22B-015.39	Tuyên Quang
549	29K-290.92	Hà Nội	1549	29K-260.33	Hà Nội	2549	23A-135.89	Hà Giang
550	29K-292.95	Hà Nội	1550	29K-262.22	Hà Nội	2550	23A-141.79	Hà Giang
551	29K-317.18	Hà Nội	1551	29K-267.67	Hà Nội	2551	23A-161.39	Hà Giang
552	29K-318.06	Hà Nội	1552	29K-274.58	Hà Nội	2552	23C-087.69	Hà Giang
553	29K-321.66	Hà Nội	1553	29K-285.59	Hà Nội	2553	26A-223.23	Sơn La
554	34A-750.86	Hải Dương	1554	29K-296.00	Hà Nội	2554	26A-225.22	Sơn La
555	34A-752.88	Hải Dương	1555	29K-301.10	Hà Nội	2555	26A-228.82	Sơn La
556	34A-767.67	Hải Dương	1556	29K-301.23	Hà Nội	2556	26A-229.22	Sơn La
557	34A-770.68	Hải Dương	1557	29K-301.33	Hà Nội	2557	26A-233.79	Sơn La
558	34A-780.89	Hải Dương	1558	29K-303.04	Hà Nội	2558	26C-157.86	Sơn La

Y
A
H
M
T.P.H.A.

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
559	34A-789.92	Hải Dương	1559	29K-306.99	Hà Nội	2559	27A-127.21	Điện Biên
560	34A-874.88	Hải Dương	1560	29K-309.77	Hà Nội	2560	27A-128.68	Điện Biên
561	34A-877.22	Hải Dương	1561	29K-310.89	Hà Nội	2561	27C-073.37	Điện Biên
562	34A-880.66	Hải Dương	1562	29K-312.22	Hà Nội	2562	28A-216.79	Hòa Bình
563	34A-891.39	Hải Dương	1563	29K-321.11	Hà Nội	2563	28A-222.38	Hòa Bình
564	34A-904.90	Hải Dương	1564	29K-321.18	Hà Nội	2564	28A-231.98	Hòa Bình
565	34A-905.66	Hải Dương	1565	29K-321.68	Hà Nội	2565	28A-247.79	Hòa Bình
566	34A-915.51	Hải Dương	1566	29K-322.28	Hà Nội	2566	28A-249.94	Hòa Bình
567	34A-917.86	Hải Dương	1567	29K-322.33	Hà Nội	2567	28A-252.66	Hòa Bình
568	34C-395.79	Hải Dương	1568	29K-325.39	Hà Nội	2568	28A-253.25	Hòa Bình
569	35A-394.66	Ninh Bình	1569	34A-741.39	Hải Dương	2569	28A-253.66	Hòa Bình
570	35A-405.79	Ninh Bình	1570	34A-760.98	Hải Dương	2570	28C-118.18	Hòa Bình
571	35A-444.27	Ninh Bình	1571	34A-764.96	Hải Dương	2571	28C-118.39	Hòa Bình
572	35A-444.38	Ninh Bình	1572	34A-771.69	Hải Dương	2572	29D-609.66	Hà Nội
573	35A-444.69	Ninh Bình	1573	34A-786.39	Hải Dương	2573	29K-221.98	Hà Nội
574	35A-447.86	Ninh Bình	1574	34A-789.96	Hải Dương	2574	29K-232.15	Hà Nội
575	35A-450.05	Ninh Bình	1575	34A-795.88	Hải Dương	2575	29K-232.95	Hà Nội
576	35A-454.68	Ninh Bình	1576	34A-799.96	Hải Dương	2576	29K-233.69	Hà Nội
577	35A-454.79	Ninh Bình	1577	34A-857.77	Hải Dương	2577	29K-234.39	Hà Nội
578	35A-456.39	Ninh Bình	1578	34A-863.89	Hải Dương	2578	29K-240.55	Hà Nội
579	35A-456.57	Ninh Bình	1579	34A-872.22	Hải Dương	2579	29K-245.22	Hà Nội
580	35A-457.45	Ninh Bình	1580	34A-877.44	Hải Dương	2580	29K-254.59	Hà Nội
581	35A-457.66	Ninh Bình	1581	34A-881.66	Hải Dương	2581	29K-256.99	Hà Nội
582	36C-517.68	Thanh Hóa	1582	34A-890.90	Hải Dương	2582	29K-264.11	Hà Nội
583	36C-523.66	Thanh Hóa	1583	34A-898.69	Hải Dương	2583	29K-265.77	Hà Nội
584	36C-526.88	Thanh Hóa	1584	34A-901.11	Hải Dương	2584	29K-270.27	Hà Nội
585	36C-536.86	Thanh Hóa	1585	34A-907.90	Hải Dương	2585	29K-273.00	Hà Nội
586	36K-009.86	Thanh Hóa	1586	34A-910.00	Hải Dương	2586	29K-273.37	Hà Nội
587	36K-034.79	Thanh Hóa	1587	34A-915.91	Hải Dương	2587	29K-274.65	Hà Nội
588	36K-037.86	Thanh Hóa	1588	34C-409.96	Hải Dương	2588	29K-276.98	Hà Nội
589	36K-038.39	Thanh Hóa	1589	35A-381.39	Ninh Bình	2589	29K-277.22	Hà Nội
590	36K-138.89	Thanh Hóa	1590	35A-405.55	Ninh Bình	2590	29K-279.11	Hà Nội
591	36K-141.42	Thanh Hóa	1591	35A-406.88	Ninh Bình	2591	29K-281.36	Hà Nội
592	36K-143.68	Thanh Hóa	1592	35A-444.40	Ninh Bình	2592	29K-284.39	Hà Nội
593	36K-145.88	Thanh Hóa	1593	35A-444.41	Ninh Bình	2593	29K-323.33	Hà Nội
594	36K-150.00	Thanh Hóa	1594	35A-446.99	Ninh Bình	2594	34A-752.86	Hải Dương
595	36K-153.68	Thanh Hóa	1595	35A-447.48	Ninh Bình	2595	34A-782.39	Hải Dương
596	36K-155.69	Thanh Hóa	1596	35A-448.44	Ninh Bình	2596	34A-798.66	Hải Dương
597	36K-160.00	Thanh Hóa	1597	35A-454.86	Ninh Bình	2597	34A-801.89	Hải Dương
598	36K-160.99	Thanh Hóa	1598	35A-456.66	Ninh Bình	2598	34A-801.98	Hải Dương
599	36K-165.88	Thanh Hóa	1599	36C-518.99	Thanh Hóa	2599	34A-859.79	Hải Dương
600	36K-171.79	Thanh Hóa	1600	36K-010.89	Thanh Hóa	2600	34A-860.69	Hải Dương
601	36K-173.71	Thanh Hóa	1601	36K-012.86	Thanh Hóa	2601	34A-861.16	Hải Dương
602	36K-174.17	Thanh Hóa	1602	36K-022.79	Thanh Hóa	2602	34A-864.39	Hải Dương
603	36K-174.44	Thanh Hóa	1603	36K-025.52	Thanh Hóa	2603	34A-871.89	Hải Dương
604	36K-177.78	Thanh Hóa	1604	36K-138.83	Thanh Hóa	2604	34A-873.39	Hải Dương
605	36K-177.88	Thanh Hóa	1605	36K-145.69	Thanh Hóa	2605	34A-885.79	Hải Dương
606	36K-181.86	Thanh Hóa	1606	36K-154.79	Thanh Hóa	2606	34A-900.79	Hải Dương
607	36K-190.09	Thanh Hóa	1607	36K-155.56	Thanh Hóa	2607	34A-905.79	Hải Dương
608	36K-190.19	Thanh Hóa	1608	36K-160.68	Thanh Hóa	2608	34A-907.09	Hải Dương
609	36K-193.79	Thanh Hóa	1609	36K-162.61	Thanh Hóa	2609	34A-913.13	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
610	36K-197.68	Thanh Hóa	1610	36K-179.66	Thanh Hóa	2610	34A-914.89	Hải Dương
611	36K-216.88	Thanh Hóa	1611	36K-184.66	Thanh Hóa	2611	35A-410.98	Ninh Bình
612	36K-216.99	Thanh Hóa	1612	36K-195.88	Thanh Hóa	2612	35A-412.66	Ninh Bình
613	36K-219.39	Thanh Hóa	1613	36K-204.69	Thanh Hóa	2613	35A-444.99	Ninh Bình
614	36K-219.78	Thanh Hóa	1614	36K-209.88	Thanh Hóa	2614	35A-459.66	Ninh Bình
615	36K-219.92	Thanh Hóa	1615	36K-211.21	Thanh Hóa	2615	35D-013.68	Ninh Bình
616	37C-551.86	Nghệ An	1616	36K-219.21	Thanh Hóa	2616	36C-522.89	Thanh Hóa
617	37C-563.89	Nghệ An	1617	36K-221.88	Thanh Hóa	2617	36K-010.79	Thanh Hóa
618	37K-263.69	Nghệ An	1618	36K-225.25	Thanh Hóa	2618	36K-012.66	Thanh Hóa
619	37K-294.88	Nghệ An	1619	37K-265.79	Nghệ An	2619	36K-022.69	Thanh Hóa
620	37K-391.11	Nghệ An	1620	37K-288.38	Nghệ An	2620	36K-035.35	Thanh Hóa
621	37K-392.29	Nghệ An	1621	37K-290.09	Nghệ An	2621	36K-137.86	Thanh Hóa
622	37K-401.89	Nghệ An	1622	37K-301.98	Nghệ An	2622	36K-138.69	Thanh Hóa
623	37K-403.68	Nghệ An	1623	37K-319.66	Nghệ An	2623	36K-139.31	Thanh Hóa
624	37K-407.07	Nghệ An	1624	37K-391.66	Nghệ An	2624	36K-145.55	Thanh Hóa
625	37K-409.69	Nghệ An	1625	37K-411.00	Nghệ An	2625	36K-148.48	Thanh Hóa
626	37K-411.55	Nghệ An	1626	37K-413.33	Nghệ An	2626	36K-149.96	Thanh Hóa
627	37K-411.79	Nghệ An	1627	37K-414.99	Nghệ An	2627	36K-150.68	Thanh Hóa
628	37K-413.68	Nghệ An	1628	37K-415.16	Nghệ An	2628	36K-155.39	Thanh Hóa
629	37K-414.39	Nghệ An	1629	37K-415.68	Nghệ An	2629	36K-162.69	Thanh Hóa
630	37K-420.24	Nghệ An	1630	37K-416.86	Nghệ An	2630	36K-163.33	Thanh Hóa
631	37K-421.39	Nghệ An	1631	37K-418.19	Nghệ An	2631	36K-164.69	Thanh Hóa
632	37K-428.42	Nghệ An	1632	37K-423.79	Nghệ An	2632	36K-167.99	Thanh Hóa
633	37K-434.39	Nghệ An	1633	37K-424.44	Nghệ An	2633	36K-171.66	Thanh Hóa
634	37K-434.99	Nghệ An	1634	37K-425.25	Nghệ An	2634	36K-171.88	Thanh Hóa
635	37K-435.53	Nghệ An	1635	37K-429.89	Nghệ An	2635	36K-173.99	Thanh Hóa
636	37K-436.86	Nghệ An	1636	37K-430.99	Nghệ An	2636	36K-177.44	Thanh Hóa
637	37K-437.34	Nghệ An	1637	37K-432.79	Nghệ An	2637	36K-178.86	Thanh Hóa
638	37K-439.69	Nghệ An	1638	37K-433.39	Nghệ An	2638	36K-183.69	Thanh Hóa
639	37K-439.88	Nghệ An	1639	37K-444.37	Nghệ An	2639	36K-192.93	Thanh Hóa
640	37K-448.39	Nghệ An	1640	37K-447.66	Nghệ An	2640	36K-196.91	Thanh Hóa
641	37K-451.15	Nghệ An	1641	37K-447.79	Nghệ An	2641	36K-201.01	Thanh Hóa
642	37K-452.25	Nghệ An	1642	37K-451.68	Nghệ An	2642	36K-201.68	Thanh Hóa
643	37K-455.69	Nghệ An	1643	37K-452.39	Nghệ An	2643	36K-205.99	Thanh Hóa
644	37K-467.39	Nghệ An	1644	37K-452.54	Nghệ An	2644	36K-207.79	Thanh Hóa
645	37K-475.79	Nghệ An	1645	37K-455.22	Nghệ An	2645	36K-215.88	Thanh Hóa
646	38A-577.98	Hà Tĩnh	1646	37K-459.86	Nghệ An	2646	36K-223.99	Thanh Hóa
647	38A-581.66	Hà Tĩnh	1647	37K-465.68	Nghệ An	2647	36K-227.88	Thanh Hóa
648	38A-585.39	Hà Tĩnh	1648	37K-465.99	Nghệ An	2648	37C-555.39	Nghệ An
649	38A-644.46	Hà Tĩnh	1649	37K-466.00	Nghệ An	2649	37C-561.86	Nghệ An
650	38A-644.68	Hà Tĩnh	1650	37K-469.88	Nghệ An	2650	37C-561.99	Nghệ An
651	38A-647.88	Hà Tĩnh	1651	37K-475.74	Nghệ An	2651	37K-251.39	Nghệ An
652	38A-655.11	Hà Tĩnh	1652	37K-481.11	Nghệ An	2652	37K-260.86	Nghệ An
653	38A-655.22	Hà Tĩnh	1653	38A-637.86	Hà Tĩnh	2653	37K-284.79	Nghệ An
654	38A-657.69	Hà Tĩnh	1654	38A-638.69	Hà Tĩnh	2654	37K-285.96	Nghệ An
655	38A-660.61	Hà Tĩnh	1655	38A-649.39	Hà Tĩnh	2655	37K-287.98	Nghệ An
656	38A-663.79	Hà Tĩnh	1656	38A-656.57	Hà Tĩnh	2656	37K-297.39	Nghệ An
657	38A-667.67	Hà Tĩnh	1657	38A-666.13	Hà Tĩnh	2657	37K-304.69	Nghệ An
658	38A-671.68	Hà Tĩnh	1658	38A-674.67	Hà Tĩnh	2658	37K-308.39	Nghệ An
659	38A-675.68	Hà Tĩnh	1659	38A-675.76	Hà Tĩnh	2659	37K-390.00	Nghệ An
660	38C-231.86	Hà Tĩnh	1660	38C-232.32	Hà Tĩnh	2660	37K-394.89	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
661	38D-018.88	Hà Tĩnh	1661	43A-849.98	Đà Nẵng	2661	37K-396.79	Nghệ An
662	43A-807.66	Đà Nẵng	1662	43A-903.03	Đà Nẵng	2662	37K-401.01	Nghệ An
663	43A-814.66	Đà Nẵng	1663	43A-907.07	Đà Nẵng	2663	37K-405.40	Nghệ An
664	43A-899.22	Đà Nẵng	1664	43A-914.15	Đà Nẵng	2664	37K-407.70	Nghệ An
665	43A-901.79	Đà Nẵng	1665	43A-919.78	Đà Nẵng	2665	37K-412.89	Nghệ An
666	43A-907.09	Đà Nẵng	1666	43A-919.94	Đà Nẵng	2666	37K-413.66	Nghệ An
667	43A-907.66	Đà Nẵng	1667	43A-923.24	Đà Nẵng	2667	37K-417.14	Nghệ An
668	43A-915.16	Đà Nẵng	1668	43A-923.92	Đà Nẵng	2668	37K-426.86	Nghệ An
669	43A-915.69	Đà Nẵng	1669	43A-930.93	Đà Nẵng	2669	37K-433.22	Nghệ An
670	43A-915.88	Đà Nẵng	1670	43A-931.93	Đà Nẵng	2670	37K-433.66	Nghệ An
671	43A-919.86	Đà Nẵng	1671	43A-940.00	Đà Nẵng	2671	37K-439.89	Nghệ An
672	43A-922.92	Đà Nẵng	1672	47A-656.99	Đắk Lắk	2672	37K-440.39	Nghệ An
673	43A-924.24	Đà Nẵng	1673	47A-657.89	Đắk Lắk	2673	37K-444.89	Nghệ An
674	43A-924.29	Đà Nẵng	1674	47A-658.79	Đắk Lắk	2674	37K-447.69	Nghệ An
675	43A-929.86	Đà Nẵng	1675	47A-663.39	Đắk Lắk	2675	37K-448.48	Nghệ An
676	43A-931.32	Đà Nẵng	1676	47A-678.66	Đắk Lắk	2676	37K-459.66	Nghệ An
677	47A-626.39	Đắk Lắk	1677	47A-685.99	Đắk Lắk	2677	37K-461.46	Nghệ An
678	47A-666.35	Đắk Lắk	1678	47A-688.55	Đắk Lắk	2678	37K-466.33	Nghệ An
679	47A-680.89	Đắk Lắk	1679	47A-702.89	Đắk Lắk	2679	37K-471.89	Nghệ An
680	47A-703.69	Đắk Lắk	1680	47A-761.67	Đắk Lắk	2680	37K-472.27	Nghệ An
681	47A-762.26	Đắk Lắk	1681	47A-763.76	Đắk Lắk	2681	37K-472.39	Nghệ An
682	47A-765.56	Đắk Lắk	1682	47A-775.68	Đắk Lắk	2682	37K-472.66	Nghệ An
683	47A-765.69	Đắk Lắk	1683	47A-780.87	Đắk Lắk	2683	37K-479.47	Nghệ An
684	47A-766.76	Đắk Lắk	1684	47A-782.78	Đắk Lắk	2684	38A-563.39	Hà Tĩnh
685	47A-768.76	Đắk Lắk	1685	47A-783.89	Đắk Lắk	2685	38A-587.86	Hà Tĩnh
686	47A-774.68	Đắk Lắk	1686	47A-787.86	Đắk Lắk	2686	38A-594.99	Hà Tĩnh
687	47A-777.24	Đắk Lắk	1687	47A-791.19	Đắk Lắk	2687	38A-602.22	Hà Tĩnh
688	47A-779.88	Đắk Lắk	1688	47A-800.39	Đắk Lắk	2688	38A-638.36	Hà Tĩnh
689	47A-780.89	Đắk Lắk	1689	47A-803.03	Đắk Lắk	2689	38A-642.88	Hà Tĩnh
690	47A-780.99	Đắk Lắk	1690	47A-806.60	Đắk Lắk	2690	38A-646.89	Hà Tĩnh
691	47A-782.86	Đắk Lắk	1691	47C-387.68	Đắk Lắk	2691	38A-649.79	Hà Tĩnh
692	47A-794.68	Đắk Lắk	1692	48A-210.68	Đắk Nông	2692	38A-650.00	Hà Tĩnh
693	47A-797.66	Đắk Lắk	1693	48A-243.69	Đắk Nông	2693	38A-660.39	Hà Tĩnh
694	47A-802.89	Đắk Lắk	1694	48A-243.99	Đắk Nông	2694	38A-664.69	Hà Tĩnh
695	47A-804.05	Đắk Lắk	1695	48A-244.22	Đắk Nông	2695	38A-671.99	Hà Tĩnh
696	47C-389.66	Đắk Lắk	1696	49A-641.14	Lâm Đồng	2696	43A-811.39	Đà Nẵng
697	48A-208.66	Đắk Nông	1697	49A-646.68	Lâm Đồng	2697	43A-813.86	Đà Nẵng
698	48A-214.89	Đắk Nông	1698	49A-665.86	Lâm Đồng	2698	43A-820.68	Đà Nẵng
699	48A-217.98	Đắk Nông	1699	49A-711.99	Lâm Đồng	2699	43A-830.79	Đà Nẵng
700	48A-241.66	Đắk Nông	1700	49A-715.66	Lâm Đồng	2700	43A-902.22	Đà Nẵng
701	48A-244.55	Đắk Nông	1701	49A-720.99	Lâm Đồng	2701	43A-919.77	Đà Nẵng
702	49A-634.68	Lâm Đồng	1702	49A-724.39	Lâm Đồng	2702	43A-924.42	Đà Nẵng
703	49A-634.88	Lâm Đồng	1703	49A-726.68	Lâm Đồng	2703	43A-925.86	Đà Nẵng
704	49A-641.86	Lâm Đồng	1704	49A-730.69	Lâm Đồng	2704	43A-934.86	Đà Nẵng
705	49A-708.69	Lâm Đồng	1705	49A-732.99	Lâm Đồng	2705	43C-313.69	Đà Nẵng
706	49A-727.89	Lâm Đồng	1706	49A-737.88	Lâm Đồng	2706	47A-664.96	Đắk Lắk
707	49A-732.69	Lâm Đồng	1707	49A-740.74	Lâm Đồng	2707	47A-672.96	Đắk Lắk
708	49A-733.34	Lâm Đồng	1708	49B-029.79	Lâm Đồng	2708	47A-676.69	Đắk Lắk
709	49A-733.79	Lâm Đồng	1709	49D-013.86	Lâm Đồng	2709	47A-682.69	Đắk Lắk
710	49A-734.35	Lâm Đồng	1710	51B-602.99	Hồ Chí Minh	2710	47A-690.96	Đắk Lắk
711	49A-737.69	Lâm Đồng	1711	51D-871.86	Hồ Chí Minh	2711	47A-784.99	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
712	49A-738.83	Lâm Đồng	1712	51E-325.86	Hồ Chí Minh	2712	47A-786.99	Đắk Lắk
713	49A-740.66	Lâm Đồng	1713	51E-333.36	Hồ Chí Minh	2713	47A-793.94	Đắk Lắk
714	49A-742.68	Lâm Đồng	1714	51E-337.73	Hồ Chí Minh	2714	47A-795.89	Đắk Lắk
715	49A-743.89	Lâm Đồng	1715	51M-009.26	Hồ Chí Minh	2715	47A-805.39	Đắk Lắk
716	49C-381.18	Lâm Đồng	1716	51M-016.00	Hồ Chí Minh	2716	47A-807.39	Đắk Lắk
717	51D-827.27	Hồ Chí Minh	1717	51M-023.22	Hồ Chí Minh	2717	47A-808.66	Đắk Lắk
718	51D-835.55	Hồ Chí Minh	1718	51M-026.28	Hồ Chí Minh	2718	48A-214.79	Đắk Nông
719	51D-861.89	Hồ Chí Minh	1719	51M-030.31	Hồ Chí Minh	2719	48A-219.68	Đắk Nông
720	51M-008.79	Hồ Chí Minh	1720	51M-030.88	Hồ Chí Minh	2720	48A-241.89	Đắk Nông
721	51M-008.89	Hồ Chí Minh	1721	51M-033.30	Hồ Chí Minh	2721	48A-242.22	Đắk Nông
722	51M-012.77	Hồ Chí Minh	1722	51M-047.16	Hồ Chí Minh	2722	48C-111.59	Đắk Nông
723	51M-019.83	Hồ Chí Minh	1723	51M-049.99	Hồ Chí Minh	2723	49A-671.39	Lâm Đồng
724	51M-019.96	Hồ Chí Minh	1724	51M-050.26	Hồ Chí Minh	2724	49A-714.68	Lâm Đồng
725	51M-023.26	Hồ Chí Minh	1725	60C-707.77	Đồng Nai	2725	49A-716.78	Lâm Đồng
726	51M-024.02	Hồ Chí Minh	1726	60C-739.66	Đồng Nai	2726	49A-722.89	Lâm Đồng
727	51M-027.22	Hồ Chí Minh	1727	60D-019.69	Đồng Nai	2727	49A-724.99	Lâm Đồng
728	51M-027.28	Hồ Chí Minh	1728	60K-430.03	Đồng Nai	2728	49A-728.28	Lâm Đồng
729	51M-029.29	Hồ Chí Minh	1729	60K-431.86	Đồng Nai	2729	49A-729.86	Lâm Đồng
730	51M-035.98	Hồ Chí Minh	1730	60K-444.89	Đồng Nai	2730	49A-731.73	Lâm Đồng
731	51M-037.33	Hồ Chí Minh	1731	60K-478.69	Đồng Nai	2731	49A-734.89	Lâm Đồng
732	51M-042.44	Hồ Chí Minh	1732	60K-489.66	Đồng Nai	2732	49A-736.63	Lâm Đồng
733	51M-045.00	Hồ Chí Minh	1733	60K-492.29	Đồng Nai	2733	49A-738.89	Lâm Đồng
734	51M-048.08	Hồ Chí Minh	1734	60K-544.69	Đồng Nai	2734	49A-745.39	Lâm Đồng
735	60C-736.66	Đồng Nai	1735	60K-550.66	Đồng Nai	2735	49C-381.79	Lâm Đồng
736	60C-755.89	Đồng Nai	1736	60K-552.66	Đồng Nai	2736	51B-711.22	Hồ Chí Minh
737	60K-423.33	Đồng Nai	1737	60K-555.05	Đồng Nai	2737	51B-711.69	Hồ Chí Minh
738	60K-433.39	Đồng Nai	1738	60K-555.13	Đồng Nai	2738	51D-892.79	Hồ Chí Minh
739	60K-437.66	Đồng Nai	1739	60K-556.79	Đồng Nai	2739	51E-322.88	Hồ Chí Minh
740	60K-439.68	Đồng Nai	1740	60K-563.56	Đồng Nai	2740	51E-325.66	Hồ Chí Minh
741	60K-468.89	Đồng Nai	1741	60K-563.88	Đồng Nai	2741	51E-333.88	Hồ Chí Minh
742	60K-476.86	Đồng Nai	1742	60K-575.86	Đồng Nai	2742	51M-009.96	Hồ Chí Minh
743	60K-477.11	Đồng Nai	1743	60K-578.86	Đồng Nai	2743	51M-010.85	Hồ Chí Minh
744	60K-479.97	Đồng Nai	1744	60K-589.39	Đồng Nai	2744	51M-016.79	Hồ Chí Minh
745	60K-481.81	Đồng Nai	1745	60K-594.44	Đồng Nai	2745	51M-024.28	Hồ Chí Minh
746	60K-495.89	Đồng Nai	1746	60K-595.69	Đồng Nai	2746	51M-026.79	Hồ Chí Minh
747	60K-544.54	Đồng Nai	1747	60K-596.59	Đồng Nai	2747	51M-041.66	Hồ Chí Minh
748	60K-547.54	Đồng Nai	1748	60K-597.66	Đồng Nai	2748	60C-697.79	Đồng Nai
749	60K-548.89	Đồng Nai	1749	60K-603.69	Đồng Nai	2749	60C-731.69	Đồng Nai
750	60K-549.39	Đồng Nai	1750	60K-610.01	Đồng Nai	2750	60D-019.95	Đồng Nai
751	60K-552.68	Đồng Nai	1751	60K-617.99	Đồng Nai	2751	60K-431.66	Đồng Nai
752	60K-555.16	Đồng Nai	1752	61C-592.86	Bình Dương	2752	60K-457.86	Đồng Nai
753	60K-562.39	Đồng Nai	1753	61K-318.86	Bình Dương	2753	60K-463.69	Đồng Nai
754	60K-562.68	Đồng Nai	1754	61K-328.69	Bình Dương	2754	60K-472.86	Đồng Nai
755	60K-562.88	Đồng Nai	1755	61K-361.89	Bình Dương	2755	60K-485.39	Đồng Nai
756	60K-566.69	Đồng Nai	1756	61K-372.66	Bình Dương	2756	60K-486.89	Đồng Nai
757	60K-572.75	Đồng Nai	1757	61K-374.44	Bình Dương	2757	60K-487.89	Đồng Nai
758	60K-574.79	Đồng Nai	1758	61K-380.66	Bình Dương	2758	60K-554.54	Đồng Nai
759	60K-578.89	Đồng Nai	1759	61K-388.56	Bình Dương	2759	60K-555.17	Đồng Nai
760	60K-581.58	Đồng Nai	1760	61K-443.68	Bình Dương	2760	60K-558.85	Đồng Nai
761	60K-583.79	Đồng Nai	1761	61K-446.47	Bình Dương	2761	60K-560.86	Đồng Nai
762	60K-601.68	Đồng Nai	1762	61K-446.89	Bình Dương	2762	60K-562.99	Đồng Nai

1-6
TỶ
SIÁ
ANH
JAM
-T.P.H

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
763	60K-603.04	Đồng Nai	1763	61K-449.66	Bình Dương	2763	60K-566.89	Đồng Nai
764	60K-606.89	Đồng Nai	1764	61K-466.46	Bình Dương	2764	60K-572.68	Đồng Nai
765	60K-608.08	Đồng Nai	1765	61K-467.99	Bình Dương	2765	60K-576.88	Đồng Nai
766	60K-611.39	Đồng Nai	1766	61K-469.68	Bình Dương	2766	60K-579.88	Đồng Nai
767	60K-617.68	Đồng Nai	1767	61K-475.57	Bình Dương	2767	60K-586.87	Đồng Nai
768	61C-599.95	Bình Dương	1768	61K-479.66	Bình Dương	2768	60K-586.89	Đồng Nai
769	61C-609.69	Bình Dương	1769	61K-480.48	Bình Dương	2769	60K-590.90	Đồng Nai
770	61K-345.89	Bình Dương	1770	61K-482.82	Bình Dương	2770	60K-592.59	Đồng Nai
771	61K-386.87	Bình Dương	1771	61K-490.99	Bình Dương	2771	60K-605.68	Đồng Nai
772	61K-390.89	Bình Dương	1772	61K-494.69	Bình Dương	2772	60K-607.68	Đồng Nai
773	61K-444.14	Bình Dương	1773	61K-495.95	Bình Dương	2773	60K-617.18	Đồng Nai
774	61K-445.44	Bình Dương	1774	61K-498.94	Bình Dương	2774	61K-346.66	Bình Dương
775	61K-450.68	Bình Dương	1775	61K-501.66	Bình Dương	2775	61K-382.89	Bình Dương
776	61K-455.39	Bình Dương	1776	61K-509.69	Bình Dương	2776	61K-444.22	Bình Dương
777	61K-455.79	Bình Dương	1777	61K-515.39	Bình Dương	2777	61K-447.69	Bình Dương
778	61K-466.55	Bình Dương	1778	61K-516.79	Bình Dương	2778	61K-451.52	Bình Dương
779	61K-470.99	Bình Dương	1779	61K-517.51	Bình Dương	2779	61K-452.53	Bình Dương
780	61K-471.68	Bình Dương	1780	62A-410.86	Long An	2780	61K-452.89	Bình Dương
781	61K-473.79	Bình Dương	1781	62A-456.65	Long An	2781	61K-455.56	Bình Dương
782	61K-479.97	Bình Dương	1782	62A-463.63	Long An	2782	61K-460.89	Bình Dương
783	61K-480.39	Bình Dương	1783	63A-271.11	Tiền Giang	2783	61K-464.88	Bình Dương
784	61K-483.84	Bình Dương	1784	63A-285.68	Tiền Giang	2784	61K-468.46	Bình Dương
785	61K-498.86	Bình Dương	1785	63A-307.08	Tiền Giang	2785	61K-475.39	Bình Dương
786	61K-500.79	Bình Dương	1786	63A-313.89	Tiền Giang	2786	61K-481.79	Bình Dương
787	61K-502.05	Bình Dương	1787	63A-319.79	Tiền Giang	2787	61K-483.86	Bình Dương
788	61K-505.79	Bình Dương	1788	63C-225.39	Tiền Giang	2788	61K-484.88	Bình Dương
789	61K-510.69	Bình Dương	1789	64A-198.69	Vĩnh Long	2789	61K-492.49	Bình Dương
790	61K-512.68	Bình Dương	1790	64A-200.88	Vĩnh Long	2790	61K-496.97	Bình Dương
791	61K-516.66	Bình Dương	1791	65A-409.39	Cần Thơ	2791	61K-500.01	Bình Dương
792	61K-518.86	Bình Dương	1792	65A-410.39	Cần Thơ	2792	61K-504.86	Bình Dương
793	62A-405.88	Long An	1793	65A-494.44	Cần Thơ	2793	61K-511.44	Bình Dương
794	62A-408.69	Long An	1794	65A-495.68	Cần Thơ	2794	61K-512.13	Bình Dương
795	62A-411.98	Long An	1795	65A-503.88	Cần Thơ	2795	61K-514.79	Bình Dương
796	62A-451.11	Long An	1796	65A-504.88	Cần Thơ	2796	62A-409.66	Long An
797	62A-453.66	Long An	1797	65A-505.39	Cần Thơ	2797	62A-415.69	Long An
798	62A-453.89	Long An	1798	65A-512.89	Cần Thơ	2798	62A-450.39	Long An
799	62A-458.54	Long An	1799	65A-513.33	Cần Thơ	2799	62A-461.86	Long An
800	62A-465.64	Long An	1800	66A-247.68	Đồng Tháp	2800	62A-466.46	Long An
801	63A-274.68	Tiền Giang	1801	66A-291.91	Đồng Tháp	2801	63A-287.69	Tiền Giang
802	63A-284.96	Tiền Giang	1802	66A-295.39	Đồng Tháp	2802	63A-306.88	Tiền Giang
803	63A-320.69	Tiền Giang	1803	66A-298.68	Đồng Tháp	2803	63A-308.09	Tiền Giang
804	63A-321.39	Tiền Giang	1804	66C-181.79	Đồng Tháp	2804	63A-311.66	Tiền Giang
805	63C-226.69	Tiền Giang	1805	66C-182.88	Đồng Tháp	2805	63A-318.18	Tiền Giang
806	64A-178.69	Vĩnh Long	1806	67A-285.86	An Giang	2806	63A-319.19	Tiền Giang
807	64A-200.33	Vĩnh Long	1807	67A-287.66	An Giang	2807	63A-319.72	Tiền Giang
808	64A-200.79	Vĩnh Long	1808	67A-321.69	An Giang	2808	63A-320.39	Tiền Giang
809	65A-416.66	Cần Thơ	1809	67C-185.55	An Giang	2809	63C-221.99	Tiền Giang
810	65A-499.79	Cần Thơ	1810	68A-327.98	Kiên Giang	2810	63C-226.39	Tiền Giang
811	65A-502.79	Cần Thơ	1811	68A-353.35	Kiên Giang	2811	64A-180.69	Vĩnh Long
812	65A-504.68	Cần Thơ	1812	68A-358.39	Kiên Giang	2812	64A-200.99	Vĩnh Long
813	65A-505.69	Cần Thơ	1813	68A-358.59	Kiên Giang	2813	64A-203.03	Vĩnh Long

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
814	65A-506.05	Cần Thơ	1814	68A-360.00	Kiên Giang	2814	65A-498.39	Cần Thơ
815	65A-510.79	Cần Thơ	1815	68A-360.36	Kiên Giang	2815	65A-498.86	Cần Thơ
816	65A-513.69	Cần Thơ	1816	68D-006.86	Kiên Giang	2816	65A-505.50	Cần Thơ
817	66A-252.98	Đồng Tháp	1817	69A-148.89	Cà Mau	2817	65A-509.50	Cần Thơ
818	66A-288.86	Đồng Tháp	1818	69A-155.44	Cà Mau	2818	65A-510.00	Cần Thơ
819	66A-293.89	Đồng Tháp	1819	69A-156.88	Cà Mau	2819	65A-512.22	Cần Thơ
820	66A-297.88	Đồng Tháp	1820	69A-163.89	Cà Mau	2820	65A-512.69	Cần Thơ
821	66A-299.29	Đồng Tháp	1821	70A-506.89	Tây Ninh	2821	65C-228.39	Cần Thơ
822	66A-300.99	Đồng Tháp	1822	70A-557.68	Tây Ninh	2822	66A-242.69	Đồng Tháp
823	67A-317.13	An Giang	1823	70A-564.66	Tây Ninh	2823	66A-254.66	Đồng Tháp
824	67A-317.71	An Giang	1824	70A-570.79	Tây Ninh	2824	66A-260.60	Đồng Tháp
825	67A-321.21	An Giang	1825	70A-571.69	Tây Ninh	2825	66A-297.97	Đồng Tháp
826	67A-327.77	An Giang	1826	70A-573.33	Tây Ninh	2826	66A-300.11	Đồng Tháp
827	67C-183.68	An Giang	1827	70B-032.99	Tây Ninh	2827	67A-285.68	An Giang
828	67C-183.89	An Giang	1828	72A-756.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2828	67A-317.68	An Giang
829	67C-186.79	An Giang	1829	72A-758.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2829	67A-317.86	An Giang
830	68A-308.39	Kiên Giang	1830	72A-771.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	2830	67A-321.22	An Giang
831	68A-311.79	Kiên Giang	1831	72A-805.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	2831	67A-321.32	An Giang
832	68A-353.68	Kiên Giang	1832	72A-809.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2832	67A-326.86	An Giang
833	68A-360.63	Kiên Giang	1833	72A-809.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2833	67A-327.32	An Giang
834	68A-360.66	Kiên Giang	1834	72A-821.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	2834	67C-187.89	An Giang
835	68A-362.68	Kiên Giang	1835	72A-830.31	Bà Rịa - Vũng Tàu	2835	67C-188.69	An Giang
836	69A-162.88	Cà Mau	1836	72A-831.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2836	68A-316.39	Kiên Giang
837	69A-168.39	Cà Mau	1837	72A-832.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2837	68A-319.85	Kiên Giang
838	70A-520.68	Tây Ninh	1838	72A-836.37	Bà Rịa - Vũng Tàu	2838	68A-357.66	Kiên Giang
839	70A-520.86	Tây Ninh	1839	72A-838.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2839	68A-363.86	Kiên Giang
840	70A-522.68	Tây Ninh	1840	73A-360.60	Quảng Bình	2840	68B-031.88	Kiên Giang
841	70A-573.68	Tây Ninh	1841	73A-362.39	Quảng Bình	2841	69A-148.98	Cà Mau
842	71A-185.79	Bến Tre	1842	73A-363.66	Quảng Bình	2842	69A-165.55	Cà Mau
843	71A-203.66	Bến Tre	1843	73A-364.63	Quảng Bình	2843	69A-166.44	Cà Mau
844	71A-204.02	Bến Tre	1844	73C-189.88	Quảng Bình	2844	70A-487.69	Tây Ninh
845	71A-209.69	Bến Tre	1845	74A-250.98	Quảng Trị	2845	70A-505.79	Tây Ninh
846	72A-753.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	1846	74A-270.70	Quảng Trị	2846	70A-506.66	Tây Ninh
847	72A-768.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	1847	74A-272.68	Quảng Trị	2847	70A-507.70	Tây Ninh
848	72A-771.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	1848	75A-352.96	Thừa Thiên Huế	2848	70A-562.68	Tây Ninh
849	72A-806.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	1849	75A-379.88	Thừa Thiên Huế	2849	70A-563.36	Tây Ninh
850	72A-810.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	1850	75A-382.82	Thừa Thiên Huế	2850	70A-573.75	Tây Ninh
851	72A-811.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	1851	75A-383.66	Thừa Thiên Huế	2851	70A-579.39	Tây Ninh
852	72A-813.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	1852	75A-384.83	Thừa Thiên Huế	2852	70A-579.66	Tây Ninh
853	72A-818.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	1853	76A-285.85	Quảng Ngãi	2853	70A-580.68	Tây Ninh
854	72A-829.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	1854	76A-292.69	Quảng Ngãi	2854	71A-210.86	Bến Tre
855	73A-323.69	Quảng Bình	1855	76A-313.68	Quảng Ngãi	2855	71B-019.99	Bến Tre
856	73A-358.86	Quảng Bình	1856	76A-316.89	Quảng Ngãi	2856	72A-766.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
857	73A-361.66	Quảng Bình	1857	76A-318.13	Quảng Ngãi	2857	72A-773.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
858	73A-364.86	Quảng Bình	1858	76A-321.39	Quảng Ngãi	2858	72A-809.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
859	74A-241.89	Quảng Trị	1859	77A-299.39	Bình Định	2859	72A-828.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
860	74A-271.66	Quảng Trị	1860	77A-309.69	Bình Định	2860	72A-830.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
861	74A-271.79	Quảng Trị	1861	77A-342.68	Bình Định	2861	72A-837.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
862	74A-272.86	Quảng Trị	1862	77A-344.69	Bình Định	2862	72C-233.22	Bà Rịa - Vũng Tàu
863	74C-137.69	Quảng Trị	1863	77A-351.88	Bình Định	2863	73A-336.98	Quảng Bình
864	75A-371.71	Thừa Thiên Huế	1864	77A-353.66	Bình Định	2864	73A-356.99	Quảng Bình

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
865	75A-372.69	Thừa Thiên Huế	1865	77A-353.68	Bình Định	2865	73A-366.36	Quảng Bình
866	75A-373.39	Thừa Thiên Huế	1866	78A-194.88	Phú Yên	2866	73A-367.76	Quảng Bình
867	75A-381.69	Thừa Thiên Huế	1867	78A-211.33	Phú Yên	2867	74A-245.98	Quảng Trị
868	76A-286.66	Quảng Ngãi	1868	78C-123.88	Phú Yên	2868	74A-271.88	Quảng Trị
869	76A-288.69	Quảng Ngãi	1869	79A-504.44	Khánh Hòa	2869	74A-271.99	Quảng Trị
870	76A-299.98	Quảng Ngãi	1870	79A-544.99	Khánh Hòa	2870	74A-272.39	Quảng Trị
871	76A-312.86	Quảng Ngãi	1871	79A-546.45	Khánh Hòa	2871	74A-277.22	Quảng Trị
872	76A-314.39	Quảng Ngãi	1872	79A-549.89	Khánh Hòa	2872	74C-137.86	Quảng Trị
873	76A-315.88	Quảng Ngãi	1873	79A-555.47	Khánh Hòa	2873	75A-353.53	Thừa Thiên Huế
874	76A-318.18	Quảng Ngãi	1874	79A-558.86	Khánh Hòa	2874	75A-359.39	Thừa Thiên Huế
875	76A-321.12	Quảng Ngãi	1875	79A-568.56	Khánh Hòa	2875	75A-362.79	Thừa Thiên Huế
876	77A-311.99	Bình Định	1876	81A-383.96	Gia Lai	2876	75B-028.28	Thừa Thiên Huế
877	77A-316.86	Bình Định	1877	81A-396.98	Gia Lai	2877	76A-298.88	Quảng Ngãi
878	77A-342.22	Bình Định	1878	81A-398.39	Gia Lai	2878	76A-315.16	Quảng Ngãi
879	77A-343.44	Bình Định	1879	81A-431.69	Gia Lai	2879	76A-319.88	Quảng Ngãi
880	77A-350.51	Bình Định	1880	81A-435.43	Gia Lai	2880	77A-299.69	Bình Định
881	77A-351.89	Bình Định	1881	81A-444.00	Gia Lai	2881	77A-314.66	Bình Định
882	78A-193.86	Phú Yên	1882	81A-448.48	Gia Lai	2882	77A-345.45	Bình Định
883	78A-210.10	Phú Yên	1883	81A-451.99	Gia Lai	2883	77A-353.33	Bình Định
884	78A-213.68	Phú Yên	1884	81C-279.39	Gia Lai	2884	78A-188.69	Phú Yên
885	78C-122.55	Phú Yên	1885	82A-134.68	Kon Tum	2885	78A-214.12	Phú Yên
886	79A-513.89	Khánh Hòa	1886	82A-144.22	Kon Tum	2886	78A-214.66	Phú Yên
887	79A-514.41	Khánh Hòa	1887	82C-092.99	Kon Tum	2887	79A-547.79	Khánh Hòa
888	79A-546.54	Khánh Hòa	1888	83A-173.37	Sóc Trăng	2888	79A-548.88	Khánh Hòa
889	79A-547.45	Khánh Hòa	1889	83A-176.67	Sóc Trăng	2889	81A-382.79	Gia Lai
890	79A-552.39	Khánh Hòa	1890	83A-187.79	Sóc Trăng	2890	81A-399.77	Gia Lai
891	79A-555.17	Khánh Hòa	1891	83A-191.19	Sóc Trăng	2891	81A-436.37	Gia Lai
892	79A-555.28	Khánh Hòa	1892	84A-139.89	Trà Vinh	2892	81A-439.34	Gia Lai
893	79A-555.46	Khánh Hòa	1893	84A-140.04	Trà Vinh	2893	81A-450.51	Gia Lai
894	79A-555.86	Khánh Hòa	1894	84A-144.22	Trà Vinh	2894	82A-131.69	Kon Tum
895	79A-559.66	Khánh Hòa	1895	84A-145.46	Trà Vinh	2895	82A-154.15	Kon Tum
896	79A-559.86	Khánh Hòa	1896	84A-145.86	Trà Vinh	2896	82A-157.75	Kon Tum
897	79A-560.89	Khánh Hòa	1897	84A-146.64	Trà Vinh	2897	82B-016.86	Kon Tum
898	79A-563.89	Khánh Hòa	1898	85A-141.88	Ninh Thuận	2898	83A-169.79	Sóc Trăng
899	81A-429.79	Gia Lai	1899	86A-284.99	Bình Thuận	2899	83A-175.55	Sóc Trăng
900	81A-436.34	Gia Lai	1900	86A-286.63	Bình Thuận	2900	83A-187.78	Sóc Trăng
901	81A-441.41	Gia Lai	1901	86A-295.99	Bình Thuận	2901	83A-191.86	Sóc Trăng
902	81A-444.28	Gia Lai	1902	86A-312.79	Bình Thuận	2902	84A-143.79	Trà Vinh
903	81A-448.79	Gia Lai	1903	86A-313.89	Bình Thuận	2903	84A-144.33	Trà Vinh
904	81A-449.44	Gia Lai	1904	86A-315.68	Bình Thuận	2904	84B-016.79	Trà Vinh
905	81A-449.66	Gia Lai	1905	86A-317.18	Bình Thuận	2905	85A-135.88	Ninh Thuận
906	81A-451.15	Gia Lai	1906	86A-318.81	Bình Thuận	2906	85A-141.41	Ninh Thuận
907	82A-156.65	Kon Tum	1907	88A-652.79	Vĩnh Phúc	2907	85A-141.69	Ninh Thuận
908	82A-157.15	Kon Tum	1908	88A-691.88	Vĩnh Phúc	2908	86A-286.55	Bình Thuận
909	83A-189.81	Sóc Trăng	1909	88A-744.00	Vĩnh Phúc	2909	86A-293.88	Bình Thuận
910	84A-125.55	Trà Vinh	1910	88A-745.46	Vĩnh Phúc	2910	86A-310.88	Bình Thuận
911	84A-133.77	Trà Vinh	1911	88A-749.68	Vĩnh Phúc	2911	86A-312.89	Bình Thuận
912	84A-142.41	Trà Vinh	1912	88A-750.68	Vĩnh Phúc	2912	86A-314.44	Bình Thuận
913	84A-144.14	Trà Vinh	1913	88A-755.00	Vĩnh Phúc	2913	86A-317.99	Bình Thuận
914	84B-016.99	Trà Vinh	1914	88A-774.47	Vĩnh Phúc	2914	86B-022.99	Bình Thuận
915	85A-141.39	Ninh Thuận	1915	88A-775.88	Vĩnh Phúc	2915	88A-659.79	Vĩnh Phúc

51 4
ÔNG
IẤU
ỚP D
IẾT I
XUÂN

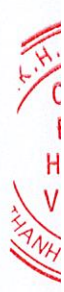
Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
916	86A-277.89	Bình Thuận	1916	88A-777.13	Vĩnh Phúc	2916	88A-665.58	Vĩnh Phúc
917	86A-284.69	Bình Thuận	1917	88A-777.37	Vĩnh Phúc	2917	88A-665.69	Vĩnh Phúc
918	86A-319.90	Bình Thuận	1918	88A-777.44	Vĩnh Phúc	2918	88A-700.89	Vĩnh Phúc
919	86C-208.79	Bình Thuận	1919	88A-782.99	Vĩnh Phúc	2919	88A-742.89	Vĩnh Phúc
920	88A-649.88	Vĩnh Phúc	1920	88A-783.89	Vĩnh Phúc	2920	88A-769.89	Vĩnh Phúc
921	88A-672.96	Vĩnh Phúc	1921	88A-784.85	Vĩnh Phúc	2921	88A-773.99	Vĩnh Phúc
922	88A-674.39	Vĩnh Phúc	1922	88A-785.79	Vĩnh Phúc	2922	88A-780.80	Vĩnh Phúc
923	88A-680.36	Vĩnh Phúc	1923	88A-786.39	Vĩnh Phúc	2923	88A-781.18	Vĩnh Phúc
924	88A-685.98	Vĩnh Phúc	1924	88C-305.68	Vĩnh Phúc	2924	88A-781.66	Vĩnh Phúc
925	88A-689.56	Vĩnh Phúc	1925	89A-459.96	Hung Yên	2925	88A-783.33	Vĩnh Phúc
926	88A-696.39	Vĩnh Phúc	1926	89A-497.77	Hung Yên	2926	88A-787.68	Vĩnh Phúc
927	88A-750.39	Vĩnh Phúc	1927	89A-505.50	Hung Yên	2927	88C-299.39	Vĩnh Phúc
928	88A-764.88	Vĩnh Phúc	1928	89A-505.86	Hung Yên	2928	89A-454.89	Hung Yên
929	88A-774.66	Vĩnh Phúc	1929	89A-512.34	Hung Yên	2929	89A-457.77	Hung Yên
930	88A-774.86	Vĩnh Phúc	1930	89A-512.89	Hung Yên	2930	89A-461.68	Hung Yên
931	88A-777.23	Vĩnh Phúc	1931	89A-513.89	Hung Yên	2931	89A-504.39	Hung Yên
932	88A-780.66	Vĩnh Phúc	1932	89A-514.68	Hung Yên	2932	89A-506.50	Hung Yên
933	88A-782.83	Vĩnh Phúc	1933	89A-518.86	Hung Yên	2933	89A-511.68	Hung Yên
934	88C-299.98	Vĩnh Phúc	1934	89A-523.89	Hung Yên	2934	89A-517.51	Hung Yên
935	89A-447.88	Hung Yên	1935	89A-527.68	Hung Yên	2935	89A-522.33	Hung Yên
936	89A-456.65	Hung Yên	1936	89A-531.66	Hung Yên	2936	89A-523.79	Hung Yên
937	89A-458.38	Hung Yên	1937	89B-022.55	Hung Yên	2937	89A-528.69	Hung Yên
938	89A-461.16	Hung Yên	1938	89C-333.78	Hung Yên	2938	90A-244.99	Hà Nam
939	89A-464.88	Hung Yên	1939	90A-275.57	Hà Nam	2939	90A-255.69	Hà Nam
940	89A-497.98	Hung Yên	1940	90A-280.79	Hà Nam	2940	90A-275.39	Hà Nam
941	89A-500.69	Hung Yên	1941	92A-380.66	Quảng Nam	2941	90A-275.72	Hà Nam
942	89A-501.79	Hung Yên	1942	92A-383.69	Quảng Nam	2942	90A-275.75	Hà Nam
943	89A-501.89	Hung Yên	1943	92A-390.39	Quảng Nam	2943	90A-276.67	Hà Nam
944	89A-507.39	Hung Yên	1944	92A-426.39	Quảng Nam	2944	90A-276.88	Hà Nam
945	89A-511.22	Hung Yên	1945	92C-252.89	Quảng Nam	2945	90A-278.72	Hà Nam
946	89A-514.14	Hung Yên	1946	93A-488.79	Bình Phước	2946	90A-285.28	Hà Nam
947	89A-523.25	Hung Yên	1947	93A-490.68	Bình Phước	2947	92A-376.89	Quảng Nam
948	89A-524.24	Hung Yên	1948	93A-499.22	Bình Phước	2948	92A-420.66	Quảng Nam
949	89A-529.25	Hung Yên	1949	94A-097.77	Bạc Liêu	2949	92A-422.24	Quảng Nam
950	89C-335.99	Hung Yên	1950	94A-098.79	Bạc Liêu	2950	92A-424.42	Quảng Nam
951	89C-337.68	Hung Yên	1951	94C-081.39	Bạc Liêu	2951	92A-426.68	Quảng Nam
952	90A-273.89	Hà Nam	1952	95A-119.69	Hậu Giang	2952	93A-458.79	Bình Phước
953	90A-276.68	Hà Nam	1953	95B-013.66	Hậu Giang	2953	93A-488.22	Bình Phước
954	90A-280.88	Hà Nam	1954	97A-092.69	Bắc Kạn	2954	93A-495.68	Bình Phước
955	92A-385.98	Quảng Nam	1955	97A-093.88	Bắc Kạn	2955	93A-500.86	Bình Phước
956	92A-392.22	Quảng Nam	1956	98A-705.66	Bắc Giang	2956	93B-018.86	Bình Phước
957	92A-417.66	Quảng Nam	1957	98A-726.99	Bắc Giang	2957	94B-013.79	Bạc Liêu
958	92A-417.69	Quảng Nam	1958	98A-731.39	Bắc Giang	2958	95A-134.68	Hậu Giang
959	92A-418.81	Quảng Nam	1959	98A-732.79	Bắc Giang	2959	98A-710.68	Bắc Giang
960	92A-421.88	Quảng Nam	1960	98A-736.66	Bắc Giang	2960	98A-714.99	Bắc Giang
961	92A-431.39	Quảng Nam	1961	98A-804.44	Bắc Giang	2961	98A-727.86	Bắc Giang
962	92D-006.99	Quảng Nam	1962	98A-807.69	Bắc Giang	2962	98A-730.30	Bắc Giang
963	93A-441.11	Bình Phước	1963	98A-821.99	Bắc Giang	2963	98A-736.69	Bắc Giang
964	93A-442.39	Bình Phước	1964	98A-830.86	Bắc Giang	2964	98A-815.66	Bắc Giang
965	93A-448.84	Bình Phước	1965	98A-833.39	Bắc Giang	2965	98A-819.18	Bắc Giang
966	93A-460.00	Bình Phước	1966	98A-834.38	Bắc Giang	2966	98A-819.97	Bắc Giang

T
Y
I
A
N
H
A
M
-
T
P

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
967	93A-491.91	Bình Phước	1967	98A-835.89	Bắc Giang	2967	98A-822.55	Bắc Giang
968	93A-492.92	Bình Phước	1968	98A-837.99	Bắc Giang	2968	98A-830.39	Bắc Giang
969	93A-504.66	Bình Phước	1969	98A-840.40	Bắc Giang	2969	98A-831.38	Bắc Giang
970	97A-077.79	Bắc Kạn	1970	98A-842.43	Bắc Giang	2970	98A-833.11	Bắc Giang
971	97A-080.38	Bắc Kạn	1971	98A-843.69	Bắc Giang	2971	98A-835.68	Bắc Giang
972	98A-697.99	Bắc Giang	1972	98A-849.86	Bắc Giang	2972	98A-836.79	Bắc Giang
973	98A-706.88	Bắc Giang	1973	98A-850.88	Bắc Giang	2973	98A-840.86	Bắc Giang
974	98A-731.13	Bắc Giang	1974	98A-853.88	Bắc Giang	2974	98A-845.66	Bắc Giang
975	98A-803.66	Bắc Giang	1975	98A-856.39	Bắc Giang	2975	98A-845.84	Bắc Giang
976	98A-804.66	Bắc Giang	1976	98A-857.68	Bắc Giang	2976	98A-849.96	Bắc Giang
977	98A-804.79	Bắc Giang	1977	98C-362.66	Bắc Giang	2977	98A-850.39	Bắc Giang
978	98A-805.88	Bắc Giang	1978	99A-690.79	Bắc Ninh	2978	98A-852.22	Bắc Giang
979	98A-815.86	Bắc Giang	1979	99A-722.66	Bắc Ninh	2979	98A-852.89	Bắc Giang
980	98A-825.39	Bắc Giang	1980	99A-748.98	Bắc Ninh	2980	98A-853.79	Bắc Giang
981	98A-831.68	Bắc Giang	1981	99A-750.39	Bắc Ninh	2981	98A-855.39	Bắc Giang
982	98A-834.86	Bắc Giang	1982	99A-752.96	Bắc Ninh	2982	98C-358.85	Bắc Giang
983	98A-834.88	Bắc Giang	1983	99A-762.98	Bắc Ninh	2983	98D-015.68	Bắc Giang
984	98A-837.83	Bắc Giang	1984	99A-801.89	Bắc Ninh	2984	99A-726.56	Bắc Ninh
985	98A-842.89	Bắc Giang	1985	99A-802.89	Bắc Ninh	2985	99A-749.39	Bắc Ninh
986	98A-842.99	Bắc Giang	1986	99A-803.86	Bắc Ninh	2986	99A-758.69	Bắc Ninh
987	98A-844.89	Bắc Giang	1987	99A-803.99	Bắc Ninh	2987	99A-758.79	Bắc Ninh
988	98A-845.69	Bắc Giang	1988	99A-807.80	Bắc Ninh	2988	99A-760.96	Bắc Ninh
989	98A-856.58	Bắc Giang	1989	99A-810.11	Bắc Ninh	2989	99A-807.08	Bắc Ninh
990	98C-356.88	Bắc Giang	1990	99A-811.12	Bắc Ninh	2990	99A-813.18	Bắc Ninh
991	98C-363.88	Bắc Giang	1991	99A-811.69	Bắc Ninh	2991	99A-813.99	Bắc Ninh
992	98C-368.69	Bắc Giang	1992	99A-812.22	Bắc Ninh	2992	99A-820.89	Bắc Ninh
993	98D-017.99	Bắc Giang	1993	99A-814.99	Bắc Ninh	2993	99A-824.66	Bắc Ninh
994	99A-720.79	Bắc Ninh	1994	99A-817.17	Bắc Ninh	2994	99A-825.28	Bắc Ninh
995	99A-740.00	Bắc Ninh	1995	99A-820.39	Bắc Ninh	2995	99A-831.13	Bắc Ninh
996	99A-748.66	Bắc Ninh	1996	99A-824.42	Bắc Ninh	2996	99A-833.55	Bắc Ninh
997	99A-827.99	Bắc Ninh	1997	99A-829.92	Bắc Ninh	2997	99A-834.35	Bắc Ninh
998	99A-842.39	Bắc Ninh	1998	99A-834.79	Bắc Ninh	2998	99A-840.66	Bắc Ninh
999	99A-842.84	Bắc Ninh	1999	99A-843.66	Bắc Ninh	2999	99A-844.79	Bắc Ninh
1000	99C-326.62	Bắc Ninh	2000	99A-848.69	Bắc Ninh	3000	99C-321.79	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3001	29K-299.66	Hà Nội	4001	18C-169.69	Nam Định			
3002	30L-596.69	Hà Nội	4002	30L-739.39	Hà Nội			
3003	30L-696.97	Hà Nội	4003	30L-898.95	Hà Nội			
3004	30L-755.55	Hà Nội	4004	30L-997.79	Hà Nội			
3005	30L-899.86	Hà Nội	4005	30M-022.22	Hà Nội			
3006	36K-188.99	Thanh Hóa	4006	34A-886.86	Hải Dương			
3007	36K-198.89	Thanh Hóa	4007	37K-455.55	Nghệ An			
3008	36K-222.26	Thanh Hóa	4008	49A-744.44	Lâm Đồng			
3009	37K-393.93	Nghệ An	4009	51B-711.11	Hồ Chí Minh			
3010	47A-797.96	Đắk Lắk	4010	51L-697.79	Hồ Chí Minh			
3011	51L-797.99	Hồ Chí Minh	4011	51L-699.60	Hồ Chí Minh			
3012	51L-822.22	Hồ Chí Minh	4012	51L-733.33	Hồ Chí Minh			
3013	63C-222.28	Tiền Giang	4013	51M-022.22	Hồ Chí Minh			
3014	65A-499.66	Cần Thơ	4014	51M-033.33	Hồ Chí Minh			
3015	98A-811.11	Bắc Giang	4015	60K-566.99	Đồng Nai			
3016	98A-833.33	Bắc Giang	4016	98C-369.69	Bắc Giang			
3017	30K-664.86	Hà Nội	4017	30K-650.79	Hà Nội			
3018	30K-694.66	Hà Nội	4018	30K-671.79	Hà Nội			
3019	30K-705.68	Hà Nội	4019	30K-694.79	Hà Nội			
3020	30K-714.69	Hà Nội	4020	30K-715.86	Hà Nội			
3021	30K-729.69	Hà Nội	4021	30K-717.66	Hà Nội			
3022	30K-752.69	Hà Nội	4022	30K-726.68	Hà Nội			
3023	30K-757.86	Hà Nội	4023	30K-741.66	Hà Nội			
3024	30K-767.39	Hà Nội	4024	30K-741.99	Hà Nội			
3025	30K-780.99	Hà Nội	4025	30K-755.39	Hà Nội			
3026	30K-792.39	Hà Nội	4026	30K-773.86	Hà Nội			
3027	30K-801.39	Hà Nội	4027	30K-783.89	Hà Nội			
3028	30K-807.86	Hà Nội	4028	30K-809.66	Hà Nội			
3029	30K-826.69	Hà Nội	4029	30K-834.34	Hà Nội			
3030	30K-908.08	Hà Nội	4030	30K-834.88	Hà Nội			
3031	30K-923.66	Hà Nội	4031	30K-841.11	Hà Nội			
3032	30K-942.68	Hà Nội	4032	30K-874.66	Hà Nội			
3033	30K-952.79	Hà Nội	4033	30K-907.86	Hà Nội			
3034	30K-957.86	Hà Nội	4034	30K-913.69	Hà Nội			
3035	30K-994.79	Hà Nội	4035	30K-915.89	Hà Nội			
3036	30K-994.89	Hà Nội	4036	30K-951.39	Hà Nội			
3037	30L-002.86	Hà Nội	4037	30K-964.89	Hà Nội			
3038	30L-005.50	Hà Nội	4038	30K-984.86	Hà Nội			
3039	30L-013.79	Hà Nội	4039	30K-994.44	Hà Nội			
3040	30L-018.79	Hà Nội	4040	30K-997.86	Hà Nội			
3041	30L-031.99	Hà Nội	4041	30L-015.51	Hà Nội			
3042	30L-042.99	Hà Nội	4042	30L-047.69	Hà Nội			
3043	30L-054.66	Hà Nội	4043	30L-058.79	Hà Nội			
3044	30L-060.69	Hà Nội	4044	30L-060.39	Hà Nội			
3045	30L-092.86	Hà Nội	4045	30L-069.39	Hà Nội			
3046	30L-102.86	Hà Nội	4046	30L-099.56	Hà Nội			
3047	30L-117.96	Hà Nội	4047	30L-106.99	Hà Nội			
3048	30L-134.99	Hà Nội	4048	30L-150.79	Hà Nội			
3049	30L-148.48	Hà Nội	4049	30L-163.69	Hà Nội			
3050	30L-547.56	Hà Nội	4050	30L-164.68	Hà Nội			
3051	30L-548.68	Hà Nội	4051	30L-547.68	Hà Nội			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3052	30L-549.19	Hà Nội	4052	30L-547.98	Hà Nội			
3053	30L-550.09	Hà Nội	4053	30L-548.49	Hà Nội			
3054	30L-551.08	Hà Nội	4054	30L-550.93	Hà Nội			
3055	30L-554.44	Hà Nội	4055	30L-551.77	Hà Nội			
3056	30L-555.08	Hà Nội	4056	30L-553.28	Hà Nội			
3057	30L-555.16	Hà Nội	4057	30L-553.96	Hà Nội			
3058	30L-558.56	Hà Nội	4058	30L-554.68	Hà Nội			
3059	30L-559.25	Hà Nội	4059	30L-557.39	Hà Nội			
3060	30L-560.55	Hà Nội	4060	30L-562.39	Hà Nội			
3061	30L-561.19	Hà Nội	4061	30L-565.09	Hà Nội			
3062	30L-562.06	Hà Nội	4062	30L-565.59	Hà Nội			
3063	30L-562.09	Hà Nội	4063	30L-566.22	Hà Nội			
3064	30L-562.56	Hà Nội	4064	30L-567.16	Hà Nội			
3065	30L-565.28	Hà Nội	4065	30L-574.88	Hà Nội			
3066	30L-566.00	Hà Nội	4066	30L-577.86	Hà Nội			
3067	30L-572.44	Hà Nội	4067	30L-585.96	Hà Nội			
3068	30L-573.69	Hà Nội	4068	30L-588.00	Hà Nội			
3069	30L-573.88	Hà Nội	4069	30L-590.06	Hà Nội			
3070	30L-574.75	Hà Nội	4070	30L-590.38	Hà Nội			
3071	30L-578.92	Hà Nội	4071	30L-590.68	Hà Nội			
3072	30L-580.83	Hà Nội	4072	30L-593.68	Hà Nội			
3073	30L-582.89	Hà Nội	4073	30L-595.29	Hà Nội			
3074	30L-592.59	Hà Nội	4074	30L-598.28	Hà Nội			
3075	30L-593.59	Hà Nội	4075	30L-602.02	Hà Nội			
3076	30L-596.08	Hà Nội	4076	30L-602.96	Hà Nội			
3077	30L-596.77	Hà Nội	4077	30L-604.68	Hà Nội			
3078	30L-600.33	Hà Nội	4078	30L-607.28	Hà Nội			
3079	30L-600.39	Hà Nội	4079	30L-611.95	Hà Nội			
3080	30L-604.88	Hà Nội	4080	30L-615.36	Hà Nội			
3081	30L-605.16	Hà Nội	4081	30L-615.68	Hà Nội			
3082	30L-605.99	Hà Nội	4082	30L-615.79	Hà Nội			
3083	30L-607.29	Hà Nội	4083	30L-617.58	Hà Nội			
3084	30L-607.79	Hà Nội	4084	30L-619.22	Hà Nội			
3085	30L-617.19	Hà Nội	4085	30L-622.56	Hà Nội			
3086	30L-619.18	Hà Nội	4086	30L-626.06	Hà Nội			
3087	30L-619.59	Hà Nội	4087	30L-627.86	Hà Nội			
3088	30L-620.62	Hà Nội	4088	30L-629.62	Hà Nội			
3089	30L-621.15	Hà Nội	4089	30L-629.88	Hà Nội			
3090	30L-621.22	Hà Nội	4090	30L-633.44	Hà Nội			
3091	30L-623.96	Hà Nội	4091	30L-633.58	Hà Nội			
3092	30L-625.85	Hà Nội	4092	30L-634.44	Hà Nội			
3093	30L-627.39	Hà Nội	4093	30L-638.28	Hà Nội			
3094	30L-629.38	Hà Nội	4094	30L-640.36	Hà Nội			
3095	30L-629.58	Hà Nội	4095	30L-641.25	Hà Nội			
3096	30L-634.58	Hà Nội	4096	30L-643.22	Hà Nội			
3097	30L-635.63	Hà Nội	4097	30L-646.29	Hà Nội			
3098	30L-635.85	Hà Nội	4098	30L-648.16	Hà Nội			
3099	30L-637.19	Hà Nội	4099	30L-650.05	Hà Nội			
3100	30L-637.99	Hà Nội	4100	30L-650.39	Hà Nội			
3101	30L-641.99	Hà Nội	4101	30L-652.95	Hà Nội			
3102	30L-643.59	Hà Nội	4102	30L-653.69	Hà Nội			

314
ÔNG
ẤU
ỚP D
ỆT M
KUAN

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
3103	30L-644.95	Hà Nội	4103	30L-653.85	Hà Nội			
3104	30L-645.64	Hà Nội	4104	30L-653.99	Hà Nội			
3105	30L-646.39	Hà Nội	4105	30L-654.36	Hà Nội			
3106	30L-646.64	Hà Nội	4106	30L-656.08	Hà Nội			
3107	30L-648.68	Hà Nội	4107	30L-660.58	Hà Nội			
3108	30L-653.89	Hà Nội	4108	30L-666.04	Hà Nội			
3109	30L-654.69	Hà Nội	4109	30L-667.69	Hà Nội			
3110	30L-657.86	Hà Nội	4110	30L-667.95	Hà Nội			
3111	30L-660.22	Hà Nội	4111	30L-670.39	Hà Nội			
3112	30L-664.44	Hà Nội	4112	30L-671.44	Hà Nội			
3113	30L-668.26	Hà Nội	4113	30L-672.99	Hà Nội			
3114	30L-669.08	Hà Nội	4114	30L-675.96	Hà Nội			
3115	30L-670.06	Hà Nội	4115	30L-678.42	Hà Nội			
3116	30L-670.95	Hà Nội	4116	30L-683.84	Hà Nội			
3117	30L-670.99	Hà Nội	4117	30L-684.25	Hà Nội			
3118	30L-673.36	Hà Nội	4118	30L-687.78	Hà Nội			
3119	30L-673.67	Hà Nội	4119	30L-690.68	Hà Nội			
3120	30L-675.16	Hà Nội	4120	30L-696.62	Hà Nội			
3121	30L-675.95	Hà Nội	4121	30L-702.03	Hà Nội			
3122	30L-676.36	Hà Nội	4122	30L-703.03	Hà Nội			
3123	30L-678.61	Hà Nội	4123	30L-703.68	Hà Nội			
3124	30L-692.26	Hà Nội	4124	30L-709.79	Hà Nội			
3125	30L-692.35	Hà Nội	4125	30L-712.12	Hà Nội			
3126	30L-692.39	Hà Nội	4126	30L-718.35	Hà Nội			
3127	30L-694.65	Hà Nội	4127	30L-720.20	Hà Nội			
3128	30L-697.06	Hà Nội	4128	30L-721.35	Hà Nội			
3129	30L-697.69	Hà Nội	4129	30L-722.06	Hà Nội			
3130	30L-700.98	Hà Nội	4130	30L-722.27	Hà Nội			
3131	30L-702.69	Hà Nội	4131	30L-726.38	Hà Nội			
3132	30L-704.39	Hà Nội	4132	30L-727.16	Hà Nội			
3133	30L-706.22	Hà Nội	4133	30L-727.69	Hà Nội			
3134	30L-710.83	Hà Nội	4134	30L-728.16	Hà Nội			
3135	30L-711.33	Hà Nội	4135	30L-729.26	Hà Nội			
3136	30L-711.89	Hà Nội	4136	30L-729.83	Hà Nội			
3137	30L-712.22	Hà Nội	4137	30L-730.59	Hà Nội			
3138	30L-712.66	Hà Nội	4138	30L-732.99	Hà Nội			
3139	30L-713.38	Hà Nội	4139	30L-735.06	Hà Nội			
3140	30L-715.16	Hà Nội	4140	30L-736.89	Hà Nội			
3141	30L-716.56	Hà Nội	4141	30L-741.69	Hà Nội			
3142	30L-719.18	Hà Nội	4142	30L-742.99	Hà Nội			
3143	30L-720.69	Hà Nội	4143	30L-743.59	Hà Nội			
3144	30L-725.69	Hà Nội	4144	30L-745.74	Hà Nội			
3145	30L-726.33	Hà Nội	4145	30L-750.09	Hà Nội			
3146	30L-727.15	Hà Nội	4146	30L-750.58	Hà Nội			
3147	30L-729.56	Hà Nội	4147	30L-755.09	Hà Nội			
3148	30L-733.34	Hà Nội	4148	30L-756.68	Hà Nội			
3149	30L-733.36	Hà Nội	4149	30L-760.06	Hà Nội			
3150	30L-733.39	Hà Nội	4150	30L-762.88	Hà Nội			
3151	30L-733.66	Hà Nội	4151	30L-763.69	Hà Nội			
3152	30L-736.68	Hà Nội	4152	30L-769.36	Hà Nội			
3153	30L-737.39	Hà Nội	4153	30L-770.85	Hà Nội			

TY
 GIÁ
 NH
 AM
 -T.P.

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3154	30L-738.39	Hà Nội	4154	30L-773.83	Hà Nội			
3155	30L-739.15	Hà Nội	4155	30L-775.79	Hà Nội			
3156	30L-739.86	Hà Nội	4156	30L-780.26	Hà Nội			
3157	30L-740.41	Hà Nội	4157	30L-781.66	Hà Nội			
3158	30L-744.45	Hà Nội	4158	30L-784.33	Hà Nội			
3159	30L-745.46	Hà Nội	4159	30L-785.86	Hà Nội			
3160	30L-746.47	Hà Nội	4160	30L-794.58	Hà Nội			
3161	30L-747.59	Hà Nội	4161	30L-800.66	Hà Nội			
3162	30L-748.59	Hà Nội	4162	30L-801.36	Hà Nội			
3163	30L-750.85	Hà Nội	4163	30L-805.05	Hà Nội			
3164	30L-751.57	Hà Nội	4164	30L-808.58	Hà Nội			
3165	30L-752.89	Hà Nội	4165	30L-809.80	Hà Nội			
3166	30L-758.99	Hà Nội	4166	30L-813.66	Hà Nội			
3167	30L-759.18	Hà Nội	4167	30L-816.69	Hà Nội			
3168	30L-759.57	Hà Nội	4168	30L-818.59	Hà Nội			
3169	30L-759.59	Hà Nội	4169	30L-820.25	Hà Nội			
3170	30L-760.86	Hà Nội	4170	30L-823.18	Hà Nội			
3171	30L-760.89	Hà Nội	4171	30L-823.98	Hà Nội			
3172	30L-761.89	Hà Nội	4172	30L-825.52	Hà Nội			
3173	30L-763.39	Hà Nội	4173	30L-830.22	Hà Nội			
3174	30L-763.67	Hà Nội	4174	30L-830.96	Hà Nội			
3175	30L-765.44	Hà Nội	4175	30L-834.34	Hà Nội			
3176	30L-766.26	Hà Nội	4176	30L-834.95	Hà Nội			
3177	30L-770.69	Hà Nội	4177	30L-839.62	Hà Nội			
3178	30L-771.25	Hà Nội	4178	30L-840.41	Hà Nội			
3179	30L-771.35	Hà Nội	4179	30L-840.65	Hà Nội			
3180	30L-771.39	Hà Nội	4180	30L-845.83	Hà Nội			
3181	30L-771.71	Hà Nội	4181	30L-846.65	Hà Nội			
3182	30L-778.15	Hà Nội	4182	30L-848.39	Hà Nội			
3183	30L-778.59	Hà Nội	4183	30L-849.18	Hà Nội			
3184	30L-780.39	Hà Nội	4184	30L-849.94	Hà Nội			
3185	30L-780.69	Hà Nội	4185	30L-851.35	Hà Nội			
3186	30L-784.66	Hà Nội	4186	30L-854.69	Hà Nội			
3187	30L-785.08	Hà Nội	4187	30L-859.15	Hà Nội			
3188	30L-793.88	Hà Nội	4188	30L-866.74	Hà Nội			
3189	30L-794.26	Hà Nội	4189	30L-867.35	Hà Nội			
3190	30L-794.69	Hà Nội	4190	30L-867.95	Hà Nội			
3191	30L-794.94	Hà Nội	4191	30L-870.98	Hà Nội			
3192	30L-795.89	Hà Nội	4192	30L-871.72	Hà Nội			
3193	30L-799.55	Hà Nội	4193	30L-872.72	Hà Nội			
3194	30L-799.76	Hà Nội	4194	30L-873.86	Hà Nội			
3195	30L-800.77	Hà Nội	4195	30L-874.87	Hà Nội			
3196	30L-801.19	Hà Nội	4196	30L-875.19	Hà Nội			
3197	30L-802.22	Hà Nội	4197	30L-877.86	Hà Nội			
3198	30L-802.77	Hà Nội	4198	30L-877.95	Hà Nội			
3199	30L-802.95	Hà Nội	4199	30L-879.38	Hà Nội			
3200	30L-803.35	Hà Nội	4200	30L-880.85	Hà Nội			
3201	30L-804.69	Hà Nội	4201	30L-885.44	Hà Nội			
3202	30L-805.08	Hà Nội	4202	30L-886.20	Hà Nội			
3203	30L-813.35	Hà Nội	4203	30L-888.41	Hà Nội			
3204	30L-819.90	Hà Nội	4204	30L-889.29	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3205	30L-824.39	Hà Nội	4205	30L-891.85	Hà Nội			
3206	30L-826.69	Hà Nội	4206	30L-892.09	Hà Nội			
3207	30L-827.88	Hà Nội	4207	30L-902.83	Hà Nội			
3208	30L-828.85	Hà Nội	4208	30L-905.69	Hà Nội			
3209	30L-830.03	Hà Nội	4209	30L-909.25	Hà Nội			
3210	30L-831.13	Hà Nội	4210	30L-913.16	Hà Nội			
3211	30L-831.96	Hà Nội	4211	30L-915.19	Hà Nội			
3212	30L-841.16	Hà Nội	4212	30L-917.19	Hà Nội			
3213	30L-844.83	Hà Nội	4213	30L-920.21	Hà Nội			
3214	30L-845.15	Hà Nội	4214	30L-920.92	Hà Nội			
3215	30L-845.66	Hà Nội	4215	30L-921.39	Hà Nội			
3216	30L-847.36	Hà Nội	4216	30L-923.39	Hà Nội			
3217	30L-847.88	Hà Nội	4217	30L-923.69	Hà Nội			
3218	30L-849.19	Hà Nội	4218	30L-927.08	Hà Nội			
3219	30L-850.50	Hà Nội	4219	30L-933.09	Hà Nội			
3220	30L-851.26	Hà Nội	4220	30L-934.85	Hà Nội			
3221	30L-854.06	Hà Nội	4221	30L-936.59	Hà Nội			
3222	30L-855.22	Hà Nội	4222	30L-938.95	Hà Nội			
3223	30L-857.55	Hà Nội	4223	30L-940.08	Hà Nội			
3224	30L-860.56	Hà Nội	4224	30L-940.66	Hà Nội			
3225	30L-860.60	Hà Nội	4225	30L-941.88	Hà Nội			
3226	30L-862.95	Hà Nội	4226	30L-949.39	Hà Nội			
3227	30L-863.95	Hà Nội	4227	30L-950.68	Hà Nội			
3228	30L-864.18	Hà Nội	4228	30L-951.68	Hà Nội			
3229	30L-866.08	Hà Nội	4229	30L-952.23	Hà Nội			
3230	30L-867.15	Hà Nội	4230	30L-952.56	Hà Nội			
3231	30L-870.95	Hà Nội	4231	30L-953.59	Hà Nội			
3232	30L-873.66	Hà Nội	4232	30L-953.68	Hà Nội			
3233	30L-874.39	Hà Nội	4233	30L-953.85	Hà Nội			
3234	30L-875.86	Hà Nội	4234	30L-958.00	Hà Nội			
3235	30L-876.16	Hà Nội	4235	30L-958.95	Hà Nội			
3236	30L-879.78	Hà Nội	4236	30L-964.00	Hà Nội			
3237	30L-884.09	Hà Nội	4237	30L-966.35	Hà Nội			
3238	30L-884.68	Hà Nội	4238	30L-966.59	Hà Nội			
3239	30L-884.89	Hà Nội	4239	30L-967.38	Hà Nội			
3240	30L-887.25	Hà Nội	4240	30L-970.70	Hà Nội			
3241	30L-888.04	Hà Nội	4241	30L-973.56	Hà Nội			
3242	30L-892.69	Hà Nội	4242	30L-974.18	Hà Nội			
3243	30L-894.85	Hà Nội	4243	30L-974.85	Hà Nội			
3244	30L-897.19	Hà Nội	4244	30L-975.96	Hà Nội			
3245	30L-898.23	Hà Nội	4245	30L-976.15	Hà Nội			
3246	30L-900.58	Hà Nội	4246	30L-976.28	Hà Nội			
3247	30L-903.86	Hà Nội	4247	30L-976.89	Hà Nội			
3248	30L-904.88	Hà Nội	4248	30L-980.88	Hà Nội			
3249	30L-909.16	Hà Nội	4249	30L-981.06	Hà Nội			
3250	30L-910.16	Hà Nội	4250	30L-981.26	Hà Nội			
3251	30L-913.09	Hà Nội	4251	30L-990.39	Hà Nội			
3252	30L-914.44	Hà Nội	4252	30L-992.69	Hà Nội			
3253	30L-914.79	Hà Nội	4253	30L-997.20	Hà Nội			
3254	30L-915.98	Hà Nội	4254	30L-998.56	Hà Nội			
3255	30L-916.55	Hà Nội	4255	30L-999.02	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3256	30L-916.69	Hà Nội	4256	30M-000.18	Hà Nội			
3257	30L-919.71	Hà Nội	4257	30M-001.79	Hà Nội			
3258	30L-921.83	Hà Nội	4258	30M-002.77	Hà Nội			
3259	30L-921.89	Hà Nội	4259	30M-004.04	Hà Nội			
3260	30L-923.65	Hà Nội	4260	30M-004.18	Hà Nội			
3261	30L-924.99	Hà Nội	4261	30M-004.77	Hà Nội			
3262	30L-930.79	Hà Nội	4262	30M-007.98	Hà Nội			
3263	30L-937.73	Hà Nội	4263	30M-008.79	Hà Nội			
3264	30L-938.66	Hà Nội	4264	30M-011.25	Hà Nội			
3265	30L-939.00	Hà Nội	4265	30M-015.39	Hà Nội			
3266	30L-941.98	Hà Nội	4266	30M-017.35	Hà Nội			
3267	30L-944.08	Hà Nội	4267	30M-017.58	Hà Nội			
3268	30L-945.28	Hà Nội	4268	30M-017.68	Hà Nội			
3269	30L-948.59	Hà Nội	4269	30M-022.23	Hà Nội			
3270	30L-948.84	Hà Nội	4270	30M-023.36	Hà Nội			
3271	30L-951.52	Hà Nội	4271	30M-025.09	Hà Nội			
3272	30L-954.83	Hà Nội	4272	30M-026.96	Hà Nội			
3273	30L-955.11	Hà Nội	4273	30M-029.28	Hà Nội			
3274	30L-960.79	Hà Nội	4274	51K-983.79	Hồ Chí Minh			
3275	30L-964.66	Hà Nội	4275	51K-984.39	Hồ Chí Minh			
3276	30L-965.09	Hà Nội	4276	51L-045.79	Hồ Chí Minh			
3277	30L-966.25	Hà Nội	4277	51L-065.79	Hồ Chí Minh			
3278	30L-969.58	Hà Nội	4278	51L-092.88	Hồ Chí Minh			
3279	30L-970.83	Hà Nội	4279	51L-133.89	Hồ Chí Minh			
3280	30L-974.55	Hà Nội	4280	51L-144.99	Hồ Chí Minh			
3281	30L-974.95	Hà Nội	4281	51L-146.39	Hồ Chí Minh			
3282	30L-980.39	Hà Nội	4282	51L-147.89	Hồ Chí Minh			
3283	30L-982.00	Hà Nội	4283	51L-153.69	Hồ Chí Minh			
3284	30L-984.48	Hà Nội	4284	51L-166.65	Hồ Chí Minh			
3285	30L-985.38	Hà Nội	4285	51L-175.69	Hồ Chí Minh			
3286	30L-988.87	Hà Nội	4286	51L-206.89	Hồ Chí Minh			
3287	30L-997.07	Hà Nội	4287	51L-210.68	Hồ Chí Minh			
3288	30L-998.35	Hà Nội	4288	51L-225.98	Hồ Chí Minh			
3289	30L-998.62	Hà Nội	4289	51L-226.39	Hồ Chí Minh			
3290	30M-001.65	Hà Nội	4290	51L-239.95	Hồ Chí Minh			
3291	30M-007.83	Hà Nội	4291	51L-239.96	Hồ Chí Minh			
3292	30M-009.86	Hà Nội	4292	51L-240.39	Hồ Chí Minh			
3293	30M-017.86	Hà Nội	4293	51L-261.66	Hồ Chí Minh			
3294	30M-020.83	Hà Nội	4294	51L-280.68	Hồ Chí Minh			
3295	30M-026.15	Hà Nội	4295	51L-295.98	Hồ Chí Minh			
3296	30M-028.59	Hà Nội	4296	51L-300.69	Hồ Chí Minh			
3297	51L-016.79	Hồ Chí Minh	4297	51L-306.89	Hồ Chí Minh			
3298	51L-052.68	Hồ Chí Minh	4298	51L-317.86	Hồ Chí Minh			
3299	51L-107.99	Hồ Chí Minh	4299	51L-323.66	Hồ Chí Minh			
3300	51L-137.39	Hồ Chí Minh	4300	51L-360.88	Hồ Chí Minh			
3301	51L-154.89	Hồ Chí Minh	4301	51L-371.71	Hồ Chí Minh			
3302	51L-155.11	Hồ Chí Minh	4302	51L-387.66	Hồ Chí Minh			
3303	51L-170.00	Hồ Chí Minh	4303	51L-618.25	Hồ Chí Minh			
3304	51L-182.89	Hồ Chí Minh	4304	51L-619.38	Hồ Chí Minh			
3305	51L-195.79	Hồ Chí Minh	4305	51L-621.29	Hồ Chí Minh			
3306	51L-197.86	Hồ Chí Minh	4306	51L-625.68	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3307	51L-216.39	Hồ Chí Minh	4307	51L-627.26	Hồ Chí Minh			
3308	51L-219.62	Hồ Chí Minh	4308	51L-627.79	Hồ Chí Minh			
3309	51L-241.14	Hồ Chí Minh	4309	51L-630.36	Hồ Chí Minh			
3310	51L-248.79	Hồ Chí Minh	4310	51L-630.83	Hồ Chí Minh			
3311	51L-252.89	Hồ Chí Minh	4311	51L-631.18	Hồ Chí Minh			
3312	51L-257.86	Hồ Chí Minh	4312	51L-631.38	Hồ Chí Minh			
3313	51L-263.66	Hồ Chí Minh	4313	51L-635.79	Hồ Chí Minh			
3314	51L-271.88	Hồ Chí Minh	4314	51L-637.37	Hồ Chí Minh			
3315	51L-300.89	Hồ Chí Minh	4315	51L-637.73	Hồ Chí Minh			
3316	51L-302.66	Hồ Chí Minh	4316	51L-641.69	Hồ Chí Minh			
3317	51L-311.79	Hồ Chí Minh	4317	51L-641.95	Hồ Chí Minh			
3318	51L-313.89	Hồ Chí Minh	4318	51L-643.08	Hồ Chí Minh			
3319	51L-326.96	Hồ Chí Minh	4319	51L-645.59	Hồ Chí Minh			
3320	51L-347.86	Hồ Chí Minh	4320	51L-646.00	Hồ Chí Minh			
3321	51L-351.68	Hồ Chí Minh	4321	51L-647.85	Hồ Chí Minh			
3322	51L-352.22	Hồ Chí Minh	4322	51L-650.86	Hồ Chí Minh			
3323	51L-361.69	Hồ Chí Minh	4323	51L-651.08	Hồ Chí Minh			
3324	51L-621.26	Hồ Chí Minh	4324	51L-651.56	Hồ Chí Minh			
3325	51L-624.89	Hồ Chí Minh	4325	51L-653.98	Hồ Chí Minh			
3326	51L-626.65	Hồ Chí Minh	4326	51L-659.88	Hồ Chí Minh			
3327	51L-629.68	Hồ Chí Minh	4327	51L-662.25	Hồ Chí Minh			
3328	51L-629.92	Hồ Chí Minh	4328	51L-666.12	Hồ Chí Minh			
3329	51L-630.79	Hồ Chí Minh	4329	51L-666.52	Hồ Chí Minh			
3330	51L-631.79	Hồ Chí Minh	4330	51L-667.36	Hồ Chí Minh			
3331	51L-632.19	Hồ Chí Minh	4331	51L-668.26	Hồ Chí Minh			
3332	51L-633.95	Hồ Chí Minh	4332	51L-671.18	Hồ Chí Minh			
3333	51L-634.95	Hồ Chí Minh	4333	51L-680.08	Hồ Chí Minh			
3334	51L-638.09	Hồ Chí Minh	4334	51L-680.18	Hồ Chí Minh			
3335	51L-647.65	Hồ Chí Minh	4335	51L-680.69	Hồ Chí Minh			
3336	51L-651.06	Hồ Chí Minh	4336	51L-681.09	Hồ Chí Minh			
3337	51L-654.69	Hồ Chí Minh	4337	51L-688.26	Hồ Chí Minh			
3338	51L-657.99	Hồ Chí Minh	4338	51L-692.63	Hồ Chí Minh			
3339	51L-660.09	Hồ Chí Minh	4339	51L-695.66	Hồ Chí Minh			
3340	51L-660.39	Hồ Chí Minh	4340	51L-698.96	Hồ Chí Minh			
3341	51L-661.23	Hồ Chí Minh	4341	51L-699.15	Hồ Chí Minh			
3342	51L-670.95	Hồ Chí Minh	4342	51L-699.85	Hồ Chí Minh			
3343	51L-671.28	Hồ Chí Minh	4343	51L-701.23	Hồ Chí Minh			
3344	51L-671.88	Hồ Chí Minh	4344	51L-707.29	Hồ Chí Minh			
3345	51L-673.68	Hồ Chí Minh	4345	51L-708.29	Hồ Chí Minh			
3346	51L-688.01	Hồ Chí Minh	4346	51L-709.70	Hồ Chí Minh			
3347	51L-689.96	Hồ Chí Minh	4347	51L-710.26	Hồ Chí Minh			
3348	51L-690.96	Hồ Chí Minh	4348	51L-710.68	Hồ Chí Minh			
3349	51L-698.66	Hồ Chí Minh	4349	51L-710.89	Hồ Chí Minh			
3350	51L-701.99	Hồ Chí Minh	4350	51L-711.35	Hồ Chí Minh			
3351	51L-703.83	Hồ Chí Minh	4351	51L-713.17	Hồ Chí Minh			
3352	51L-704.35	Hồ Chí Minh	4352	51L-716.89	Hồ Chí Minh			
3353	51L-710.33	Hồ Chí Minh	4353	51L-717.29	Hồ Chí Minh			
3354	51L-712.38	Hồ Chí Minh	4354	51L-720.69	Hồ Chí Minh			
3355	51L-716.28	Hồ Chí Minh	4355	51L-720.79	Hồ Chí Minh			
3356	51L-716.68	Hồ Chí Minh	4356	51L-721.89	Hồ Chí Minh			
3357	51L-722.89	Hồ Chí Minh	4357	51L-724.08	Hồ Chí Minh			

Y
IÁ
NH
AM
T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3358	51L-725.65	Hồ Chí Minh	4358	51L-724.29	Hồ Chí Minh			
3359	51L-726.72	Hồ Chí Minh	4359	51L-724.56	Hồ Chí Minh			
3360	51L-729.86	Hồ Chí Minh	4360	51L-726.79	Hồ Chí Minh			
3361	51L-730.96	Hồ Chí Minh	4361	51L-726.89	Hồ Chí Minh			
3362	51L-732.95	Hồ Chí Minh	4362	51L-727.19	Hồ Chí Minh			
3363	51L-733.00	Hồ Chí Minh	4363	51L-731.35	Hồ Chí Minh			
3364	51L-738.56	Hồ Chí Minh	4364	51L-733.08	Hồ Chí Minh			
3365	51L-739.16	Hồ Chí Minh	4365	51L-733.29	Hồ Chí Minh			
3366	51L-744.77	Hồ Chí Minh	4366	51L-733.77	Hồ Chí Minh			
3367	51L-746.89	Hồ Chí Minh	4367	51L-733.89	Hồ Chí Minh			
3368	51L-749.11	Hồ Chí Minh	4368	51L-737.96	Hồ Chí Minh			
3369	51L-751.08	Hồ Chí Minh	4369	51L-738.65	Hồ Chí Minh			
3370	51L-753.65	Hồ Chí Minh	4370	51L-738.79	Hồ Chí Minh			
3371	51L-755.28	Hồ Chí Minh	4371	51L-739.89	Hồ Chí Minh			
3372	51L-756.36	Hồ Chí Minh	4372	51L-743.25	Hồ Chí Minh			
3373	51L-758.18	Hồ Chí Minh	4373	51L-745.88	Hồ Chí Minh			
3374	51L-760.08	Hồ Chí Minh	4374	51L-747.59	Hồ Chí Minh			
3375	51L-761.79	Hồ Chí Minh	4375	51L-749.66	Hồ Chí Minh			
3376	51L-763.69	Hồ Chí Minh	4376	51L-751.52	Hồ Chí Minh			
3377	51L-768.84	Hồ Chí Minh	4377	51L-754.09	Hồ Chí Minh			
3378	51L-769.16	Hồ Chí Minh	4378	51L-754.77	Hồ Chí Minh			
3379	51L-769.38	Hồ Chí Minh	4379	51L-762.62	Hồ Chí Minh			
3380	51L-769.56	Hồ Chí Minh	4380	51L-765.15	Hồ Chí Minh			
3381	51L-770.25	Hồ Chí Minh	4381	51L-765.29	Hồ Chí Minh			
3382	51L-772.79	Hồ Chí Minh	4382	51L-769.06	Hồ Chí Minh			
3383	51L-777.45	Hồ Chí Minh	4383	51L-771.09	Hồ Chí Minh			
3384	51L-786.19	Hồ Chí Minh	4384	51L-774.74	Hồ Chí Minh			
3385	51L-786.89	Hồ Chí Minh	4385	51L-774.79	Hồ Chí Minh			
3386	51L-789.90	Hồ Chí Minh	4386	51L-775.57	Hồ Chí Minh			
3387	51L-791.91	Hồ Chí Minh	4387	51L-776.59	Hồ Chí Minh			
3388	51L-794.29	Hồ Chí Minh	4388	51L-781.69	Hồ Chí Minh			
3389	51L-794.44	Hồ Chí Minh	4389	51L-782.69	Hồ Chí Minh			
3390	51L-796.87	Hồ Chí Minh	4390	51L-785.08	Hồ Chí Minh			
3391	51L-799.15	Hồ Chí Minh	4391	51L-785.69	Hồ Chí Minh			
3392	51L-800.98	Hồ Chí Minh	4392	51L-785.79	Hồ Chí Minh			
3393	51L-801.01	Hồ Chí Minh	4393	51L-788.62	Hồ Chí Minh			
3394	51L-803.88	Hồ Chí Minh	4394	51L-790.35	Hồ Chí Minh			
3395	51L-805.26	Hồ Chí Minh	4395	51L-790.91	Hồ Chí Minh			
3396	51L-805.69	Hồ Chí Minh	4396	51L-791.38	Hồ Chí Minh			
3397	51L-806.85	Hồ Chí Minh	4397	51L-791.89	Hồ Chí Minh			
3398	51L-812.22	Hồ Chí Minh	4398	51L-792.59	Hồ Chí Minh			
3399	51L-814.88	Hồ Chí Minh	4399	51L-794.66	Hồ Chí Minh			
3400	51L-817.69	Hồ Chí Minh	4400	51L-794.69	Hồ Chí Minh			
3401	51L-817.89	Hồ Chí Minh	4401	51L-796.86	Hồ Chí Minh			
3402	51L-819.77	Hồ Chí Minh	4402	51L-799.91	Hồ Chí Minh			
3403	51L-821.88	Hồ Chí Minh	4403	51L-800.11	Hồ Chí Minh			
3404	51L-825.39	Hồ Chí Minh	4404	51L-802.38	Hồ Chí Minh			
3405	51L-825.85	Hồ Chí Minh	4405	51L-813.88	Hồ Chí Minh			
3406	51L-826.09	Hồ Chí Minh	4406	51L-820.56	Hồ Chí Minh			
3407	51L-826.78	Hồ Chí Minh	4407	51L-824.29	Hồ Chí Minh			
3408	51L-828.39	Hồ Chí Minh	4408	51L-824.86	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3409	51L-829.96	Hồ Chí Minh	4409	51L-825.16	Hồ Chí Minh			
3410	51L-833.29	Hồ Chí Minh	4410	51L-829.09	Hồ Chí Minh			
3411	51L-835.69	Hồ Chí Minh	4411	51L-830.69	Hồ Chí Minh			
3412	51L-836.29	Hồ Chí Minh	4412	51L-831.58	Hồ Chí Minh			
3413	51L-841.36	Hồ Chí Minh	4413	51L-834.39	Hồ Chí Minh			
3414	51L-842.89	Hồ Chí Minh	4414	51L-836.15	Hồ Chí Minh			
3415	51L-843.48	Hồ Chí Minh	4415	51L-840.41	Hồ Chí Minh			
3416	51L-843.86	Hồ Chí Minh	4416	51L-842.06	Hồ Chí Minh			
3417	51L-846.88	Hồ Chí Minh	4417	51L-843.15	Hồ Chí Minh			
3418	51L-849.96	Hồ Chí Minh	4418	51L-843.35	Hồ Chí Minh			
3419	51L-853.16	Hồ Chí Minh	4419	51L-846.47	Hồ Chí Minh			
3420	51L-858.86	Hồ Chí Minh	4420	51L-854.39	Hồ Chí Minh			
3421	51L-864.96	Hồ Chí Minh	4421	51L-854.65	Hồ Chí Minh			
3422	51L-866.31	Hồ Chí Minh	4422	51L-854.88	Hồ Chí Minh			
3423	51L-870.68	Hồ Chí Minh	4423	51L-854.89	Hồ Chí Minh			
3424	51L-873.69	Hồ Chí Minh	4424	51L-856.85	Hồ Chí Minh			
3425	51L-874.36	Hồ Chí Minh	4425	51L-861.25	Hồ Chí Minh			
3426	51L-877.15	Hồ Chí Minh	4426	51L-864.25	Hồ Chí Minh			
3427	51L-880.16	Hồ Chí Minh	4427	51L-866.67	Hồ Chí Minh			
3428	51L-883.09	Hồ Chí Minh	4428	51L-869.38	Hồ Chí Minh			
3429	51L-884.38	Hồ Chí Minh	4429	51L-872.19	Hồ Chí Minh			
3430	51L-884.65	Hồ Chí Minh	4430	51L-873.74	Hồ Chí Minh			
3431	51L-888.67	Hồ Chí Minh	4431	51L-873.89	Hồ Chí Minh			
3432	51L-889.59	Hồ Chí Minh	4432	51L-874.87	Hồ Chí Minh			
3433	51L-894.99	Hồ Chí Minh	4433	51L-875.57	Hồ Chí Minh			
3434	51L-895.29	Hồ Chí Minh	4434	51L-890.83	Hồ Chí Minh			
3435	51L-895.86	Hồ Chí Minh	4435	51L-893.65	Hồ Chí Minh			
3436	11A-111.59	Cao Bằng	4436	51L-895.96	Hồ Chí Minh			
3437	11B-011.39	Cao Bằng	4437	11A-114.86	Cao Bằng			
3438	12A-227.88	Lạng Sơn	4438	11A-116.89	Cao Bằng			
3439	12A-231.86	Lạng Sơn	4439	11A-129.92	Cao Bằng			
3440	12A-234.86	Lạng Sơn	4440	11A-131.89	Cao Bằng			
3441	12A-235.39	Lạng Sơn	4441	11A-132.86	Cao Bằng			
3442	12A-241.41	Lạng Sơn	4442	12A-227.72	Lạng Sơn			
3443	12A-254.44	Lạng Sơn	4443	12A-235.53	Lạng Sơn			
3444	12A-255.52	Lạng Sơn	4444	12A-256.65	Lạng Sơn			
3445	14A-841.88	Quảng Ninh	4445	12B-013.13	Lạng Sơn			
3446	14A-930.69	Quảng Ninh	4446	12D-006.86	Lạng Sơn			
3447	14A-931.31	Quảng Ninh	4447	14A-859.96	Quảng Ninh			
3448	14A-934.88	Quảng Ninh	4448	14A-872.66	Quảng Ninh			
3449	14A-936.93	Quảng Ninh	4449	14A-873.73	Quảng Ninh			
3450	14A-944.69	Quảng Ninh	4450	14A-937.68	Quảng Ninh			
3451	14A-953.54	Quảng Ninh	4451	14A-942.69	Quảng Ninh			
3452	14A-960.60	Quảng Ninh	4452	14A-945.49	Quảng Ninh			
3453	14A-965.79	Quảng Ninh	4453	14A-948.86	Quảng Ninh			
3454	14A-966.38	Quảng Ninh	4454	14A-956.57	Quảng Ninh			
3455	14A-975.89	Quảng Ninh	4455	14A-957.86	Quảng Ninh			
3456	14A-977.11	Quảng Ninh	4456	14A-958.69	Quảng Ninh			
3457	14A-978.87	Quảng Ninh	4457	14A-969.28	Quảng Ninh			
3458	14A-980.81	Quảng Ninh	4458	14A-980.88	Quảng Ninh			
3459	14A-980.99	Quảng Ninh	4459	15K-200.99	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3460	14A-984.39	Quảng Ninh	4460	15K-211.39	Hải Phòng			
3461	14A-985.79	Quảng Ninh	4461	15K-340.00	Hải Phòng			
3462	14A-988.11	Quảng Ninh	4462	15K-344.33	Hải Phòng			
3463	15K-197.66	Hải Phòng	4463	15K-347.86	Hải Phòng			
3464	15K-245.96	Hải Phòng	4464	15K-348.84	Hải Phòng			
3465	15K-342.43	Hải Phòng	4465	15K-355.00	Hải Phòng			
3466	15K-342.69	Hải Phòng	4466	15K-357.39	Hải Phòng			
3467	15K-348.34	Hải Phòng	4467	15K-370.66	Hải Phòng			
3468	15K-348.86	Hải Phòng	4468	15K-370.89	Hải Phòng			
3469	15K-351.39	Hải Phòng	4469	15K-373.66	Hải Phòng			
3470	15K-362.63	Hải Phòng	4470	15K-376.68	Hải Phòng			
3471	15K-365.65	Hải Phòng	4471	15K-376.88	Hải Phòng			
3472	15K-375.76	Hải Phòng	4472	15K-388.96	Hải Phòng			
3473	15K-387.68	Hải Phòng	4473	15K-392.92	Hải Phòng			
3474	15K-392.93	Hải Phòng	4474	15K-394.44	Hải Phòng			
3475	15K-412.22	Hải Phòng	4475	15K-394.68	Hải Phòng			
3476	15K-415.68	Hải Phòng	4476	15K-406.39	Hải Phòng			
3477	15K-419.66	Hải Phòng	4477	15K-409.86	Hải Phòng			
3478	15K-421.99	Hải Phòng	4478	15K-410.14	Hải Phòng			
3479	17A-422.96	Thái Bình	4479	15K-420.79	Hải Phòng			
3480	17A-427.72	Thái Bình	4480	15K-421.12	Hải Phòng			
3481	17A-434.88	Thái Bình	4481	15K-423.33	Hải Phòng			
3482	17A-469.86	Thái Bình	4482	15K-424.42	Hải Phòng			
3483	17A-470.66	Thái Bình	4483	17A-417.77	Thái Bình			
3484	17A-473.88	Thái Bình	4484	17A-425.69	Thái Bình			
3485	17A-477.86	Thái Bình	4485	17A-477.39	Thái Bình			
3486	17A-488.79	Thái Bình	4486	17A-478.88	Thái Bình			
3487	17A-490.66	Thái Bình	4487	17C-209.79	Thái Bình			
3488	18A-471.11	Nam Định	4488	18A-409.69	Nam Định			
3489	18A-472.72	Nam Định	4489	18A-414.39	Nam Định			
3490	18A-473.37	Nam Định	4490	18A-472.74	Nam Định			
3491	18A-476.86	Nam Định	4491	18A-477.47	Nam Định			
3492	18A-477.88	Nam Định	4492	18A-482.68	Nam Định			
3493	18A-478.68	Nam Định	4493	18A-484.68	Nam Định			
3494	18A-481.66	Nam Định	4494	18D-013.69	Nam Định			
3495	18A-481.99	Nam Định	4495	19A-578.68	Phú Thọ			
3496	18A-488.33	Nam Định	4496	19A-582.99	Phú Thọ			
3497	19A-595.88	Phú Thọ	4497	19A-593.88	Phú Thọ			
3498	19A-604.66	Phú Thọ	4498	19A-608.79	Phú Thọ			
3499	19A-614.68	Phú Thọ	4499	19A-614.14	Phú Thọ			
3500	19A-620.69	Phú Thọ	4500	19A-620.66	Phú Thọ			
3501	19A-671.72	Phú Thọ	4501	19A-620.98	Phú Thọ			
3502	19A-690.66	Phú Thọ	4502	19A-681.86	Phú Thọ			
3503	19A-695.79	Phú Thọ	4503	19A-691.11	Phú Thọ			
3504	19A-700.39	Phú Thọ	4504	19A-694.44	Phú Thọ			
3505	19A-709.90	Phú Thọ	4505	19A-697.88	Phú Thọ			
3506	19C-255.22	Phú Thọ	4506	19A-700.33	Phú Thọ			
3507	19C-255.79	Phú Thọ	4507	19A-702.20	Phú Thọ			
3508	19C-258.66	Phú Thọ	4508	19A-710.86	Phú Thọ			
3509	20A-732.69	Thái Nguyên	4509	19A-711.88	Phú Thọ			
3510	20A-737.68	Thái Nguyên	4510	19B-025.66	Phú Thọ			

14
ĐNG
ẤU
IP D
T
QUAN

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3511	20A-758.99	Thái Nguyên	4511	20A-703.79	Thái Nguyên			
3512	20A-815.39	Thái Nguyên	4512	20A-708.69	Thái Nguyên			
3513	20A-819.98	Thái Nguyên	4513	20A-714.69	Thái Nguyên			
3514	20A-823.68	Thái Nguyên	4514	20A-723.89	Thái Nguyên			
3515	20A-824.28	Thái Nguyên	4515	20A-732.23	Thái Nguyên			
3516	20A-827.28	Thái Nguyên	4516	20A-732.96	Thái Nguyên			
3517	20A-835.39	Thái Nguyên	4517	20A-743.69	Thái Nguyên			
3518	20A-840.00	Thái Nguyên	4518	20A-759.68	Thái Nguyên			
3519	20A-845.99	Thái Nguyên	4519	20A-761.66	Thái Nguyên			
3520	20A-850.68	Thái Nguyên	4520	20A-811.77	Thái Nguyên			
3521	20A-856.57	Thái Nguyên	4521	20A-812.13	Thái Nguyên			
3522	20A-859.58	Thái Nguyên	4522	20A-832.39	Thái Nguyên			
3523	20A-859.95	Thái Nguyên	4523	20A-837.73	Thái Nguyên			
3524	20C-298.79	Thái Nguyên	4524	20A-839.86	Thái Nguyên			
3525	20C-303.79	Thái Nguyên	4525	20A-842.86	Thái Nguyên			
3526	21A-188.11	Yên Bái	4526	20A-844.48	Thái Nguyên			
3527	21A-189.88	Yên Bái	4527	20A-856.89	Thái Nguyên			
3528	21A-192.29	Yên Bái	4528	21A-180.68	Yên Bái			
3529	21A-218.81	Yên Bái	4529	21A-189.66	Yên Bái			
3530	21A-219.78	Yên Bái	4530	21A-191.88	Yên Bái			
3531	21B-011.77	Yên Bái	4531	21A-213.39	Yên Bái			
3532	22A-217.86	Tuyên Quang	4532	21A-215.88	Yên Bái			
3533	22A-219.68	Tuyên Quang	4533	21A-217.99	Yên Bái			
3534	22A-220.79	Tuyên Quang	4534	21A-218.69	Yên Bái			
3535	22A-231.68	Tuyên Quang	4535	21A-221.79	Yên Bái			
3536	22A-260.99	Tuyên Quang	4536	22A-215.86	Tuyên Quang			
3537	22A-262.86	Tuyên Quang	4537	22A-218.69	Tuyên Quang			
3538	22B-013.39	Tuyên Quang	4538	22A-258.58	Tuyên Quang			
3539	23A-156.88	Hà Giang	4539	22A-258.86	Tuyên Quang			
3540	23A-158.58	Hà Giang	4540	22A-266.62	Tuyên Quang			
3541	23A-163.61	Hà Giang	4541	22A-266.69	Tuyên Quang			
3542	24A-273.37	Lào Cai	4542	23A-156.65	Hà Giang			
3543	24C-163.63	Lào Cai	4543	23A-158.39	Hà Giang			
3544	24C-163.79	Lào Cai	4544	23A-158.79	Hà Giang			
3545	25A-083.89	Lai Châu	4545	23A-159.88	Hà Giang			
3546	25B-007.77	Lai Châu	4546	23A-160.99	Hà Giang			
3547	26A-192.79	Sơn La	4547	23A-162.66	Hà Giang			
3548	26A-192.86	Sơn La	4548	23A-162.68	Hà Giang			
3549	26A-193.89	Sơn La	4549	24A-271.68	Lào Cai			
3550	26A-194.66	Sơn La	4550	24A-274.44	Lào Cai			
3551	26A-228.66	Sơn La	4551	24A-305.03	Lào Cai			
3552	26A-230.32	Sơn La	4552	24A-308.08	Lào Cai			
3553	26A-232.32	Sơn La	4553	24A-312.31	Lào Cai			
3554	27A-105.89	Điện Biên	4554	26A-201.96	Sơn La			
3555	27A-126.69	Điện Biên	4555	26A-205.39	Sơn La			
3556	28A-221.86	Hòa Bình	4556	26A-232.99	Sơn La			
3557	28A-227.86	Hòa Bình	4557	27A-107.99	Điện Biên			
3558	28B-016.66	Hòa Bình	4558	27A-110.66	Điện Biên			
3559	29B-651.89	Hà Nội	4559	28A-220.68	Hòa Bình			
3560	29D-615.66	Hà Nội	4560	28A-231.99	Hòa Bình			
3561	29D-621.86	Hà Nội	4561	28A-247.47	Hòa Bình			

TY
IA
NH
AM
-T.P

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3562	29K-221.00	Hà Nội	4562	28A-249.88	Hòa Bình			
3563	29K-224.18	Hà Nội	4563	28A-255.79	Hòa Bình			
3564	29K-228.22	Hà Nội	4564	29D-612.99	Hà Nội			
3565	29K-229.79	Hà Nội	4565	29D-617.79	Hà Nội			
3566	29K-233.39	Hà Nội	4566	29K-221.68	Hà Nội			
3567	29K-237.98	Hà Nội	4567	29K-222.23	Hà Nội			
3568	29K-240.22	Hà Nội	4568	29K-222.34	Hà Nội			
3569	29K-240.42	Hà Nội	4569	29K-225.99	Hà Nội			
3570	29K-247.89	Hà Nội	4570	29K-226.27	Hà Nội			
3571	29K-258.25	Hà Nội	4571	29K-229.69	Hà Nội			
3572	29K-271.55	Hà Nội	4572	29K-236.88	Hà Nội			
3573	29K-277.08	Hà Nội	4573	29K-240.88	Hà Nội			
3574	29K-277.95	Hà Nội	4574	29K-245.99	Hà Nội			
3575	29K-297.96	Hà Nội	4575	29K-246.55	Hà Nội			
3576	29K-311.00	Hà Nội	4576	29K-248.83	Hà Nội			
3577	29K-315.13	Hà Nội	4577	29K-249.55	Hà Nội			
3578	34A-759.68	Hải Dương	4578	29K-251.86	Hà Nội			
3579	34A-765.88	Hải Dương	4579	29K-252.55	Hà Nội			
3580	34A-772.86	Hải Dương	4580	29K-255.26	Hà Nội			
3581	34A-797.86	Hải Dương	4581	29K-259.16	Hà Nội			
3582	34A-803.30	Hải Dương	4582	29K-262.06	Hà Nội			
3583	34A-856.57	Hải Dương	4583	29K-277.56	Hà Nội			
3584	34A-858.59	Hải Dương	4584	29K-283.68	Hà Nội			
3585	34A-871.88	Hải Dương	4585	29K-285.99	Hà Nội			
3586	34A-875.79	Hải Dương	4586	29K-289.33	Hà Nội			
3587	34A-887.78	Hải Dương	4587	29K-299.69	Hà Nội			
3588	34A-888.48	Hải Dương	4588	29K-303.33	Hà Nội			
3589	34A-891.11	Hải Dương	4589	29K-312.21	Hà Nội			
3590	34A-891.68	Hải Dương	4590	29K-315.89	Hà Nội			
3591	34A-896.97	Hải Dương	4591	29K-316.88	Hà Nội			
3592	34A-901.99	Hải Dương	4592	29K-319.87	Hà Nội			
3593	34A-910.10	Hải Dương	4593	34A-756.69	Hải Dương			
3594	34A-911.00	Hải Dương	4594	34A-764.69	Hải Dương			
3595	34A-911.39	Hải Dương	4595	34A-765.66	Hải Dương			
3596	34A-913.19	Hải Dương	4596	34A-800.86	Hải Dương			
3597	34A-917.88	Hải Dương	4597	34A-861.69	Hải Dương			
3598	34A-918.39	Hải Dương	4598	34A-864.44	Hải Dương			
3599	34C-419.74	Hải Dương	4599	34A-880.08	Hải Dương			
3600	34C-426.99	Hải Dương	4600	34A-883.79	Hải Dương			
3601	35A-378.66	Ninh Bình	4601	34A-888.77	Hải Dương			
3602	35A-403.66	Ninh Bình	4602	34A-895.96	Hải Dương			
3603	35A-446.47	Ninh Bình	4603	34A-897.66	Hải Dương			
3604	35A-451.52	Ninh Bình	4604	34A-902.03	Hải Dương			
3605	35A-452.89	Ninh Bình	4605	34A-904.66	Hải Dương			
3606	35A-455.11	Ninh Bình	4606	34A-905.68	Hải Dương			
3607	35A-460.64	Ninh Bình	4607	34A-913.89	Hải Dương			
3608	35A-460.88	Ninh Bình	4608	34A-914.14	Hải Dương			
3609	36C-521.39	Thanh Hóa	4609	35A-380.86	Ninh Bình			
3610	36C-521.86	Thanh Hóa	4610	35A-390.09	Ninh Bình			
3611	36C-525.79	Thanh Hóa	4611	35A-400.86	Ninh Bình			
3612	36K-030.88	Thanh Hóa	4612	35A-403.69	Ninh Bình			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3613	36K-148.84	Thanh Hóa	4613	35A-404.66	Ninh Bình			
3614	36K-150.99	Thanh Hóa	4614	35A-405.88	Ninh Bình			
3615	36K-164.86	Thanh Hóa	4615	35A-444.37	Ninh Bình			
3616	36K-185.58	Thanh Hóa	4616	35A-448.79	Ninh Bình			
3617	36K-188.69	Thanh Hóa	4617	35A-449.68	Ninh Bình			
3618	36K-196.88	Thanh Hóa	4618	35A-452.99	Ninh Bình			
3619	36K-200.33	Thanh Hóa	4619	35A-459.54	Ninh Bình			
3620	36K-203.66	Thanh Hóa	4620	35A-461.16	Ninh Bình			
3621	36K-203.88	Thanh Hóa	4621	36C-512.88	Thanh Hóa			
3622	36K-205.86	Thanh Hóa	4622	36C-517.77	Thanh Hóa			
3623	36K-210.68	Thanh Hóa	4623	36C-527.99	Thanh Hóa			
3624	36K-210.86	Thanh Hóa	4624	36C-529.88	Thanh Hóa			
3625	36K-216.17	Thanh Hóa	4625	36K-030.99	Thanh Hóa			
3626	37C-555.22	Nghệ An	4626	36K-140.66	Thanh Hóa			
3627	37C-555.45	Nghệ An	4627	36K-141.86	Thanh Hóa			
3628	37C-566.60	Nghệ An	4628	36K-144.99	Thanh Hóa			
3629	37K-277.39	Nghệ An	4629	36K-146.41	Thanh Hóa			
3630	37K-310.99	Nghệ An	4630	36K-149.94	Thanh Hóa			
3631	37K-389.86	Nghệ An	4631	36K-162.68	Thanh Hóa			
3632	37K-410.99	Nghệ An	4632	36K-163.99	Thanh Hóa			
3633	37K-411.12	Nghệ An	4633	36K-170.86	Thanh Hóa			
3634	37K-411.33	Nghệ An	4634	36K-193.86	Thanh Hóa			
3635	37K-413.86	Nghệ An	4635	36K-200.99	Thanh Hóa			
3636	37K-415.66	Nghệ An	4636	36K-201.10	Thanh Hóa			
3637	37K-417.69	Nghệ An	4637	36K-202.02	Thanh Hóa			
3638	37K-417.77	Nghệ An	4638	36K-202.66	Thanh Hóa			
3639	37K-422.68	Nghệ An	4639	36K-202.69	Thanh Hóa			
3640	37K-424.24	Nghệ An	4640	36K-203.03	Thanh Hóa			
3641	37K-433.69	Nghệ An	4641	36K-205.39	Thanh Hóa			
3642	37K-435.99	Nghệ An	4642	36K-207.68	Thanh Hóa			
3643	37K-439.68	Nghệ An	4643	36K-215.66	Thanh Hóa			
3644	37K-443.79	Nghệ An	4644	36K-217.17	Thanh Hóa			
3645	37K-444.28	Nghệ An	4645	36K-219.95	Thanh Hóa			
3646	37K-446.99	Nghệ An	4646	36K-220.22	Thanh Hóa			
3647	37K-449.94	Nghệ An	4647	36K-222.00	Thanh Hóa			
3648	37K-450.05	Nghệ An	4648	36K-224.42	Thanh Hóa			
3649	37K-450.45	Nghệ An	4649	37C-555.57	Nghệ An			
3650	37K-450.68	Nghệ An	4650	37C-561.88	Nghệ An			
3651	37K-454.45	Nghệ An	4651	37C-565.56	Nghệ An			
3652	37K-458.68	Nghệ An	4652	37K-263.99	Nghệ An			
3653	37K-468.66	Nghệ An	4653	37K-270.99	Nghệ An			
3654	37K-471.86	Nghệ An	4654	37K-275.57	Nghệ An			
3655	37K-472.47	Nghệ An	4655	37K-276.69	Nghệ An			
3656	37K-479.39	Nghệ An	4656	37K-288.33	Nghệ An			
3657	37K-481.66	Nghệ An	4657	37K-302.20	Nghệ An			
3658	38A-564.39	Hà Tĩnh	4658	37K-388.55	Nghệ An			
3659	38A-564.68	Hà Tĩnh	4659	37K-393.69	Nghệ An			
3660	38A-576.67	Hà Tĩnh	4660	37K-394.86	Nghệ An			
3661	38A-584.79	Hà Tĩnh	4661	37K-400.22	Nghệ An			
3662	38A-584.84	Hà Tĩnh	4662	37K-400.44	Nghệ An			
3663	38A-643.99	Hà Tĩnh	4663	37K-404.44	Nghệ An			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3664	38A-646.79	Hà Tĩnh	4664	37K-408.99	Nghệ An			
3665	38A-647.39	Hà Tĩnh	4665	37K-416.68	Nghệ An			
3666	38A-652.66	Hà Tĩnh	4666	37K-418.68	Nghệ An			
3667	38A-666.27	Hà Tĩnh	4667	37K-422.44	Nghệ An			
3668	38A-667.69	Hà Tĩnh	4668	37K-427.99	Nghệ An			
3669	38A-667.86	Hà Tĩnh	4669	37K-436.43	Nghệ An			
3670	38A-671.86	Hà Tĩnh	4670	37K-437.86	Nghệ An			
3671	38A-672.67	Hà Tĩnh	4671	37K-446.69	Nghệ An			
3672	38A-675.79	Hà Tĩnh	4672	37K-449.79	Nghệ An			
3673	38A-677.67	Hà Tĩnh	4673	37K-454.99	Nghệ An			
3674	38C-231.66	Hà Tĩnh	4674	37K-463.63	Nghệ An			
3675	43A-801.86	Đà Nẵng	4675	37K-463.88	Nghệ An			
3676	43A-821.89	Đà Nẵng	4676	37K-464.86	Nghệ An			
3677	43A-822.38	Đà Nẵng	4677	37K-473.47	Nghệ An			
3678	43A-845.45	Đà Nẵng	4678	37K-476.79	Nghệ An			
3679	43A-847.88	Đà Nẵng	4679	38A-637.66	Hà Tĩnh			
3680	43A-903.30	Đà Nẵng	4680	38A-647.64	Hà Tĩnh			
3681	43A-910.99	Đà Nẵng	4681	38A-657.65	Hà Tĩnh			
3682	43A-912.99	Đà Nẵng	4682	38A-657.86	Hà Tĩnh			
3683	43A-919.76	Đà Nẵng	4683	38A-668.39	Hà Tĩnh			
3684	43A-919.98	Đà Nẵng	4684	38B-019.91	Hà Tĩnh			
3685	43A-923.66	Đà Nẵng	4685	38C-232.79	Hà Tĩnh			
3686	43A-938.69	Đà Nẵng	4686	38C-233.66	Hà Tĩnh			
3687	43C-309.86	Đà Nẵng	4687	43A-816.16	Đà Nẵng			
3688	47A-761.89	Đắk Lắk	4688	43A-819.86	Đà Nẵng			
3689	47A-774.99	Đắk Lắk	4689	43A-839.83	Đà Nẵng			
3690	47A-777.22	Đắk Lắk	4690	43A-900.88	Đà Nẵng			
3691	47A-784.44	Đắk Lắk	4691	43A-904.04	Đà Nẵng			
3692	47A-791.99	Đắk Lắk	4692	43A-904.69	Đà Nẵng			
3693	47A-793.69	Đắk Lắk	4693	43A-905.39	Đà Nẵng			
3694	47A-796.89	Đắk Lắk	4694	43A-905.55	Đà Nẵng			
3695	47A-796.96	Đắk Lắk	4695	43A-906.06	Đà Nẵng			
3696	47A-802.69	Đắk Lắk	4696	43A-917.17	Đà Nẵng			
3697	47A-803.86	Đắk Lắk	4697	43A-920.29	Đà Nẵng			
3698	47C-386.39	Đắk Lắk	4698	43A-922.00	Đà Nẵng			
3699	48A-239.93	Đắk Nông	4699	43A-924.99	Đà Nẵng			
3700	48A-245.66	Đắk Nông	4700	43A-926.39	Đà Nẵng			
3701	48C-108.99	Đắk Nông	4701	43A-927.68	Đà Nẵng			
3702	49A-635.99	Lâm Đồng	4702	43A-933.22	Đà Nẵng			
3703	49A-636.89	Lâm Đồng	4703	43A-933.68	Đà Nẵng			
3704	49A-656.69	Lâm Đồng	4704	43A-934.88	Đà Nẵng			
3705	49A-660.22	Lâm Đồng	4705	43A-936.69	Đà Nẵng			
3706	49A-666.28	Lâm Đồng	4706	43A-940.88	Đà Nẵng			
3707	49A-668.35	Lâm Đồng	4707	47A-631.68	Đắk Lắk			
3708	49A-709.68	Lâm Đồng	4708	47A-652.22	Đắk Lắk			
3709	49A-711.00	Lâm Đồng	4709	47A-654.99	Đắk Lắk			
3710	49A-721.99	Lâm Đồng	4710	47A-657.68	Đắk Lắk			
3711	49A-724.44	Lâm Đồng	4711	47A-664.68	Đắk Lắk			
3712	49A-729.88	Lâm Đồng	4712	47A-683.69	Đắk Lắk			
3713	49A-730.00	Lâm Đồng	4713	47A-684.48	Đắk Lắk			
3714	49A-735.55	Lâm Đồng	4714	47A-760.68	Đắk Lắk			

ĐI
CÔNG
ĐẤU
HỢP D
/IẾT
XUÂN

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3715	49A-737.86	Lâm Đồng	4715	47A-771.17	Đắk Lắk			
3716	49A-744.99	Lâm Đồng	4716	47A-772.72	Đắk Lắk			
3717	49D-012.39	Lâm Đồng	4717	47A-777.48	Đắk Lắk			
3718	51D-826.39	Hồ Chí Minh	4718	47A-794.66	Đắk Lắk			
3719	51D-836.36	Hồ Chí Minh	4719	47A-809.86	Đắk Lắk			
3720	51E-332.39	Hồ Chí Minh	4720	47A-810.11	Đắk Lắk			
3721	51M-011.98	Hồ Chí Minh	4721	47C-376.66	Đắk Lắk			
3722	51M-013.59	Hồ Chí Minh	4722	47C-378.39	Đắk Lắk			
3723	51M-016.66	Hồ Chí Minh	4723	48A-216.16	Đắk Nông			
3724	51M-019.38	Hồ Chí Minh	4724	48A-242.69	Đắk Nông			
3725	51M-026.19	Hồ Chí Minh	4725	48A-244.00	Đắk Nông			
3726	51M-031.86	Hồ Chí Minh	4726	48A-244.11	Đắk Nông			
3727	51M-032.38	Hồ Chí Minh	4727	48B-012.12	Đắk Nông			
3728	51M-033.99	Hồ Chí Minh	4728	48C-111.79	Đắk Nông			
3729	51M-036.30	Hồ Chí Minh	4729	49A-633.77	Lâm Đồng			
3730	51M-039.95	Hồ Chí Minh	4730	49A-641.96	Lâm Đồng			
3731	51M-041.04	Hồ Chí Minh	4731	49A-658.99	Lâm Đồng			
3732	51M-042.09	Hồ Chí Minh	4732	49A-659.66	Lâm Đồng			
3733	60C-729.39	Đồng Nai	4733	49A-712.79	Lâm Đồng			
3734	60K-441.11	Đồng Nai	4734	49A-725.55	Lâm Đồng			
3735	60K-455.86	Đồng Nai	4735	49A-735.39	Lâm Đồng			
3736	60K-465.55	Đồng Nai	4736	49A-735.99	Lâm Đồng			
3737	60K-469.88	Đồng Nai	4737	51D-832.22	Hồ Chí Minh			
3738	60K-489.39	Đồng Nai	4738	51D-852.86	Hồ Chí Minh			
3739	60K-544.86	Đồng Nai	4739	51D-858.86	Hồ Chí Minh			
3740	60K-555.22	Đồng Nai	4740	51D-882.69	Hồ Chí Minh			
3741	60K-558.68	Đồng Nai	4741	51E-333.35	Hồ Chí Minh			
3742	60K-560.06	Đồng Nai	4742	51M-012.65	Hồ Chí Minh			
3743	60K-560.99	Đồng Nai	4743	51M-015.01	Hồ Chí Minh			
3744	60K-565.79	Đồng Nai	4744	51M-015.79	Hồ Chí Minh			
3745	60K-569.86	Đồng Nai	4745	51M-018.06	Hồ Chí Minh			
3746	60K-570.79	Đồng Nai	4746	51M-028.02	Hồ Chí Minh			
3747	60K-578.68	Đồng Nai	4747	51M-032.44	Hồ Chí Minh			
3748	60K-580.79	Đồng Nai	4748	51M-037.19	Hồ Chí Minh			
3749	60K-582.89	Đồng Nai	4749	60C-739.69	Đồng Nai			
3750	60K-585.66	Đồng Nai	4750	60C-751.88	Đồng Nai			
3751	60K-588.11	Đồng Nai	4751	60K-455.77	Đồng Nai			
3752	60K-589.88	Đồng Nai	4752	60K-462.22	Đồng Nai			
3753	60K-592.68	Đồng Nai	4753	60K-480.08	Đồng Nai			
3754	60K-593.93	Đồng Nai	4754	60K-480.68	Đồng Nai			
3755	60K-595.86	Đồng Nai	4755	60K-480.69	Đồng Nai			
3756	60K-602.02	Đồng Nai	4756	60K-483.79	Đồng Nai			
3757	60K-602.69	Đồng Nai	4757	60K-554.88	Đồng Nai			
3758	60K-604.79	Đồng Nai	4758	60K-555.11	Đồng Nai			
3759	60K-613.13	Đồng Nai	4759	60K-556.57	Đồng Nai			
3760	60K-618.86	Đồng Nai	4760	60K-560.89	Đồng Nai			
3761	61C-587.99	Bình Dương	4761	60K-561.69	Đồng Nai			
3762	61C-606.06	Bình Dương	4762	60K-563.33	Đồng Nai			
3763	61K-358.69	Bình Dương	4763	60K-569.39	Đồng Nai			
3764	61K-360.89	Bình Dương	4764	60K-572.99	Đồng Nai			
3765	61K-374.98	Bình Dương	4765	60K-573.68	Đồng Nai			

1-6
TY
GIÁ
NH
AM
-T.P.H

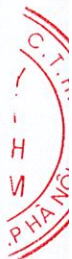
Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3766	61K-444.36	Bình Dương	4766	60K-581.18	Đồng Nai			
3767	61K-444.79	Bình Dương	4767	60K-593.94	Đồng Nai			
3768	61K-444.86	Bình Dương	4768	60K-599.22	Đồng Nai			
3769	61K-445.66	Bình Dương	4769	60K-607.79	Đồng Nai			
3770	61K-446.68	Bình Dương	4770	60K-618.39	Đồng Nai			
3771	61K-453.88	Bình Dương	4771	61C-556.56	Bình Dương			
3772	61K-455.45	Bình Dương	4772	61K-317.86	Bình Dương			
3773	61K-455.54	Bình Dương	4773	61K-342.69	Bình Dương			
3774	61K-462.62	Bình Dương	4774	61K-353.86	Bình Dương			
3775	61K-462.68	Bình Dương	4775	61K-441.99	Bình Dương			
3776	61K-471.74	Bình Dương	4776	61K-442.68	Bình Dương			
3777	61K-471.79	Bình Dương	4777	61K-444.03	Bình Dương			
3778	61K-480.68	Bình Dương	4778	61K-444.46	Bình Dương			
3779	61K-482.22	Bình Dương	4779	61K-444.66	Bình Dương			
3780	61K-483.39	Bình Dương	4780	61K-444.89	Bình Dương			
3781	61K-484.69	Bình Dương	4781	61K-448.84	Bình Dương			
3782	61K-488.69	Bình Dương	4782	61K-449.86	Bình Dương			
3783	61K-492.39	Bình Dương	4783	61K-451.45	Bình Dương			
3784	61K-494.68	Bình Dương	4784	61K-452.68	Bình Dương			
3785	61K-494.94	Bình Dương	4785	61K-453.66	Bình Dương			
3786	61K-495.86	Bình Dương	4786	61K-456.57	Bình Dương			
3787	61K-501.68	Bình Dương	4787	61K-461.69	Bình Dương			
3788	61K-501.86	Bình Dương	4788	61K-465.64	Bình Dương			
3789	61K-504.88	Bình Dương	4789	61K-493.33	Bình Dương			
3790	61K-506.89	Bình Dương	4790	61K-508.89	Bình Dương			
3791	62A-382.66	Long An	4791	61K-513.89	Bình Dương			
3792	62A-385.55	Long An	4792	61K-515.99	Bình Dương			
3793	62A-398.83	Long An	4793	62A-385.89	Long An			
3794	62A-403.03	Long An	4794	62A-397.77	Long An			
3795	62A-415.96	Long An	4795	62A-408.99	Long An			
3796	62A-416.68	Long An	4796	62A-450.68	Long An			
3797	62A-451.68	Long An	4797	62A-460.60	Long An			
3798	62A-456.54	Long An	4798	62A-460.88	Long An			
3799	63A-287.77	Tiền Giang	4799	62C-189.99	Long An			
3800	63A-288.83	Tiền Giang	4800	62C-211.88	Long An			
3801	63A-291.88	Tiền Giang	4801	63A-283.96	Tiền Giang			
3802	63A-310.68	Tiền Giang	4802	63A-307.68	Tiền Giang			
3803	63A-313.88	Tiền Giang	4803	63A-307.89	Tiền Giang			
3804	63A-315.51	Tiền Giang	4804	63A-308.89	Tiền Giang			
3805	63A-319.88	Tiền Giang	4805	63A-311.39	Tiền Giang			
3806	63A-323.66	Tiền Giang	4806	63A-314.31	Tiền Giang			
3807	63C-219.88	Tiền Giang	4807	63A-314.89	Tiền Giang			
3808	63C-225.86	Tiền Giang	4808	63A-315.89	Tiền Giang			
3809	64A-174.44	Vĩnh Long	4809	63A-319.86	Tiền Giang			
3810	64A-177.89	Vĩnh Long	4810	63A-321.68	Tiền Giang			
3811	64A-180.89	Vĩnh Long	4811	63C-227.68	Tiền Giang			
3812	64A-200.86	Vĩnh Long	4812	64A-174.68	Vĩnh Long			
3813	64C-123.66	Vĩnh Long	4813	64A-177.55	Vĩnh Long			
3814	65A-409.68	Cần Thơ	4814	64A-181.96	Vĩnh Long			
3815	65A-423.86	Cần Thơ	4815	64A-197.97	Vĩnh Long			
3816	65A-427.77	Cần Thơ	4816	64A-200.01	Vĩnh Long			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3817	65A-428.82	Cần Thơ	4817	64A-202.02	Vĩnh Long			
3818	65A-433.89	Cần Thơ	4818	65A-506.07	Cần Thơ			
3819	65A-494.86	Cần Thơ	4819	65A-507.86	Cần Thơ			
3820	65A-499.22	Cần Thơ	4820	65C-235.86	Cần Thơ			
3821	65A-500.33	Cần Thơ	4821	65C-236.89	Cần Thơ			
3822	65A-501.68	Cần Thơ	4822	66A-244.99	Đồng Tháp			
3823	65A-502.22	Cần Thơ	4823	66A-262.89	Đồng Tháp			
3824	65A-507.99	Cần Thơ	4824	66A-293.92	Đồng Tháp			
3825	65A-512.39	Cần Thơ	4825	66A-294.66	Đồng Tháp			
3826	66A-245.55	Đồng Tháp	4826	66A-294.79	Đồng Tháp			
3827	66A-249.66	Đồng Tháp	4827	66A-295.92	Đồng Tháp			
3828	66A-254.99	Đồng Tháp	4828	67A-296.39	An Giang			
3829	66A-255.00	Đồng Tháp	4829	67A-315.51	An Giang			
3830	66A-256.96	Đồng Tháp	4830	67A-320.79	An Giang			
3831	66A-256.98	Đồng Tháp	4831	67A-321.68	An Giang			
3832	66A-257.88	Đồng Tháp	4832	67B-028.79	An Giang			
3833	66A-290.91	Đồng Tháp	4833	67D-007.77	An Giang			
3834	66A-293.68	Đồng Tháp	4834	68A-311.69	Kiên Giang			
3835	66A-295.55	Đồng Tháp	4835	68A-323.96	Kiên Giang			
3836	66A-295.79	Đồng Tháp	4836	68A-354.68	Kiên Giang			
3837	67A-316.69	An Giang	4837	68A-361.68	Kiên Giang			
3838	68A-312.12	Kiên Giang	4838	69A-166.55	Cà Mau			
3839	68A-314.68	Kiên Giang	4839	70A-499.68	Tây Ninh			
3840	68A-326.68	Kiên Giang	4840	70A-559.68	Tây Ninh			
3841	68A-352.53	Kiên Giang	4841	70A-564.39	Tây Ninh			
3842	68A-357.86	Kiên Giang	4842	70A-566.65	Tây Ninh			
3843	68A-363.64	Kiên Giang	4843	70A-566.69	Tây Ninh			
3844	68B-031.86	Kiên Giang	4844	70A-572.73	Tây Ninh			
3845	68B-032.68	Kiên Giang	4845	70A-574.44	Tây Ninh			
3846	69A-162.69	Cà Mau	4846	70A-577.33	Tây Ninh			
3847	69A-167.77	Cà Mau	4847	71A-202.99	Bến Tre			
3848	70A-508.79	Tây Ninh	4848	71A-205.05	Bến Tre			
3849	70A-508.98	Tây Ninh	4849	71A-206.89	Bến Tre			
3850	70A-557.39	Tây Ninh	4850	71A-206.99	Bến Tre			
3851	70A-571.17	Tây Ninh	4851	71A-210.66	Bến Tre			
3852	70A-573.57	Tây Ninh	4852	71A-212.13	Bến Tre			
3853	70A-582.68	Tây Ninh	4853	72A-759.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3854	70A-582.82	Tây Ninh	4854	72A-760.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3855	71A-192.92	Bến Tre	4855	72A-772.68	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3856	71A-203.03	Bến Tre	4856	72A-779.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3857	71A-203.39	Bến Tre	4857	72A-829.92	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3858	71A-203.88	Bến Tre	4858	72A-836.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3859	71A-211.21	Bến Tre	4859	73A-331.86	Quảng Bình			
3860	71B-021.86	Bến Tre	4860	73A-361.88	Quảng Bình			
3861	71B-021.88	Bến Tre	4861	73C-188.82	Quảng Bình			
3862	72A-752.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	4862	74A-242.22	Quảng Trị			
3863	72A-782.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	4863	74A-246.99	Quảng Trị			
3864	72A-805.50	Bà Rịa - Vũng Tàu	4864	74A-270.79	Quảng Trị			
3865	72A-811.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	4865	74B-013.99	Quảng Trị			
3866	72A-813.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	4866	74C-136.36	Quảng Trị			
3867	72A-821.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	4867	74C-136.69	Quảng Trị			

H.Đ
C
Đ
H
VII
L

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3868	72A-822.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	4868	74C-138.39	Quảng Trị			
3869	72A-822.23	Bà Rịa - Vũng Tàu	4869	75A-352.89	Thừa Thiên Huế			
3870	72A-825.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	4870	75A-354.39	Thừa Thiên Huế			
3871	72A-827.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	4871	75A-361.89	Thừa Thiên Huế			
3872	72A-831.31	Bà Rịa - Vũng Tàu	4872	75A-374.79	Thừa Thiên Huế			
3873	72A-831.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	4873	75A-375.88	Thừa Thiên Huế			
3874	72A-833.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	4874	75A-380.79	Thừa Thiên Huế			
3875	72A-833.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	4875	75A-385.66	Thừa Thiên Huế			
3876	73A-359.35	Quảng Bình	4876	75A-385.79	Thừa Thiên Huế			
3877	73A-364.69	Quảng Bình	4877	75A-386.79	Thừa Thiên Huế			
3878	74A-244.55	Quảng Trị	4878	76A-287.86	Quảng Ngãi			
3879	75A-358.69	Thừa Thiên Huế	4879	76A-288.98	Quảng Ngãi			
3880	75A-383.88	Thừa Thiên Huế	4880	76A-289.86	Quảng Ngãi			
3881	76A-289.28	Quảng Ngãi	4881	76A-298.69	Quảng Ngãi			
3882	76A-298.66	Quảng Ngãi	4882	76A-319.13	Quảng Ngãi			
3883	77A-298.79	Bình Định	4883	76A-320.68	Quảng Ngãi			
3884	77A-305.50	Bình Định	4884	76A-322.79	Quảng Ngãi			
3885	77A-344.00	Bình Định	4885	77A-313.69	Bình Định			
3886	77A-344.68	Bình Định	4886	77A-341.69	Bình Định			
3887	77A-345.54	Bình Định	4887	77A-351.15	Bình Định			
3888	77A-354.45	Bình Định	4888	77A-355.66	Bình Định			
3889	77A-354.66	Bình Định	4889	78A-185.39	Phú Yên			
3890	78A-188.96	Phú Yên	4890	78A-185.99	Phú Yên			
3891	78A-195.66	Phú Yên	4891	78A-191.66	Phú Yên			
3892	78A-208.86	Phú Yên	4892	78A-192.99	Phú Yên			
3893	78A-211.22	Phú Yên	4893	78A-206.69	Phú Yên			
3894	78B-016.16	Phú Yên	4894	78A-213.12	Phú Yên			
3895	78C-122.86	Phú Yên	4895	79A-549.88	Khánh Hòa			
3896	78C-125.79	Phú Yên	4896	79A-563.88	Khánh Hòa			
3897	79A-502.20	Khánh Hòa	4897	81A-401.39	Gia Lai			
3898	79A-518.89	Khánh Hòa	4898	81A-426.24	Gia Lai			
3899	79A-545.39	Khánh Hòa	4899	81A-445.88	Gia Lai			
3900	79A-546.79	Khánh Hòa	4900	81C-279.88	Gia Lai			
3901	79A-556.69	Khánh Hòa	4901	82A-142.86	Kon Tum			
3902	79A-562.88	Khánh Hòa	4902	82A-155.15	Kon Tum			
3903	79A-566.11	Khánh Hòa	4903	82A-158.51	Kon Tum			
3904	81A-385.89	Gia Lai	4904	83C-131.99	Sóc Trăng			
3905	81A-425.25	Gia Lai	4905	84A-130.03	Trà Vinh			
3906	81A-432.66	Gia Lai	4906	84A-144.41	Trà Vinh			
3907	81A-433.00	Gia Lai	4907	84A-145.68	Trà Vinh			
3908	81A-442.66	Gia Lai	4908	85A-143.68	Ninh Thuận			
3909	81A-446.86	Gia Lai	4909	85A-145.39	Ninh Thuận			
3910	81A-450.88	Gia Lai	4910	86A-285.55	Bình Thuận			
3911	81A-452.53	Gia Lai	4911	86A-308.69	Bình Thuận			
3912	81B-026.86	Gia Lai	4912	86A-310.13	Bình Thuận			
3913	81B-026.88	Gia Lai	4913	86A-319.19	Bình Thuận			
3914	82A-129.66	Kon Tum	4914	86C-206.69	Bình Thuận			
3915	82A-138.66	Kon Tum	4915	88A-647.39	Vĩnh Phúc			
3916	82A-152.69	Kon Tum	4916	88A-658.69	Vĩnh Phúc			
3917	83A-175.75	Sóc Trăng	4917	88A-686.28	Vĩnh Phúc			
3918	85A-135.68	Ninh Thuận	4918	88A-752.39	Vĩnh Phúc			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3919	86A-308.99	Bình Thuận	4919	88A-755.89	Vĩnh Phúc			
3920	86A-311.12	Bình Thuận	4920	88A-757.57	Vĩnh Phúc			
3921	86A-311.69	Bình Thuận	4921	88A-757.66	Vĩnh Phúc			
3922	88A-660.68	Vĩnh Phúc	4922	88A-760.89	Vĩnh Phúc			
3923	88A-664.69	Vĩnh Phúc	4923	88A-761.76	Vĩnh Phúc			
3924	88A-668.65	Vĩnh Phúc	4924	88A-773.37	Vĩnh Phúc			
3925	88A-675.39	Vĩnh Phúc	4925	88A-776.68	Vĩnh Phúc			
3926	88A-691.98	Vĩnh Phúc	4926	88C-297.88	Vĩnh Phúc			
3927	88A-693.86	Vĩnh Phúc	4927	88C-299.79	Vĩnh Phúc			
3928	88A-745.39	Vĩnh Phúc	4928	88C-299.89	Vĩnh Phúc			
3929	88A-746.89	Vĩnh Phúc	4929	88C-301.86	Vĩnh Phúc			
3930	88A-746.99	Vĩnh Phúc	4930	89A-446.64	Hung Yên			
3931	88A-751.68	Vĩnh Phúc	4931	89A-452.66	Hung Yên			
3932	88A-754.99	Vĩnh Phúc	4932	89A-454.54	Hung Yên			
3933	88A-756.86	Vĩnh Phúc	4933	89A-506.07	Hung Yên			
3934	88A-760.79	Vĩnh Phúc	4934	89A-509.69	Hung Yên			
3935	88A-774.39	Vĩnh Phúc	4935	89A-518.79	Hung Yên			
3936	88A-776.69	Vĩnh Phúc	4936	89A-519.19	Hung Yên			
3937	88A-776.89	Vĩnh Phúc	4937	89A-519.94	Hung Yên			
3938	88A-777.22	Vĩnh Phúc	4938	89A-530.79	Hung Yên			
3939	88A-783.86	Vĩnh Phúc	4939	89C-337.79	Hung Yên			
3940	88C-295.55	Vĩnh Phúc	4940	90A-284.84	Hà Nam			
3941	89A-453.79	Hung Yên	4941	90A-286.39	Hà Nam			
3942	89A-498.88	Hung Yên	4942	92A-374.44	Quảng Nam			
3943	89A-499.49	Hung Yên	4943	92A-389.08	Quảng Nam			
3944	89A-501.99	Hung Yên	4944	92A-420.68	Quảng Nam			
3945	89A-507.89	Hung Yên	4945	92A-422.88	Quảng Nam			
3946	89A-517.79	Hung Yên	4946	92A-423.79	Quảng Nam			
3947	89A-519.78	Hung Yên	4947	92A-430.66	Quảng Nam			
3948	90A-242.24	Hà Nam	4948	92A-430.88	Quảng Nam			
3949	90A-274.39	Hà Nam	4949	92B-035.39	Quảng Nam			
3950	90A-276.66	Hà Nam	4950	92D-011.77	Quảng Nam			
3951	90A-278.27	Hà Nam	4951	93A-447.99	Bình Phước			
3952	92A-372.79	Quảng Nam	4952	93A-458.68	Bình Phước			
3953	92A-379.96	Quảng Nam	4953	93A-487.48	Bình Phước			
3954	92A-423.33	Quảng Nam	4954	93A-503.05	Bình Phước			
3955	92A-424.88	Quảng Nam	4955	93A-503.30	Bình Phước			
3956	92A-431.88	Quảng Nam	4956	93A-503.86	Bình Phước			
3957	92C-255.39	Quảng Nam	4957	93A-504.50	Bình Phước			
3958	93A-446.99	Bình Phước	4958	93B-019.79	Bình Phước			
3959	93A-449.79	Bình Phước	4959	93B-021.39	Bình Phước			
3960	93A-450.86	Bình Phước	4960	94A-107.88	Bạc Liêu			
3961	93A-487.39	Bình Phước	4961	94C-081.86	Bạc Liêu			
3962	93A-490.89	Bình Phước	4962	95A-131.99	Hậu Giang			
3963	93A-492.86	Bình Phước	4963	95B-015.79	Hậu Giang			
3964	93A-495.99	Bình Phước	4964	97A-081.68	Bắc Kạn			
3965	93A-504.79	Bình Phước	4965	97A-082.22	Bắc Kạn			
3966	94A-109.01	Bạc Liêu	4966	97A-093.39	Bắc Kạn			
3967	95A-113.98	Hậu Giang	4967	98A-674.39	Bắc Giang			
3968	95A-133.86	Hậu Giang	4968	98A-711.79	Bắc Giang			
3969	95A-135.13	Hậu Giang	4969	98A-713.69	Bắc Giang			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3970	95D-021.68	Hầu Giang	4970	98A-723.99	Bắc Giang			
3971	97A-076.79	Bắc Kạn	4971	98A-735.35	Bắc Giang			
3972	97A-082.83	Bắc Kạn	4972	98A-801.01	Bắc Giang			
3973	97A-093.99	Bắc Kạn	4973	98A-811.77	Bắc Giang			
3974	98A-700.11	Bắc Giang	4974	98A-816.81	Bắc Giang			
3975	98A-705.05	Bắc Giang	4975	98A-824.66	Bắc Giang			
3976	98A-708.86	Bắc Giang	4976	98A-832.69	Bắc Giang			
3977	98A-713.79	Bắc Giang	4977	98A-844.45	Bắc Giang			
3978	98A-718.58	Bắc Giang	4978	98A-851.66	Bắc Giang			
3979	98A-720.89	Bắc Giang	4979	98A-851.79	Bắc Giang			
3980	98A-804.08	Bắc Giang	4980	98A-857.88	Bắc Giang			
3981	98A-819.90	Bắc Giang	4981	98C-355.69	Bắc Giang			
3982	98A-819.96	Bắc Giang	4982	98C-366.77	Bắc Giang			
3983	98A-823.28	Bắc Giang	4983	99A-695.39	Bắc Ninh			
3984	98A-831.83	Bắc Giang	4984	99A-710.66	Bắc Ninh			
3985	98A-834.43	Bắc Giang	4985	99A-736.99	Bắc Ninh			
3986	98A-835.38	Bắc Giang	4986	99A-744.68	Bắc Ninh			
3987	98A-850.99	Bắc Giang	4987	99A-750.00	Bắc Ninh			
3988	99A-690.88	Bắc Ninh	4988	99A-753.99	Bắc Ninh			
3989	99A-701.79	Bắc Ninh	4989	99A-755.96	Bắc Ninh			
3990	99A-737.89	Bắc Ninh	4990	99A-764.86	Bắc Ninh			
3991	99A-743.69	Bắc Ninh	4991	99A-806.69	Bắc Ninh			
3992	99A-766.39	Bắc Ninh	4992	99A-813.14	Bắc Ninh			
3993	99A-806.07	Bắc Ninh	4993	99A-815.55	Bắc Ninh			
3994	99A-807.99	Bắc Ninh	4994	99A-825.66	Bắc Ninh			
3995	99A-817.99	Bắc Ninh	4995	99A-832.66	Bắc Ninh			
3996	99A-827.66	Bắc Ninh	4996	99A-841.99	Bắc Ninh			
3997	99A-831.86	Bắc Ninh	4997	99A-845.46	Bắc Ninh			
3998	99A-832.89	Bắc Ninh	4998	99A-848.79	Bắc Ninh			
3999	99A-841.84	Bắc Ninh	4999	99C-316.79	Bắc Ninh			
4000	99C-317.86	Bắc Ninh	5000	99C-316.88	Bắc Ninh			